

Đại Bảo Trang Nghiêm

五百名觀世音經



**KINH NGŨ BÁCH DANH QUÁN THẾ ÂM**

**THE FIVE HUNDRED NAMES OF  
AVALOKITEŚVARA BODHISATTVA SUTRA**

**THÔNG ĐẠO Chuyển Ngữ**



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

# **Kính Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm**

**The Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva Sutra**

五百名觀世音經

**Author: Vietnamese Buddhist Monk (Anonymous)**

**Time: About the Trần dynasty, the thirteenth century**

**Biên soạn: Cao Tăng Việt Nam chưa rõ Pháp hiệu**

**Thời gian: Vào khoảng đời Nhà Trần, thế kỷ XIII**

**Advisors: Most Venerable Thích Thắng Hoan**

Most Venerable Thích Phước Thuận

Most Venerable Thích Tín Nghĩa

Most Venerable Thích Minh Đạt

Most Venerable Thích Thái Siêu

Most Venerable Thích Nguyên Siêu

Most Venerable Thích Nhật Huệ

Most Venerable Thích Đồng Trí

**Translator: Thông Đạo**

Cùng Thập Phương Thiện Tín

**Ấn Tổng Cúng Dường**

Tân Sửu (2021)

**KINH**  
**NGŨ BÁCH DANH**  
**QUÁN THẾ ÂM**

**THE FIVE HUNDRED NAMES OF**  
**AVALOKITEŚVARA BODHISATTVA**  
**SUTRA**

**五百名觀世音經**

*Vietnamese, English, and Chinese*

**Đại Bảo Trang Nghiêm**

Buddhist Calendar of 2565 - Lunar Year of Tân Sửu - 2021

Hayward, California, United States

## Table of Content

Foreword, Preface, Introduction, and Acknowledgements Page 6

### PART ONE: English

Opening the Ceremony	22
The Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva Sutra and Notes	25
Sharing the Merit	163
The Merits and Virtues through the Five Hundred Names	165
An Outline of 500 Names	168
Ten Features of the Great Compassionate Heart Dharani	169
The Summary Study of Avalokiteśvara Bodhisattva	174
Trish's Impression	188

### PART TWO: Chữ Việt & Chữ Hán

Nghi Thức Bạch Phật Khai Kinh	191
Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni	196
Phần Hồi Hương	218
Tóm Tắt Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni	223
Đại Ý Bài Chú Đại Bi	227
Kính Lễ 10 Tâm Thủ Thắng Của Chú Đại Bi	228
Chú Thích 500 Danh Hiệu Bồ Tát	236
Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm (Chinese)	285

### PART THREE: Linh Ứng

Những Mẫu Chuyện Linh Ứng Bồ Tát Quán Thế Âm	297
Nghe Tiếng Trần Gian Quán Thế Âm	328
Lời Bạt	329
Tóm Tắt 500 Câu Danh Hiệu Bồ Tát	331
Bibliography	335
Index	341
Phương Danh Ấn Tổng	344
Hồi Hương Công Đức	348

## Layout of the 500 Names of Avalokiteśvara Bodhisattva Sutra

**I. Introduction Part:** In front of Sakyamuni Buddha, Avalokiteśvara Bodhisattva reverently recounted His causes, great aspirations, and cultivation (Sentences 1-7).

**II. Content Part:** His Virtues and Merits through the Sutras (Sentences 8-497).

1. From many Sutras (Sentences 8-28).
2. The Great Compassionate Heart Dharani Sutra (Sentences 29-41).
3. The Great Red Lotus Candana Mani Heart Wheel Dharani (Sentences 42-67).
4. The Great Compassionate Heart Dharani Sutra (Sentences 68-104).
5. The Amogha-pasa Sutra (Sentences 105-148).
6. The Great Compassionate Heart Dharani Sutra (Sentences 149-278).
7. The Cintamani Cakra Dharani Sutra (Sentences 279-286).
8. The Cintamani Dharani Sutra (Sentences 287-304).
9. The Great Compassionate Heart Dharani Sutra (Sentences 305-393).
10. The Lotus Sutra (Sentences 394-429).
11. Many Sutras (Sentences 430-447).
12. The Lotus Sutra (Sentences 448-497).

**III. Conclusion Part:** Practitioners vow to support the Buddha Dharma by practicing the Buddha's teaching (Sentences 498-500).

## Bồ Cục Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm

**I. Phần mở đầu:** Trước sự Chứng Minh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Bồ Tát Quán Thế Âm thưa trình nhân duyên được Tâm Chú Đại Bi, đại nguyện và hạnh tu của Ngài (Câu 1-7).

**II. Phần nội dung:** Dẫn chứng công hạnh của Bồ Tát qua các bản Kinh (Câu 8-497).

1. Dẫn từ nhiều bản Kinh (Câu 8-28).
2. Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni (Câu 29-41).
3. Chú Ma Ha Ba Đầu Ma Chiên Đàn Ma Ni Tâm Luân (Câu 42-67).
4. Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni (Câu 68-104).
5. Kinh Bát Không Quyển Sách (Câu 105-148).
6. Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni (Câu 149-278).
7. Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Bí Mật Tạng Như Ý Luân Đà La Ni Thần Chú (Câu 279-286).
8. Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Như Ý Ma Ni Đà La Ni (Câu 287-304).
9. Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni (Câu 305-393).
10. Kinh Pháp Hoa, Phẩm Phổ Môn (Câu 394-429).
11. Dẫn từ nhiều bản Kinh (Câu 430-447).
12. Kinh Pháp Hoa, Phẩm Phổ Môn (Câu 448-497).

**III. Phần kết luận:** Hành giả nguyện ủng hộ Phật Pháp hưng thịnh lâu dài bằng cách thực hành lời Phật dạy (Câu 498-500).



## Foreword

**Homage to the Great Kindness and Compassion Avalokiteśvara Bodhisattva, who listens to cries of suffering from living beings everywhere and immediately responds to them.**

*Dear respected Monks and Nuns,*

*Dear Buddhists,*

During the COVID-19 pandemic, Sramanera Thông Đạo has been diligently studying and practicing the Five Hundred Names – Avalokiteśvara Bodhisattva. The result is a completed study spanning three different languages: Vietnamese, English, and Chinese.

Wherever there is Buddhism, there are certainly monks and lay Buddhists working together. According to the Mahayana Buddhism tradition, every year, temples would organize three celebrations to commemorate Avalokiteśvara Bodhisattva on the 19th of the lunar calendar in the months of February, June, and September. On these celebrations, Buddhists would eat vegetarian food, come to the local temple to listen to the Dharma, make offerings, and, most importantly, study in accordance with the virtues and merits of Avalokiteśvara Bodhisattva through the Five Hundred Names. These aspirations are filled with the virtues of the Four Immeasurables: Kindness, Compassion, Joy, and Equanimity.

Buddhism exists because living beings are enduring the cycle of Birth, Old Age, Sickness, and Death. If Buddhism exists, the Five Hundred Names also still exist; and, if the Five Hundred Names exist, Buddhists will study and practice according to the aspirations of the Bodhisattva path in general and Avalokiteśvara Bodhisattva in particular. Although the path of liberation is far away, we are peaceful and happy in the here and now. That is wonderful and due to the study and practice of the Bodhisattva's Aspirations.

I praise the merits of Scramanera Thông Đạo, who has brought joy to himself and many others. His studies and practices have adorned the celebration to commemorate Avalokiteśvara Bodhisattva with greater brilliance and essence.

Đại Bảo Trang Nghiêm Temple

*The Celebration Avalokiteśvara Bodhisattva on Feb. 19, Tân Sửu Year (2021)*

**Most Venerable Thái Siêu**

## Lời Nói Đầu

Nam Mô Đại Từ Đại Bi Tầm Thanh Cứu Khổ Cứu Nạn  
Linh Cảm Ứng Quán Thế Âm Bồ Tát.

*Kính bạch chư Tôn Đức Tăng Ni,*

*Kính thưa quý Phật tử,*

Trong thời gian cả thế giới đang bị dịch Covid-19, Sa di Thông Đạo đã dày công nghiên cứu Ngũ Bách Danh - Quán Thế Âm Bồ Tát. Đến nay đã hoàn thành bằng ba ngôn ngữ khác nhau: chữ Việt Nam, chữ Anh, chữ Hán.

Bất cứ nơi nào có đạo Phật, chắc chắn có tu sĩ, có Phật tử sinh hoạt chung với nhau. Theo truyền thống Bắc tông, hằng năm các chùa đều tổ chức lễ tưởng niệm Đức Quán Thế Âm Bồ Tát ba lần vào những ngày 19 tháng Hai, 19 tháng Sáu, và 19 tháng Chín Âm lịch.

Vào dịp này Phật tử ăn chay, đến chùa nghe quý Thầy thuyết giảng, làm phước cúng dường và quan trọng hơn hết là: học tập theo hạnh nguyện của Ngài qua Ngũ Bách Danh. Các hạnh nguyện ấy mang đầy đủ đức tính của Bốn Vô Lượng Tâm: Từ - Bi - Hỷ - Xả. Chúng sanh còn Sinh - Lão - Bệnh - Chết thì đạo Phật còn, đạo Phật còn thì Ngũ Bách Danh còn. Ngũ Bách Danh còn thì còn Phật tử học tập theo hạnh nguyện của Bồ Tát nói chung, Quán Thế Âm Bồ Tát nói riêng.

Con đường giải thoát còn xa vời nhưng tại đây chúng ta bình an và hạnh phúc là tuyệt vời rồi. Đó là nhờ học tập theo Hạnh Nguyện của Bồ Tát.

Xin tán dương công đức của Sa di Thông Đạo đã đem lại niềm vui cho chính mình và nhiều người khác nữa. Và làm những ngày Vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát thêm rực rỡ, đầy đạo vị.

Đại Bảo Trang Nghiêm

Ngày Vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát 19/2/ Tân Sửu (2021)

**Hòa thượng Thái Siêu**

## Preface



American Buddhist Seminary  
ABS Temple at Sacramento  
423 Glide Avenue  
West Sacramento, CA 95691  
Tele: (916) 371-8535  
Fax: (916) 372-7650

### **The Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva**

Even as a Theravada monk I have always had a great deal of respect and adoration for Avalokiteśvara Bodhisattva, since I grew up in Sri Lanka knowing that Avalokiteśvara Bodhisattva is the manifestation of Maitreya, our future Buddha, according to our knowledge. My understanding has always been that Avalokiteśvara Bodhisattva has already fulfilled all the Paramitas to the highest capacity and that He is “waiting” in the Tusita Heaven for the Five Great Conditions to arise in the human realm so He can descend here and become the Buddha. Under this light, I have always translated the term Avalokiteśvara as, “the Lord of Waiting or the Lord of Watching.”

Because of the English translation compiled by the Samanera Thông Đạo, for the first time I was able to read all the Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva. Although the book is called the Five Hundred Names, it is actually a compilation of that many virtues or characteristics of a Great Being who is almost ready for the final birth as the Fully Enlightened Buddha (Samyak Sambuddha) in the near future. These virtues have been recited, studied, and contemplated by Buddhists in the Mahayana World over centuries in Chinese, Vietnamese, Japanese, Korean, Tibetan, and other languages. By doing so, they have shown a great deal of devotion to Avalokiteśvara Bodhisattva, and I believe that they have been fortunate to develop a much greater affinity to meet Maitreya Buddha in the future.



I am grateful to the Samanera Thông Đạo for translating these five hundred names into English. He has given the opportunity to the young Vietnamese generation who are growing up in America, and to many others who do not read Vietnamese, to understand the immense virtues of Avalokiteśvara Bodhisattva. It is a huge undertaking to publish the text in three languages: English, Vietnamese, and Chinese. My sincere wish is that, by reading, reciting, and practicing these virtues, many modern people may generate these virtues in themselves and thereby help the world to become a much more blissful place to live.

Besides the five hundred names, the text includes about the same number of well-written, detailed footnotes. Those footnotes are especially useful for anyone, be they beginners to Buddhism or veteran Buddhists. I would like to recommend this book to be used by all Dharma School Senior classes, especially at Dharma Schools that are being operated at many Vietnamese Temples in North America.

I deeply appreciate the time, effort, and dedication shown by Samanera Thông Đạo in preparing this amazing Dharma Dana. By doing so he definitely has accumulated a great deal of merit. May this merit be beneficial to him, his family, his supporting Dharma friends and their families to attain the supreme bliss of Nirvana.

Sincerely,

**Venerable Madawala Seelawimala Mahathera**

*President, American Buddhist Seminary*

*Professor at the Institute of Buddhist Studies and Graduate*

*Theological Union, affiliated with University of California, Berkeley.*

## Lời Tựa

### Năm Trăm Danh Hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm

Là nhà Sư Phật giáo Nam tông nhưng tôi luôn luôn tôn trọng và sùng kính Bồ Tát Quán Thế Âm. Từ khi lớn lên ở Sri Lanka, tôi biết rằng Bồ Tát Quán Thế Âm là hiện thân của Đức Di Lặc, vị Phật tương lai của chúng ta theo hiểu biết của chúng tôi. Bồ Tát Quán Thế Âm đã hoàn toàn viên mãn tất cả các hạnh tu Ba La Mật và đang ngự ở cõi Trời Đâu Suất, khi hội đủ Nhân Duyên Lớn ở cõi người thì Ngài hạ sanh thành Phật. Vì lý do này, tôi luôn chuyển ngữ danh hiệu Avalokiteśvara là “Bạc Sấp Đến hoặc Bạc Nhìn Rõ”.

Qua bản chuyển ngữ tiếng Anh của Sa di Thông Đạo, lần đầu tiên tôi có thể đọc hết Năm Trăm Danh Hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Mặc dù ấn bản được gọi là Ngũ Bách Danh, thực sự đây là một tuyển trạch các công hạnh và phước đức của Đức Viên Mãn Báo Thân; Ngài sẽ thị hiện thành Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác (Samyak Sambuddha) giữa cuộc đời này trong tương lai không xa. Những công hạnh này được các Phật tử theo truyền thống Đại Thừa truyền tụng, nghiên cứu, quán chiếu và thực hành qua nhiều thế kỷ bằng chữ Hán, chữ Việt, chữ Nhật, chữ Đại Hàn, chữ Tây Tạng và các ngôn ngữ khác. Bằng cách tu học như vậy, họ đã thể hiện lòng sùng kính vô lượng đối với Bồ Tát Quán Thế Âm. Tôi tin rằng họ thật có phước được gieo nhân duyên thù thắng để gặp Đức Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật.

Tôi tán dương Sa di Thông Đạo đã chuyển ngữ Năm Trăm Danh Hiệu này sang tiếng Anh. Chú đã góp phần tạo cơ hội cho thế hệ trẻ Việt Nam lớn lên ở Hoa Kỳ và nhiều người không biết tiếng Việt hiểu được công đức rộng lớn của Bồ Tát Quán Thế Âm. Thật là một phước báo lớn để thực hiện và ấn tống ấn bản này với ba ngôn ngữ: Việt, Anh, Hán. Mong ước chân thành của tôi là, bằng cách đọc, trì tụng và thực hành những công hạnh này, nhiều người hiện nay có thể huân tập công đức để bản thân cũng có những tánh đức quý báu như vậy, và từ đó giúp thế giới trở nên một nơi sinh sống hạnh phúc hơn nhiều.

Bên cạnh Năm Trăm Danh Hiệu, ấn bản còn có phần chú thích đầy đủ, rõ ràng từng câu. Những chú thích này đặc biệt lợi lạc cho bất kỳ ai, dù họ là người mới bắt đầu học Phật hay là một Phật tử lâu năm. Tôi thành tâm đề nghị ấn bản này



*Tôn Tượng Bồ Tát Quán Thế Âm tại American Buddhist Seminary Temple,  
West Sacramento, California (Phật giáo Nam tông)*

được sử dụng cho tất cả các lớp của các Trường Phật học, đặc biệt là trong các chương trình Phật Pháp tại nhiều Chùa Việt Nam ở Bắc Mỹ hiện nay.

Tôi vô cùng cảm kích về thời gian, nỗ lực và sự cống hiến của Sa di Thông Đạo trong việc cúng dường Pháp thí tuyệt vời này, chắc chắn chú cũng huân tập được rất nhiều công đức. Nguyện công đức này đem lại cho chú Thông Đạo, quý Pháp hữu trợ duyên và gia đình sự an lạc tối thượng của Niết Bàn.

Trân trọng,

**Hòa thượng Madawala Seelawimala Mahathera**

Viện trưởng Tu viện Phật giáo Hoa Kỳ

Giáo sư tại Viện Nghiên cứu Phật học và Cao học Theological Union, liên kết với Trường Đại học California, Berkeley

## Acknowledgements

### *Namo Tassa Bhagavato Arahato Samma Sambuddhassa*

The Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva Sutra is the collection of 500 Names. Each name, written in a rather long sentence, praises a vow, a merit, an encouragement, a reincarnation, or a mighty power of Avalokiteśvara Bodhisattva. Most names are quoted from the Thousand-Hand and Thousand-Eye Avalokiteśvara Bodhisattva's Vast, Perfect, Unimpeded, Great-Compassionate Heart Dharani Sutra (266 Names). The remaining are quoted from many other Sutras. Due to the necessity to cite many sutras, there are similar or repeated sentences to respect the original idea of the Sutra.

His name symbolizes Wisdom and Compassion, the qualities of a future Buddha. In fact, He became a Buddha named True Dharma Brightness Tathagata a long time ago. Due to the compassion for living beings, He returned to life through countless lives and countless localities to save humanity. When He manifests in the innumerable forms according to the individual mind of each and every living being, He not only takes on noble or popular forms, but also shows animal forms, or scary appearances like *Tiêu Diện Đại Sĩ* who saves hungry ghosts. Towards ferocious beings, when gentle words are ineffective, He also uses powerful methods, miraculously transforms but never leaves compassion, wisdom, and great samadhi. Thanks to His kindness, compassion, and saving power, countless Dragons, Devas, Eight Clans' Powerful Knights, and Good Deities vowed to support Him in helping living beings.

While praising the "thousand eyes illuminated" and "thousand hands supporting" of the Bodhisattva, the Sutra also devoted 18 sentences to remind practitioners to recognize their Buddha-nature (sentences 430-447). In addition to encouraging the recitation of the Great Compassion Dharani and reciting the names of Avalokiteśvara and Amitabha Buddha, the Sutra also suggests the practices of meditation and veneration of Sakyamuni Buddha. He also encourages practitioners to do good deeds to transform their evil karmas and for the sake of happiness and benefit of living beings.

According to many studies, the Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva Sutra was compiled by a Vietnamese Buddhist Monk (Anonymous). The

researcher Quảng Minh thought that this Sutra first appeared from the Trần dynasty, based on the phrase “Inspiration of the Five Hundred Names” in the ritual of offering to hungry ghosts that prevailed in the Trần dynasty in the 13th century. The oldest inscribed wood version was archived under King Thành Thái in the summer of the year of Mậu Tuất (1898) by Xiển Pháp Pagoda at An Trạch Village, Hà Nội Province, Việt Nam. Despite my old age, I vowed to translate this precious Sutra into English to introduce it to the younger Vietnamese generation as well as English readers and to share the references with Buddhist practitioners.

I am very grateful to the Authors of outstanding reference works including the Great Compassion Dharani Sutra translated into English by Silfong Tsun, another Chinese version translated into Vietnamese by Venerable Thích Thiền Tâm, the Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva Sutra translated into Vietnamese by Quảng Minh, and Opening the Heart of the Cosmos by Zen Master Thích Nhất Hạnh along with many valuable documents from the Sutras, Dharma talks, dictionaries, books, articles, cassettes, videos, DVDs, and the Internet. The lack of contacting information has prevented me from requesting permission from the authors; however, I hope to receive their kind and compassionate understanding.

I sincerely bow to the Patriarch who compiled this Sutra and Those Who inscribed word by word on wood. My warmest thanks are to my respected Teacher Thái Siêu and the Venerable Monks who encouraged this translation. I am very appreciative that the Vietnamese Nôm Preservation Foundation posted this Sutra in Chinese on the Internet. I would like to thank: Nun Chief Thích Nữ Giới Hương, Nun Chief Thích Nữ Tịnh Quang, Chơn Hiền Tuệ, Phổ Vân, Ngô Kim Phương, Nguyễn Kim Cúc, Casey Romeo Từ Bi Tâm, Viên Hương, Đặng Đức Cường, Trần Duy Quang, Trần Thị Khánh Hiền, Ngô Thị Hạnh, Chúc Tiến, and many others who have helped with this translation. Particularly, I would like to express immense gratitude to the generous donors to print this Sutra.

Although I was very careful and did my best, it is impossible to avoid mistakes. I hope that the Venerable Masters, researchers, and practitioners will help improve this project.

Sincerely,

**Thông Đạo**

## Niệm Ân

### *Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật*

Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm là tuyển tập 500 Danh Hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Mỗi danh hiệu tán dương một bản nguyện, công đức, ứng thân, khuyến tu, hoặc oai lực của Bồ Tát, viết thành một câu khá dài. Phần lớn danh hiệu trích dẫn từ Kinh Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni (266 câu), còn lại dẫn từ nhiều Kinh khác. Do dẫn nhiều bản Kinh nên có những câu tương tự hoặc lặp lại để tôn trọng ý Kinh.

Danh hiệu Ngài tượng trưng cho Trí Tuệ (Quán) và Từ Bi (Thế Âm), những tánh đức của một vị Phật tương lai. Thật ra, Ngài đã thành Phật từ vô lượng kiếp trước, danh hiệu Chánh Pháp Minh Như Lai. Vì lòng thương chúng sanh nên Ngài trở lại cuộc đời để cứu độ qua vô số kiếp, vô số địa phương. Khi ứng thân vô số theo từng tâm niệm chúng sanh, Ngài không những mang hình tướng cao quý hoặc giới bình dân mà lại còn hình tướng loài vật, hoặc hình tướng dễ sợ như Tiêu Diện Đại Sĩ thống lãnh Cô Hồn. Với chúng sanh hung dữ, khi lời hiền dụ không hiệu quả thì Ngài cũng dùng biện pháp mạnh, thần thông biến hóa nhưng không bao giờ rời Từ Bi, Trí Tuệ, Đại Định. Vô số Thiên Long Bát Bộ và Thiện Thần cảm ân đức Từ Bi Hỷ Xả Cứu Độ của Bồ Tát mà đồng mãnh phát tâm hỗ trợ Ngài cứu giúp chúng sanh.

Theo ý kiến của nhiều Tôn Đức, Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm do một bậc Cao Tăng Việt Nam (Ẩn Danh) biên soạn. Nhà nghiên cứu Quảng Minh nghĩ rằng bản Kinh này đã sớm có từ đời nhà Trần, căn cứ vào câu “Linh Cảm Ngũ Bách Danh” trong nghi thức cúng âm linh cô hồn “Thủy Lục Chư Khoa” thịnh hành vào đời nhà Trần, thế kỷ XIII. Bản gỗ khắc in xưa nhất còn được lưu trữ là vào năm Thành Thái Mậu Tuất, Mùa Hạ 1898, do Chùa Xiển Pháp, thôn An Trạch, tỉnh Hà Nội (nay là Tp. Hà Nội) thực hiện. Bản in này ghi là “trùng khắc”, tức là khắc lại từ một bản in trước đó.

Tổ Sư biên soạn Sám Pháp không để lại dấu tích. Vào thế kỷ XIII tại Đại Việt (nay là Việt Nam), các bậc Cao Tăng Thạc Đức, Phật học uyên thâm, tinh thông



chữ Hán, đại nguyện hoằng Pháp lợi sanh với tầm nhìn sâu rộng không nhiều, đương thời hẳn có nhiều người biết Ngài?! Nhưng chính tâm đức khiêm nhượng của Ngài đã giúp cho Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm dễ đi vào lòng người và lưu truyền mãi mãi.

Trong khi ca ngợi tha lực “ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay nâng đỡ” của Bồ Tát, bản Kinh cũng dành đến 18 câu để nhắc nhở người tu tập nhận ra Phật tánh, tánh Biết-như-thật sẵn có nơi mỗi cá nhân (câu 430-447). Ngoài việc khuyến khích trì tụng Tâm Chú Đại Bi, niệm danh hiệu Quán Thế Âm và Đức Phật A Di Đà, bản Kinh cũng khuyên thực hành thiền định và quy kính Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Cốt lõi của Năm Trăm Danh Hiệu là khích lệ hành giả nỗ lực tu tập và làm việc thiện để chuyển hóa nghiệp ác, luôn luôn vì an vui, lợi ích cho chúng sanh. Theo đạo lý Duyên Khởi, nói đến chúng sanh là đã bao gồm cả bản thân và thân nhân nhiều đời của mình.

Kinh Ngũ Bách Danh cho thấy cách tu tập rất Việt Nam là Thiền Tịnh Mật đồng tu. Mật là trì tụng Tâm Chú Đại Bi; Tịnh là niệm danh hiệu Phật A Di Đà cầu vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ mà về tương lai, Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ thành Phật tiếp nối Đức Phật A Di Đà ở cõi đó; còn Thiền ở đây có hai phần là Chỉ và Quán. Chỉ là tập trung vào Chú Đại Bi, không nghĩ chi khác (Danh hiệu 376), đây chính là Định có tầm có tứ, hay nhất tâm bất loạn. Với tâm lắng yên, hành giả có thể nhìn sâu, nhìn lâu, nhìn kỹ vào lòng sự vật để hiểu đúng, gọi là Quán. Bản Kinh nhắc đến 10 phép quán trong Phẩm Phổ Môn là quán chân, quán thanh tịnh, quán quảng đại trí tuệ, quán bi, quán từ, quán diệu âm, quán phạm âm, quán hải triều âm, quán thế âm, quán thắng bỉ thế gian âm.

Năm Trăm Danh Hiệu sắp xếp từ dễ đến khó, từ cụ thể đến thâm sâu. Trước là kể lại cách tu tập và nguyện lực của Bồ Tát, kế đó là dẫn chứng các bệnh về thân, tâm, nghiệp lực và chướng nạn Ngài có thể giúp tiêu trừ. Lên một bậc nữa, Ngài hướng dẫn cách tiến tu như trì tụng Tâm Chú Đại Bi, thiền định, chuyển hóa thân tâm, làm việc thiện, phát tâm Bồ Đề vì an vui, hạnh phúc cho cộng đồng, nhân loại, tất cả chúng sanh, vì an lành cho nơi cư trú, đất nước, trái đất này. Cuối cùng, Ngài khuyến tấn hành giả mau chứng Tứ Quả Thanh Văn, Thập Địa Bồ Tát, cho đến Giác Ngộ, Giải Thoát. Giác Ngộ rồi là “thông tay vào chợ” hóa độ chúng sanh như 32 ứng thân của Bồ Tát.

Sau 500 Danh Hiệu Bồ Tát, có phần sám hối ngắn gọn mà thực tế, thiết tha, cảm ứng, chuyển hóa lòng người. Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm có thể thực hành mỗi lần 10 câu, hoặc nhiều câu hơn, hoặc mỗi chữ một lạy, tùy theo sức khỏe và thời gian mỗi người. Lạy chậm rãi, chấp tay đưa lên thì hít vào, cúi xuống thì thở ra, khi trán chạm đất thì thông thả thở vào, thở ra một vài hơi nhẹ nhàng, không nghĩ gì hết, rồi đứng dậy thì hít vào, thở ra. Như vậy, thực hành lễ lạy vừa dẻo dai cơ thể, trừ nhiều bệnh, vừa sám hối ba nghiệp thân, miệng, ý, dần dần đạt đến thân và tâm là một. Vậy là nương tựa mà vào tánh, tâm với cảnh không hai, người lạy và đối tượng lạy đều đồng một thể rỗng lặng, Phật với chúng sanh không khác.

Để góp phần giới thiệu bản **Kinh Linh Ứng Mẫu Nhiệm Cổ Truyền Của Dân Tộc** đến các bạn trẻ Việt Nam và quý độc giả tiếng Anh, cùng chia sẻ nguồn tài liệu tham khảo với quý hành giả, đệ tử chúng con không quản tuổi già, sức mọn, xin mạo muội và cố gắng chuyển ngữ sang tiếng Anh. Bản chuyển ngữ và chú thích gồm ba ngôn ngữ: chữ Việt, chữ Anh, chữ Hán. Đây cũng là duyên lành cho chúng con tu học Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm. Và, nhận ra **tha lực** của Ngài là những trường hợp “**cấp cứu**”; qua cơn khổ nạn, mỗi người nên “*Tự mình thấp đước lên mà đi, thấp lên với Chánh Pháp*”.

Chúng sanh vô số lượng, khổ nạn vô cùng tận, cho nên Bồ Tát vận dụng **Pháp thí** để dạy dỗ, khéo léo hướng dẫn người đời tu học Phật Pháp và các cách áp dụng đúng để **lợi mình, lợi tha, tự giác, giác tha**. Rồi Bồ Tát khuyến khích họ **chia sẻ kinh nghiệm quý báu** đó cho người lân cận. “Tha” là khác, lợi tha và giác tha là giúp cho người khác, tức là hành Bồ Tát đạo mà khởi đầu là bố thí. Nhiều khi chỉ cần một bàn tay đưa ra, một ánh mắt cảm thông, một nụ cười hiền dịu, hay một lời nói nhẹ nhàng cũng có thể cứu được một sinh mạng trong cơn quẫn bách, cứu vãn được một mái ấm gia đình sắp đổ vỡ, hay chuyển hóa được một nghịch cảnh. Làm được như vậy là đã trở thành cánh tay nối dài của Bồ Tát, là đang thực hiện hạnh “*ngàn mắt ngàn tay*” trong đời thường! Thực hành lời dạy của Ngài, có tám nhóm câu chúng con xin mạo muội chuyển ngữ từ *tha lực thành nỗ lực tu tập trong môi trường sống hiện nay*; phần chuyển ngữ này để trong dấu ngoặc đơn (...).

Chúng con thành kính tri ân Tác Giả các công trình tham khảo quý báu là Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni do HT. Thích Thiên Tâm dịch, Great Compassion Dharani

Sutra do Silfong Tsun dịch, Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm do Quảng Minh dịch, Opening the Heart of the Cosmos của Thiền sư Thích Nhất Hạnh, cùng vô số tài liệu từ các bộ Kinh, Luận, nghi lễ, tự điển, sách, bài nghiên cứu, Pháp thoại, băng cassette, video, DVD và Internet. Vì không có địa chỉ nên chúng con không thể gửi thư xin phép, kính mong Chư Tôn Đức Liệt Vị từ bi hỷ xả cho.

Chúng con đề đầu đánh lễ Bạc Tổ Sư đã dày công biên soạn và Chư Tiền Bối khắc in từng chữ. Thành kính đánh lễ cúng dường Tôn Sư thượng Thái hạ Siêu và Chư Tôn Thiền Đức đã khuyến khích tâm nguyện, the Vietnamese Nôm Preservation Foundation chuyển Kinh sang chữ Hán bằng kỹ thuật số. Kính Tri Ân NS. Thích Nữ Giới Hương, NS. Thích Nữ Tịnh Quang, Quý Phật tử Chơn Hiền Tuệ, Phổ Vân, Ngô Kim Phương, Nguyễn Thị Kim Cúc, Casey Romeo Từ Bi Âm, Viên Hương, Đặng Đức Cương, Trần Duy Quang, Trần Thị Khánh Hiền, Ngô Thị Hạnh, Chúc Tiến, cùng nhiều Thiện Tri Thức đã hết lòng hỗ trợ. Kính Niệm Ân Chư Tôn Đức và Quý Đạo Hữu tùy hỷ cúng dường ấn tống.

Mặc dù đã hết sức thận trọng, cố gắng và tâm nguyện cả đời, nhưng vẫn không sao tránh khỏi thiếu sót, ngưỡng mong Chư Tôn Liệt Vị từ bi bổ khuyết cho.

Đại Bảo Trang Nghiêm, Phật lịch 2565 (2021)

**Đệ tử Thông Đạo Cẩm Bạch**

**Cước chú:** Nhờ Hồng Ân Tam Bảo và Bồ Tát Quán Thế Âm gia hộ, đặc biệt là cảm ứng lễ bái 500 Danh Hiệu Ngài mỗi chữ một lạy, tịnh tài Chư Tôn Đức và Đạo Hữu cúng dường không những có thể in 1.000 bản Kinh này mà còn in thêm được 1.000 bản 500 LẠY BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM thuần túy tiếng Việt, chữ rất lớn để dễ lễ lạy. Xin liên lạc [dbtn.thongdao7@gmail.com](mailto:dbtn.thongdao7@gmail.com) để thỉnh và gửi đến tận nơi miễn phí.

Nam Mô **Ứng Cảm** Quán Thế Âm Bồ Tát.

## Introduction

It is a pleasure to have the opportunity to write an introduction for Phô Duy Trần; he was my student at California State University, Sacramento in the early 2000's. He graduated with the Degree of Master of Social Work with the thesis titled "Mindfulness Practices As a Bridge Between Vietnamese Parents and Their Children."

Phô, like myself, found compatibility between the profession of social work and Buddhism. In my career, I only had the opportunity to supervise a couple of theses that focused on that intersection, Phô's commitment to that connection was striking and memorable. Phô was an exceptional student. His capacity to think and write in Vietnamese and English allows not only a translation of words but of beliefs in a way of being that transcends time and place.

Our time together as professor and student often strayed outside the boundary of thesis advising. Phô's knowledge of eastern thought exceeded my relatively new passion for the western version of Buddhism. The depth of his knowledge often brought clarity to the cultural aspects of Buddhism that I was just beginning to understand. It is through that cultural lens that has allowed him to write, practice, and contribute not only to Buddhism but the melding of the profession of social work, into a way of being in the world that reflects his wisdom, kindness, and compassion.

I was very touched to know that Phô Duy Trần has been walking on the path of Buddhism as a novice named Thông Đạo. It is my pleasure to introduce Thông Đạo, the remarkable translator and annotator of The Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva Sutra. I hope you enjoy his writing as much as I have.

**Robin Kennedy Ph.D., MSW.**

Professor Emeritus

Division of Social Work

California State University, Sacramento

## Lời Giới Thiệu

Rất vui khi có cơ hội viết lời giới thiệu về chú Trần Duy Phô, sinh viên của tôi tại trường Đại học California State University – Sacramento vào đầu những năm 2000. Chú tốt nghiệp Thạc sĩ Xã hội với luận án “Thực Hành Chánh Niệm Là Nhịp Cầu Giữa Cha Mẹ Người Việt Với Con Cái”.

Chú Phô, cũng như bản thân tôi, nhận ra sự phù hợp giữa việc làm xã hội và đạo Phật. Trong sự nghiệp của mình, tôi chỉ có cơ hội hướng dẫn một vài luận án tập trung vào giao lộ đó. Sự gắn bó của chú Phô với mối liên hệ đó thật ấn tượng và đáng nhớ. Chú là một sinh viên xuất sắc. Khả năng suy nghĩ và viết tiếng Việt, tiếng Anh của chú không những cho phép chuyển ngữ mà còn chuyển niềm tin vượt qua thời gian và không gian.

Thì giờ giữa chúng tôi với tư cách là giáo sư và sinh viên thường ra ngoài giới hạn của việc hướng dẫn luận án. Kiến thức của chú Phô về tư tưởng phương Đông vượt quá lòng nhiệt thành tương đối mới của tôi đối với phiên bản phương Tây của đạo Phật. Kiến thức sâu rộng của chú thường đem lại sự rõ ràng về các nét văn hóa Phật giáo mà tôi mới bắt đầu hiểu. Chính qua lăng kính văn hóa đó đã cho phép chú viết, thực nghiệm và đóng góp không chỉ cho Phật giáo mà còn góp phần chuyển hóa công tác xã hội thành một cách sống thể hiện trí tuệ và lòng từ bi.

Tôi rất xúc động khi biết chú Trần Duy Phô đang tiến bước trên đường đạo với tư cách là một Sa di, Pháp tử Thông Đạo. Tôi rất hân hạnh được giới thiệu chú Thông Đạo, người chuyển ngữ và ghi chú đặc sắc Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm. Tôi hy vọng các bạn thích công trình của chú ấy nhiều như tôi vậy.

**Tiến sĩ Robin Kennedy, MSW.**

Cựu Giáo sư Danh dự

Phân khoa Xã hội

Trường Đại học California State University – Sacramento

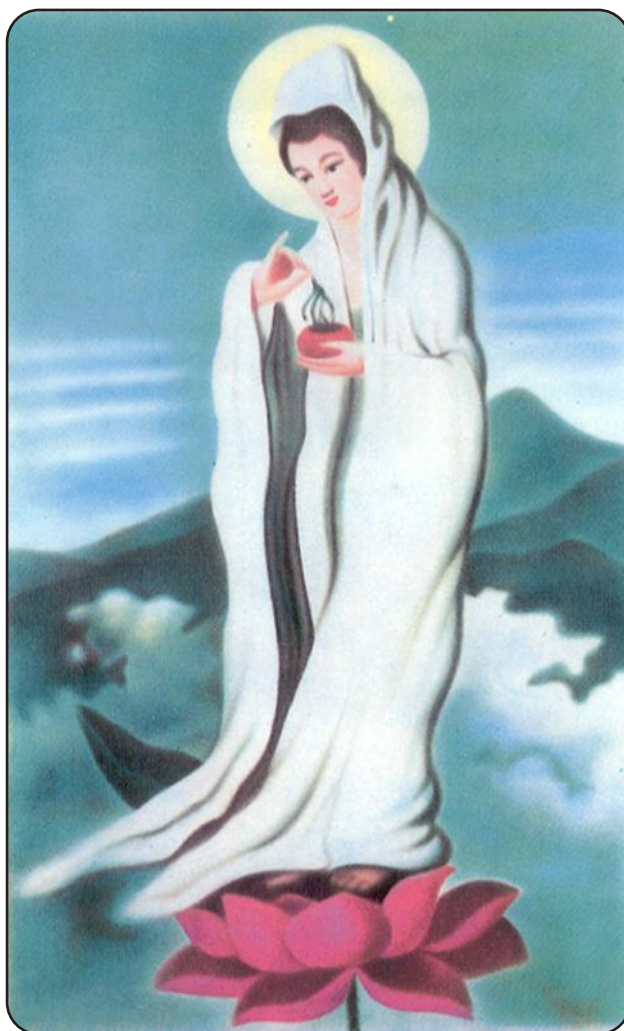
### Note on Abbreviations

B.C.	Before solar calendar
e.g.	For example
etc.	And so on
Heart Dharani	The Great Compassionate Heart Dharani
Ibid.	In the same book aforementioned
p.	Page
P	Pali word
Skt	Sanskrit word
Vol.	Volume
# 3	Sentence 3
(. . . . .)	Subnote
(n.d.)	Book with no date available

### Chữ & dấu hiệu viết tắt

C	Thỉnh chuông
Chú	Viết hoa, không có tên chú, là Tâm Chú Đại Bi
ĐĐ.	Đại đức
HT.	Hòa thượng
NS.	Ni sư
NT.	Ni trưởng
NXB	Nhà xuất bản
Q.	Quyển
Sđđ.	Trong cùng một cuốn sách đã nói ở trên
T.	Tập
Tp. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
tr.	Trang
TT.	Thượng tọa
(. . . . .)	Phụ chú của người dịch
(Lê, 2010, tr. 7 )	Tài liệu tham khảo





**Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva**

***Nam Mô Tầm Thanh Cứu Khổ Cứu Nạn Đại Từ Đại Bi  
Linh Cảm Ứng Quán Thế Âm Bồ Tát***

***PART ONE***  
**ENGLISH**

## Opening the Ceremony\*

### Incense Offering

In gratitude, we offer this incense to all Buddhas and Bodhisattvas throughout space and time.

May it be fragrant as Earth herself, reflecting our careful efforts, our wholehearted mindfulness, and the fruit of understanding, slowly ripening.

May we and all beings be companions of Buddhas and Bodhisattvas.

May we awaken from forgetfulness and realize our true home. *(Bell)*

### Contemplation

The one who bows and the one who is bowed to are both, by nature, empty.

Therefore the communication between them is inexpressibly perfect.

Our practice center is the Net of Indra reflecting all Buddhas everywhere.

And my own person reflects in all Buddhas to whom with my whole life I go for refuge. *(Bell)*

### Touching the Earth

*(Touching the earth one time at the sound of each bell)*

Homage to the Buddha who is present in the Ten Directions. *(Bell)*

Homage to the Dharma that is present in the Ten Directions. *(Bell)*

Homage to the Sangha that is present in the Ten Directions. *(Bell)*

---

\* (Plum Village, 2000).

### **Sutra Opening Verse**

Namo Tassa Bhagavato Arahato Samma Sambuddhassa.

Namo Tassa Bhagavato Arahato Samma Sambuddhassa.

Namo Tassa Bhagavato Arahato Samma Sambuddhassa.

The Dharma is deep and lovely.

We now have a chance to see it, study it, and practice it.

We vow to realize its true meaning. *(Bell)*

### **The Insight That Brings Us to the Other Shore**

Avalokiteśvara while practicing deeply with the Insight that Brings Us to the Other Shore, suddenly discovered that all the five Skandhas are equally empty, and with this realization he overcame all Ill-being. *(Bell)*

Listen Sariputra, this Body itself is Emptiness and Emptiness itself is this Body. This Body is no other than Emptiness and Emptiness is no other than this Body. The same is true of Feelings, Perceptions, Mental Formations, and Consciousness. *(Bell)*

Listen Sariputra, all phenomena bear the mark of Emptiness; their true nature is the nature of no Birth no Death, no Being no Non-being, no Defilement no Purity, no Increasing nor Decreasing. That is why in Emptiness, Body, Feelings, Perceptions, Mental Formations and Consciousness are not separate self-entities. The Eighteen Realms of Phenomena which are the six Sense Organs, the six Sense Objects, and the six Consciousnesses are also not separate self-entities. The Twelve Links of Interdependent Arising and their Extinction are also not separate self-entities. Ill-being, the Causes of Ill-being, the End of Ill-being, the Path, insight and attainment, are also not separate self-entities. Whoever can see this no longer needs anything to attain. *(Bell)*

Bodhisattvas who practice the Insight that Brings Us to the Other Shore see no more obstacles in their mind, and because there are no more obstacles in their mind, they can overcome all fear, destroy all wrong perceptions and realize Perfect Nirvana. *(Bell)*

All Buddhas in the past, present and future by practicing the Insight that Brings Us to the Other Shore are all capable of attaining Authentic and Perfect Enlightenment. *(Bell)*

Therefore Sariputra, it should be known that the Insight that Brings Us to the Other Shore is a Great Mantra, the most illuminating mantra, the highest mantra, a mantra beyond compare, the True Wisdom that has the power to put an end to all kinds of suffering. Therefore, let us proclaim a mantra to praise the Insight that Brings Us to the Other Shore.

Gate, Gate, Paragate, Parasamgate, Bodhi Svaha!

Gate, Gate, Paragate, Parasamgate, Bodhi Svaha!

Gate, Gate, Paragate, Parasamgate, Bodhi Svaha! *(Bell)*

### **Invoking Avalokiteśvara Bodhisattva**

We invoke your name, Avalokiteśvara Bodhisattva. We aspire to learn your way of listening in order to help relieve the suffering in the world. You know how to listen in order to understand.

We invoke your name in order to practice listening with all our attention and open-heartedness.

We will bow, sit, and listen without any prejudice. We will bow, sit, and listen without judging or reacting. We will bow, sit, and listen in order to understand. We will bow, sit, and listen so attentively that we will be able to hear what the other person is saying and also what is being left unsaid.

We know that just by listening deeply we already alleviate a great deal of pain and suffering in the other person. *(Bell)*

# THE FIVE HUNDRED NAMES OF AVALOKITEŚVARA BODHISATTVA SUTRA

## *Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm*

## 五百名觀世音經

1. Namó Sakyamuni Buddha

Homage to Our Fundamental Teacher Sakyamuni Buddha in the Saha World.

**Kính lạy Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni cõi Ta Bà.**

南無娑婆教主我本師釋迦牟尼佛

Nam Mô Ta Bà Giáo Chủ Ngã Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

## NOTES

**1. Sakyamuni** was the historical Buddha who taught the Buddha Dharma in this world. His personal name before becoming Buddha was Siddhartha, His family name was Gotama. He was born in 624 BC in Lumbini Park at Kapilavastu, central Indian, on the Full moon day of Vesak (May). His father, Suddhodana, was the King of the Sakyas kingdom, which is now Nepal. His mother was Queen Maya, who died early. The new Queen Maha Prajapati, who was his mother's younger sister, cared for him as if he were her own son.

As a youth, Siddhartha enjoyed a complete education to become the successor to the throne, including literature, martial arts, talents, and morality. However, he often showed a preference for silence and thought about the meaning of life. He knew about sufferings of aging, sickness, and death on his trips outside the palace. At the age of 9, in the New Year festival of land plowing, *“he sat cross-legged in the cool shade of a rose-apple tree and started breathing in and out while maintaining an awareness of his breath, oblivious to the noise and activities around him”* (Majjhima Nikaya, 1965, p. 247). It was this meditation experience that helped him become enlightened later.

Wishing to permanently tie the Prince to his royal duties, King Suddhodana arranged for him to marry the beautiful, virtuous, and intelligent Princess Yasodhara when he was 16 years old. The King also provided for them a life of luxury and pleasures. But at the age of 29, after the birth of his son Rahula, Siddhartha left everything to seek the truth for the sake of living beings.

At first, he joined the famous spiritual teachers Alara Kalama and Udraka Ramaputta to study and practice yoga and meditation. After a few months, he attained the highest State of Neither Perception nor Non-perception. However, he found that *“This dharma does not lead to disenchantment, to dispassion, to cessation, to peace, to direct knowledge, to enlightenment, to Nirvana, but only to reappearance in the base of neither-perception-nor-non-perception. Not being satisfied with*

*that dharma, I left it and went away*" (Ibid., p. 259).

Then he turned to asceticism with the five ascetics of the Kondana group. He restricted his eating - only eating once every two days, every seven days or every fortnight; eating wheatgrass, sesame seeds, or one grain of sesame indiscriminately or sipping a drop of fruit juice a day - and lived without bathing for several years. At times, he lived separated from the group as he practiced solitary - living in a wild forest facing his fears; often lying on beds of thorns; suffering under a scorching sun in the hot summer months; sleeping outside on cold nights under the falling snow in the winter month without a cloth over his body. He then moved on to practice the breathingless meditation while slowing his breathing or repressing the mind. After nearly six years of brutal ascetic effort which resulted in an emaciated body with only skin over bones, he fainted then fell to the ground, and only regained consciousness after sipping the milk offered by Ms. Sujata who happened to pass by. Anyway, the ascetic time also helped him gain tangible results: (1) body and mind entirely cleansed and stable; (2) past feelings could no longer find their way to arise in mind; (3) demons inside his mind such as pride, conceit, dissatisfaction, craving, hunger, thirst, suffering, sloth, fear, doubt, etc. could no longer disturb the mind; and (4) diligently practice meditation (Thich, 2017).

He realized that either living in the extreme of pain or the extreme of self-indulgence would not produce good results. Instead, he chose to practice the Middle Way: neither torturing or indulging the body nor forcing the body and mind but following instead the practice of abolishing extreme opposite positions on any subjects. He ate normally to maintain good health while applying the breathing method that he had experienced when he was 9 years old. The five ascetic companions thought that he gave up, so they left elsewhere.

The result of "*samadhi with awareness of breath*", discovered on his own, gradually helped his body and mind to be at peace. In this awareness samadhi, there was no one being aware, there was only a silent flow of awareness about the in-breath, out-breath, and other objects. This was knowing-things-as-they-are. The pleasant feelings that arose and remained in him did not influence his mind. Then his mind became "*a state of bare cognition, purified, bright, unblemished, rid of imperfection, malleable, widely, steady, and imperturbable*" (Majjihima Nikaya, 1965, p. 341).

Without rushing, he continued to go deeper in the great samadhi. Finally, his Buddha-nature glowed, clearly interpreting the deadlocks during his former cultivation. In the end, He attained the Three Insights: (1) The Insight into Own Past Lives: remembering all His own past lives. (2) The Insight into the Divine Vision: seeing very clearly living beings dying from one life and being reborn into another life. (3) The Insight into the Termination of Mental Defilements: knowing as-they-are suffering and mental defilements, the causes of suffering and mental defilements, and the path to terminate suffering and mental defilements. He was free from the mental defilements. He Enlightened: "*I am liberated. Birth is destroyed. The holy life has been lived. What had to be done has been done. There is no more coming into any state of being*" (Ibid., p. 342). He was 35 years old at that time.

After Enlightenment, the Buddha remained around the area of the Bodhi tree for another seven weeks to further contemplate on what He had just attained. During this period, He realized the Dependent Co-arising as the key element of His Enlightenment: "*This is because that is. This arises*



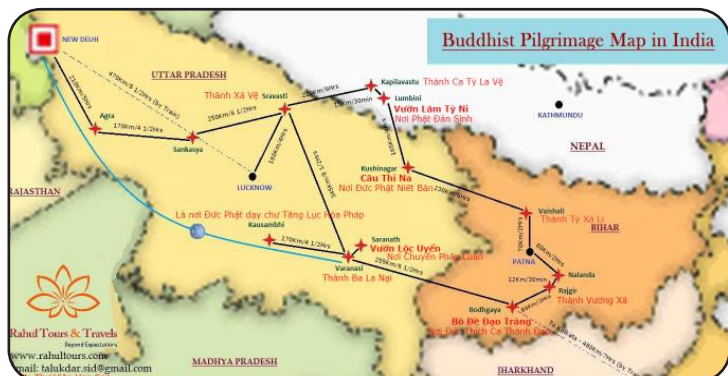
*because that arises. This is not because that is not. This ceases because that ceases.”*

The Buddha gave His first discourse of the Four Noble Truths at Deer Park in Banares, Uttar Pradesh. His earlier five ascetic companions became His first disciples and began to form the Bhiksu Sangha. His basic teachings of the Four Establishments of Mindfulness, the Four Right Efforts, the Seven Factors of Awakening, or the Noble Eightfold Path progressed to more profound practices such as Emptiness, Non-self, Impermanence, Nirvana, and the Buddha-nature. His teachings of Dependent Co-arising have shown that there is no singular cause that creates the universe, and each being must take responsibility for his/her destiny. Enlightenment, Liberation, and Nirvana are right here and now. The Tathagata and other Enlightened Ones neither come from nowhere nor go nowhere.

Throughout 45 years, the Buddha walked, bare feet, around North and North-East India to teach countless disciples without discriminating gender, race, religion, nationality, age, knowledge, wealth, poverty, class, or position in society. In His Sangha, there were people that formerly belonged to the lowest class of the Indian caste system, and women could become Buddhist nuns. As a result, 1,250 monks and nuns attained Arahantship; many laymen and laywomen also attained the Holy fruitions! The Buddha entered Nirvana without remainder at the age of 80 at Kusinara, Uttar Pradesh. The Buddhist calendar started from that day, 2565 years ago (2021). His Birthday was  $2565 + 80 = 2645$  years ago (Thích, 1999).

The Great King Asoka visited the birthplace of the Buddha at Lumbini around 249 BC. He built the pillar with the inscription: *“King Piyadasi, beloved of Devas, in the 20th year of the coronation, made a royal visit. Buddha Sakyamuni was born here. A stone railing was built, and a stone pillar was erected to the Bhagavan, who was born here. Lumbini village was reduced tax”* (Dhammika, 1999). The pillar became lost over the centuries and was discovered by a German archaeologist named Führer in 1895. The Western researchers have called this pillar *“the Birth Certificate of the Buddha.”*

On December 15, 1999, the General Assembly of the United Nations recognized that the Day of the Full Moon in the month of May each year is the Day of Vesak to commemorate the birth of the Buddha, His attainment of enlightenment, and His passing away. The General Assembly also resolved that appropriate arrangements shall be made for international observances of the Day of Vesak at United Nations Headquarters and other United Nations offices. (General Assembly, 1999). The ceremony of the United Nations has also honored Buddhism as the world’s most peaceful religion! The famous scientist Albert Einstein (n.d.) stated, *“If there is any religion that would cope with modern scientific needs, it would be Buddhism. Buddhism requires no revision to keep it up to date with recent scientific findings. Buddhism needs no surrender its view to science because it embraces science as well as goes beyond science.”*



2. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who reverently recounted the ancient causes to Sakyamuni Buddha.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài thưa kể nhân hạnh xưa lên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

南無說普因呈釋迦牟尼佛觀世音菩薩

Nam Mô thuyết tích nhân trình Thích Ca Mâu Ni Phật Quán Thế Âm Bồ Tát.

**The Three Jewels.** (1) The Buddha; (2) the Dharma: the Buddha's teachings; and (3) the Sangha: the community of Buddhist monks and nuns. **Sutra.** Records of the conversations of the Buddha or other enlightened disciples of the Buddha.

**Nirvana.** *"The destruction of lust, the destruction of hatred, the destruction of delusion: this is called Nirvana."* The way for the realization of this Nirvana is the Noble Eightfold Path: right view, right intention, right speech, right action, right livelihood, right effort, right mindfulness, and right concentration (Bodhi, 2005, p. 364).

**2-3. Avalokiteśvara:** One who listens to the cries of living beings. *"Uncountable kalpas before, He had already been a Buddha named True Dharma Brightness Tathagata. Because of the power of his great compassionate vows, and to call upon all Bodhisattvas to comfort and please living beings, He appears as a Bodhisattva"* (Great Compassion Dharani Sutra, 2009, p. 17).

**Buddha.** The Completely Enlightened One. The term Buddha comes from the Sanskrit root "budh", meaning to awaken, and Buddhas are those who have awakened the real nature of all dharmas. There are innumerable Buddhas in the universe. In this Saha World, six Buddhas arose before Sakyamuni Buddha. Their names were *"Vipassi, Sikh, Vessabha, Kakusandha, Konagamana, and Kassapa. Sakyamuni Buddha is the seventh One"* (Digha Nikaya, 1996, Vol. 1, p. 199). In the future, there will be another Buddha named *"Metteyya"* (p. 403).

**Tathagata** (Skt, P). Thus Come One, the common name of all the Buddhas. Tathagata means *"One does not come from anywhere nor does go anywhere"* (Hsuan, 1974, p 235). **In modern science**, the law of conservation of energy (n.d.) also has the same meaning: *"Energy can neither be created nor destroyed; rather, it transforms from one form to another."*

**Bodhisattva** (bodhi: enlightenment; sattva: being). An enlightened being who vows not to enter Nirvana but stays instead in the Saha world to save living beings.

**Namo** (P; namas, Skt). Bow, obeisance, reverential salutation, and often interpreted as homage to, devotion to, or take refuge with.

**Mental defilements** (Asrava, Skt; Asava, P). The toxic elements lie in the deepest parts of the consciousness that contaminate the mind and cloud the intelligence. They affect the human mind and lead to clinging and attachment to worldly sensuous pleasures, in which lust, hatred, and delusion are most evil.

**Samsara** is the endless cycle of alternating birth and death until enlightenment.

3. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who was a Buddha but is manifested in this present world as a Bodhisattva.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, xưa Ngài là Phật nay hiện thân Bồ Tát.**

南無古佛示現觀世音菩薩

Nam Mô cổ Phật thị hiện Quán Thế Âm Bồ Tát.

4. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who will be the Buddha to continue Amitabha Buddha in the Western Land of Ultimate Bliss.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài là Phật tiếp nối Đức Phật A Di Đà cõi Tây Phương Cực Lạc.**

南無當來補處阿彌陀佛觀世音菩薩

Nam Mô đương lai bổ xứ A Di Đà Phật Quán Thế Âm Bồ Tát.

5. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who met and learned the Great Compassionate Heart Dharani (Heart Dharani) from Thousand Rays King of Stillness Buddha.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có duyên gặp Đức Phật Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ được Tâm Chú Đại Bi.**

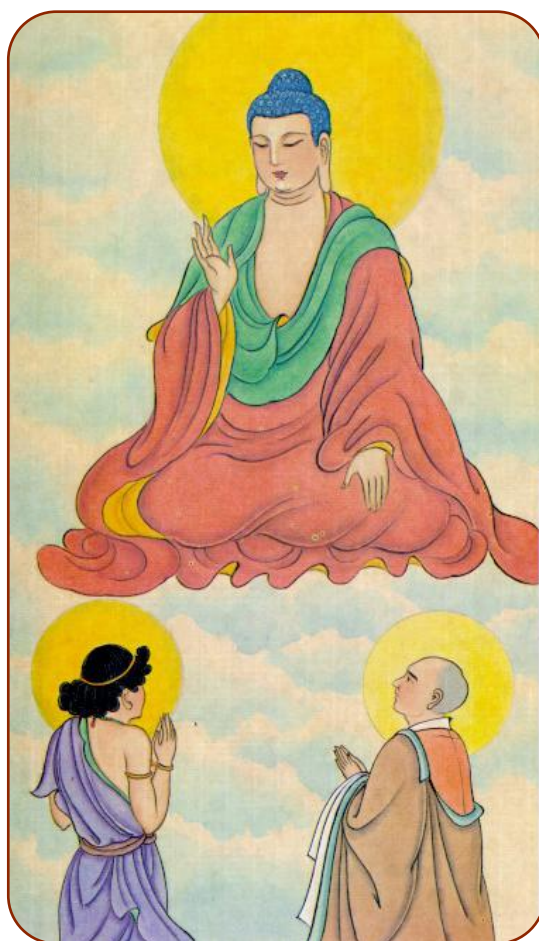
南無遇千光王靜住佛得大悲心咒觀世音菩薩

Nam Mô ngộ Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Phật đắc Đại Bi Tâm Chú Quán Thế Âm Bồ Tát.

**4. Amitabha** is the Buddha of the Western Land of Ultimate Bliss. He is also known as Amitabha Infinite Light and Amitayus Infinite Life. Amitabha Buddha created the Pure Land with His 48 Great Vows. The Pure Land sect believes that through faithful devotion to Amitabha and through recitation of His holy name, one can be reborn there and lead a blissful life until entering Nirvana (Amitabha's forty-eight vows, 2011).

**5-7.** *“Countless billions of kalpas ago, Thousand Rays King Stillness Thus Come One Buddha appeared in the world. Because of His mercy and mindfulness towards me and living beings, that Buddha spoke this Vast, Perfect, Unimpeded, Great Compassionate Heart Dharani. He rubbed my crown with His golden hand and said that I should hold this Heart Dharani to give great benefit and happiness to living beings in the future evil age”* (Great Compassion Dharani Sutra, 2009, p. 4).

**Living beings** are all creatures which possess life-force. Each individual living being comes into being as the result of a variety of causes and conditions called **karma**. There are **six paths** of beings; three good paths are heaven, human, and asura; three evil paths are animal, hungry ghost, and hell.



*Sakyamuni Buddha spoke Dharma*

6. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who faced the Buddha, vowed, and instantly attained the vow getting full one thousand hands and one thousand eyes on His body.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, trước Đức Phật Ngài lập thệ liền được như nguyện, vươn ra ngàn tay ngàn mắt.

南無對佛立誓如所願湧出千手千眼觀世音菩薩

Nam Mô đối Phật lập thệ như sở nguyện dưng xuất thiên thủ thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát.

7. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who was a Buddha named True Dharma Brightness Tathagata.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, xưa Ngài là Phật Chánh Pháp Minh Vương Như Lai.

南無過去劫爲正法明王如來觀世音菩薩

Nam Mô quá khứ kiếp vi Chánh Pháp Minh Vương Như Lai Quán Thế Âm Bồ Tát.

8. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the form with countless arms holding the distinct Mudras.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân vô số tay bắt ấn.

南無八萬四千母陀羅臂觀世音菩薩

Nam Mô bát vạn tứ thiên mẫu đà la tý Quán Thế Âm Bồ Tát.

9. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the form with one thousand eyes and one thousand hands.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân ngàn tay ngàn mắt.

南無千手千眼觀世音菩薩

Nam Mô thiên thủ thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát.

10. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the form with forty-two arms.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân bốn mươi hai tay.

南無四十二臂觀世音菩薩

Nam Mô tứ thập nhị tý Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

8-13. Avalokiteśvara Bodhisattva attained the “*Samadhi that displays all manners of physical bodies*” (Discussions of Mahayana Buddhist Thought, 1986, p. 300). He no longer identified His physical body as Himself and could manifest various emanation bodies of many heads, many hands, many precious tools on the hands, and various forms in order to help many kinds of people.

**Eighty-four thousand** (84,000) indicates a very large number in India.

**One thousand hands and eyes.** Avalokiteśvara Bodhisattva is often depicted with one thousand hands, each hand containing its own eye, to indicate His vows and powers to see all those suffering in the world, to reach into the world, and pull them out of their suffering.

11. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the form with eighteen arms.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân mười tám tay.

南無十八臂觀世音菩薩

Nam Mô thập bát tý Quán Thế Âm Bồ Tát.

12. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the form with twelve arms.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân mười hai tay.

南無十二臂觀世音菩薩

Nam Mô thập nhị tý Quán Thế Âm Bồ Tát.

13. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the form with eight arms.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân tám tay.

南無八臂觀世音菩薩

Nam Mô bát tý Quán Thế Âm Bồ Tát.

14. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the form with four arms.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân bốn tay.

南無四臂觀世音菩薩

Nam Mô tứ tý Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**14. The Four-Armed Avalokiteśvara Bodhisattva** (Chenrezig) is the Patron of Tibet. He is white in color and has four arms representing the Four Immeasurables of kindness, compassion, joy, and equanimity. Chenrezig taught the six-syllable Dharani “*Om Mani Padme Hum*” which means “*Chenrezig is like the moon with cool light extinguishing the burning of samsara. In that light, the lotus of compassion opens its pure white petals*” (Tibetan Book, 1992, pp. 525-527). Those six sounds of Dharani purify the six root afflictions: arrogance, jealousy, lust, ignorance, greed, and anger; at the same time, they help practitioners complete the six paramitas: giving, moral precepts, patience, vigor, meditational concentration, and wisdom. In fact, the living Buddha, the Dalai Lama, is an incarnation of Chenrezig.



15. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has the title of One Thousand Wheel-Turning Monarchs ruling with Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có danh hiệu Một Ngàn Vị Chuyển Luân Thánh Vương dùng Chánh Pháp cai trị.

南無千轉觀世音菩薩

Nam Mô Thiên Chuyển Quán Thế Âm Bồ Tát.

16. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the form with twelve faces.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân mười hai mặt.

南無十二面觀世音菩薩

Nam Mô thập nhị diện Quán Thế Âm Bồ Tát.

17. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the form with eleven faces.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân mười một mặt.

南無十一面觀世音菩薩

Nam Mô thập nhất diện Quán Thế Âm Bồ Tát.

18. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who introduced Good Wealth Youth to come and learn under Proper Inclination Bodhisattva.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài giới thiệu Bồ Tát Chánh Thú cho Thiện Tài đồng tử cầu học.

南無正趣觀世音菩薩

Nam Mô Chánh Thú Quán Thế Âm Bồ Tát.

**15. Wheel-Turning Monarch** is “the one who rules by Dharma only. He also possesses the thirty-two features as a Buddha does” (Bodhi, 2005, p. 115).

**16-17.** The Master of Art illustrated Avalokiteśvara Bodhisattva of 12 faces to symbolize that He helps living beings destroy defilements that are obstructing the wisdom light in their heart. He also has another form of white body and eleven faces in five layers.

**18. Youth Good Wealth** is a disciple mentioned in the Flower Adornment Sutra. The reason for Him obtaining such a name was that when He was born, myriad treasures suddenly appeared in His father’s home. In seeking enlightenment, He tried to visit and study with fifty-three spiritual advisors and became equal with the Buddha in just one lifetime (The Flower Adornment Sutra, n.d.).



19. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the form of Bhrukuti Bodhisattva.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân Bồ Tát Tỳ Câu Chi.

南無毘俱胝觀世音菩薩

Nam Mô Tỳ Câu Chi Quán Thế Âm Bồ Tát.

20. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the form of the Horse Head Dharmapala.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân Mã Đầu Minh Vương.

南無馬頭觀世音菩薩

Nam Mô Mã Đầu Quán Thế Âm Bồ Tát.

21. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the form of Hayagriva.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân A Gia Yết Ly Bà.

南無阿耶揭唎婆觀世音菩薩

Nam Mô A Gia Yết Lị Bà Quán Thế Âm Bồ Tát.

22. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can purify all dharmas.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài làm trong sạch mọi sự vật.

南無法淨觀世音菩薩

Nam Mô pháp tịnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**19. Bhrukuti Bodhisattva** is one of 414 Buddhas and Bodhisattvas in the mandala.

**Mandalas** are geometric patterns or images, usually containing circular motifs, that are used for meditation. They are used extensively in esoteric Buddhism and might be the visual counterpart of mantras.

**20-21. The Horsehead One.** An awe-inspiring attitude towards evil spirits.

**22. Dharma** (non-capitalized). Event, phenomenon; mental quality; doctrine, teaching; principles of behavior that human beings ought to follow in order to fit in with the right natural order of things; and object of mind.

The **Dharma** (capitalized) denotes both the Buddha's teachings and the direct experience of Nirvana.

23. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the form of wearing the lotus leaf kasaya.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân đắp y lá sen.

南無葉衣觀世音菩薩

Nam Mô diệp y Quán Thế Âm Bồ Tát.

24. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who taught the Dharani of Destroying Evil Karma Hindrances to Eliminate the Toxin.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy Chú Phá Ác Nghiệp Chương Tiêu Phục Độc Hại.

南無消伏毒害觀世音菩薩

Nam Mô Tiêu Phục Độc Hại Quán Thế Âm Bồ Tát.

25. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who taught the Cintamani Cakra Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy Chú Như Ý Bảo Luân.

南無如意寶輪觀世音菩薩

Nam Mô Như Ý Bảo Luân Quán Thế Âm Bồ Tát.

26. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who taught the Vast, Perfect, Unimpeded, Great Compassionate Heart Dharani or the Heart Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy Chú Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm, thường gọi Tâm Chú Đại Bi.

南無圓滿無礙大悲心觀世音菩薩

Nam Mô Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

23. Avalokiteśvara Bodhisattva manifests in the form of clad in leaves of lotus in the mandala.

24-26. Besides the Heart Dharani, He also spoke many other Dharanis. For example, the Dharani of the Wishes of Beings Are Fulfilled, the Dharani of Breaking Evil Karma Hindrances to Eliminate the Toxin, the Great Red Lotus Candana Mani Heart Wheel Dharani, the Cintamani Cakra Dharani, the Cintamani Dharani, and the Om Mani Padme Hum Dharani.

27. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the power of the Heart Dharani eliminates all karmic hindrances.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Tâm Chú Đại Bi tiêu trừ nghiệp chướng.

南無破一切業障觀世音菩薩

Nam Mô phá nhất thiết nghiệp chướng Quán Thế Âm Bồ Tát.

28. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who taught the Great Red Lotus Candana Mani Heart Wheel Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy Chú Ma Ha Ba Đầu Ma Chiên Đàn Ma Ni Tâm Luân.

南無摩訶波頭摩旃檀摩尼心觀世音菩薩

Nam Mô Ma Ha Ba Đầu Ma Chiên Đàn Ma Ni Tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

29. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who taught the Heart Dharani to end the paths to realms of suffering.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Tâm Chú Đại Bi dứt các nẻo về xấu ác.

南無滅惡趣觀世音菩薩

Nam Mô diệt ác thú Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**27. Three hindrances.** Hindrances of afflictions caused by lust, hate, and delusion; karmic hindrances caused by the deeds done; and hindrances of retributions caused by retributions.

**28. Dharani** (Skt) called “*mantra*”, unites all dharmas and holds limitless meanings. Dharani must be spoken in a state of concentration, a state in which body and mind are absolutely in unity.

**29-31.** The core of the Heart Dharani is the ten wonderful hearts: great kindness and compassion, equality, Unconditioned, detachment, emptiness-observation, respect, modesty, unclutteredness, non-clinging view, and utmost Bodhi. These hearts show the process of the Bodhisattva path, from the moment the practitioners initiate their vows of saving living beings to Buddhahood. Practicing the Heart Dharani means to apply the 16 vows when reciting the attainment of Heart Dharani and the ten wonderful hearts into daily specific actions. Based on these practices, the practitioners will create the inner strengths to transform their life as well as nourish their virtues and merits.

30. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who taught the Heart Dharani to greatly benefit living beings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Tâm Chú Đại Bi làm lợi ích chúng sanh.

南無饒益眾生觀世音菩薩

Nam Mô nhiều ích chúng sanh Quán Thế Âm Bồ Tát.

31. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who diligently practice the Heart Dharani can obtain whatever they seek.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người tinh tấn thực hành Tâm Chú Đại Bi hoàn mãn mọi tâm nguyện.

南無能滿一切願觀世音菩薩

Nam Mô năng mãn nhất thiết nguyện Quán Thế Âm Bồ Tát.

32. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can treat difficult childbirth.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài cứu các trường hợp sanh khó.

南無能救產難苦觀世音菩薩

Nam Mô năng cứu sản nạn khổ Quán Thế Âm Bồ Tát.

33. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, whose heart contains a great compassion.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài đủ tâm đại bi.

南無具大悲心觀世音菩薩

Nam Mô cụ đại bi tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**32. Difficult childbirth.** In the Filial Piety Sutra (2007, p. 93), the Buddha taught: “For ten months while the mother is with child, she feels discomfort each time she rises, as if she were lifting a heavy burden. Like a chronic invalid, she is unable to keep her food and drink down. When the ten months have passed and the time comes for the birth, she undergoes all kinds of pain and suffering so that the child can be born. She is afraid of her own mortality. Then the blood flows all over the ground. These are the sufferings she undergoes. Once the child is born, she saves what is sweet for it and swallows what is bitter herself. She carries the child and nourishes it, washing away its filth. There is no toil or difficulty that she does not willingly undertake for the sake of her child. She endures both cold and heat and never even mentions what she has gone through. She gives the dry place to her child and sleeps in the damp herself. For three years she nourishes the baby with milk, which is transformed from the blood of her own body.”

34. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, whose heart contains a great kindness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài đủ tâm đại từ.

南無具大慈心觀世音菩薩

Nam Mô cụ đại từ tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

35. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who (urges sinners to repent their sins and turn evil into goodness), whereupon the hells are immediately dispelled.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài (cảm hóa tội nhân sám hối tội lỗi, chuyển ác thành thiện) tức thời hết địa ngục.

南無地獄門開觀世音菩薩

Nam Mô địa ngục môn khai Quán Thế Âm Bồ Tát.

36. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests as many kinds of sound.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân nhiều loại âm thanh.

南無現種種音聲觀世音菩薩

Nam Mô hiện chủng chủng âm thanh Quán Thế Âm Bồ Tát.

37. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests as many forms.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân nhiều loại hình tướng.

南無現種種色相觀世音菩薩

Nam Mô hiện chủng chủng sắc tướng Quán Thế Âm Bồ Tát.

38. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests as many benefits.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân các thứ lợi lạc.

南無現種種利樂觀世音菩薩

Nam Mô hiện chủng chủng lợi lạc Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**33-34. Kindness** means giving joy to living beings. **Compassion** means saving living beings from suffering.

**35. Hell.** Living beings' suffering realm according to their evil karmas. *"Depending on the evil karma of each being, hell has different names. When the bad karma is exhausted, the hell is then empty"* (Hsuan, 1998, p. 134).

**36-40. Manifest.** Becoming visible (Flower Adornment Sutra, Vol. 4, p. 317).

39. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in many ways to rescue living beings from distress and tribulations.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân nhiều cách cứu khổ nạn.**

南無現種種救苦救難觀世音菩薩

Nam Mô hiện chủng chủng cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát.

40. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests as many wonderful miracles.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân nhiều phép nhiệm màu.**

南無現種種神通觀世音菩薩

Nam Mô hiện chủng chủng thần thông Quán Thế Âm Bồ Tát.

41. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches cultivators to practice the Heart Dharani, so that they can fulfill their vows.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy người tu tập thực hành Tâm Chú Đại Bi nên thành tựu nhiều tâm nguyện.**

南無能滿種種願觀世音菩薩

Nam Mô năng mãn chủng chủng nguyện Quán Thế Âm Bồ Tát.

**41. Cultivators** are those who put the Buddha's teachings into practice on a regular basis.

**42. Five rebellious sins:** Killing one's father. Killing one's mother. Killing or hurting an Arhat. Causing disturbance and disruption of harmony among Bhiksus and Bhiksunis in monasteries. Stabbing and causing blood to fall from Buddha or destroying Buddha statues.

**Repentance.** Recognizing their sins, sincerely apologizing to the victims, and promising not to relapse. At the same time, they vow to practice the good deeds to transfer of merits. Those who sincerely repent must first prepare a great mind.

According to Litany of Liang-Wu-Ti (2005), those who sincerely repent should vow: May we teach all six realms of existence, unlimited mind. May we return the mercy of the Buddhas and Bodhisattvas, unlimited working. May we bring these virtuous powers to help people (1) non-destructive the Buddha's precepts; (2) not contemptuous of the Venerable; (3) not angry about where we live; (4) not envious of other people's forms; (5) not regretting on our property; (6) practicing any merit not for ourselves but for those who have no protection; (7) not performing the giving, loving speech, beneficial actions, and engaging in the same work in only for self; (8) knowing how to help and bring happiness to those who are lonely, imprisoned, and afflicted; (9) subduing those who should be subdued and converting those who should be converted; (10) born in any situation, self-remembrance to arouse the Bodhicitta and make that mind constantly.

42. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches the sinners to sincerely repent, so that they may transform all five of their serious sins.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy người phạm tội thành tâm sám hối nên chuyển hóa năm tội nặng.

南無能脫五逆重罪觀世音菩薩

Nam Mô năng thoát ngũ nghịch trọng tội Quán Thế Âm Bồ Tát.

43. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can eliminate poisonous insects, evil mantras, curses, and bewitchings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài giúp trừ trùng độc, bùa mê, trừ ếm.

南無能除蟲毒咒詛厭禱觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ cỏ độc chú trớ yểm đảo Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**43-50. Healing diseases.** Avalokiteśvara Bodhisattva manifests in the form of Medicine Master to heal people's diseases of physiology, psychology, mental disabilities, and karmas. However, He pays more attention to the causes of the diseases. He teaches people to purify their body, speech, and mind, then sickness is eliminated. With respect to the body, they should keep the environment clean, practice physical exercises or meditation. Particularly in consumption, they should avoid consuming alcohol, tobacco, drugs, vine, or coffee. Avoid eating dishes that are rich in fats, sugar, salt, and monosodium glutamate. Eat vegetables, fruits, seeds, tubers, and mushrooms. It is best to eat a vegetarian diet; however, limit fake vegetarian foods that mimic meat or fish because of chemicals. Regarding speech, they should practice true and loving talking, avoid speaking wickedness, immorality, and evil. In relation to the mind, they should avoid watching, listening, and/or reading books, newspapers, pictures, and films full of violence and sexuality. It is important to gradually reduce greed, hatred, and delusion.

**UN Secretary-General's Message** of 2020 Vesak Day. *"As the human family suffers the impacts of the COVID-19 pandemic, we are reminded of the sutra: 'Because all living beings are subject to illness, I am ill as well.' This timeless message of unity and service to others is more important than ever. It is only together that we will stop the spread of the coronavirus and recover."* Per data on the Covid-19 Coronavirus Pandemic on May 27, 2021, 220 countries and territories around the world have been impacted (<https://www.worldometers.info/coronavirus/>).

- **Worldwide.** Cases: 169,423,590; Recovered: 151,150,992; Deaths: 3,519,190.

- **In the United States.** Cases: 33,979,171; Recovered: 27,668,478; Deaths: 606,398.



44. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can cure diseases of the head, brain, chest, and ribs.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành các bệnh đầu, não, ngực, sườn.

南無能除頭腦胸脇諸病觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ đầu não hung hiệp chư bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

45. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can cure diseases of the throat.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành các bệnh cổ họng.

南無能除咽喉諸病觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ yết hầu chư bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

46. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can cure diseases of the mouth, abdomen, waist, and back.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành các bệnh miệng, bụng, eo, lưng.

南無能除口腹腰背諸病觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ khẩu phúc yêu bối chư bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

47. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can cure diseases of the eyes, ears, lips, and tongue.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành các bệnh mắt, tai, môi, lưỡi.

南無能除眼耳唇舌諸病觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ nhãn nhĩ thân thiệt chư bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

48. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can cure diseases of the teeth, nose, and body.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành các bệnh răng, răng sữa, mũi, thân.

南無能除牙齒鼻身諸病觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ nha xỉ tỷ thân chư bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

49. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can cure diseases of the limbs.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành các bệnh tay chân.**

南無能除手腳諸病觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ thủ cước chư bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

50. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can cure diseases of leprosy and psychosis.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành các bệnh phong cùi, điên dại.**

南無能除瘋狂癲病觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ phong cuồng điên bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

51. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can cure diseases caused by evil demons that cause sadness and anger in humans.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành các bệnh do quỷ thần dữ gây buồn giận.**

南無能除諸惡鬼神惱人觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ chư ác quỷ thần nảo nhân Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**51-53. The Noble Eightfold Path** ends all suffering and transforms all evil karmas. Thus, practitioners can avoid various disasters and untimely deaths. There are 9 major forms of untimely death: a minor illness without treatment; execution by royal decree; losing one's vitality to the demons through hunting, gambling, debauchery, drunkenness or extreme dissipation; death by fire; death by drowning; being devoured by wild animals; falling off a mountain or a cliff; death by poison, incantations, evil mantras, or zombies; and death from hunger or thirst (Sutra of the Medicine Buddha, 2001).

**Tiger Temple** was a Theravada Buddhist temple in Sai Yok District of Thailand's Kanchanaburi Province in the west of the country. It was founded in 1994 as a forest temple and sanctuary for wild animals such as tigers. In 1999, the temple received its first tiger cub, one that had been found by villagers. Later, several tiger cubs were given to the temple. As of January 2016, the number of tigers confined at the temple exceeded 150. The monks tamed the tigers with their bare hands. The tigers were fed with cooked chicken and beef. Because the meat was cooked, the tigers no longer received the foul smell of fresh blood. Thanks to the monks who raised them when they were babies, those tigers are close to and friendly with people. They are accustomed to visitors and easily allow guests to take souvenir photos with them (Tiger Temple, n.d.).

52. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches living beings (to practice the Noble Eightfold Path to transform their common bad karmas), so that they can avoid disasters of war, tsunami, and fire.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy chúng sanh (tu tập Bát Chánh Đạo chuyển hóa cộng nghiệp xấu) nên tránh chiến tranh, lũ lụt, lửa cháy.

南無能除刀兵水火災厄觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ đao binh thủy hỏa tai ách Quán Thế Âm Bồ Tát.

53. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches cultivators to practice the Noble Eightfold Path to transform their evil karmas, so that they can avoid thunder, earthquakes, and acts of terrorism.

Kính lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy người tu tập Bát Chánh Đạo chuyển hóa nghiệp xấu nên tránh sấm sét, động đất, khủng bố.

南無能除雷電震怖觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ lôi điện chấn bố Quán Thế Âm Bồ Tát.

54. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches cultivators (to practice kindness, compassion, joy, and equanimity) to transform the accumulated feelings of hostility and robberies.

Kính lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy người tu tập (thực hành Từ, Bi, Hỷ, Xả) nên chuyển hóa nội kết thù hận và nạn trộm cướp.

南無能除冤家劫盜觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ oan gia kiếp đạo Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**54-55. Transforming hostility.** The Buddha taught: “*Rahula, practice kindness to overcome anger. Kindness has the capacity to bring happiness to others without demanding anything in return. Practice compassion to overcome cruelty. Compassion has the capacity to remove the suffering of others without expecting anything in return. Practice joy to overcome hatred. Joy arises when one rejoices over the happiness of others and wishes others well-being and success. Practice equanimity to overcome prejudice. Equanimity is the way of looking at all things openly and equally. Rahula, kindness, compassion, joy, and equanimity are beautiful and profound states of mind. I call them the Four Immeasurables. Practice them and you will become a refreshing source of vitality and happiness for others*” (Thích, 1991, p. 321).

55. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches cultivators to practice kindness, compassion, joy, and equanimity, so that they can avoid evil troops.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy người tu tập Từ, Bi, Hỷ, Xả tránh quân giặc tàn ác.

南無能除惡軍惡賊觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ ác quân ác tặc Quán Thế Âm Bồ Tát.

56. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches cultivators to practice the Noble Eightfold Path to transform their evil karmas, so that they can avoid wars, pandemic diseases, famine, and nine kinds of untimely death.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy người tu tập Bát Chánh Đạo chuyển hóa nghiệp ác nên tránh chiến tranh, dịch bệnh, đói khát, chín loại chết oan.

南無能除三災九橫觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ tam tai cửu hoành Quán Thế Âm Bồ Tát.

57. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches cultivators to practice the Noble Eightfold Path, so that they no longer have nightmares.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy người tu tập Bát Chánh Đạo nên hết ác mộng.

南無能除惡夢變怪觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ ác mộng biến quái Quán Thế Âm Bồ Tát.

58. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches cultivators to practice the Noble Eightfold Path, so that they avoid poisonous snakes and scorpions.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy người tu tập Bát Chánh Đạo nên tránh rắn độc, bò cạp.

南無能除虻蛇蝮蠍觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ ngoan xà phúc yết Quán Thế Âm Bồ Tát.

59. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches cultivators to practice the Noble Eightfold Path, so that they can tame dangerous animals.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy người tu tập Bát Chánh Đạo nên cảm hóa được thú dữ.

南無能除諸惡毒獸觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ chư ác độc thú Quán Thế Âm Bồ Tát.

60. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches cultivators to practice the Noble Eightfold Path, so that they can reconcile trial disputes.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy người tu tập Bát Chánh Đạo được hóa giải kiện cáo tại tòa.

南無能除官事諍訟觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ quan sự tranh tụng Quán Thế Âm Bồ Tát.

61. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can manifest the Ultimate Bliss World to bring benefits and joy to all people.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện bày Cõi Cực Lạc giúp mọi người lợi ích, an vui.

南無能現極樂世界令人利樂觀世音菩薩

Nam Mô năng hiện Cực Lạc Thế Giới linh nhân lợi lạc Quán Thế Âm Bồ Tát.

**61. Realm of Bliss.** The Buddha taught that Bodhisattvas should cultivate the threefold minds of Bodhisattva's pure land: (1) the straightforward, (2) the profound mind, and (3) the Bodhi mind. Based on those minds, Bodhisattvas practice the other merits and virtues. Therefore, if a Bodhisattva wants to build the pure land, he should purify his mind. And because of his pure mind, the Buddha land is pure.

As Sariputra heard the Buddha's teachings, he suddenly thought: When the Buddha was still in the Bodhisattva stage, was his mind not pure, so this current world is full of hills, mountains, pits, thorns, stones, and earth, which are all unclean? The Buddha, knowing Sariputra's mind, said: *"Is it because the sun and moon are impure that the blind do not see them? Due to living beings' barriers of sin, they could not see the imposing majesty of the Tathagata's pure land."* Thereupon the Buddha pressed the toes of His right foot on the ground and the world was suddenly transformed into a huge mass of precious jewels, a magnificent array of many hundreds of thousands of clusters of precious gems. Everyone in the entire assembly was filled with wonder, each perceiving himself seated on a throne of jeweled lotuses (Vimalakirti Nirdeśa Sutra, 1976).

62. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages everyone to respect the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khích lệ mọi người kính mến người trì Chú.

南無能令持念者眾人愛敬觀世音菩薩

Nam Mô năng linh trì niệm giả chúng nhân ái kính Quán Thế Âm Bồ Tát.

63. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who supports those who sincerely recite the Dharani to gain wealth.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài gia hộ người thành tâm trì Chú dồi dào tài lộc.

南無能令持念人具世間財觀世音菩薩

Nam Mô năng linh trì niệm nhân cụ thế gian tài Quán Thế Âm Bồ Tát.

64. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches cultivators (to practice blessings and wisdom simultaneously), so that they obtain more joy.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy người (thực hành phước huệ song tu) nên thêm mọi niềm vui.

南無能令人增益一切樂具觀世音菩薩

Nam Mô năng linh nhân tăng ích nhất thiết lạc cụ Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**62-63.** This is the Great Red Lotus Candana Mani Heart Wheel Dharani from the Cintamani Cakra Dharani Sutra.

**64-65. Practices of blessing** are the sowing of many seeds of merit so that practitioners can enjoy happiness and blessings of health, wealth, or intelligence in the future; however, those practices can not end the cycle of birth and death. Examples include doing charity, liberating living beings, or distributing Sutras for free.

**Practices of wisdom** means studying and practicing the Buddha's teaching in daily life. The result of practices of wisdom creates the virtues that transcend birth and death and leads to Buddhahood, such as taking refuge in the Triple Jewels, reciting Buddha's name, practicing precepts, samadhi, and wisdom.

The Most Venerable Khánh Anh advised, "*Studying without cultivating is only a bag containing books; cultivating without learning is a blind cultivation.*" Practicing steadily, we will find that there is the blessing in the wisdom as well as there is the wisdom in the blessing. Both merit and virtue should be cultivated at the same time.

65. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches living beings to practice blessings and wisdom simultaneously, so that they can obtain more power in life.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy chúng sanh thực hành phước huệ song tu nên thêm nhiều oai lực.

南無能令眾生增益一切勢力觀世音菩薩

Nam Mô năng linh chúng sanh tăng ích nhất thiết thế lực Quán Thế Âm Bồ Tát.

66. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who guides cultivators to liberate living beings, so that they attain longevity.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hướng dẫn người tu tập phóng sanh nên mạng sống lâu dài.

南無能與長命觀世音菩薩

Nam Mô năng dữ trường mệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

67. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who guides cultivators to liberate living beings, so that they attain wealth, nobility, and longevity.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hướng dẫn người tu tập phóng sanh nên sống lâu, cao sang, giàu có.

南無能與富貴長壽觀世音菩薩

Nam Mô năng dữ phú quý trường thọ Quán Thế Âm Bồ Tát.

68. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Unconditioned heart is one feature of the Heart Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tâm Vô Vi là tướng mạo Tâm Chú Đại Bi.

南無無為心觀世音菩薩

Nam Mô Vô Vi tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**66-67. Liberating living beings** is a Buddhist practice of rescuing animals, birds, turtles, fish, and others that are destined for slaughter or permanently caged. They are released into safe and good environments. This practice exemplifies the fundamental Buddhist teaching of compassion for living beings.

**68-75.** See “Ten Features of the Great Compassionate Heart Dharani”, p. 169 of this book.



69. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the unattached heart is one feature of the Heart Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tâm vô nhiễm là tướng mạo Tâm Chú Đại Bi.

南無無染心觀世音菩薩

Nam Mô vô nhiễm tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

70. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the emptiness-observing heart is one feature of the Heart Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tâm không quán là tướng mạo Tâm Chú Đại Bi.

南無空觀心觀世音菩薩

Nam Mô không quán tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

71. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the respectful heart is one feature of the Heart Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tâm cung kính là tướng mạo Tâm Chú Đại Bi.

南無恭敬心觀世音菩薩

Nam Mô cung kính tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

72. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the modest heart is one feature of the Heart Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tâm khiêm nhượng là tướng mạo Tâm Chú Đại Bi.

南無卑下心觀世音菩薩

Nam Mô ty hạ tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

73. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the uncluttered heart is one feature of the Heart Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tâm không tạp loạn là tướng mạo Tâm Chú Đại Bi.

南無無雜亂心觀世音菩薩

Nam Mô vô tạp loạn tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

74. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has always recited the Heart Dharani.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài luôn trì Tâm Chú Đại Bi.**

南無陀羅尼念觀世音菩薩

Nam Mô Đà La Ni niệm Quán Thế Âm Bồ Tát.

75. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who vows to save all living beings.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài nguyện giúp tất cả chúng sanh vượt qua biển khổ, đạt Niết Bàn.**

南無誓度一切眾生心觀世音菩薩

Nam Mô thế độ nhất thiết chúng sanh tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

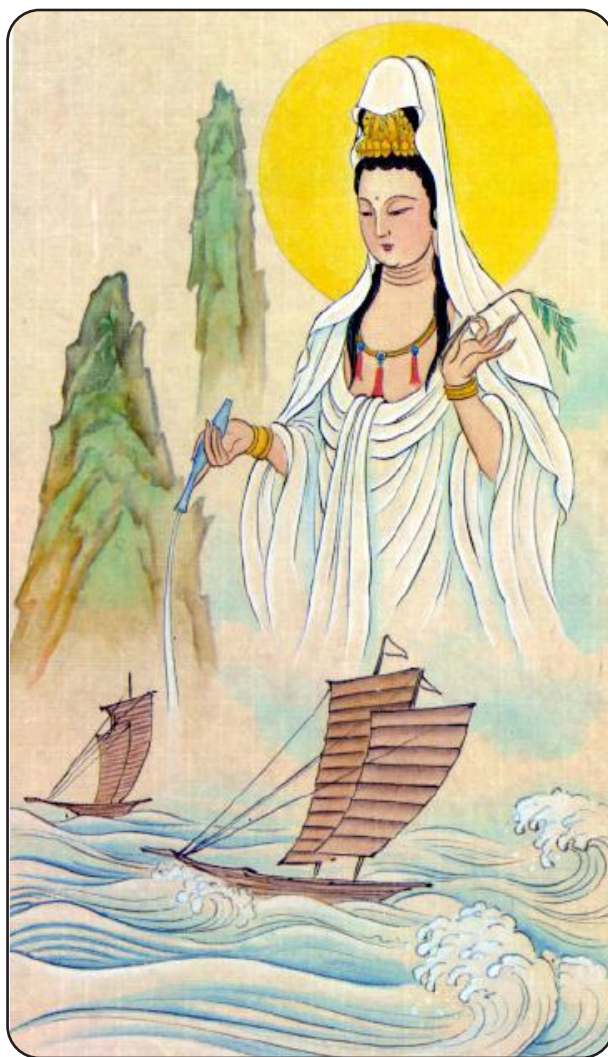
**76-78. One thousand hands and eyes** symbolize the Bodhisattva's three ways to save living beings.

**(1) Giving of goods:** food, drinking water, clothing, shelter, vehicles, money, and other supplies. Those supplies are not enough because of limited resources. There is another giving based on human's capabilities for using computers, speaking foreign languages, swimming, driving, healing diseases etc. This help is unlimited. The most significant giving is to donate one's blood, eye, liver, lung, or kidney, even the whole body after death. The program of Donate Life California (2020) states: "You can save up to 8 lives as an organ donor and up to 50 lives as a tissue donor."

**(2) Giving of the Dharma:** giving the right view and right thought. For example, teaching others proper knowledge and skills enable them to be productive members of society. The Bodhisattva then encourages practitioners to share their experiences with others. One multiplies by two, then two multiply into many exponentially. So, anyone can become a baby Bodhisattva to help others. The suffering of people is not just physical and mental but also spiritual. For this reason, He teaches people how to apply the Buddha's teachings to their way of life. *"If living beings who are tormented by hunger and thirst that they create evil karmas in their attempts to survive, I will first satisfy them with the most exquisite food and drink. Ultimately, it is through the flavor of the Dharma I will establish them in the realm of peace and happiness"* (Sutra of the Medicine Buddha, 2001, p. 23).

**(3) Giving of fearlessness:** the vulnerable often have an inferiority complex and do not believe in their ability, so they are afraid of everything, such as fear of not being able to work, fear of failure, fear of crowds, or fear of the dark. *"It is Avalokiteśvara Bodhisattva, who gives living beings courage of fearlessness"* (Hsuan, 1998, p. 7).

Among the three ways of giving, the giving of Dharma is the most important because it enables the recipients to free themselves from material and spiritual sufferings. Giving of goods and fearlessness of the Bodhisattva is just providing emergency aid. In the long run, each individual should *"light the torch by his or her own, light up with the Dharma"* (The Madhyama Āgama, n.d.).



*Escaping from boats being carried way by a flood*

76. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has one thousand eyes to see and understand living beings everywhere simultaneously.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có ngàn mắt soi thấy chúng sanh khắp nơi cùng một lúc.**

**南無千眼照見觀世音菩薩**

Nam Mô thiên nhãn chiếu kiến Quán Thế Âm Bồ Tát.

77. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has one thousand hands to support living beings everywhere simultaneously.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có ngàn tay nâng đỡ chúng sanh khắp nơi cùng một lúc.

南無千手護持觀世音菩薩

Nam Mô thiên thủ hộ trì Quán Thế Âm Bồ Tát.

78. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can cure countless diseases.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài trừ vô số bệnh.

南無能除八萬四千種病觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ bát vạn tứ thiên chủng bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

79. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who subdues all evil demons with the grace of kindness, compassion, joy, and equanimity.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài điều phục quỷ thần dữ bằng đức Từ Bi Hỷ Xả.

南無能伏一切惡鬼神觀世音菩薩

Nam Mô năng phục nhất thiết ác quỷ thần Quán Thế Âm Bồ Tát.

80. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who subdues heavenly demons with the grace of kindness, compassion, joy, and equanimity.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hàng phục thiên ma bằng đức Từ Bi Hỷ Xả.

南無能降諸天魔觀世音菩薩

Nam Mô năng hàng chư thiên ma Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**79-80.** He subdues all evil demons, heavenly demons, mountain-spirits, various ghosts, demons, or monsters **not by violence** but by His great compassion.

**81.** *“Ananda, each of you should remain with yourself as an island, yourself as your refuge, without anything else as a refuge. Remain with the Dharma as an island, the Dharma as your refuge, without anything else as a refuge”* (Cunda Sutra, 1998).

81. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who awakens those who have forgotten their Buddha-nature.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài thức tỉnh những kẻ quên Phật tánh, cầu Phật bên ngoài.

南無能制諸外道觀世音菩薩

Nam Mô năng chế chư ngoại đạo Quán Thế Âm Bồ Tát.

82. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who guides little demons in mountains, swamps, wood, and rocks to return to kindness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hướng dẫn loài quỷ nhỏ trong núi, đầm, gỗ, đá quay về đường lành.

南無能除山精雜魅魍魎觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ sơn tinh tạp my. võng lượng Quán Thế Âm Bồ Tát.

83. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who single-mindedly recite His name become steadfast, so they are no longer deviant.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người nhất tâm niệm danh hiệu Ngài trở nên kiên định, không còn tà vạy.

南無能除邪心觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ tà tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

84. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who single-mindedly recite His name become steadfast, so they are not tainted by greed.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người nhất tâm niệm danh hiệu Ngài trở nên kiên định, không còn tham đắm.

南無能除貪染心觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ tham nhiễm tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**82-84.** With enough energy of compassion in you, your heart has the capacity to embrace everything and anyone - even those you call your enemy.

85. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who guides living beings to do good deeds to attain good effects.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hướng dẫn chúng sanh gieo nhân lành gặt quả tốt.

南無能令眾生得善果觀世音菩薩

Nam Mô năng linh chúng sanh đắc thiện quả Quán Thế Âm Bồ Tát.

86. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who recite the Heart Dharani sow the seeds of Buddha-bodies into their storehouse consciousness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Tâm Chú Đại Bi gieo hạt giống Phật thân vào tạng thức.

南無其佛身藏觀世音菩薩

Nam Mô cụ Phật thân tạng Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**85. The law of cause and effect.** A cause refers to the seed you plant, from which you reap a corresponding result. If you plant a good cause, you will get a good result; if you plant a bad cause, you will obtain a bad result. *“Contemplate the nature of dependent co-arising during every moment. When you look at a leaf or a raindrop, meditate on all the conditions, near and distant, that have contributed to the presence of that leaf or raindrop. Know that the world is woven of interconnected threads. The birth and death of any dharma are connected to the birth and death of all other dharmas. If you look deeply into the nature of all dharmas, you will be able to transcend all anxiety concerning birth and death. You will break through the circle of birth and death”* (Thích, 1991, p. 409).

**86-96. Good seeds.** The Dharani-reciters of Great Compassion Heart are (1) a store of the Buddha-bodies, for they are cherished by 9.9 billion Buddhas; (2) a brilliant light store, for they are illuminated by the light of all Tathagatas; (3) a store of mercies and compassions, for they constantly save living beings with this Dharani; (4) a wonderful-Dharmas store, for this Dharani includes all Dharani-gates; (5) a store of samadhi, for hundreds of thousands of samadhis often manifest in front of them; (6) an empty spaces store, for they constantly observe living beings with wisdom of emptiness; (7) a store of intrepidity, for they are constantly guarded by virtuous deities; (8) a wonderful language store, for the Dharani-sound is uninterrupted; (9) a permanent store, for the three disasters cannot harm them; (10) a liberation store, for heavenly demons cannot detain them; (11) a medicine-king store, for they constantly heal living beings with this Dharani; (12) a supernatural power store, for they can freely travel around the Buddha-lands (Great Compassion Dharani Sutra, 2009, pp. 14-15).

- The function of **storehouse consciousness** (Alaya, S, P) is *“to receive and maintain seeds and their habit energies, so they can manifest in the world or remain dormant”* (Thích, 2001, p. 10).

87. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters sow the seeds of brilliant light into their storehouse consciousness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú gieo hạt giống thân ánh sáng vào tạng thức.

南無光明身藏觀世音菩薩

Nam Mô quang minh thân tạng Quán Thế Âm Bồ Tát.

88. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters sow the seeds of kindness and compassion into their storehouse consciousness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú gieo hạt giống từ bi vào tạng thức.

南無慈悲藏觀世音菩薩

Nam Mô từ bi tạng Quán Thế Âm Bồ Tát.

89. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters sow the seeds of wonderful Dharma into their storehouse consciousness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú gieo hạt giống diệu Pháp vào tạng thức.

南無妙法藏觀世音菩薩

Nam Mô diệu Pháp tạng Quán Thế Âm Bồ Tát.

90. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters sow the seeds of dhyana and samadhi into their storehouse consciousness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú gieo hạt giống thiền định vào tạng thức.

南無禪定藏觀世音菩薩

Nam Mô thiền định tạng Quán Thế Âm Bồ Tát.

91. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters sow the seeds of emptiness into their storehouse consciousness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú gieo hạt giống hư không vào tạng thức.

南無虛空藏觀世音菩薩

Nam Mô hư không tạng Quán Thế Âm Bồ Tát.



92. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters sow the seeds of fearlessness into their storehouse consciousness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú gieo hạt giống không sợ vào tạng thức.

南無無畏藏觀世音菩薩

Nam Mô vô úy tạng Quán Thế Âm Bồ Tát.

93. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters sow the seeds of permanence into their storehouse consciousness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú gieo hạt giống thường trụ vào tạng thức.

南無常住藏觀世音菩薩

Nam Mô thường trụ tạng Quán Thế Âm Bồ Tát.

94. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters sow the seeds of liberation into their storehouse consciousness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú gieo hạt giống giải thoát vào tạng thức.

南無解脫藏觀世音菩薩

Nam Mô giải thoát tạng Quán Thế Âm Bồ Tát.

95. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters sow the seeds of medicine king into their storehouse consciousness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú gieo hạt giống vua thuốc vào tạng thức.

南無藥王藏觀世音菩薩

Nam Mô dược vương tạng Quán Thế Âm Bồ Tát.

96. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters sow the seeds of supernatural power into their storehouse consciousness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú gieo hạt giống thần thông vào tạng thức.

南無神通藏觀世音菩薩

Nam Mô thần thông tạng Quán Thế Âm Bồ Tát.

97. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has mighty and holy powers.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có oai lực thần thông rộng lớn.

南無廣大自在觀世音菩薩

Nam Mô quảng đại tự tại Quán Thế Âm Bồ Tát.

98. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who is called Avalokiteśvara, the Ultimate Freedom One.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có danh hiệu Quán Thế Âm Tự Tại.

南無觀世音自在觀世音菩薩

Nam Mô Quán Thế Âm Tự Tại Quán Thế Âm Bồ Tát.

99. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who is called Nipping a Lariat.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có danh hiệu Nhiên Sách.

南無撚索觀世音菩薩

Nam Mô Nhiên Sách Quán Thế Âm Bồ Tát.

100. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who is called One Thousand Bright Eyes.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có danh hiệu Thiên Quang Nhãn.

南無千光眼觀世音菩薩

Nam Mô Thiên Quang Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát.

101. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches living beings to know how to be content with less greed and desire and enough material comfort in order to achieve peace and happiness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy chúng sanh biết thiểu dục, tri túc, bớt dục vọng nên thường an vui.

南無安樂成就眾生觀世音菩薩

Nam Mô an lạc thành tựu chúng sanh Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**97-104.** Already a Buddha. See # 2.

**Content:** The Buddha taught, “*Bhiksus, this Kassapa is content with any kind of robe, and he speaks in praise of contentment with any kind of robe, and he does not engage in a wrong search, in what is improper, for the sake of a robe. If he does not get a robe he is not agitated, and if he gets one he uses it without being tied to it, uninfatuated with it, not blindly absorbed in it, seeing the danger in it, understanding the escape*” (The Connected Discourses, Vol 2, p. 662).

102. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages practitioners to have the devotion to help living beings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khích lệ người tu tập phát nguyện giúp chúng sanh.

南無令人具大悲願力觀世音菩薩

Nam Mô linh nhân cụ đại bi nguyện lực Quán Thế Âm Bồ Tát.

103. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who is currently practicing the work of a Bodhisattva.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài đang hành hạnh Bồ Tát.

南無現作菩薩觀世音菩薩

Nam Mô hiện tác Bồ Tát Quán Thế Âm Bồ Tát.

104. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who is called Amogha-pasa.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có danh hiệu Bất Không Quyển Sách Quán Âm.

南無不空羅索觀世音菩薩

Nam Mô Bất Không Quyển Sách Quán Thế Âm Bồ Tát.

105. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures eye pain.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau mắt.

南無除眼痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ nhãn thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**105-146. Healing diseases.** The eight previous sentences (43-50) refer to healing diseases, why are there 40 more sentences here? The reason is that the 500 names of Avalokiteśvara Bodhisattva were collected from many Sutras spoken by Avalokiteśvara Bodhisattva, so it is impossible to avoid similarities. According to Quảng Minh (2015), sentences of 42-67 are from the Sutra of Avalokiteśvara Bodhisattva Esoteric Treasure Cintamani Cakra Dharani; sentences of 105-148 from the Sutra of Amogha-pasa; sentences of 279-286 from the Sutra of Avalokiteśvara Bodhisattva Esoteric Treasure Cintamani Cakra Dharani again; sentences of 287-304 from the Sutra of Avalokiteśvara Bodhisattva Cintamani Dharani.

106. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures ear pain.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau tai.**

南無除耳痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ nhĩ thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

107. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures nose pain.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau mũi.**

南無除鼻痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ tỷ thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

108. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures tongue pain.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau lưỡi.**

南無除舌痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ thiệt thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

109. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures baby toothache.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau răng sữa.**

南無除齒痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ xỉ thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

110. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures toothache.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau răng.**

南無除牙痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ nha thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

111. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures lip pain.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau môi.**

南無除唇痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ thân thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

112. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures heart and chest pain.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa khỏi đau tim, đau ngực.**

南無除心胸痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ tâm hung thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

113. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures navel pain.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau rốn.**

南無除臍痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ tề thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

114. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures spine pain.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau xương sống.**

南無除腰脊痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ yêu tích thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

115. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures pain on both sides.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau sườn nách.**

南無除脇腋痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ hiệp dịch thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

116. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures mandible pain.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau xương quai hàm.**

南無除斷齶痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ đoạn ngạc thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

117. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures patella pain.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau xương bánh chè.**

南無除臏痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ tẫn thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

118. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures knee joint pain.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau đầu gối.**

南無除脛膝痛觀世音菩薩

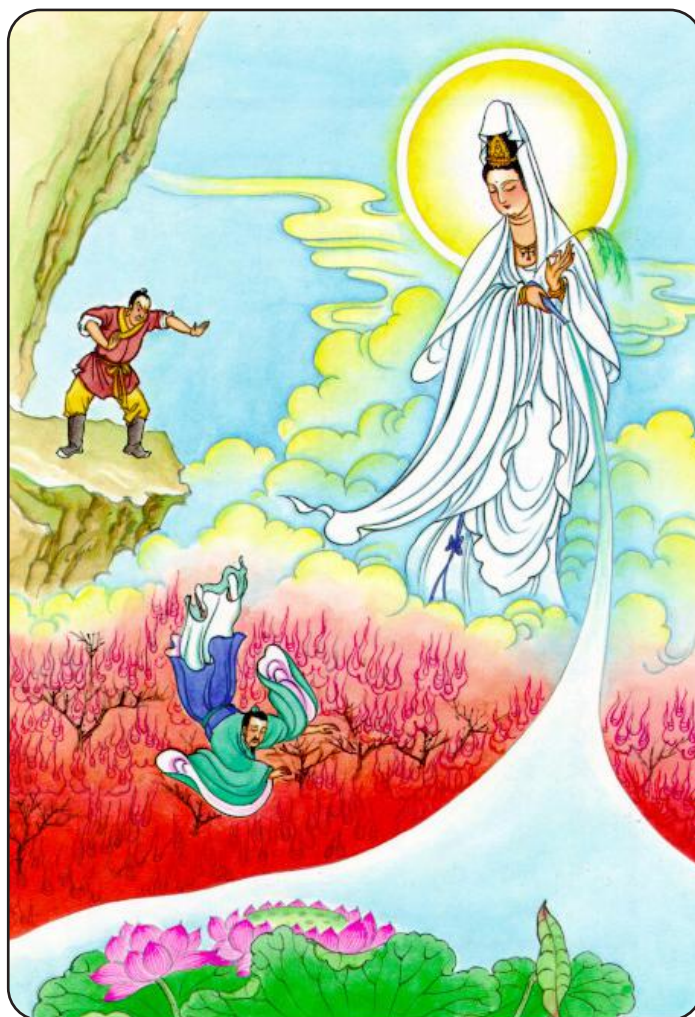
Nam Mô trừ tởa tất thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

119. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures pain of the arm and leg bones.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau đốt xương.**

南無除肢節痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ chi tiết thống Quán Thế Âm Bồ Tát.



*Fire pit becomes a pool*

120. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures pain of the limbs.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau tay, chân.

南無除手足痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ thủ túc thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

121. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures head and face pain.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau đầu, mặt.

南無除頭面痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ đầu diện thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

122. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures throat pain.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau cổ họng.**

南無除咽喉痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ yết hầu thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

123. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures shoulder and arm pain.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết đau vai, bắp tay.**

南無除肩膊痛觀世音菩薩

Nam Mô trừ kiên bác thống Quán Thế Âm Bồ Tát.

124. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures cold and flu.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành cảm cúm.**

南無除風病觀世音菩薩

Nam Mô trừ phong bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

125. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures epidemic diseases.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết các bệnh dịch.**

南無除氣病觀世音菩薩

Nam Mô trừ khí bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

126. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures hemorrhoids.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết bệnh trĩ.**

南無除痔病觀世音菩薩

Nam Mô trừ trĩ bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

127. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures dysentery diseases.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết kiết lỵ.**

南無除痢病觀世音菩薩

Nam Mô trừ lỵ bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

128. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures urinary tract infections.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành nhiễm trùng đường tiểu.**

南無除淋病觀世音菩薩

Nam Mô trừ lâm bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.



129. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures tumors in the abdomen.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành bệnh bướu ở bụng.**

南無除癰癧病觀世音菩薩

Nam Mô trừ luyén tích bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

130. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures leprosy.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành phong cùi.**

南無除白癩病觀世音菩薩

Nam Mô trừ bạch lại bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

131. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures cancer.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành ung thư.**

南無除重癩病觀世音菩薩

Nam Mô trừ trọng lại bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

132. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures scabies.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành ghẻ lở.**

南無除疥癬病觀世音菩薩

Nam Mô trừ giới tiển bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

133. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures acne.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết mụn bọc.**

南無除胞瘡觀世音菩薩

Nam Mô trừ bào sang Quán Thế Âm Bồ Tát.

134. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures the orange boils.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết nhọt màu cam.**

南無除甘瘡觀世音菩薩

Nam Mô trừ cam sang Quán Thế Âm Bồ Tát.

135. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures the red boils.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết nhọt đốm hoa.**

南無除華瘡觀世音菩薩

Nam Mô trừ hoa sang Quán Thế Âm Bồ Tát.

136. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures abscesses.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết nhọt chảy mủ.**

南無除漏瘡觀世音菩薩

Nam Mô trừ lậu sang Quán Thế Âm Bồ Tát.

137. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures infectious boils.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết nhọt độc.**

南無除毒瘡觀世音菩薩

Nam Mô trừ độc sang Quán Thế Âm Bồ Tát.

138. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures swelling.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết sưng phù.**

南無除癰腫觀世音菩薩

Nam Mô trừ ung thũng Quán Thế Âm Bồ Tát.

139. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures measles.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành bệnh sởi.**

南無除遊腫觀世音菩薩

Nam Mô trừ du thũng Quán Thế Âm Bồ Tát.

140. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures cystic acne.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết mụn đầu đinh.**

南無除疔腫觀世音菩薩

Nam Mô trừ đinh thũng Quán Thế Âm Bồ Tát.

141. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures heat rashes.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết rôm sảy.**

南無除節腫觀世音菩薩

Nam Mô trừ tiết thũng Quán Thế Âm Bồ Tát.

142. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures infectious edema.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết sưng độc.**

南無除毒腫觀世音菩薩

Nam Mô trừ độc thũng Quán Thế Âm Bồ Tát.

143. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures epilepsy.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa hết chứng động kinh.

南無除患癩癩觀世音菩薩

Nam Mô trừ hoạn lại giảm Quán Thế Âm Bồ Tát.

144. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who cures hepatitis.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chữa lành viêm gan.

南無除患甘潤觀世音菩薩

Nam Mô trừ hoạn cam nhuận Quán Thế Âm Bồ Tát.

145. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who single-mindedly recite His name become steadfast, so they are not afraid of imprisonment and shackles.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người nhất tâm niệm danh hiệu Ngài trở nên kiên định, không sợ giam cầm, xiềng xích.

南無除囚禁枷鎖觀世音菩薩

Nam Mô trừ tù cấm giữ tòa Quán Thế Âm Bồ Tát.

146. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who single-mindedly recite His name become steadfast, so they are not afraid of getting beaten, scolded, and criticized.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người nhất tâm niệm danh hiệu Ngài trở nên kiên định, không sợ bị đánh, chửi, dèm chê.

南無除打罵誹謗觀世音菩薩

Nam Mô trừ đả mạ phỉ báng Quán Thế Âm Bồ Tát.

147. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who single-mindedly recite His name become steadfast, so they are not afraid of being harmed and terrorized.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người nhất tâm niệm danh hiệu Ngài trở nên kiên định, không sợ bị mưu hại, khủng bố.

南無除謀害恐怖觀世音菩薩

Nam Mô trừ mưu hại khủng bố Quán Thế Âm Bồ Tát.

148. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who single-mindedly recite His name become steadfast, so they are not afraid of unfair treatment.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người nhất tâm niệm danh hiệu Ngài trở nên kiên định, không sợ điều bất lợi.**

南無除不饒益事觀世音菩薩

Nam Mô trừ bất nhiều ích sự Quán Thế Âm Bồ Tát.

149. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the cultivators recite the Heart Dharani for the benefit of all species.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Tâm Chú Đại Bi vì lợi ích muôn loài.**

南無持咒利他觀世音菩薩

Nam Mô trì Chú lợi tha Quán Thế Âm Bồ Tát.

**147-148. Inner Freedom.** The Angulimala Sutra refers to a murderer named Angulimala who intended to kill the Buddha, but the Buddha converted him to an Arhat! When Venerable Thích Nhật Từ visited and shared Dharma talk with 2,000 prisoners at K20 prison in Bến Tre province, Việt Nam, 2007, he told this story and explained the five lessons: (1) Stopping means beginning. (2) Avoiding violence and bad deeds. (3) Controlling ego. (4) Lessons in compassion. (5) Results of transformation. Through his virtue of tenderness and compassion for a group that are often treated with indifference, he helped to awaken the listeners' latent qualities, abilities that can help them face adverse situations. His message gives solace: there can be an "Inner Freedom" even in a restricted daily life. One of the great social problems of our contemporary world is the large and growing prison population. The hundreds of thousands of inmates, a large percentage of them young men who committed offenses in their teen years, create a financial and human burden that has reached staggering proportions. In the state of California, prison budgets now exceed the allotment for higher education (Thích, 2014).

**149. Human beings have so much suffering, especially poverty.** According to the annual United Nations statistics: Half a billion people face starvation, and 786 million people are chronically undernourished (240 million in Africa). Many children do not achieve full physical and mental development, so they are vulnerable to diseases resulting in high infant mortality rates. Their life expectancy is shortened. In South Asia, 30% of babies are born underweight due to inadequate access to food. Maternal mortality is about 18 times greater in the Southern hemisphere. The main causes of death are infection and parasitic diseases, which kill 17 million people. In particular, polluted water causes nearly 1 billion cases of diarrhea. Worldwide, 13 million children under 5 years of age die; nearly 200 million children under five are malnourished; 130 million children lack access to primary education; 200 million children must work in dangerous and exploitative conditions (Soest, 1997). About 150 million people are homeless and 1.6 billion people live in cramped, hazardous, and stressful homes (List of countries by homeless population, n.d.).

150. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, sincerely reciting the Heart Dharani creates spiritual vibrations directed at the water to transform the sins of bathers.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, chí thành trì Chú tạo nên rung động tâm linh hướng vào nước, giúp người tắm rửa chuyển hóa tội chướng.

南無持咒浴水霑人消罪觀世音菩薩

Nam Mô trì Chú dục thủy triêm nhân tiêu tội Quán Thế Âm Bồ Tát.

151. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, sincerely reciting the Heart Dharani creates feelings of calmness to help relieve physical and emotional strain.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, chí thành trì Chú tạo nên cảm xúc êm dịu, giúp người nhận giảm căng thẳng thân, tâm.

南無持咒風吹人身得利觀世音菩薩

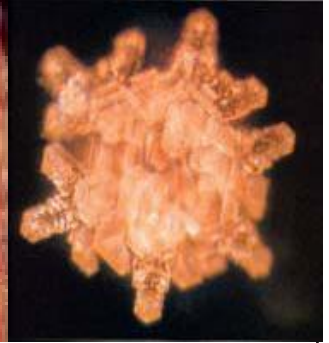
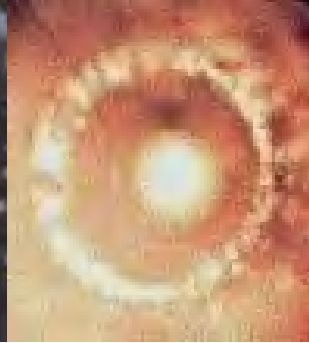
Nam Mô trì Chú phong xuy nhân thân đắc lợi Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**150-151. Intrinsic vibrations beneficial for health.** Using high-speed photography, Dr. Masaru Emoto (2005) discovered that crystals formed in frozen water reveal changes when specific, concentrated thoughts are directed towards them. He found that water from clear springs and water that has been exposed to loving words show brilliant, complex, and colorful snowflake patterns. In contrast, polluted water or water exposed to negative thoughts form incomplete, asymmetrical patterns with dull colors. When the water is exposed to beautiful sounds and images, it also creates extremely beautiful snowflake images. This wonderful study implies that humans are exposed to the types of waves that are beneficial for the brain and body that will help the metabolism of internal energy to be more circulating, harmonious, and mellow. The implications of this research create a new awareness of how we can positively impact the earth and our personal health.

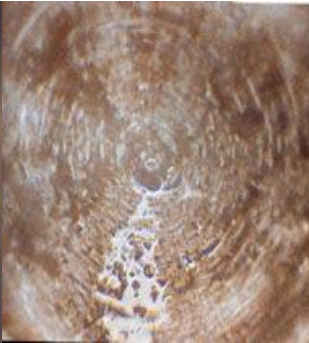
*“Hado is a Japanese word that means ‘wave’, or ‘move,’ but the official definition of Hado, as used by Dr. Emoto for his purposes, is: ‘the intrinsic vibrational pattern at the atomic level in all matter. The smallest unit of energy. Its basis is the energy of human consciousness’... Everything emits an attitude, or aura, and this affects the things around it. What’s more, external stimuli can affect the vibration of certain entities, and thereby change the mood of those entities. Examples of such stimuli are music or spoken or written words” (Hado, the Energy of Life, n.d.).*

**Crystals formed in frozen water reveal changes  
when specific, concentrated thoughts are directed towards them**



*Water in Fujiwara river before and  
after Buddhist prayers*

*Water before and after the Tibetan  
monks recited Dharani*



*You disgust me*

*Love*

*Exciting music*

*Music by J.S. Bach*



*Yodo river, Japan,  
through big cities*

*Water in Lourdes,  
France*

*Kawachi folk dance*

*Thank you*



152. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, any words that the reciters of the Heart Dharani say will sound like pure Dharma, so the listeners will feel bliss, love, and respect.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú thốt ra lời gì cũng khiến người hoan hỷ, quý mến.

南無持咒出言歡喜愛敬觀世音菩薩

Nam Mô trì Chú xuất ngôn hoan hỷ ái kính Quán Thế Âm Bồ Tát.

153. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, sincerely reciting the Heart Dharani creates spiritual energy, helping recipients transform their sins.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, chí thành trì Chú tạo nên năng lượng tâm linh, giúp người nhận chuyển hóa tội chướng.

南無持咒風吹著人滅罪觀世音菩薩

Nam Mô trì Chú phong xuy trước nhân diệt tội Quán Thế Âm Bồ Tát.

154. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the reciters of the Heart Dharani are always supported by the Devas and Dragons.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú được Trời, Rồng ủng hộ.

南無持咒龍天常當擁護觀世音菩薩

Nam Mô trì Chú Long Thiên thường đương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

152. "If the Dharani-holder says anything, no matter good or bad, it sounds like pure Dharma-sound to all heavenly demons, Exterior-paths practitioners, deities, dragons, ghosts, and spirits, thus they will respect the Mantra-holder" (Great Compassion Dharani Sutra, 2009, p. 14). Having obtained such results, it is thanks to the practitioner attaining the one-pointedness-of-mind, the mind and its object are pure.

*"Chanting the Lotus Sutra by night,  
the sound shook the galaxies.*

*The next morning when planet Earth woke up,*

*her lap was full of flowers."* (Plum Village, 2000, p. 291).

153. See # 150-151.



155. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the power of reciting the Heart Dharani (along with the people's peaceful ways of life) can lessen the effects of national catastrophes.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, oai lực trì Chú (cùng nếp sống hòa hợp của toàn dân) giải trừ tai họa cho đất nước.

南無咒力能除國土災難觀世音菩薩

Nam Mô Chú lực năng trừ quốc độ tai nạn Quán Thế Âm Bồ Tát.

156. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the power of reciting the Heart Dharani along with the people's peaceful ways of life can prevent enmity between countries.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, oai lực trì Chú cùng nếp sống hòa hợp của toàn dân ngăn nước khác thù nghịch.

南無咒力能除他國怨敵觀世音菩薩

Nam Mô Chú lực năng trừ tha quốc oán địch Quán Thế Âm Bồ Tát.

**154-155. Catastrophes.** *“When there are catastrophes in a country, if the king of the country can manage state affairs according to correct laws, be liberal towards people and animals, not do anybody an injustice, absolve people from blames, and keep both his body and his mind sincere and diligent, and in this way recite this Great Compassion Dharani Holy Mantra, then all the catastrophes of his country will disappear, the five kinds of crops will be abundant, and his people will live in peace and happiness”* (Great Compassion Dharani Sutra, 2009, p. 16).

**156. Preventing enmity.** Per the Great Passing Sutra, King Ajatasattu sent his chief minister Vassakra to inquire from the Buddha whether the King had any chance of success in invading Vajji. The Buddha was not on any side, he just asked Ananda about the situation of fulfilling the seven conditions of social stability that He once taught in Vajji:

- (1) The people in this country live in harmony.
- (2) The people are united.
- (3) The law is fair and has a tradition.
- (4) The people are virtuous and respectful.
- (5) The society is safe and secure.
- (6) The ruler and his people have faith and respect religious traditions.
- (7) They respect and support the Sangha.

In response to each question, Venerable Ananda answered that the above 7 conditions have been applied successfully in Vajji. By an objective analysis that was persuasive, and the Buddha helped Vassakra realize that *“Vajji was still very powerful, and his King Ajatasattu could not conquer Vajji”* (Digha Nikaya, 1996, p. 231).

157. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the power of reciting the Heart Dharani along with modern agricultural technologies can bring good harvest and prosperity to the country.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, oai lực trì Chú cùng cách trồng trọt mới, giúp đất nước được mùa, thịnh vượng.

南無咒力能使國土豐饒觀世音菩薩

Nam Mô Chú lực năng sử quốc độ phong nhiêu Quán Thế Âm Bồ Tát.

158. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the mighty power of reciting the Heart Dharani along with prevention and cure can prevent the spread of epidemics.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, oai lực trì Chú cùng phòng ngừa và chữa trị ngăn được bệnh dịch lan tràn.

南無咒力能除疫氣流行觀世音菩薩

Nam Mô Chú lực năng trừ dịch khí lưu hành Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**157-160. Environmental pollution.** Human beings are facing a series of pressing global environmental issues: climate change, global warming, biodiversity degradation, resource degradation of fresh water, ozone depletion, soil degradation and desertification, pollution of the sea and ocean, pollution of toxic, and persistent toxic organic substances. Consequently, the health of residents and the ecosystem are both seriously harmed. *“About 40% of deaths worldwide is caused by water, air and soil pollution”* (Tunza Eco Generation, 2017).

- In the Pacific Ocean, there is an area where ocean currents come together and move in a large circle. In this circular movement, the currents collect garbage. People call it the **Great Pacific Garbage Patch**. And 90% of this garbage is plastic, of which 80% comes from land. Garbage floats down rivers and streams and into the ocean. Plastic bags are carried out to sea with the wind. In 1997, a sailor named Charles Moore discovered these two patches and calculated that there were more than 3 million tons of plastic floating in the water. At one point he found the patch was 100 feet deep. In 2005, he estimated the size of the 2 patches together encompassing an area of 10 million square miles, an area the size of Africa. All of this garbage is hurting the environment. Fish and seabirds often think little pieces of plastic are a kind of food and they eat them. Plastic kills more than one million seabirds every year. Almost all of the plastics produced in the world in the last 60 years are still in the environment. The only solution is better control of waste on land. We need to reduce the amount of plastic we produce and use. We also have to keep beaches and the whole shoreline clean (Maraget, 2011).

159. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who (teaches human beings to protect nature) which regulates rain and sun.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài (dạy con người bảo vệ thiên nhiên), giúp mưa nắng điều hòa.

南無能除水旱不調觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ thủy hạn bất điều Quán Thế Âm Bồ Tát.

160. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches human beings to stop polluting the environment, which can lessen the effects of the irregular cyclical movements of the sun and the moon.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy con người dừng ô nhiễm môi trường, giảm hiện tượng mặt trời, mặt trăng chuyển dịch không bình thường.

南無能除日月失度觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ nhật nguyệt thất độ Quán Thế Âm Bồ Tát.

161. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can help prevent traitors of the government from causing unrest.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài giúp ngăn phản thần gây loạn.

南無能弭叛臣謀逆觀世音菩薩

Nam Mô năng nhị bần thần mưu nghịch Quán Thế Âm Bồ Tát.

162. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can advise foreign enemies to end hatred and retreat.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyên ngoại địch hóa giải thù nghịch, lui quân.

南無能使外國怨敵自降觀世音菩薩

Nam Mô năng sử ngoại quốc oán địch tự hàng Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**161-162. No war.** In the Kunala Jataka, the Buddha brought to resolution of war between two countries of Sakya and Koliya. Close relations were re-established. After becoming practitioners, both kings said, "Had not the Buddha come, we should have slain one another and set flowing rivers of blood. It is owing to the Buddha that we are alive" (The Jataka, 1905, Vol. 5, pp. 219-220).

163. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages (the rulers to practice the Tenfold Virtues of the Ruler) to perfect their country's politics.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyến khích (các nhà lãnh đạo áp dụng Thập Vương Pháp) nên chính trị quốc gia hoàn hảo.

南無能令國還政治觀世音菩薩

Nam Mô năng linh quốc hoàn chính trị Quán Thế Âm Bồ Tát.

164. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages the rulers to apply the Buddha's teachings to have favorable weather and climate.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyến khích các nhà lãnh đạo áp dụng lời Phật dạy nên mưa thuận, gió hòa.

南無能令雨澤順時觀世音菩薩

Nam Mô năng linh vũ trạch thuận thời Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**163. Tenfold Virtues of the Ruler** are the Buddhist Dharma that rulers of people, countries, companies, offices, or other organisations are proposed to hold. It states:

(1) Charity: being prepared to sacrifice one's own pleasure for the well-being of the public, such as giving away one's belongings or other things to assist others.

(2) Morality: practicing physical and mental morals and being a good example for others.

(3) Altruism: being generous and avoiding selfishness, practicing altruism.

(4) Honesty: being honest and sincere towards others, performing one's duties with loyalty and sincerity to others.

(5) Gentleness: having gentle temperament, avoiding arrogance, and never defaming others.

(6) Self controlling: destroying passion and performing duties without indolence.

(7) Non-anger: being free from hatred and remaining calm during confusion.

(8) Non-violence: exercising non-violence, not being vengeful.

(9) Forbearance: practicing patience to serve public interests.

(10) Uprightness: respecting opinions of other persons, avoiding prejudice and promoting public peace and order (The Jataka, 1905).

**164-167.** In the **Kutadanta Sutra**, the Buddha suggested economic development instead of force to reduce crime. *"The government should use the country's resources to improve the economic conditions of the country. It could embark on agricultural and rural development, provide financial support to those who undertake an enterprise and business, provide adequate wages for workers to maintain a decent life with human dignity"* (Dhammanada, 2002, p. 315).

165. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages the rulers to develop their economies and not use oppression, so that they can have abundant crop yields.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyến khích các nhà lãnh đạo phát triển kinh tế thay vì bạo lực nên cây trái, vật thực dồi dào.

南無能令果實豐饒觀世音菩薩

Nam Mô năng linh quả thực phong nhiêu Quán Thế Âm Bồ Tát.

166. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages the rulers to develop their economies and not use oppression to bring peace and happiness to the people.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyến khích các nhà lãnh đạo phát triển kinh tế thay vì bạo lực nên nhân dân an lạc.

南無能興人民安樂觀世音菩薩

Nam Mô năng hưng nhân dân an lạc Quán Thế Âm Bồ Tát.

167. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages the rulers to apply the Buddha's teachings to eliminate all misfortunes.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyến khích các nhà lãnh đạo áp dụng lời Phật dạy nên xấu ác tiêu trừ.

南無能令惡事消滅觀世音菩薩

Nam Mô năng linh ác sự tiêu diệt Quán Thế Âm Bồ Tát.

168. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages the rulers and their people to apply the Buddha's teachings, so that they gain security and stability for the country.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyến khích các nhà lãnh đạo và dân chúng áp dụng lời Phật dạy nên đất nước yên ổn.

南無能令國土安穩觀世音菩薩

Nam Mô năng linh quốc độ an ổn Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**168. State religion.** In 704, when the first Constitution of Japan was published by Prince Shōtoku, Buddhism was considered the state religion. *“The second article of the Constitution states: Honor the Three Jewels. The Three Jewels means Buddha, Dharma, and Sangha. This is the supreme command of the kingdom”* (Lý, 1997, p. 66). The Japanese believe that Prince Shōtoku was the embodiment of Avalokiteśvara Bodhisattva.

169. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who invites Sunlight Bodhisattva to help living beings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài mời Bồ Tát Nhật Quang giúp chúng sanh.

南無令日光菩薩擁護眾生觀世音菩薩

Nam Mô linh Nhật Quang Bồ Tát ủng hộ chúng sanh Quán Thế Âm Bồ Tát.

170. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who invites Moonlight Bodhisattva to help living beings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài mời Bồ Tát Nguyệt Quang giúp chúng sanh.

南無令月光菩薩擁護眾生觀世音菩薩

Nam Mô linh Nguyệt Quang Bồ Tát ủng hộ chúng sanh Quán Thế Âm Bồ Tát.

171. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who guides living beings to develop their Mahayana seeds by practicing the Six Paramitas.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hướng dẫn chúng sanh nuôi lớn mầm Giáo Pháp Đại Thừa bằng thực hành Lục Độ hạnh.

南無能令大乘法芽增長觀世音菩薩

Nam Mô năng linh Đại Thừa Pháp nha tăng trưởng Quán Thế Âm Bồ Tát.

172. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages researchers to practice the Buddha Dharma, so they become eloquent.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khích lệ nhà nghiên cứu thực hành Phật Pháp nên biện tài vô ngại.

南無能興所修成辦觀世音菩薩

Nam Mô năng hưng sở tu thành biện Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**169-171. Sunlight Bodhisattva and Moonlight Bodhisattva** are the two leading Bodhisattvas who assist the Medicine Master Buddha in the *“Pure Vaidurya”* in the Eastern Land.

**Six Paramitas:** giving, moral precepts, patience, vigor, meditational concentration, and wisdom.

173. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who sincerely recite the Heart Dharani shall not suffer from fifteen kinds of untimely death.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Tâm Chú Đại Bi không bị mười lăm nạn chết oan.**

南無能除十五種惡死觀世音菩薩

Nam Mô năng trừ thập ngũ chủng ác tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

174. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not die of starvation.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không chết vì đói.**

南無不令飢餓苦死觀世音菩薩

Nam Mô bất linh cơ ngã khổ tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

**172. Ocean poem.** In the Sutra of Fa Hai King, the Buddha taught: Our brother fisherman has described eight wonderful characteristics of the sea. I will now describe eight wonderful characteristics of the true path.

(1) The Dharma is like the ocean whose shores slope gently downwards. In the teaching, every person can progress from the easy to the difficult, from the low to the high, from the superficial to the profound. The Dharma is broad enough to accommodate every temperament.

(2) As the ocean stays in the same place, so does the Dharma. The principles of the teaching are constant. The precepts have been clearly transmitted. The true Dharma dwells wherever people study and practice the principles and precepts.

(3) As the ocean never holds onto a corpse, the Dharma does not tolerate ignorance, laziness, or violation of the precepts. Any person who does not maintain the practice will find himself eventually removed from the community.

(4) As the ocean receives all rivers equally, the Dharma receives people from all castes equally. And just as rivers that empty into the sea leave their own names behind, those who enter the path leave their caste, lineage, and former positions behind to take the name of Bhikṣu.

(5) Just as the level of the sea remains constant, the Dharma remains constant no matter how many or how few people follow it. Dharma cannot be measured by numbers.

(6) As seawater is always salty, the Dharma, though it be revealed in countless ways and though there are countless methods of practice, has only one taste. That is the taste of liberation.

(7) As the ocean contains coral, mother-of pearl, and precious stones, the Dharma contains sublime and precious teachings like the Four Noble Truths, the Four Right Efforts, the Five Faculties, the Five Powers, the Seven Factors of Awakening, and the Noble Eightfold Path.

(8) As the ocean provides a safe refuge to thousands of living beings, the Dharma provides refuge to all, whether they are unschooled children or Great Beings like the Bodhisattvas. There are countless students of Dharma who have attained the fruits of Stream Enterer, Once Returner, Never Returner, or Arhat (Thich, 1991).



175. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not die from being imprisoned or tortured.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không chết vì giam cầm, đánh đập.

南無不為禁杖楚死觀世音菩薩

Nam Mô bất vi cầm trượng sở tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

176. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not die because of hostility from those they have mistreated.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không chết vì oan gia thù địch.

南無不為冤讎對死觀世音菩薩

Nam Mô bất vi oan thù đối tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

177. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not die in battlefields.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không chết vì giết nhau giữa chiến trường.

南無不為軍陣相殺死觀世音菩薩

Nam Mô bất vi quân trận tương sát tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

178. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not die from evil desires and hatred.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không chết vì ham muốn ác độc, thù oán.

南無不為惡欲怨苦死觀世音菩薩

Nam Mô bất vi ác dục oán khổ tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

179. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not die from the venom of poisonous snakes.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không chết vì rắn độc cắn.

南無不為毒蛇所中死觀世音菩薩

Nam Mô bất vi độc xà sở trúng tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

180. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not die from drowning and burning.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không bị chết trôi, lửa cháy.**

南無不為水火漂焚死觀世音菩薩

Nam Mô bất vi thủy hỏa phiêu phần tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

181. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not die from being poisoned.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không chết vì thuốc độc.**

南無不為毒藥所中死觀世音菩薩

Nam Mô bất vi độc dược sở trúng tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

182. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not die from poisonous insects and worms.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không chết vì trùng độc hại.**

南無不為蠱毒所害死觀世音菩薩

Nam Mô bất vi cổ độc sở hại tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

183. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not die of madness or insanity.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không chết vì điên loạn.**

南無不為狂亂失念死觀世音菩薩

Nam Mô bất vi cuồng loạn thất niệm tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

**173. These kinds of untimely death** are similar to the explanation of Salvation Bodhisattva in the Sutra of the Medicine Buddha (2001, pp. 42-43).

**174-195. The core of the Heart Dharani** is the 10 Wonderful Hearts, which show the process of practicing the Bodhisattva path from a practitioner commencing the first vow to the Buddhahood. Before reciting the Heart Dharani, practitioners need to turn towards living beings and make 16 great vows and apply 12 sources of energy supported by the Buddhas. The great power of this Dharani can transform the evil karmas in the previous lives into powerful aspirations in the current cultivation. To do so, the practitioners, with pure sincerity, vow to keep the precepts and repent their previous sins themselves and on behalf of living beings in countless past kalpas. At the same time, they keep reciting this Dharani. As a result, they can avoid 15 evil deaths and other intense karmas; concurrently, they gain 15 good birth places and other merits (Ten Features of the Great Compassionate Heart Sutra, p. 169 of this book).

184. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not die by landslides or falling trees.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không chết vì cây đổ, bờ sụp.

南無不為樹岸墜落死觀世音菩薩

Nam Mô bất vi thụ ngạn trụ lạc tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

185. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not die from curses and bewitchings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không chết vì người ác trừ ếm.

南無不為惡人厭魅死觀世音菩薩

Nam Mô bất vi ác nhân yểm mị tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

186. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not die by deviant spirits or evil ghosts.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không chết vì thần tà, quỷ dữ.

南無不為邪神惡鬼得便死觀世音菩薩

Nam Mô bất vi tà thần ác quỷ đắc tiện tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

187. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not die from malignant illnesses.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không chết vì thân mang bệnh dữ.

南無不為惡病纏身死觀世音菩薩

Nam Mô bất vi ác bệnh triền thân tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

188. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not commit suicide.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không tự hại vì không biết ơn thân mạng.

南無不為非分自害死觀世音菩薩

Nam Mô bất vi phi phận tự hại tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

189. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who sincerely recite the Heart Dharani will obtain fifteen kinds of good birth.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Tâm Chú Đại Bi được sanh mười lăm chỗ lành.

南無得十五種善生觀世音菩薩

Nam Mô đắc thập ngũ chủng thiện sanh Quán Thế Âm Bồ Tát.

190. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters were born under a kind ruler.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú sanh ra gặp Vua hiền.

南無所生常逢善王觀世音菩薩

Nam Mô sở sanh thường phùng thiện Vương Quán Thế Âm Bồ Tát.

191. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall always be born in a peaceful country.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú sanh vào nước bình yên.

南無常生善國觀世音菩薩

Nam Mô thường sanh thiện quốc Quán Thế Âm Bồ Tát.

192. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall always be born during a prosperous time.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú sanh vào thời thịnh vượng.

南無常生好時觀世音菩薩

Nam Mô thường sanh hảo thời Quán Thế Âm Bồ Tát.

193. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall often meet virtuous friends.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú thường gặp bạn lành.

南無常逢善友觀世音菩薩

Nam Mô thường phùng thiện hữu Quán Thế Âm Bồ Tát.

194. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall be born with complete senses.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú đầy đủ giác quan.**

南無身根具足觀世音菩薩

Nam Mô thân căn cụ túc Quán Thế Âm Bồ Tát.

**196. Five precepts of a Buddhist.** Plum Village (2009) explains the followings:

(1) Aware of the suffering caused by the destruction of life, I vow to cultivate the insight of interbeing and compassion and learning ways to protect the lives of people, animals, plants, and minerals. I vow not to kill, not to let others kill, and not to support any act of killing in the world, in my thinking, or in my way of life.

(2) Aware of the suffering caused by exploitation, social injustice, stealing, and oppression, I vow to cultivate kindness and learn ways to work for the well-being of people, animals, plants, and minerals. I will practice generosity by sharing time, energy, and material resources with people in need. I vow not to steal and not to possess anything that belongs to others. I will respect the property of others, but I will prevent others from profiting from human suffering or the suffering of other species on Earth.

(3) Aware of the suffering caused by sexual misconduct, I vow to cultivate responsibility and learn ways to protect the safety and integrity of individuals, couples, families, and society. I vow not to engage in sexual relations without true love and a deep, long-term commitment. To preserve the happiness of myself and others', I vow to respect my commitment and others'. I will do everything in my power to protect children from sexual abuse and to prevent couples and families from being broken up by sexual misconduct.

(4) Aware of the suffering caused by unmindful speech and the inability to listen to others, I vow to cultivate loving speech and deep listening in order to bring joy and happiness to others and relieve their suffering. Knowing that words can create happiness or suffering, I vow to speak truthfully, with words that inspire self-confidence, joy, and hope. I will not spread news that I do not know to be certain and not criticize or condemn things of which I am not sure. I will refrain from uttering words that can cause division or discord, or that can cause the family or the community to break up. I vow to make all efforts to reconcile and resolve all conflicts, however small.

(5) Aware of the suffering caused by unmindful consumption, I vow to cultivate good health for myself, my family, and my society by practicing mindful eating, drinking, and consuming. I will ingest only items that preserve peace, well-being, and joy in my body, in my consciousness, and in the collective body and consciousness of my family and society. I vow not to use alcohol or other intoxicants or to ingest foods or other items that contain toxins, such as certain TV programs, magazines, books, films, websites, electronic games, gambling, and conversations. I am aware that to harm my body or my consciousness with these poisons is to betray my ancestors, my parents, my society, and future generations. I will work to transform violence, fear, anger, and confusion in myself and in society by following a diet and good habits for myself and for society. I understand that a proper diet is crucial for self-transformation and for the transformation of society.

195. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall follow the path of a pure and mature heart.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú tâm đạo thuần thành.

南無道心純熟觀世音菩薩

Nam Mô đạo tâm thuần thực Quán Thế Âm Bồ Tát.

196. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not violate the precepts.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không phạm giới luật.

南無不犯禁戒觀世音菩薩

Nam Mô bất phạm cấm giới Quán Thế Âm Bồ Tát.

197. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall have harmonious families.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú gia đình hòa thuận.

南無所有眷屬和順觀世音菩薩

Nam Mô sở hữu quyến thuộc hòa thuận Quán Thế Âm Bồ Tát.

198. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall obtain the respect.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú được tôn kính.

南無得人恭觀世音菩薩

Nam Mô đắc nhân cung Quán Thế Âm Bồ Tát.

199. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall not have their possessions plundered by others.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú không bị chiếm đoạt tài sản.

南無所有無他劫奪觀世音菩薩

Nam Mô sở hữu vô tha kiếp đoạt Quán Thế Âm Bồ Tát.

200. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall have their wishes satisfied.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú cầu gì được nấy.

南無所求皆稱觀世音菩薩

Nam Mô sở cầu giai xúng Quán Thế Âm Bồ Tát.

201. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall always have support from the Devas, Dragons, and Good Deities.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú được Trời, Rồng, Thiện Thần ủng hộ.

南無龍天善神常護觀世音菩薩

Nam Mô Long Thiên Thiện Thần thường hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

202. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall be born in places where they will see the Buddha and hear the Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú sanh ra được thấy Phật, nghe Pháp.

南無所生見佛聞法觀世音菩薩

Nam Mô sở sanh kiến Phật văn Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

203. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters shall have a profound understanding of the meaning of the Buddha's teachings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú hiểu ý nghĩa sâu khi nghe Phật Pháp.

南無所聞正法悟甚深義觀世音菩薩

Nam Mô sở văn Chánh Pháp ngộ thậm thâm nghĩa Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**203. The Proper Dharma.** The Buddha's first teaching is the Four Noble Truths: (1) The truth of sufferings: birth; aging; illness; death; union with what is displeasing; separation from what is pleasing; not to get what one wants; the five aggregates subject to clinging. All of them are sufferings. (2) The truth of the origin of sufferings: craving for sensual pleasures and for becoming. (3) The truth of the complete cessation of suffering which is Nirvana. (4) The truth of the path leading to the cessation of the origin of sufferings: It is the Noble Eightfold Path consisting of right view, right intention, right speech, right action, right livelihood, right effort, right mindfulness, and right concentration. This Path contains the threefold training of precept, samadhi, and wisdom (Narada, 1988).



204. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, may I quickly know languages and all subjects in life.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nguyện con mau biết ngôn ngữ và các môn học thế gian.**

南無與我速知一切法觀世音菩薩

Nam Mô dũ ngã tốc tri nhất thiết pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

205. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, may I soon obtain the eye of Wisdom.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nguyện con sớm được mắt Trí Tuệ.**

南無與我早得智慧眼觀世音菩薩

Nam Mô dũ ngã tảo đắc Trí Tuệ nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát.

206. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, may I quickly ferry living beings to the shore of liberation.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nguyện con mau độ hết thủy chúng sanh.**

南無與我速度一切眾觀世音菩薩

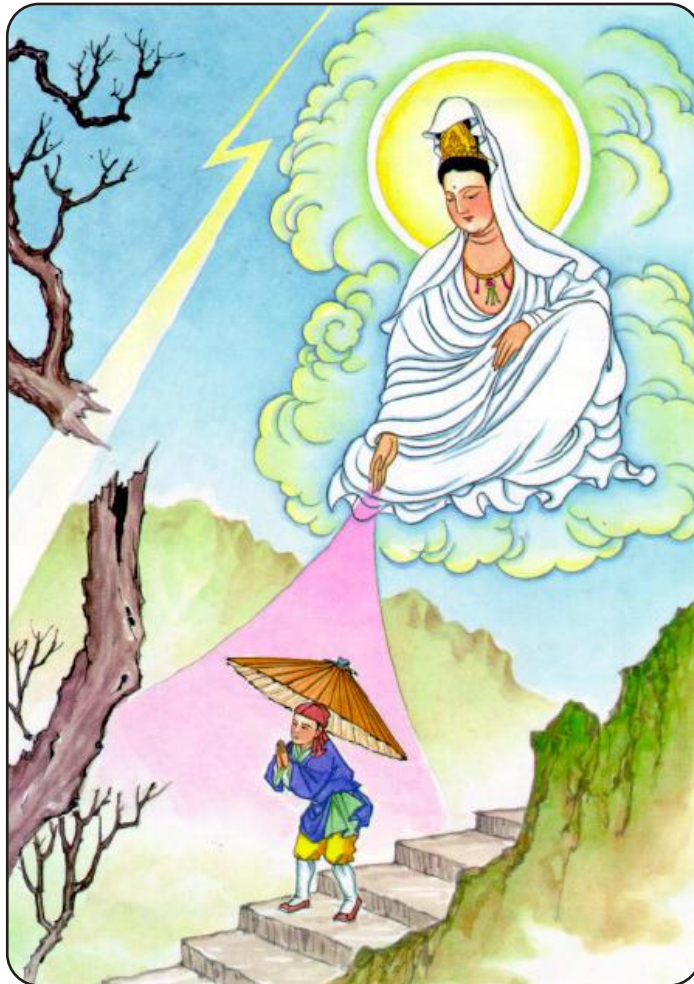
Nam Mô dũ ngã tốc độ nhất thiết chúng Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**204-210. Ten vows.** These are the ten vows before reciting the Great Compassionate Heart Dharani. Their content is the journey of Bodhisattva, both for attaining Enlightenment and saving living beings. The practitioners' first vow is to know all the laws, cultures, religions, ethics, education, economics, science, and especially languages because they must communicate with people from diverse backgrounds. Then they need to make efforts to practice the precepts, samadhi, and wisdom to attain the Great Wisdom as a skillful means to help living beings escape from samsara. The ultimate purpose of the journey is to end all greed, hatred, and delusion to attain Nirvana.

**Samadhi** (Skt) means concentration. In the Jewel Platform Sutra, Hui-Neng taught: "*Samadhi and wisdom are one substance, not two. Samadhi is the substance of wisdom, and wisdom is the function of samadhi. Where there is wisdom, samadhi is in the wisdom. Where there is samadhi, wisdom is in the samadhi. For example, a lamp and its light. With the lamp, there is light. Without the lamp, there is darkness. The lamp is the substance of the light and the light is the function of the lamp*" (Thiền Phúc, 2005, Vol. 6, p. 4527).

**Five eyes.** (1) The flesh-eye sees obstacles and does not penetrate. (2) The heavenly eye penetrates unobstructed. (3) The Dharma-eye can contemplate only the relative truth. (4) The wisdom-eye can contemplate and know true emptiness. (5) The Buddha-eye blazes forth like a thousand suns. Although the five eyes' functions differ, their substance is of one source.



*Avoiding lightning*

207. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, may I soon obtain skillful means.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nguyện con sớm được phương tiện khéo.**

南無與我早得善方便觀世音菩薩

Nam Mô dĩ ngã tảo đắc thiện phương tiện Quán Thế Âm Bồ Tát.

208. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, may I quickly board the Prajna boat.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nguyện con mau lên thuyền Bát Nhã.**

南無與我速乘般若船觀世音菩薩

Nam Mô dĩ ngã tốc thừa Bát Nhã thuyền Quán Thế Âm Bồ Tát.

209. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, may I soon transcend the ocean of suffering.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nguyện con sớm vượt qua biển khổ.

南無與我早得越苦海觀世音菩薩

Nam Mô dũ ngã đắc việt khổ hải Quán Thế Âm Bồ Tát.

210. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, may I quickly achieve the Precepts and Samadhi.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nguyện con mau thành tựu Giới Định.

南無與我速得戒定道觀世音菩薩

Nam Mô dũ ngã tốc đắc Giới Định đạo Quán Thế Âm Bồ Tát.

211. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, may I soon achieve Nirvana.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nguyện con sớm chứng Niết Bàn.

南無與我早登涅槃山觀世音菩薩

Nam Mô dũ ngã tao đặng Niết Bàn sơn Quán Thế Âm Bồ Tát.

212. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, may I quickly achieve the Unconditioned Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nguyện con mau chứng Vô Vi Pháp.

南無與我速會無為舍觀世音菩薩

Nam Mô dũ ngã tốc hội Vô Vi xá Quán Thế Âm Bồ Tát.

213. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, may I soon achieve the Dharma Body.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nguyện con sớm được chân thân Phật.

南無與我早同法性身觀世音菩薩

Nam Mô dũ ngã tao đồng Pháp tánh thân Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**211-212. Unconditioned:** “another expression of Nirvana” (Bodhi, 2005, p. 364).

**213. Three Bodies of a Buddha.** *The Dharma Body* (Dharmakaya, Skt) is the principle and nature of Fundamental Enlightenment. *The Reward Body* is attained as the result of a series of spiritual disciplines carried on through so many kalpas. *The Transformation Body* is a compassionate appearance in response to living beings.

214. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, may I often see all the Buddhas in the universe.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nguyện con thường thấy mười phương Phật.

南無常見十方佛觀世音菩薩

Nam Mô thường kiến thập phương Phật Quán Thế Âm Bồ Tát.

215. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, may I often listen to all Dharmas.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nguyện con thường nghe tất cả Pháp.

南無常聞一切善法觀世音菩薩

Nam Mô thường văn nhất thiết thiện Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

216. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, may I often witness the effects of His thousand eyes and thousand hands.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nguyện con thường chứng kiến hiệu lực ngàn tay ngàn mắt.

南無常觀千手千眼觀世音菩薩

Nam Mô thường đồ thiên thủ thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát.

**214. Ten directions:** north, south, east, west, northeast, northwest, southeast, southwest, above, and below. Ten directions mean all universes. In this Saha world, the Enlightened Ones and living beings dwell in the same place. To save living beings, the Enlightened Ones enter this polluted world. For example, Venerable Ananda made His vow: “I vow to enter first the evil world even though difficulties and dangers. If a single being is not accomplished Buddhahood, accordingly I also must renounce Nirvana’s Bliss” (Shurangama Sutra, n.d).

**215. The Diamond Sutra.** Those who deeply practice the perfect Wisdom of Prajna are aware that all dharmas are empty, dependent arising, interbeings, and selfless. The Buddha said, “All dharmas are the Buddha-Dharma” (Thiền Phúc, 2005, Vol. 6, p. 4599).

**216. Thousand hands and eyes.** Cultivating the hearts of kindness, compassion, joy, and equanimity, we will recognize countless Avalokiteśvara Bodhisattva’s arms around us like the arms of parents, teachers, nurses, soldiers, farmers, workers, garbage collectors, etc. The most Venerable Hsuan Hua (n.d.) explains that a Bodhisattva is one who helps others. If you help people, you are a Bodhisattva; if I help you, I am also a Bodhisattva.

**217-218. Potalaka mountain.** A famous mountain located on the southern coast of India. Avalokiteśvara Bodhisattva manifested Himself there. “From countless Buddhas and congregations, I have repeatedly heard, accepted and held this Dharani, and the joys were also repeatedly aroused from my heart, and made me greatly enthusiastic” (Great Compassion Dharani Sutra, 2009, p. 4).

217. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has often appeared at Potalaka mountain.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài thường ngự nơi núi Phổ Đà.**

南無常在補陀落山觀世音菩薩

Nam Mô thường tại Bồ Đà Lạc sơn Quán Thế Âm Bồ Tát.

218. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has taught the Heart Dharani by practicing Himself.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy Tâm Chú Đại Bi bằng thân giáo.**

南無常演說大悲心咒觀世音菩薩

Nam Mô thường diễn thuyết Đại Bi Tâm Chú Quán Thế Âm Bồ Tát.

219. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, the Vajra Secret-Traces Knight vows to help the Heart Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Mật Tích Kim Cang nguyện giúp người trì Tâm Chú Đại Bi.**

南無能遣密跡金剛擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Mật Tích Kim Cương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

**219-271. Guarding Dharani-reciters.** Appreciative of His kindness and compassion, many Devas, Dragons, Good Deities, Immortals, Yaksas, Pajis, Sahassakkhas, Kimnaras, Golden Peacock King, Asuras, Ghandharvas, Mahoragas, Ghost Kings ect. vow to guard the Dharani-reciters of the Great Compassion Heart.

**Tree Deity.** *“In 1942, during the transmission of the Precepts by the Most Venerable Xu Yun in China, a tree spirit which lived in a tree at the monastery came to receive him as a Bhiksu preceptee. He said that he was called Zhang, 34 years old, and had been born in Qujiang. As he was frank and sincere, he was provided with all the things required and given the Dharma name of Zhang Yu. Before the transmission, he worked hard at cleaning the temple. He was reserved and did not speak to the other monks. When he was admitted to the Vinaya Hall, he faultlessly observed the rules of discipline, but after he had received the Bodhisattva Precepts, he could not be found, so his robe and certificate of discipleship were kept in the Vinaya Hall. Before the next year transmission of the Precepts, Master Xu Yun dreamed that the monk Zhang Yu came and asked for the certificate. Asked where he went after the transmission, he replied that he had not gone anywhere as he lived with the Earth Deity at the monastery. His certificate was then burned as an offering and thus returned to him” (Yun, 2017, p. 176).*

220. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Uchusma vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Ô Sô Kim Cang nguyện giúp người trì Chú.**

南無常得烏芻金剛擁護觀世音菩薩

Nam Mô thường đắc Ô Sô Kim Cương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

221. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Kundalin vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Kim Cang Quân Trà Lợi nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣軍荼利金剛擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Quân Trà Lợi Kim Cương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

222. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Ankusa vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Kim Cang Uyên Câu Thi nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣鵞俱屍金剛擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Uyên Câu Thi Kim Cương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

223. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, the Eight Clans' Powerful Knights vow to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Tám Bộ Lực Sĩ nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣八部力士擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Bát Bộ Lực Sĩ ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

224. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Shankara vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thống Lãnh Tám Bộ Lực Sĩ nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣賞迦羅金剛擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Thưởng Ca La Kim Cương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.



225. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Mahesvara vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Trời Đai Tụ Tại nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣摩醯首羅擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Ma Hê Thủ La ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

226. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Narayana vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Trời Na La Diên nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣那羅延擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Na La Diên Ủng Hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

227. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Kumbhiraba vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Kim Tỳ La nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣金毗羅擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Kim Tỳ La ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

228. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Kapila vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Bà Tỳ La nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣婆毗羅擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Bà Tỳ La ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

229. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Garuda vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Đầu Đàn Chim Cánh Vàng nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣婆馱婆擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Bà Cấp Bà ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.



230. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Sahassakkhas vow to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Chim Cánh Vàng nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣迦婁羅擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Ca Lô La ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

231. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Perfect-virtuous Chebuds vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Mãn Hỷ Xa Bát nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣滿善車鉢擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Mãn Hỷ Xa Bát ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

232. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Kimnara vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Chân Đà La nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣眞陀羅擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Chân Đà La ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

233. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Panika vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Dược Xoa Bán Chỉ La nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣半祇羅擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Bán Chỉ La ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

234. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Bhipagara King vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Vua Thần Cây nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣畢婆伽羅王擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Tát Bà Già La Vương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

235. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Vitasahas vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Hoan Hỷ nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣應德毗多擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Ứng Đức Tỳ Đa ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

236. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Makara vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Đầu Đàn Cá Ma Kiệt nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣薩和羅擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Tát Hòa La Ủng Hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

237. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Brahma King vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Trời Phạm Vương nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣三鉢羅擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Tam Bát La ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

238. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Suyamadeva vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Tịnh Cư nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣五部淨居擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Ngũ Bộ Tịnh Cư ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

239. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Yama vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Diêm Vương nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣燄羅擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Diêm La ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

240. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Sakra vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Vua Trời Đế Thích nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣帝釋王擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Đế Thích Vương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

241. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Sarasvatis vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Vua Trời Đại Biện Tài nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣大辯天擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Đại Biện Thiên ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

242. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Vardhanas vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thiên Nữ Cát Tường nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣功德天擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Công Đức Thiên ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

243. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Great Vardhanas vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thiên Nữ Đại Cát Tường nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣婆涅那擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Bà Niết Na ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

244. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Dhritarastra King vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Vua Trời Đề Đầu Lại Tra nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣提頭賴吒天王擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

245. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Hariti vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Bồ Đan Na nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣補丹那擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Bồ Đan Na ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

246. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Great Strength Deities vow to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên các Thần Đại Lực nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣大力眾擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Đại Lực Chúng ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

247. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Virudhaka King vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Vua Trời Tỳ Lô Lặc Xoa nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣毗婁勒叉天王擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Tỳ Lô Lặc Xoa Thiên Vương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

248. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Virupaksa King vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Vua Trời Tỳ Lô Bác Xoa nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣毗婁博叉天王擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Tỳ Lô Bác Xoa Thiên Vương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

249. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Vaisravana King vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Vua Trời Tỳ Sa Môn nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣毗沙門天王擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Tỳ Sa Môn Thiên Vương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

250. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, the Golden Peacock King vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Đại Bàng Kim Sí  
Điểu nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣金色孔雀王擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Kim Sắc Khổng Tước Vương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

251. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, the Twenty-eight Clans of Great Immortals vow to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Hai Mươi Tám Bộ  
Đại Tiên nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣二十八部大僊眾擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Nhị Thập Bát Bộ Đại Tiên Chúng ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

252. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Manibhadra vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Dược Xoa Ma Ni  
nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣摩尼王擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Ma Ni Vương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

253. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Gunabhadra vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Dược Xoa Bạt Đà  
La nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣跋陀羅擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Bạt Đà La ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

254. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Pancika-Imperator vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Được Xoa Tán Chi nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣散支大將擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Tán Chi Đại Tướng ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

255. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Phalava vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Được Xoa Phát La Bà nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣弗羅婆擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Phát La Bà ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

256. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Nanda Dragon-King vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Vua Rồng Nan Đà nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣難陀龍王擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Nan Đà Long Vương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

257. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Upandanda Dragon-King vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Vua Rồng Bạt Nan Đà nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣跋難陀龍王擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Bạt Nan Đà Long Vương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

258. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Sagara Dragon-King vows to help the Dharani-reciters.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Bà Già La Long Vương nguyện giúp người trì Chú.**

南無能遣婆伽羅龍王擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Bà Già La Long Vương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

259. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Ibhra Dragon-King vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Y Bát La Long Vương nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣伊鉢羅龍王擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Y Bát La Long Vương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

260. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Asuras vow to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên A Tu La nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣阿修羅擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến A Tu La Ủng Hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

261. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Gandharvas vow to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Múa Hát nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣乾闥婆擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Càn Thát Bà ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

262. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Kinnara vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Nhạc Trời nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣緊那羅擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Khẩn Na La ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

263. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Mahoraga vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Rắn Lớn nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣摩睺羅擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Ma Hầu La ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.



264. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, the Deity of Water vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Nước nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣水神擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiển Thủy Thần ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

265. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, the Deity of Fire vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Lửa nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣火神擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiển Hỏa Thần ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

266. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, the Deity of Wind vows to help the Dharani-reciters.

Kính Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Gió nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣風神擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiển Phong Thần ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

267. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, the Deity of Earth vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Đất nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣地神擁護觀世音菩薩

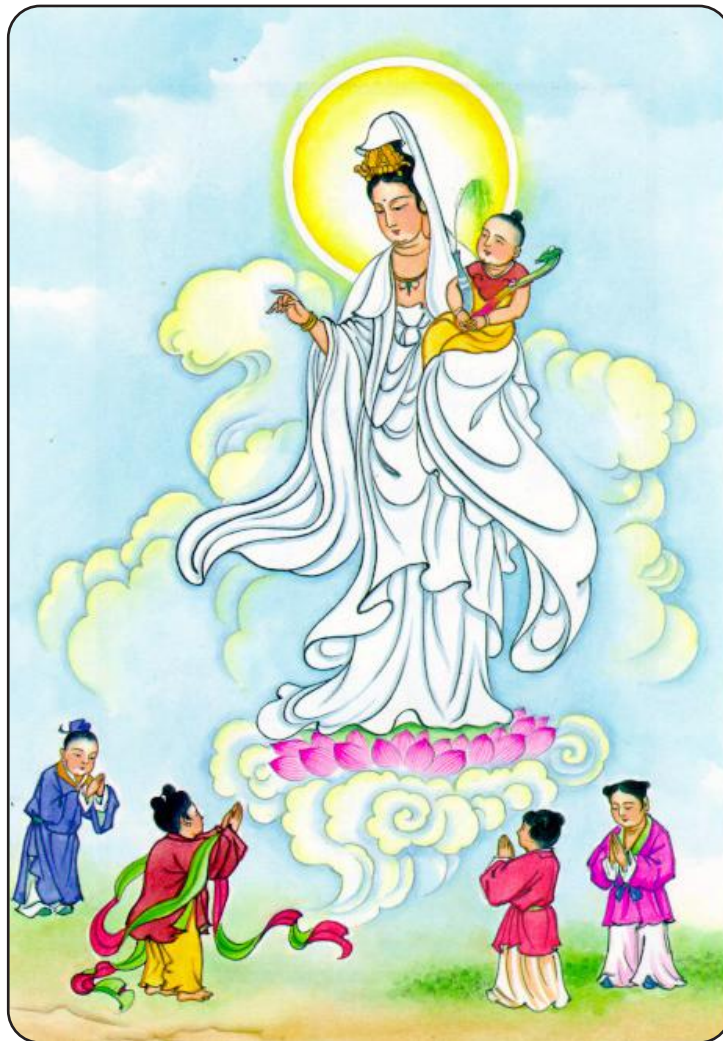
Nam Mô năng khiển Địa Thần ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

268. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, the Deity of Thunder vows to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Sấm nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣雷神擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiển Lôi Thần ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.



*Helping women give birth to son or daughter as desires*

269. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, the Deity of Lightning vows to help the Dharani-reciters. **Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Thần Sét nguyện giúp người trì Chú.**

**南無能遣電神擁護觀世音菩薩**

**Nam Mô năng khiển Điện Thần ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.**

270. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Kumbhandas vow to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Quỷ Yểm Mị nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣鳩槃荼擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Cựu Bàn Trà ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

271. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, Pisacas vow to help the Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Quỷ Đạm Tinh Khí nguyện giúp người trì Chú.

南無能遣毗舍闍擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiến Tỳ Xá Xà ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

272. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages the practitioners to quickly fulfill the Six Paramitas.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyến khích người tu tập mau hoàn mãn sáu Ba La Mật.

南無速令滿足六度行觀世音菩薩

Nam Mô tốc linh mãn túc Lục Độ hạnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**272. Paramita** (Skt) means reaching the other shore to Nirvana. “For Mahayana Buddhists, the main goal is to become a Buddha. The Arhats, the Pratyekabuddhas, the Zen Masters also attained Enlightenment and Liberation, but they were still not the Buddhas. Why do Buddhists vow to become a Buddha? Is enlightenment and liberation not enough? **Not enough** for ones who have understood and seen all living beings as themselves. We are no different from living beings; the suffering of living beings is our own suffering, and the liberation of living beings is also our own liberation. If you have not understood, then you must at least think that, from beginning to currently, drifting in samsara, all living beings have at least once been our parents. They have nurtured, loved, cared for us with much hardship, sometimes even sacrificing their lives for us. As such, how we only vow to attain enlightenment and liberation alone” (Thích, 1990, p. 3).

273. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages the Sravakas to quickly achieve the four stages of Enlightenment.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyến khích các bậc Thanh Văn mau chứng bốn quả Thánh.

南無速令聲聞證果觀世音菩薩

Nam Mô tốc linh Thanh Văn chứng quả Quán Thế Âm Bồ Tát.

274. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages the practitioners to quickly gain deep faith in Mahayana.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khích lệ người tu tập sớm tin sâu Pháp Đại Thừa.

南無速令得大乘信根觀世音菩薩

Nam Mô tốc linh đắc Đại Thừa tín căn Quán Thế Âm Bồ Tát.

**273. The four stages of enlightenment:** (1) The Stream-Enterer enters the stream of the Noble Eightfold Path, opens the eye of the Dharma, and has the utmost confidence in the Three Precious Jewels. The Stream-Enterer eliminates the three fetters of identity view, doubt, and wrong grasp of ritual rules. (2) The Once-Returner weakens the three fetters of lust, hatred, and delusion. (3) The Non-Returner eliminates the five fetters above (except for delusion). (4) The Arhat eliminates the five fetters of desire for existence in form realm, desire for formless existence, conceit, restlessness, and delusion. One who enters this stage is free from all ten fetters, becomes free from the cycle of rebirth and death, and attains Nirvana.

**Arhat** (Skt), **Arahant** (P): A monk or a nun who has attained Nirvana.

**274. Faith in Mahayana:** All living beings have the Buddha-nature. The Kalama Sutra is often cited by those of the Theravada and Mahayana traditions alike as the Buddha's "*charter of free inquiry*." The Kalama Sutra states: "*Come, Kalamas. Do not go upon what has been acquired by repeated hearing, nor upon tradition, nor upon rumor, nor upon what is in a scripture, nor upon surmise, nor upon an axiom, nor upon specious reasoning, nor upon a bias towards a notion that has been pondered over, nor upon another's seeming ability, nor upon the consideration, the monk is our teacher. Kalamas, when you yourselves know: These things are good; these things are not blamable; these things are praised by the wise; undertaken and observed, these things lead to benefit and happiness, enter on and abide in them.*"

The Buddha continues to argue that the three unwholesome roots of greed, hatred, and delusion lead to the opposite negative results, i.e. they are unskillful, blameworthy, etc. Consequently, behavior based on these three roots should be abandoned. Moral judgements of actions can therefore be deduced by analyzing whether these actions are based on the unwholesome roots or not (Bodhi, 1998).

275. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages the practitioners to quickly attain the Stages and Paths of the Bodhisattvas.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyến khích người tu tập mau chứng các quả vị Bồ Tát.

南無速令得十住地觀世音菩薩

Nam Mô tốc linh đắc Thập Trụ Địa Quán Thế Âm Bồ Tát.

276. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages the practitioners to quickly attain the Stream-enterer.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyến khích người tu tập mau Vào Dòng Thánh.

南無速令到佛地觀世音菩薩

Nam Mô tốc linh đáo Phật Địa Quán Thế Âm Bồ Tát.

277. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages the practitioners to quickly achieve the thirty-two good marks.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyến khích người tu tập mau được ba mươi hai tướng tốt.

南無速令成就三十二相觀世音菩薩

Nam Mô tốc linh thành tựu tam thập nhị tướng Quán Thế Âm Bồ Tát.

**275-276.** See # 273. **Buddha-land** is a land in which a Buddha dwells.

**277-278. Thirty-two good marks.** (1) Level feet, (2) thousand-spoked wheel sign on the feet, (3) long, slender fingers, (4) pliant hands and feet, (5) toes and fingers finely webbed, (6) full-sized heels, (7) arched insteps, (8) thighs like a royal stag, (9) hands reaching below the knees, (10) well-retracted male organ, (11) height and stretch of arms equal, (12) every hair-root dark colored, (13) body hair graceful and curly, (14) golden hued body, (15) ten-foot aura around him, (16) soft, smooth skin, (17) soles, palms, shoulders and crown of head well-rounded, (18) area below the armpits well-filled, (19) lion shaped body, (20) body erect and upright, (21) full, round shoulders, (22) forty teeth, (23) teeth white, even and close, (24) four canine teeth pure white, (25) lion-jawed, (26) saliva that improves the taste of all food, (27) tongue long and broad, (28) voice deep and resonant, (29) eyes deep blue, (30) eyelashes like a royal bull, (31) white urna curl that emits light between brows, (32) fleshy protuberance on the crown of the head (Digha Nikaya, 1996, pp. 205-206).

**Eighty signs of perfection** are just replicated based on the thirty-two good marks and the addition of some more good marks.

278. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages the practitioners to quickly achieve the eighty signs of perfection.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyến khích người tu tập mau được tám mươi vẻ đẹp.

南無速令成就八十種好觀世音菩薩

Nam Mô tốc linh thành tựu bát thập chủng hảo Quán Thế Âm Bồ Tát.

279. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who converts sinners to eliminate their evil karmas and immediately empty hell.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài cảm hóa tội nhân dứt nghiệp ác tức thì hết địa ngục.

南無能令地獄門開罪人解脫觀世音菩薩

Nam Mô năng linh địa ngục môn khai tội nhân giải thoát Quán Thế Âm Bồ Tát.

280. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who guides cultivators to achieve a state of bliss.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hướng dẫn người tu tập thân tâm nhẹ nhàng, an lạc.

南無能令眾生得大勝樂觀世音菩薩

Nam Mô năng linh chúng sanh đắc đại thắng lạc Quán Thế Âm Bồ Tát.

281. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who guides living beings to achieve great benefits.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hướng dẫn chúng sanh tu tập được lợi ích lớn.

南無能令眾生得大勝益觀世音菩薩

Nam Mô năng linh chúng sanh đắc đại thắng ích Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**279. Ksitigarbha Bodhisattva** is so compassionate that He renounces the Buddhahood to rescue living beings from suffering and help them to attain enlightenment. His vow: *"If the hell is not empty, I shall not attain Buddhahood"* (Ksitigarbha Bodhisattva Sutra, n.d, p.11).

**280 - 285.** Thanks to the effective guide of Avalokiteśvara Bodhisattva, all the wishes of the practitioners are fulfilled, and their evil karmas will be eliminated. **Karma deed** means what one does. One deed is a cause; an accumulation of deeds becomes **karma**. As each cause will bring a corresponding effect, and karmic actions also bring precious rewards or bad results.



282. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the power of reciting the Cintamani Cakra Dharani can eliminate evil karmas.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, oai lực trì Chú Như Ý Luân tiêu trừ nghiệp dữ.

南無咒力能令惡業障破壞觀世音菩薩

Nam Mô Chú lực năng linh ác nghiệp chướng phá hoại Quán Thế Âm Bồ Tát.

283. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, thanks to the power of the Cintamani Cakra Dharani, the Dharani-reciters will be freed even if in hell.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nhờ oai lực trì Chú Như Ý Luân, dù đọa địa ngục cũng ra khỏi.

南無咒力應墮地獄即得解脫觀世音菩薩

Nam Mô Chú lực ứng đọa địa ngục tức đắc giải thoát Quán Thế Âm Bồ Tát.

284. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, any wishes by those who recite the Cintamani Cakra Dharani will come true as fast as the wind.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú Như Ý Luân mong cầu việc gì thì kết quả đến nhanh như gió.

南無於所求物如風疾至觀世音菩薩

Nam Mô ư sở cầu vật như phong tạt chí Quán Thế Âm Bồ Tát.

285. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who sincerely recite His name will have any of their wishes come true.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người thành tâm niệm danh hiệu Ngài thì nguyện việc gì đều được cả.

南無心所願事悉能與之觀世音菩薩

Nam Mô tâm sở nguyện sự tất năng dữ chi Quán Thế Âm Bồ Tát.

286. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the practitioners wishing to see the Buddha will immediately see the Buddha.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người tu tập mong thấy Phật liền thấy Phật ngay.

南無若欲見佛當與見佛觀世音菩薩

Nam Mô nhược dục kiến Phật đương dữ kiến Phật Quán Thế Âm Bồ Tát.



287. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, He who hears the cries of living beings immediately comes to their rescue without anyone knowing.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài nghe tiếng chúng sanh kêu thương liền đến giúp mà không ai hay biết.

南無觀世音心秘密與願觀世音菩薩

Nam Mô Quán Thế Âm tâm bí mật dữ nguyện Quán Thế Âm Bồ Tát.

288. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who gives the great rain of treasures.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài cho trận mưa châu báu lớn.

南無雨大寶雨觀世音菩薩

Nam Mô vũ đại bảo vũ Quán Thế Âm Bồ Tát.

289. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who is the great tree whose shade protects living beings in countless kalpas.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài là tàn cây che chở chúng sanh vô số kiếp.

南無如大劫樹觀世音菩薩

Nam Mô như đại kiếp thụ Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**286. Seeing the Buddha.** In the Platform Sutra of Dharma-Treasure, the Sixth Patriarch Hui Neng taught: What is meant by “no-thought?”

- “No-thought means to view all dharmas with a mind undefiled by attachment.... One who awakens to the no-thought dharma completely penetrates the ten thousand dharmas be empty; one who awakens to the no-thought dharma sees all Buddha realms; one who awakens to the no-thought dharma arrives at the Buddha position.” (Thiện Phúc, 2003, Vol. 6, p. 4518).

**287.** Avalokiteśvara Bodhisattva’s **esoteric practices** include 3,000 demeanors and 84,000-minute conducts. Among the ten great major disciples of the Buddha, Rahula is foremost in esoteric. The Three thousand demeanors originate from the 250 Precepts of a Bhikshu. Each Precept is complete with all four demeanors of walking, standing, lying down, and sitting (250 x 4) to make 1,000. These 1,000 demeanors transcend across all three periods of past, present, and future (1,000 x 3) to make 3,000 demeanors (Ibid, p. 111); 84,000-minute conducts are the extremely small conducts of the above 3,000 demeanors.

**288-292. In Nepal,** He is Karunamaya, the Deity of Rain, Prosperity, Longevity, and Well-being (Tuladhar-Douglas, 2006). In the year 1177 in Việt Nam, when drought harmed crops and health, the Monk Tịnh Giới successfully prayed for rain many times (Lê, 2005).

290. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who is the great valuable Cintamani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài là viên ngọc Như Ý quý giá.

南無如如意珠觀世音菩薩

Nam Mô như Như Ý châu Quán Thế Âm Bồ Tát.

291. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who sincerely recite His name can obtain whatever wishes they seek.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người thành tâm niệm danh hiệu Ngài hoàn mãn mọi ước nguyện.

南無一切所願悉皆滿足觀世音菩薩

Nam Mô nhất thiết sở nguyện tất giai mãn túc Quán Thế Âm Bồ Tát.

292. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, thanks to sincerely reciting His name, the practitioners' wishes are unobstructed.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nhờ chí thành niệm danh hiệu Ngài nên mọi mong cầu không trở ngại.

南無一切所求無能障礙觀世音菩薩

Nam Mô nhất thiết sở cầu vô năng chướng ngại Quán Thế Âm Bồ Tát.

293. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, reciting the Cintamani Dharani without choosing a good day is still effective.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, trì Chú Như Ý Ma Ni không chọn ngày tốt vẫn hiệu quả.

南無不須擇日讀即成就觀世音菩薩

Nam Mô bất tu trạch nhật độc tức thành tựu Quán Thế Âm Bồ Tát.

294. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, reciting the Cintamani Dharani will have good results without being a vegan.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, trì Chú Như Ý Ma Ni không ăn chay trường vẫn hiệu lực.

南無不須持齋讀即應驗觀世音菩薩

Nam Mô bất tu trì trai độc tức ứng nghiệm Quán Thế Âm Bồ Tát.

295. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, no Dharani is comparable to the Cintamani Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, không chú nào sánh bằng Chú Như Ý Luân.

南無無有餘咒與如意輪等者觀世音菩薩

Nam Mô vô hữu dư Chú dữ Như Ý Luân đẳng giả Quán Thế Âm Bồ Tát.

296. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches the sinners to sincerely repent thus eliminating the five sins that lead to avici hell.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy người phạm tội thành tâm sám hối nên tiêu trừ năm tội địa ngục vô gián.

南無五無間罪消滅無餘觀世音菩薩

Nam Mô ngũ vô gián tội tiêu diệt vô dư Quán Thế Âm Bồ Tát.

297. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, just reciting the Cintamani Dharani will give peace to the practitioners who have worries.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, trì Chú Như Ý Ma Ni mọi mối lo đều yên.

南無若有諸患但讀皆除觀世音菩薩

Nam Mô nhược hữu chư hoạn đăn đọc giai trừ Quán Thế Âm Bồ Tát.

298. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who recite the Cintamani Dharani will be successful in their struggle or competition.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú Như Ý Ma Ni chiến đấu, tranh đua điều gì cũng thành công.

南無戰伐鬪爭無有不勝觀世音菩薩

Nam Mô chiến phạt đấu tranh vô hữu bất thắng Quán Thế Âm Bồ Tát.

299. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, His merits and virtues transformed into good marks Himself.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, công đức Ngài hiện ra tướng tốt chiếu sáng tự trang nghiêm.

南無一切妙具皆自莊嚴觀世音菩薩

Nam Mô nhất thiết diệu cụ giai tự trang nghiêm Quán Thế Âm Bồ Tát.

300. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages cultivators to practice the Four Right Efforts, so that they completely leave the evil ways and go straight to the path of Enlightenment.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khích lệ người tu tập Tứ Chánh Cần bỏ đường dữ, thẳng đến Giác Ngộ.

南無直至菩提永離惡獸觀世音菩薩

Nam Mô trực chí Bồ Đề vĩnh ly ác thú Quán Thế Âm Bồ Tát.

301. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages cultivators to practice the Four Right Efforts, so that they eliminate their sins and finally attain Buddhahood.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khích lệ người tu tập Tứ Chánh Cần dứt tham, sân, si, rốt ráo thành Phật.

南無罪惡消滅究竟成佛觀世音菩薩

Nam Mô tội ác tiêu diệt cứu cánh thành Phật Quán Thế Âm Bồ Tát.

302. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages cultivators to practice the Four Right Efforts, so that they can harvest more food and assets.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khích lệ người tu tập Tứ Chánh Cần thêm nhiều thức ăn, của cải.

南無能令貨食增長觀世音菩薩

Nam Mô năng linh hóa thực tăng trưởng Quán Thế Âm Bồ Tát.

303. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages cultivators to practice the Four Right Efforts, so that they obtain wealth, nobility, and full equipment.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khích lệ người tu tập Tứ Chánh Cần giàu sang, đồ dùng đầy đủ.

南無富貴資生無不豐足觀世音菩薩

Nam Mô phú quý tư sanh vô bất phong túc Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**298-303. The Four Right Efforts:** Endeavor to prevent evil from forming; Endeavor to eliminate already-formed evil; Endeavor to start performing good deeds; and Endeavor to perform more good deeds.

304. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who always recite His Name have a long-term refuge.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người thường niệm danh hiệu Ngài có chỗ tựa lâu dài.

南無常念觀音永作依怙觀世音菩薩

Nam Mô thường niệm Quán Âm vĩnh tác y hỷ Quán Thế Âm Bồ Tát.

305. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the Great Compassion from previous innumerable kalpas.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài đã thành tựu hạnh cứu khổ từ vô lượng kiếp.

南無於無量劫成就大悲觀世音菩薩

Nam Mô ư vô lượng kiếp thành tựu đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

306. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages cultivators to practice the Four Right Efforts, so that they achieve the rare wishes.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khích lệ người tu tập Tứ Chánh Cần đủ mong cầu hiếm có.

南無滿足諸希求觀世音菩薩

Nam Mô mãn túc chư hy cầu Quán Thế Âm Bồ Tát.

307. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages cultivators to practice the Four Right Efforts, so that they have more good Dharmas.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khích lệ người tu tập Tứ Chánh Cần thêm thiện Pháp.

南無增長諸白法觀世音菩薩

Nam Mô tăng trưởng chư Bạch Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**304-308.** He often blesses the practitioners to fulfill their wishes and grow the four Dharmas: The mind is happy and diligent when listening to the Buddha's teachings; endeavoring practice the 6 Paramitas; cultivating all the good deeds; and achieving all the virtues and merits to become a Buddha.

308. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages cultivators to practice the Four Right Efforts, so that they achieve the wholesome roots.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khích lệ người tu tập Tứ Chánh Cần thành tựu mọi việc lành.

南無成就一切善根觀世音菩薩

Nam Mô thành tựu nhất thiết thiện căn Quán Thế Âm Bồ Tát.

309. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who sincerely recite His Name become steadfast, so they overcome all fears.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người nhất tâm niệm danh hiệu Ngài trở nên kiên định, xa lìa tất cả sợ hãi.

南無遠離一切諸畏觀世音菩薩

Nam Mô viễn ly nhất thiết chư úy Quán Thế Âm Bồ Tát.

310. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Buddha encouraged the Good Deities to always support Him.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài được Đức Phật khuyến khích Thiện Thần ủng hộ.

南無佛敕善神常當擁護觀世音菩薩

Nam Mô Phật sắc Thiện Thần thường đương ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

311. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who currently appears as a Bodhisattva to help living beings fulfill their wishes.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài đang hành hạnh Bồ Tát giúp chúng sanh hoàn mãn mọi ước nguyện.

南無現作菩薩成就眾生觀世音菩薩

Nam Mô hiện tác Bồ Tát thành tựu chúng sanh Quán Thế Âm Bồ Tát.

**309. Giving of non-fear.** People usually live in fear. When practitioners offer the kind of teaching, practice, and insight that help someone get free of fear, that is the greatest gift for them.

**310-311.** When a Buddha appears in the world, there are other Buddhas, Bodhisattvas, and Dharma protectors to support Him. When a Bodhisattva appears, there are also such supports. E.g. when True Dharma Brightness Tathagata had appeared, Sakyamuni had manifested as His disciple. Then Sakyamuni Buddha appeared, Avalokiteśvara supported as His Bodhisattva (Hoàng, 2014).

312. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who helps everyone equally cultivate to prevent good seeds from turning bad.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài giúp mọi người bình đẳng tu tập, không để suy thoái những hạt giống tốt.

南無退散害苗菓子觀世音菩薩

Nam Mô thoái tán hại miêu quả tử Quán Thế Âm Bồ Tát.

313. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses the Wish-Fulfilling Pearl Mudra to help those who recite the Heart Dharani obtain wealth.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Ngọc Như Ý giúp người trì Tâm Chú Đại Bi giàu có.

南無如意珠手觀世音菩薩

Nam Mô Như Ý Châu thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

314. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Lasso Mudra to help the Dharani-reciters have a stability in their life.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Dây Lụa giúp người trì Chú ổn định cuộc sống.

南無羂索手觀世音菩薩

Nam Mô Quyển Sách thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

**312. All people are equal.** The fact that the Buddha accepted Sunita, an untouchable, as an ordained monk into His Sangha resulted in a strong opposition among higher castes in the capital of Kosala. Answering to this accusation, the Buddha said, “*Accepting untouchables into the Sangha was simply a question of time. Our way is a way of equality. We do not recognize caste. Though we may encounter difficulties over Sunita’s ordination now, we will have opened a door for the first time in history that future generations will thank us for. We must have courage*” (Singh, 2003, p. 161). Every person’s blood is red. Every person’s tears are salty. We are all human beings. We must find a way for all people to be able to realize their full dignity and potential (Thích, 2002).

**313-352. Mudra** is a seal, a sacred gesture made with hands and fingers in meditation (Thích, 2003). Avalokiteśvara Bodhisattva uses the 42 mudras to help the Dharani-reciters of the Great Compassionate Heart Dharani: (1) obtain the life fully stable, richness, and necessities; (2) get fruits, melons, and various crops; (3) obtain happy family, good friends, job promotions; (4) heal various diseases; (5) eliminate all fears and evil obstacles, evade all fierce animals, vanquish all heavenly demons, deities, monsters, and ghosts, fight against foreign invasion; and (6) obtain various merits and virtues, be reborn in heavenly palaces or beside Buddhas (Blofeld, 1988). There are only 39 mudras mentioned here, the three others are listed in the Supplemental Sentences.



315. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Precious Bowl Mudra to help the Dharani-reciters heal various diseases in the abdomen.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Bát Báu giúp người trì Chú chữa lành bệnh nơi bụng.

南無寶鉢手觀世音菩薩

Nam Mô Bảo Bát thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

316. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Precious Sword Mudra to help the Dharani-reciters subdue demons and monsters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Kiếm Báu giúp người trì Chú điều phục quỷ, thần.

南無寶劍手觀世音菩薩

Nam Mô Bảo Kiếm thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

317. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Vajra Mudra to help the Dharani-reciters subdue heavenly demons and evil deities.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Bạt Chiết La giúp người trì Chú hàng phục thiên ma, tà thần.

南無跋折羅手觀世音菩薩

Nam Mô Bạt Triết La thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

318. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Vajra Pestle Mudra to help the Dharani-reciters vanquish enemies.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Chày Kim Cang giúp người trì Chú hàng phục oán giặc.

南無金剛杵手觀世音菩薩

Nam Mô Kim Cương Xử thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

319. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Fearless-Giving Mudra to help the Dharani-reciters eliminate all fears.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Thí Vô Úy giúp người trì Chú không sợ hãi.

南無施無畏手觀世音菩薩

Nam Mô Thí Vô Úy thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

320. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Sun-Quintessence Mani Mudra to help the Dharani-reciters heal poor eyesight.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Mặt Trời giúp người trì Chú chữa hết mờ mắt.

南無日精摩尼手觀世音菩薩

Nam Mô Nhật Tinh Ma Ni thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

321. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Moon-Quintessence Mani Mudra to help the Dharani-reciters find an antidote for poison.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Mặt Trăng, giúp người trì Chú không nhiễm độc.

南無月精摩尼手觀世音菩薩

Nam Mô Nguyệt Tinh Ma Ni thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

322. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Precious Bow Mudra to help the Dharani-reciters obtain promotions in their jobs.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Cung Báu giúp người trì Chú thăng tiến nghề nghiệp.

南無寶弓手觀世音菩薩

Nam Mô Bảo Cung thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

323. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Precious Arrow Mudra to help the Dharani-reciters know virtuous friends.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Tên Báu giúp người trì Chú gặp bạn lành.

南無寶箭手觀世音菩薩

Nam Mô Bảo Tiễn thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

324. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Willow Branch Mudra to help the Dharani-reciters heal various physical illnesses.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Nhành Dương giúp người trì Chú chữa lành thân bệnh.

南無楊枝手觀世音菩薩

Nam Mô Dương Chi thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

325. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses White Whisk Mudra to help the Dharani-reciters eliminate evil obstacles.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Cây Phất Trắng giúp người trì Chú trừ ác chướng.

南無白拂手觀世音菩薩

Nam Mô Bạch Phất thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

326. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Vase Mudra to help the Dharani-reciters achieve harmony among all relatives.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Hồ Bình giúp người trì Chú quyền thuộc hòa thuận.

南無胡瓶手觀世音菩薩

Nam Mô Hồ Bình thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

327. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Shield Mudra to help the Dharani-reciters stay away fierce beasts.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Thẻ Bài giúp người trì Chú tránh xa thú dữ.

南無傍排手觀世音菩薩

Nam Mô Bànng Bài thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

328. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Axe Mudra to protect the Dharani-reciters against imprisonment from the authorities.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Búa Phủ Việt giúp người trì Chú khỏi bị bắt giữ.

南無鉞斧手觀世音菩薩

Nam Mô Việt Phủ thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

329. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Jade Bracelet Mudra to help the Dharani-reciters obtain the filial care of their children.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Vòng Ngọc giúp người trì Chú có con hiếu thảo chăm sóc.

南無玉環手觀世音菩薩

Nam Mô Ngọc Hoàn thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

330. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses White Lotus Mudra to help the Dharani-reciters obtain various merits and virtues.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Hoa Sen Trắng giúp người trì Chú thành tựu công đức.

南無白蓮花手觀世音菩薩

Nam Mô Bạch Liên Hoa thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

331. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Blue Lotus Mudra to help the Dharani-reciters be reborn in a Pure Land.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Sen Xanh giúp người trì Chú vãng sanh Tịnh Độ.

南無青蓮花手觀世音菩薩

Nam Mô Thanh Liên Hoa thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

332. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses the Precious Mirror Mudra to help the Dharani-reciters obtain great wisdom.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Gương Báu giúp người trì Chú có trí tuệ lớn.

南無寶鏡手觀世音菩薩

Nam Mô Bảo Kính thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

333. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Purple Lotus Mudra to help the Dharani-reciters personally meet Buddhas from all directions.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Sen Tím giúp người trì Chú gặp mười phương Phật.

南無紫蓮花手觀世音菩薩

Nam Mô Tử Liên Hoa thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

334. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Five Colored Cloud Mudra to help the Dharani-reciters achieve extraordinary energy.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Mây Năm Sắc giúp người trì Chú có năng lực phi thường.

南無五色雲手觀世音菩薩

Nam Mô Ngũ Sắc Vân thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

335. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Water-Bottle Mudra to help the Dharani-reciters be reborn into Brahma heaven.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Quân Trì giúp người trì Chú tái sanh cõi Trời Sơ Thiên.

南無軍持手觀世音菩薩

Nam Mô Quân Trì thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

336. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Red Lotus Mudra to help the Dharani-reciters be reborn in heavens.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Sen Hồng giúp người trì Chú tái sanh các cõi trời.

南無紅蓮花手觀世音菩薩

Nam Mô Hồng Liên Hoa thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

337. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Precious Halberd Mudra to help the Dharani-reciters fight against foreign invasion.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Kích Báu giúp người trì Chú chống ngoại xâm.

南無寶戟手觀世音菩薩

Nam Mô Bảo Kích thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

338. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Precious Trumpet Shell Mudra to help increase the power of the Bodhi-mandala.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Loa Báu tăng uy lực đạo tràng.

南無寶螺手觀世音菩薩

Nam Mô Bảo Loa thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

339. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Skull Staff Mudra to help the Dharani-reciters achieve everything as desired.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Gậy Đầu Lâu giúp người trì Chú mọi điều như ý.

南無髑髏杖手觀世音菩薩

Nam Mô Độc Lâu Trượng thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

340. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Prayer Beads Mudra to help the Dharani-reciters attain reception by the Buddhas.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Chuỗi Ngọc giúp người trì Chú được Phật tiếp dẫn.

南無數珠手觀世音菩薩

Nam Mô Sở Châu thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

341. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses the Precious Vase Mudra to help hungry beings have enough food and drinks.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Tịnh Bình giúp nạn quỷ no đủ, mát mẻ.

南無寶瓶手觀世音菩薩

Nam Mô Bảo Bình thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

342. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Precious Seal Mudra to help the Dharani-reciters have eloquence.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Khuôn Dấu Báu giúp người trì Chú biện luận giỏi.

南無寶印手觀世音菩薩

Nam Mô Bảo Ấn thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

343. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Kusinagara Iron Hook Mudra to keep the Dharani-reciters guarded by the Eight Vajra Deities.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Cây Đinh Ba giúp người trì Chú được Thiên Long Bát Bộ hộ trì.

南無俱屍鐵鉤手觀世音菩薩

Nam Mô Câu Thi Thiết Câu thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

344. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Tin Staff Mudra to help the Dharani-reciters protect living beings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Tích Trượng giúp người trì Chú bảo vệ chúng sanh.

南無錫杖手觀世音菩薩

Nam Mô Tích Trượng thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

345. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Joining Palms Mudra to help living beings respect and love each other.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Chắp Tay giúp chúng sanh thương kính nhau.

南無合掌手觀世音菩薩

Nam Mô Hiệp Chưởng thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

346. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Nirmana Buddha Mudra to help the Dharani-reciters be reborn beside the Buddhas.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Hóa Hình Phật giúp người trì Chú tái sanh bên Phật.

南無化佛手觀世音菩薩

Nam Mô Hóa Phật thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

347. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Nirmana-Palace Mudra to help the Dharani-reciters be reborn in places with Buddhas.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Hóa Cung Điện giúp người trì Chú ở gần chỗ Phật.

南無化宮殿手觀世音菩薩

Nam Mô Hóa Cung Điện thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

348. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Precious Sutra Mudra to help the Dharani-reciters achieve eruditeness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Kinh Bảo giúp người trì Chú thông tuệ.

南無寶經手觀世音菩薩

Nam Mô Bảo Kinh thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

349. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Non-retrogression Golden Wheel Mudra to help the Dharani-reciters have a steady Bodhi-heart.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Bất Thoái Kim Luân giúp người trì Chú tâm Bồ Đề kiên cố.

南無不退金剛手觀世音菩薩

Nam Mô Bất Thoái Kim Cương thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.



350. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Summit Nirmana Buddha Mudra to help the Dharani-reciters receive from the Buddhas the prophecy of Buddhahood.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Hóa Phật Trên Đầu giúp người trì Chú được chư Phật thọ ký thành Phật.

南無頂上化佛手觀世音菩薩

Nam Mô Đỉnh Thượng Hóa Phật thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

351. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Grape Mudra to help bountiful harvests of fruit and crops.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Quả Nho giúp mùa màng, cây trái bội thu.

南無蒲萄手觀世音菩薩

Nam Mô Bồ Đào thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

352. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the form with forty-two arms performing forty-two mudras completely.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân bốn mươi hai tay bắt ấn thủ nhãn.

南無具四十二臂觀世音菩薩

Nam Mô cụ tứ thập nhị tý Quán Thế Âm Bồ Tát.

353. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who completely attained the miraculous eyes.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài đủ mắt thần thông.

南無具神通眼觀世音菩薩

Nam Mô cụ thần thông nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**353-358. Six sense-organs.** When still deluded, practitioner's eyes, ears, nose, tongue, body, and mind are like six thieves who plunder the merits and virtues of their household. However, after enlightened, these six senses become the six miraculous powers that help living beings (Shurangama Sutra, n.d.).

**Bodhimanda:** a site of enlightenment; any place of practice such as a pagoda or a hermitage regardless of its size.

**Dharma-door:** an entrance to the Dharma or a method of practice.

354. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who completely attained the miraculous ears.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài đủ tai thần thông.**

南無具神通耳觀世音菩薩

Nam Mô cụ thần thông nhĩ Quán Thế Âm Bồ Tát.

355. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who completely attained the miraculous nose.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài đủ mũi thần thông.**

南無具神通鼻觀世音菩薩

Nam Mô cụ thần thông tỷ Quán Thế Âm Bồ Tát.

356. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who completely attained the miraculous tongue.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài đủ lưỡi thần thông.**

南無具神通舌觀世音菩薩

Nam Mô cụ thần thông thiệt Quán Thế Âm Bồ Tát.

357. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who completely attained the miraculous body.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài đủ thân thần thông.**

南無具神通身觀世音菩薩

Nam Mô cụ thần thông thân Quán Thế Âm Bồ Tát.

358. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who completely attained the miraculous mind.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài đủ ý thần thông.**

南無具神通意觀世音菩薩

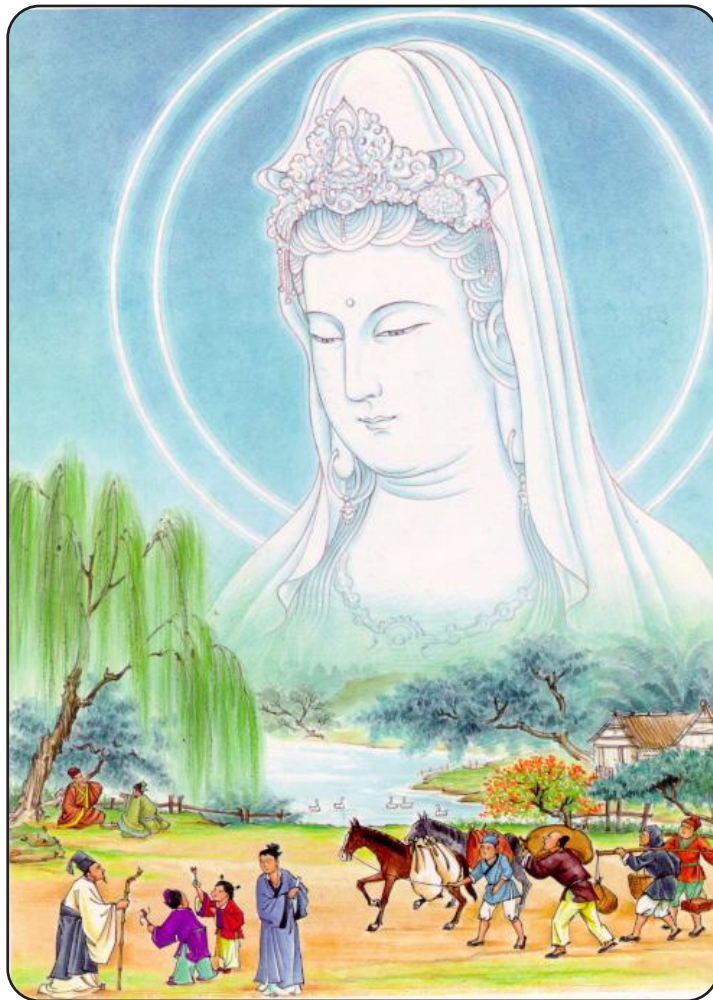
Nam Mô cụ thần thông ý Quán Thế Âm Bồ Tát.

359. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who attained the heavenly eyes.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có thiên nhãn thông.**

南無得天眼通觀世音菩薩

Nam Mô đắc thiên nhãn thông Quán Thế Âm Bồ Tát.



*Regarding living beings with compassionate eyes*

360. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who attained the heavenly ears.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có thiên nhĩ thông.**

**南無得天耳通觀世音菩薩**

Nam Mô đắc thiên nhĩ thông Quán Thế Âm Bồ Tát.

361. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who attained the heavenly nose.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có thiên tỷ thông.**

**南無得天鼻通觀世音菩薩**

Nam Mô đắc thiên tỷ thông Quán Thế Âm Bồ Tát.

362. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who attained the heavenly tongue.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có thiên thiệt thông.**

南無得天舌通觀世音菩薩

Nam Mô đắc thiên thiệt thông Quán Thế Âm Bồ Tát.

363. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who attained the heavenly body.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có thiên thân thông.**

南無得天身通觀世音菩薩

Nam Mô đắc thiên thân thông Quán Thế Âm Bồ Tát.

364. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who attained the heavenly mind.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có thiên ý thông.**

南無得天意通觀世音菩薩

Nam Mô đắc thiên ý thông Quán Thế Âm Bồ Tát.

365. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who attained one thousand hands.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có ngàn tay.**

南無得千手觀世音菩薩

Nam Mô đắc thiên thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

**359-364. Hearing and Reflecting.** Avalokiteśvara Bodhisattva retold His story of entering samadhi through a process of hearing and reflecting:

*“Initially, I entered the flow through hearing and forgot objective states. Since the sense-objects and sense-organs were quiet, the two characteristics of movement and stillness crystallized and did not arise. After that, gradually advancing, the hearing and what was heard both disappeared. Once the hearing was ended, there was nothing to rely on, and awareness and the objects of awareness became empty. When the emptiness of awareness reached an ultimate perfection, emptiness and what was being emptied then also ceased to be. Since production and extinction were gone, still extinction was revealed. Suddenly I transcended the mundane and transcendental worlds, and throughout the ten directions a perfect brightness prevailed” (Thích, 2002, p. 563).*

**365-371. Universal door.** Universal means the capacity to cover everything, all kinds of ground, all kinds of situations, all places and moments, all time and space. This is the kind of practice that can respond to all kinds of situations of suffering. Avalokiteśvara is the Bodhisattva of love and compassion. No matter what the situation requires, love is the answer (Thích, 2003).

366. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who attained one thousand eyes.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có ngàn mắt.**

南無得千眼觀世音菩薩

Nam Mô đấng thiên nhân Quán Thế Âm Bồ Tát.

367. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who attained the Great Compassionate Heart Dharani.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài được Tâm Chú Đại Bi.**

南無得大悲心陀羅尼觀世音菩薩

Nam Mô đấng Đại Bi Tâm Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát.

368. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who attained manifestation of various forms and opened the universal door that covers everything to help living beings progress on cultivation.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện nhiều hình tướng, mở ra vô số Pháp môn giúp chúng sanh tiến trên đường đạo.**

南無得普門示現觀世音菩薩

Nam Mô đấng Phổ Môn Thị Hiện Quán Thế Âm Bồ Tát.

369. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who attained the power to save living beings who traverse the sea of suffering.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài cứu chúng sanh qua biển khổ.**

南無得度生觀世音菩薩

Nam Mô đấng độ sanh Quán Thế Âm Bồ Tát.

370. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who instantly got His vow fulfilled.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài được như nguyện.**

南無得與願觀世音菩薩

Nam Mô đấng dữ nguyện Quán Thế Âm Bồ Tát.

371. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has usually proclaimed the Heart Dharani.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài thường dạy Tâm Chú Đại Bi.**

南無能說大悲心陀羅尼觀世音菩薩

Nam Mô năng thuyết Đại Bi Tâm Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát.

372. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages the practitioners to achieve the fruitions of ten Bhumis.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyến khích hành giả chứng quả Thập Địa.

南無令十地時果觀世音菩薩

Nam Mô linh Thập Địa đắc quả Quán Thế Âm Bồ Tát.

373. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages the Sravakas to achieve the four stages of Enlightenment.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khuyến khích các bậc Thanh Văn chứng Tứ Quả.

南無令四果時果觀世音菩薩

Nam Mô linh Tứ Quả đắc quả Quán Thế Âm Bồ Tát.

374. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has never forgotten the Heart Dharani for countless billions of kalpas.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, qua vô số ức kiếp, Ngài không bao giờ bỏ quên Tâm Chú Đại Bi.

南無不忘失大陀羅尼觀世音菩薩

Nam Mô bất vong thất Đại Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát.

**372. Ten stages of the Bodhisattva path:** (1) Ground of Happiness: rejoicing at realizing a partial aspect of the truth. (2) Ground of Leaving Filth: being free from all defilements. (3) Ground of Emitting Light: radiating the light of wisdom. (4) Ground of Blazing Wisdom: burning away earthly desires. (5) Ground of Difficult Conquest: surmounting the illusions of ignorance as the Middle Way. (6) Ground of Manifestation: supreme wisdom begins to manifest. (7) Ground of Travelling Far: transcending the state of the Two Vehicles. (8) Ground of Not Moving: dwelling firmly in the truth of the Middle Way and not being perturbed by anything. (9) Ground of Wholesome Wisdom: preaching the Dharma that perfectly suits the potentials of living beings. And (10) Ground of the Dharma Cloud: benefiting living beings with the Dharma, just as the cloud rains impartially on all things.

**373.** See # 273.

**374-376. Making the heart stay still in one place,** do not think about others (Great Compassion Dharani Sutra, 2009, p. 9). Reciting Dharani is a way to **unite the body and mind**, like the first breaths of the 16 mindful breaths: Breathing in a long breath, I know I am breathing in a long breath. Breathing out a long breath, I know I am breathing out a long breath. *These breaths enable you to cut through forgetfulness and unnecessary thinking* (Khải Thiên, p. 57).

375. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who encourages practitioners to recite this Heart Dharani without interruption.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khích lệ người trì Tâm Chú Đại Bi không xao lãng.

南無令常讀此咒無令斷絕觀世音菩薩

Nam Mô linh thường đọc thử Chú vô linh đoạn tuyệt Quán Thế Âm Bồ Tát.

376. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Dharani-reciters concentrate on one-pointedness of mind and do not think about anything else.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú lắng tâm một chỗ, không nghĩ chi khác.

南無制心一處觀世音菩薩

Nam Mô chế tâm nhất xứ Quán Thế Âm Bồ Tát.

377. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has one thousand eyes to see living beings everywhere simultaneously.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, ngàn mắt Ngài soi thấy chúng sanh khắp nơi cùng một lúc.

南無千眼照見觀世音菩薩

Nam Mô thiên nhãn chiếu kiến Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**377-379. Extending the arms of the Bodhisattva.** Since 1940, Vietnamese Buddhism has organized a program of educating children and young people named the Buddhist Youth Association (BYA). Its purpose is to train youths to be true Buddhists and productive citizens for society. Its motto is Compassion, Wisdom, and Bravery, and its insignia is the White Lotus. Members wear the following uniform: gray shirt, blue pants, and tennis shoes. Every week, all members gather to learn the Buddha's teachings and participate in outdoors activities such as games, sports, tying ropes and knots, camping, teamwork, and practicing leadership. There are indoor activities like drawing, making cookies, cooking, etc. Additionally, they are encouraged to write articles for their annual newspapers, to participate in musical performances. The BYA also teaches the Vietnamese language and culture. Learning the Buddha's teachings from beginning to advanced levels has planted good seeds in children from an early age. Many monks and nuns are former BYA members. Its current membership in Việt Nam and abroad is over 150,000. If counting the former generations through 80 years, the total number will be hundreds of thousands of members (Vietnamese Buddhist Youth Association in the World, 2017).



378. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has one thousand hands to support living beings everywhere simultaneously.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, ngàn tay Ngài nâng đỡ chúng sanh khắp nơi cùng một lúc.

南無千手護持觀世音菩薩

Nam Mô thiên thủ hộ trì Quán Thế Âm Bồ Tát.

379. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who says the words as they are.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, lời Ngài nói ra như thật.

南無出口言音觀世音菩薩

Nam Mô xuất khẩu ngôn âm Quán Thế Âm Bồ Tát.

380. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has been praised by ninety-nine hundred-thousand Ganges-river-sands Buddhas.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài được chín mươi chín ức hằng sa chư Phật khen ngợi.

南無得九十九億恒沙諸佛愛念觀世音菩薩

Nam Mô đắc cửu thập cửu ức hằng sa chư Phật ái niệm Quán Thế Âm Bồ Tát.

381. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, based on the truth that all dharmas are empty, He sees the Buddha-nature Within living beings similar to the Buddha.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài căn cứ lẽ thật các pháp rỗng lặng, biết Phật tánh nơi chúng sanh và Phật như nhau.

南無以實觀眾生觀世音菩薩

Nam Mô dĩ thật quán chúng sanh Quán Thế Âm Bồ Tát.

**380. Ganges-river-sands:** numberless.

**381-383. To mediate** (Dhyana, Skt; jhana, P): *“While meditation is essential to the Buddha’s teachings, practice of mindfulness is the heart of meditation. Mindfulness is the energy of being aware and awake to the present moments. It lights up the recesses of the practitioner’s mind or helps them look at the heart of things to see their true nature. Besides, it can embrace and transform all mental formations”* (Trần, 2005, p. 38).

382. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who is illuminated by the light of all Tathagatas.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài được ánh sáng chư Phật chiếu đến.**

南無時一切如來光明普照觀世音菩薩

Nam Mô đấng nhất thiết Như Lai quang minh phổ chiếu Quán Thế Âm Bồ Tát.

**384. Samadhi.** The Buddhist Samadhi is based on the truth to end suffering. There are two ways of practicing:

(1) *“One-pointedness-of-mind”* requires the practitioner to concentrate his/her mind on one point. This has led many Western scholars to translate samadhi as *“concentration”*. The subject doing the concentration is the (I/Me). To accomplish one-pointedness-of-mind requires the practitioner to focus his/her whole mind (mindfulness) onto the object.

(2) On the other hand, the *“unified mind”* requires the practitioner to apply his/her *“awareness.”* In this way, samadhi is equivalent to the state of *“wordless awareness”* in which the subject being aware of the unified mind is the capacity for self-awareness. *“By attaining unified mind samadhi, the practitioner experiences a feeling of elation and bliss. This practice will take the practitioner to the ultimate destination which is the Buddha-nature. In the Nikaya, the Buddha gave prominence to the unified mind as the state of samadhi”* (Thích, 2017, p. 117).

**The Buddha realized and abided in the 4 meditation stages:**

**(1) Bliss Born of Separation.** He began to practice His own “awareness samadhi of breathing in and out” that He discovered by Himself. He recounted this state: *“Quite secluded from desires, secluded from unwholesome states, I entered upon and abided in the first meditation, which is accompanied by inner talk and inner dialogue, with elation and bliss born of seclusion. But such pleasant feelings that arose in me did not invade my mind and remain.”*

**(2) Bliss Born of Samadhi.** *“I entered upon and abided in the second meditation: elation and bliss born of stillness, unification of awareness, free inner talk and inner dialogue - internal assurance. But such pleasant feelings that arose in me did not invade my mind and remain.”*

**(3) Wonderful Happiness of Being Apart from Bliss.** *“I entered upon and abided in the third meditation, of which the holy ones declare, ‘Equanimous and aware, he dwells in bliss.’ But such pleasant feelings that arose and remain in me did not influence my mind.”*

**(4) Clear Purity of Casting Away Thought.** *“I entered upon and abided in the fourth meditation: purity of equanimity and awareness, neither bliss nor suffering. But such pleasant feelings that arose and remain in me did not influence my mind.”* Finally, the Buddha said that his mind was *“a state of bare cognition, purified, bright, unblemished, rid of imperfection, malleable, widely, steady, and imperturbable”* (Ibid., pp. 112-149).

383. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses the Heart Dharani to save living beings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dùng Tâm Chú Đại Bi cứu chúng sanh.

南無恒以陀羅救眾生觀世音菩薩

Nam Mô hằng dĩ Đà La cứu chúng sanh Quán Thế Âm Bồ Tát.

384. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who is always aware in the great samadhi.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài thường biết rõ ràng trong đại định.

南無常時百千三昧現前觀世音菩薩

Nam Mô thường đắc bách thiên tam muội hiện tiền Quán Thế Âm Bồ Tát.

385. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, the Eight Vajra Deities vow to help the Heart Dharani-reciters.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm đức từ bi Ngài nên Tám Bộ Chúng nguyện giúp người trì Tâm Chú.

南無能遣龍天八部擁護觀世音菩薩

Nam Mô năng khiển Long Thiên Bát Bộ ủng hộ Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**385-386. Three small calamities** are wars, diseases, and starvation. The **calamity of World War II** (2020) took place across the globe. Most of the combat action took place in Europe, Pacific, Atlantic, Indian Ocean, South-East Asia, Middle East, Mediterranean, North Africa, Australia, and briefly in North and South America. It began on September 1st, 1939 and ended on September 2nd, 1945. Total deaths: 73 million, including 24 million military members and 49 million civilians.

**Three final world catastrophes** that will destroy the whole world are fire, water, and storm. When this world comes to an end, living beings will be transferred to another world; and in the new world, they will continue samsara forever. To end the samsara, they must practice the Eightfold Path to attain Nirvana in this life (Hui, n.d.).

386. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches cultivators to practice the Noble Eightfold Path to transform their bad karmas, so that they can avoid wars, diseases, and starvation.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy người tu tập Bát Chánh Đạo chuyển hóa nghiệp xấu nên tránh chiến tranh, dịch bệnh, nghèo đói.

南無三災劫不能壞觀世音菩薩

Nam Mô tam tai kiếp bất năng hoại Quán Thế Âm Bồ Tát.

387. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who constantly uses the Heart Dharani as a cure for illnesses in living beings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dùng Tâm Chú Đại Bi chữa bệnh cho chúng sanh.

南無常以陀羅尼療眾生病觀世音菩薩

Nam Mô thường dĩ Đà La Ni liệu chúng sanh bệnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

**387. Heart Dharani as a cure.** Mrs. Hạnh, 57years old, suffered from a grotesque pain. She did not eat, drink, or sleep for more than four months but she had no physical ailment. Her face was flushed, her eyes intermittently looked back and forth, and scared. Many good doctors in San Francisco, California, could not heal this condition. Hạnh's husband took her to Từ Quang Pagoda to ask Master Tịnh Từ for help.

The Master and other monks constantly recited the Great Compassionate Heart Dharani. Then Hạnh closed her eyes, the hair on her head flew backwards like a storm blowing, her hands clasped like a lotus bud, and she spoke in the high-pitched voice of a nineteen or twenty-year-old girl. The girl said that she died at sea with her mother and many people because their boat was sunk by a storm. The Master helped her to drink pure water from the Buddha altar. After drinking the glass of water, she awoke, hurried to the front of the altar of Hungry Ghosts, grabbed the food to put in her mouth, and devoured it. Then she gathered the offerings, including bananas, cakes, fruits, yams, and corn and went down to the altar to eat again. She also cried while screaming that many people were fighting her for food.

Calmly reciting the Dharani, the Master said soft, sweet words to call Hạnh to go kneel in the center of the Buddha hall. The spirit clearly stated her name, her date of death, and her wish to listen to the Sutra. The Master wrote the spirit's name on the Deceased Person's Table, asked the kitchen staff to cook dishes, and prayed on behalf of the spirit. Almost 100 monks, nuns, and Buddhists attended this fervent prayer. Then Hạnh fell on the floor unconscious. About ten minutes later, she awoke and returned to her normal self as if she had slept for a long time. Hạnh's family and everyone were grateful and extremely happy to see her recover (Tịnh Từ, 1999).

388. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can freely go anywhere He wishes when travelling around the Buddha-lands.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài tự do, tùy thuận tâm ý dạo các cõi Phật.

南無遊諸佛國得自在觀世音菩薩

Nam Mô du chư Phật quốc đắc Tự Tại Quán Thế Âm Bồ Tát.

389. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the diligent cultivators recite this Dharani without interruption of sound.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Chú rớt ráo thanh âm liên tục.

南無誦此咒聲聲不絕觀世音菩薩

Nam Mô tụng thử chú thanh thanh bất tuyệt Quán Thế Âm Bồ Tát.

390. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches people to be content with their current conditions, so that they always achieve well-being anywhere.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạy mọi người biết thiểu dục, tri túc nên ở đâu cũng yên vui.

南無所在處令人民安樂觀世音菩薩

Nam Mô sở tại xứ linh nhân dân an lạc Quán Thế Âm Bồ Tát.

391. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has complete, unthinkable mighty and holy power.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài đủ oai thần không thể nghĩ bàn.

南無具不可思議威神觀世音菩薩

Nam Mô cụ bất khả tư nghị uy thần Quán Thế Âm Bồ Tát.

**388-389. Travelling the Buddha-lands.** Venerable Maudgalyayana, a disciple of Sakyamuni Buddha and foremost in supernatural powers, travelled to a distant solar system, to a planet inhabited by giant people, and also a Buddha whose disciples practicing under His guidance (Mahāmaudgalyāyana Visits Another Planet, 2005).

**390. Bhutan** is a peaceful country whose people know how to feel satisfied and being content with current conditions (Bhutan, 2020).

**391-392.** See # 14.

392. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who shows the merits and virtues of the Om-Mani-Padme-Hum Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiển bày công đức Chú Ân Ma Ni Bát Di Hồng.

南無顯功德六字陀羅尼觀世音菩薩

Nam Mô hiển công đức Lục Tự Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát.

393. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has the Great Joys in Dharma to convey the benefit and happiness to living beings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài đủ niềm Vui Pháp lợi lạc chúng sanh.

南無具種種法樂利樂眾生觀世音菩薩

Nam Mô cụ chủng chủng Pháp lạc lợi lạc chúng sanh Quán Thế Âm Bồ Tát.

394. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the transformation of different bodies to speak Dharma according to each being.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dùng mọi thân hình nói Pháp theo căn cơ từng chúng sanh.

南無時化身說法觀世音菩薩

Nam Mô đắc hóa thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**393. The joys in Dharma.** Thanks to the flexible application of the Buddha's teaching, Zen Master Thích Nhất Hạnh was able to inspire hundreds of young monks and nuns from five continents to become disciples, and millions of lay people around the world quietly sat and listened to him. Ewell (1995) wrote the following report of the 1995 World Forum: "*Optimism and a strong current of globalism swept through the opening reception of the State of the World Forum on Wednesday night as 500 captains of industry, religious leaders, and elder statesmen from 50 countries sipped champagne, ate caviar and began the conversation they hope will change the world.*" The participants, including US President George Bush, British Prime Minister Margaret Thatcher, President of Czechoslovakia, Former Soviet President Gorbachop, Former Dutch Prime Minister Ruud Lubbers, gathered under the auspices of the Gorbachev Foundation of San Francisco for five days of brainstorming on global issues in the post-Cold War era.

Sitting under glittering chandeliers in a ballroom more accustomed to the pomp of presidents, the small brown-robed figure of Vietnamese Buddhist leader Thích Nhất Hạnh held hundreds of participants spellbound at a luncheon keynote address. "*The huge hall fell silent - no dish clattered, no throat was cleared - save for Thích Nhất Hạnh's gentle voice, urging listeners to seek 'peace, stability, and freedom' in their hearts. 'The past is gone,' he said. 'The future is not yet come.' Our appointment with life is in the present moment.*" Up to 30 European and American Pastors, Priests, and Sisters attended the retreats and requested his books, tapes and CDs. Adrian Aloysius Stier, an American priest, became the monk named Chân Pháp Đệ (Young Brother - Brother Chân Pháp Đệ, 2016).

395. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Buddha to speak Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Phật nói Pháp.

南無現佛身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Phật thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

396. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Pratyekabuddha to speak Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Bích Chi Phật nói Pháp.

南無現辟支佛身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Bích Chi Phật thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

397. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Sravaka to speak Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Thanh Văn nói Pháp.

南無現聲聞身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Thanh Văn thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

398. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Brahma King to speak Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Trời Phạm Vương nói Pháp.

南無現梵王身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Phạm Vương thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

399. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Sakra to speak Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Trời Đế Thích nói Pháp.

南無現帝釋身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Đế Thích thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**394-397.** Avalokiteśvara Bodhisattva manifests in the body of a Buddha, a Pratyekabuddha, a Sravaka, and a Brahma King to speak Dharma for them, causing them to attain liberation (Shurangama Sutra, n.d.).



400. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Narayana to speak Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Trời Tự Tại nói Pháp.

南無現自在天身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Tự Tại Thiên thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

401. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Mahesvara to speak Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Trời Đại Tự Tại nói Pháp.

南無現大自在天身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Đại Tự Tại Thiên thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**398-426.** For the beings who have many wishes, He manifests in the body of a Sakra, a Mahesvara, an Isvara, a Great Heavenly General, a Vaisravana, a Minor King, a Minister of State, an Elder, a Layman, a Brahman, a Bhikshu, a Bhikshuni, an Upasaka, an Upasika, a Woman, a Pure Youth, a Pure Maiden, an Heaven, a Dragon, a Yaksha, a Gandharva, an Asura, a Garuda, a Kinara, a Mahoraga, an Human, a Non-human, or a Vajra-Wielding Spirit to speak Dharma to them, enabling them to accomplish their wishes.

**Woman.** Avalokiteśvara originated as a male body in India. However, in Southern countries, people have usually represented Avalokiteśvara Bodhisattva as a female since the fifth century after the lunar calendar (Viên Trí, 2003). The females show the compassionate quality more successfully than that of males. In 1069 in Việt Nam, King Lý Thánh Tông went to war with Champa in the South. His wife Ý Lan stayed at home to help with internal affairs so successfully that people called her Avalokiteśvara Bodhisattva (Ngô, Lê, Phan, Vũ, 2004).

**Ten Great Female Disciples.** At the time of the Buddha's life, there were 1250 Bhiksus and Bhiksunis who attained the Arahantship. Among them, there were the ten Great Disciples on the Bhiksu side; parallel to that, there were also the ten Great Female Disciples. Here are those ten Bhiksunis: (1) Mahapajapati, the primary donna of the Buddhist Nuns Order. (2) Khema, Foremost in Wisdom. (3) Uppalananna, Foremost in Spiritual and Ubiquitous Powers. (4) Dhammadinna, Foremost in Eloquent Dharma Teacher. (5) Patacara, Foremost in Protector of Women. (6) Kisagotami, Foremost in Ascetic and Discipline Effort. (7) Bimba, Foremost in Great Mindfulness. (8) Bhadda Kudalakesa, Foremost in Scholar of the Dharma. (9) Soma, Foremost in Auspicious Quality and Perseverance. (10) Nanda, Foremost in Insight and Concentration (Abeysekera, n.d.)

402. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Great Heavenly General to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Quan Trời Đại Tướng nói Pháp.**

南無現天大將軍身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Thiên Đại Tướng Quân thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

403. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Vaisravana to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Vua Trời Tỳ Sa Môn nói Pháp.**

南無現毗沙門身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Tỳ Sa Môn thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

404. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Minor King to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Vua nói Pháp.**

南無現小王身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Tiểu Vương thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

405. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Virtuous Elder to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Người Tuổi Cao Hiền Đức nói Pháp.**

南無現長者身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Trưởng Giả thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

406. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Layman to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Dân Thường nói Pháp.**

南無現居士身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Cư Sĩ thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

407. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Minister of State to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Thủ Tướng nói Pháp.**

南無現宰官身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Tể Quan thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

408. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Brahman to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Bà La Môn nói Pháp.**

南無現婆羅門身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Bà La Môn thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

409. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Bhikshu to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Tỳ Kheo nói Pháp.**

南無現比丘身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Tỳ Kheo thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

410. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Bhikshuni to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Tỳ Kheo Ni nói Pháp.**

南無現比丘尼身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Tỳ Kheo Ni thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

411. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of an Upasaka to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Nam Phật Tử nói Pháp.**

南無現優婆塞身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Ưu Bà Tắc thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

412. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of an Upasika to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Nữ Phật Tử nói Pháp.**

南無現優婆夷身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Ưu Bà Di thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

413. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Woman to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Phụ Nữ nói Pháp.**

南無現婦女身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Phụ Nữ thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

414. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Pure Youth to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Bé Trai nói Pháp.**

南無現童男身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Đồng Nam thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

415. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Pure Maiden to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Bé Gái nói Pháp.**

南無現童女身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Đồng Nữ thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

416. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Deva to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Dân Trời nói Pháp.**

南無現天身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Thiên thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

417. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Dragon to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Rồng nói Pháp.**

南無現龍身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Long thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

418. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Yaksha to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Dạ Xoa nói Pháp.**

南無現夜叉身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Dạ Xoa thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

419. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Gandharva to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Thần Múa, Hát nói Pháp.**

南無現乾闥婆身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Càn Thát Bà thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

420. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of an Asura to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân A Tu La nói Pháp.**

南無現修羅身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Tu La thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

421. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Garuda to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Chim Cánh Vàng nói Pháp.**

南無現迦樓羅身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Ca Lô La thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

422. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Kinnara to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Thần Nhạc Trời nói Pháp.**

南無現緊那羅身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Khẩn Na La thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

423. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Mahoraga to speak Dharma.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Rắn Lớn nói Pháp.**

南無現摩睺羅伽身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Ma Hầu La Già thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

424. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Human being to speak Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Người nói Pháp.

南無現人身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Nhân thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

425. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Non-human being to speak Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân loài Không Phải Người nói Pháp.

南無現非人身說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Phi Nhân thân thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

426. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the body of a Vajra Secret-Traces Knight to speak Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng hiện thân Thần Cầm Chày Kim Cang nói Pháp.

南無現執金剛身神說法觀世音菩薩

Nam Mô hiện Chấp Kim Cương thân Thần thuyết Pháp Quán Thế Âm Bồ Tát.

427. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who gives the energy to be fearless.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài cho năng lượng không sợ.

南無施無畏觀世音菩薩

Nam Mô thí vô úy Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**427-429.** Avalokiteśvara Bodhisattva “*may be very close to you right now. You may be able to touch Him just by reaching out your hand. Compassion does exist; understanding does exist. It is possible for us to cultivate the energy of compassion and understanding so that Avalokiteśvara can always be with us, in our daily life, and we will be well protected with understanding and compassion*” (Thích, 2003, p. 134).

428. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has ultimate freedom to complete any tasks unimpeded.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài tự do tùy thuận tâm ý, làm việc gì cũng không chướng ngại.

南無自在觀世音菩薩

Nam Mô Tự Tại Quán Thế Âm Bồ Tát.

429. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the sincere prayer of living beings touches His kindness and compassion, so He manifests accordingly.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tâm thành chúng sanh cảm đức từ bi Ngài nên Ngài theo đó ứng hiện.

南無應感觀世音菩薩

Nam Mô ứng cảm Quán Thế Âm Bồ Tát.

430. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the true body, touching all objects such as they are.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, thân Ngài xúc chạm biết như thật.

南無得如是身觀世音菩薩

Nam Mô đắc như thị thân Quán Thế Âm Bồ Tát.

431. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the true eyes, seeing all sights such as they are.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, mắt Ngài thấy như thật.

南無得如是眼觀世音菩薩

Nam Mô đắc như thị nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**430-437.** He achieved the six pure faculties (eyes, ear, nose, tongue, body, and mind), so their six objects (sight, sounds, smell, taste, touch, and thought) also became purified.

In the **Shurangama Sutra** (n.d.), Sakyamuni Buddha and all other Buddhas of the ten directions advised Ananda and the disciples that, “*Your six sense organs are the roots of samsara. They are also the roots of Nirvana.*”



432. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the true ears, hearing all sounds such as they are.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tai Ngài nghe như thật.**

南無得如是耳觀世音菩薩

Nam Mô đấng như thị nhĩ Quán Thế Âm Bồ Tát.

433. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the true nose, smelling all scents such as they are.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, mũi Ngài ngửi như thật.**

南無得如是鼻觀世音菩薩

Nam Mô đấng như thị tỷ Quán Thế Âm Bồ Tát.

434. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the true tongue, tasting all objects such as they are.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, lưỡi Ngài nếm như thật.**

南無得如是舌觀世音菩薩

Nam Mô đấng như thị thiệt Quán Thế Âm Bồ Tát.

435. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the true mind, awakening all things such as they are.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, ý Ngài biết như thật.**

南無得如是意觀世音菩薩

Nam Mô đấng như thị ý Quán Thế Âm Bồ Tát.

436. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved seeing nature as it is.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tánh thấy Ngài như thật.**

南無得如是見觀世音菩薩

Nam Mô đấng như thị kiến Quán Thế Âm Bồ Tát.

437. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved hearing nature as it is.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tánh nghe Ngài như thật.**

南無得如是聞觀世音菩薩

Nam Mô đấng như thị văn Quán Thế Âm Bồ Tát.

438. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the way to apply properly as it is.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài ứng dụng như thật.**

南無得如是用觀世音菩薩

Nam Mô đắc như thị dụng Quán Thế Âm Bồ Tát.

439. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the way to act properly as it is.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài làm như thật.**

南無得如是行觀世音菩薩

Nam Mô đắc như thị hành Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**438-441. Activities as-they-are.** Mr. Phạm Đăng Siêu (1912-1994), also known as **Bác Siêu**, was a Buddhist layman full of wisdom and virtues. The monks and nuns in Huế city, Việt Nam, praised him as a “*Bodhisattva*.” His only means of transportation was a very old bicycle, but he could ride it everywhere to help a lot of impoverished families, people with disabilities, and needy but studious students. He had no fortune but a compassionate heart, so many friends were willing to help. Even the poor friends who received charity occasionally shared a part of their donations to make offerings, give to others, and release captured animals back to their natural habitats. For more than 60 years, he quietly came to people in distress, regardless of the harsh weather condition. Bác Siêu is truly a Bodhisattva - alleviating pain and suffering without the need of an association, certificate, or recognition from the press, radio, or television.

Bác Siêu wrote in his charity diary: “*Love! Love! I never dare to leave Love because it is the mother of spirit, the active source of spirituality. It is true, equal, and necessary like the spring air or the sunlight. Thanks to Love, everything is reincarnated, and human beings exist, so the leaders of religions praise it as the World Honored One or the Noble God. Love is invisible but exists in all shapes and forms, is unborn but is transformational birth forever. Although our eyes can not see, our ears can not hear, our minds can not think, we can receive it if we know how to stay quiet and sincere. Love is readily available within every person and everything in this world; however, few people are aware and embrace it themselves. To gain Love, we must keep ourselves pure, we must concentrate on our thoughts, and sincerely see other people like ourselves. In short, we should honestly turn to ourselves to realize the eternal source of life, then join in harmony to share with each other and to serve all people*” (Love and Understanding Magazine, 2009, p. 22).

440. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved love as it is.

Kính Lạy Bò Tát Quán Thế Âm, Ngài được tình thương như thật.

南無得如是愛觀世音菩薩

Nam Mô đắc như thị ái Quán Thế Âm Bò Tát.

441. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the respect as it is.

Kính Lạy Bò Tát Quán Thế Âm, Ngài tôn kính như thật.

南無得如是敬觀世音菩薩

Nam Mô đắc như thị kính Quán Thế Âm Bò Tát.

442. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, I bow to the Buddha-nature

Within myself in the same way I sincerely bow to Him.

Kính Lạy Bò Tát Quán Thế Âm, con kính lễ Phật tánh nơi con như kính lễ Ngài.

南無禮我如禮觀世音菩薩

Nam Mô lễ ngã như lễ Quán Thế Âm Bò Tát.

443. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, I touch the Buddha-nature Within myself which means I am beside Him.

Kính Lạy Bò Tát Quán Thế Âm, con trở về Phật tánh nơi con là trở về Ngài.

南無近我如近觀世音菩薩

Nam Mô cận ngã như cận Quán Thế Âm Bò Tát.

444. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, I realize the Buddha-nature Within myself to be identical to His Dharma Body.

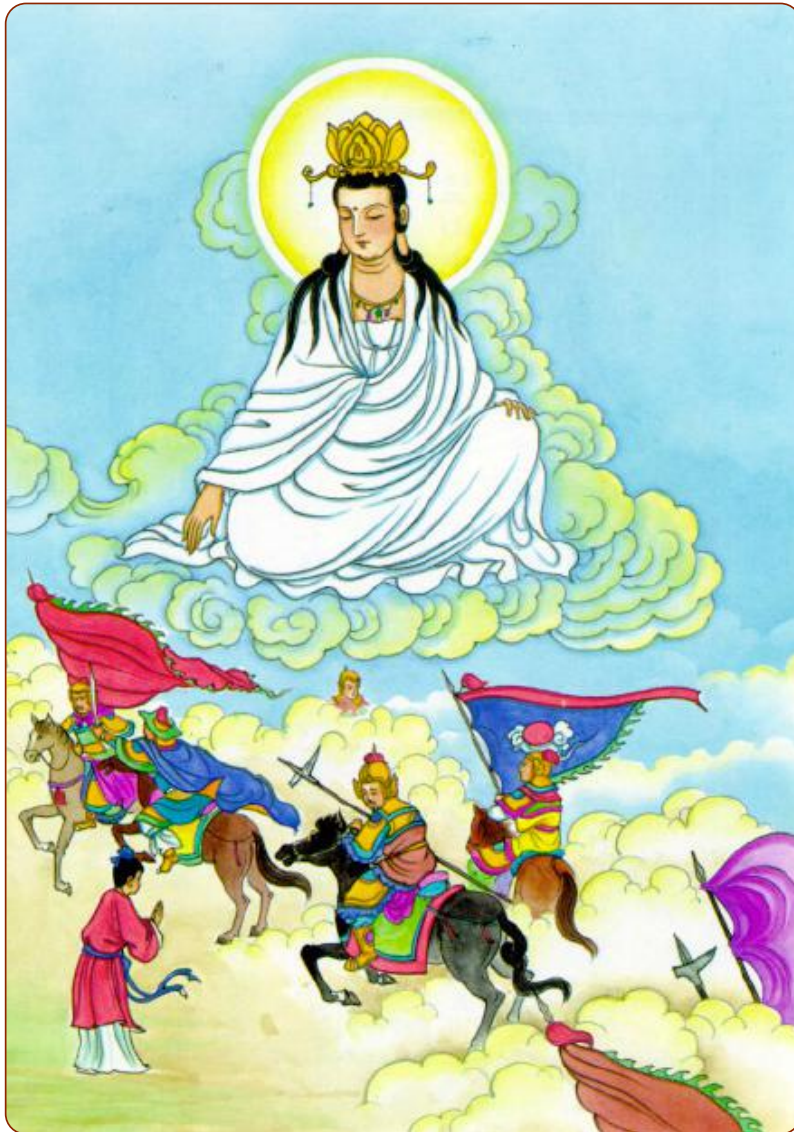
Kính Lạy Bò Tát Quán Thế Âm, con nhận ra Phật tánh nơi con đồng Pháp thân Ngài.

南無得我如得觀世音菩薩

Nam Mô đắc ngã như đắc Quán Thế Âm Bò Tát.

---

**442-447. Buddha-nature:** the seed of enlightenment in every person, representing our potential to become fully awake. Since all living beings possess this Buddha-nature, it is possible for them to attain enlightenment and become a Buddha, regardless of what level of existence they are. In the Mahayana Mahaparinirvana Sutra (1973, p. 101), the Buddha taught, “*All beings have Buddha-nature*”.



*Giving fearelessness on the war field*

445. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, I remember the Buddha-nature Within myself which means I remember Him.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, con nhớ Phật tánh nơi con là nhớ Ngài.

南無憶我如憶觀世音菩薩

Nam Mô ức ngã như ức Quán Thế Âm Bồ Tát.

446. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, I worship the Buddha-nature Within myself which means I worship Him.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, con kính thờ Phật tánh nơi con như kính thờ Ngài.

南無事我如事觀世音菩薩

Nam Mô sự ngã như sự Quán Thế Âm Bồ Tát.

447. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, I offer to the Buddha-nature Within myself which means I present offerings to Him.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, con cúng dường Phật tánh nơi con như cúng dường Ngài.

南無供養我如供養觀世音菩薩

Nam Mô cúng dường ngã như cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát.

448. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, when the Buddha-nature Within myself is here and now, my three karmas of body, speech, and mind are pure.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, khi Phật tánh nơi con hiện rõ là ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh.

南無淨三業觀世音菩薩

Nam Mô tịnh tam nghiệp Quán Thế Âm Bồ Tát.

449. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who obtained the wonderful name of the Listener to the Cries of Living Beings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có danh hiệu mẫu nhiệm Lắng Nghe Tiếng Chúng Sinh Kêu Than.

南無得觀音妙號觀世音菩薩

Nam Mô đắc Quán Âm diệu hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**448. Purifying three karmars** by practicing 10 wholesome deeds: (1) Abstain from killing living beings. (2) Abstain from stealing. (3) Abstain from sexual misconduct. (4) Abstain from false speech. (5) Abstain from malicious speech. (6) Abstain from harsh speech. (7) Abstain from gossip. (8) Abstain from coveting. (9) Abstain from ill-will. And (10) Possess Right Understanding of Dharma. The numbers (1), (2), (3) belong to the body; (4), (5), (6), (7) belong to the speech; and (8), (9), (10) belong to the mind (Majjhima Nikaya, 1965).

450. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who guides cultivators to practice kindness, compassion, joy, and equanimity, so that they avoid the paths of hell, hungry ghosts, and animals.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hướng dẫn người tu tập Từ, Bi, Hỷ, Xả nên khỏi sa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

南無除三途苦惱觀世音菩薩

Nam Mô trừ tam đồ khổ não Quán Thế Âm Bồ Tát.

451. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the nectar on His willow branch purifies the universe.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, giọt nước nhành dương giúp vũ trụ trong lành.

南無法界得清涼觀世音菩薩

Nam Mô pháp giới đắc thanh lương Quán Thế Âm Bồ Tát.

452. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, by practicing His teaching of blessings and wisdom at the same time, so living beings escape from all miseries.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nhờ thực hành lời dạy phước huệ song tu của Ngài nên chúng sanh hết khổ.

南無易脫眾生諸苦觀世音菩薩

Nam Mô dịch thoát chúng sanh chư khổ Quán Thế Âm Bồ Tát.

453. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who listens to the cries of living beings and immediately appears to help them out of their misery.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nghe tiếng chúng sanh kêu than Ngài liền đến bên cạnh cứu giúp.

南無觀其音聲而得解脫觀世音菩薩

Nam Mô quán kỳ âm thanh nhi đắc giải thoát Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**449-454. Nectar.** “*Holding the willow branch, sprinkling the Nectar of Compassion, extinguishing heat, refreshing the world of humans by listening deeply and coming to help living beings and by teaching the Dharma, the Bodhisattva ends the suffering of all species. Bodhisattva’s love and compassion are unmovable. His appearance manifests freedom and virtue. He responds wherever there is a need. No request for His help fails to be completed*” (Plum Village Chanting and Recitation Book, 2000, p.154).

454. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, thanks to the power of reciting the Heart Dharani sincerely, the poison turns to nectar.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nhờ oai lực trì Tâm Chú Đại Bi, thuốc độc thành Cam Lộ.

南無使毒藥變成甘露漿觀世音菩薩

Nam Mô sử độc dược biến thành cam lộ tương Quán Thế Âm Bồ Tát.

455. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the reciters of His name keep their mind still and aware, so they no longer have lust.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người niệm danh hiệu Ngài lặng yên, biết rõ nên không tham dục.

南無令人離欲觀世音菩薩

Nam Mô linh nhân ly dục Quán Thế Âm Bồ Tát.

456. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the reciters of His name keep their mind still and aware, so they no longer have hatred.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người niệm danh hiệu Ngài lặng yên, biết rõ nên không sân hận.

南無令人離嗔觀世音菩薩

Nam Mô linh nhân ly sân Quán Thế Âm Bồ Tát.

457. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the reciters of His name keep their mind still and aware, so they no longer have delusion.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người niệm danh hiệu Ngài lặng yên, biết rõ nên không si mê.

南無令人離癡觀世音菩薩

Nam Mô linh nhân ly si Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**455-457. Transforming lust, hatred, and delusion.** The Buddha taught: “*Rahula, learn from the earth. Whether people spread pure and fragrant flowers, perfume, or fresh milk on it, or discard filthy and foul-smelling feces, urine, blood, mucus, and spit on it, the earth receives it all equally without clinging or aversion. When pleasant or unpleasant thoughts arise, do not let them entangle or enslave you. Learn from the water. When people wash dirty things in it, the water is not sad or disdainful. Learn from fire. Fire burns all things without discrimination. It is not ashamed to burn impure substances. Learn from the air. The air carries all fragrances whether sweet or foul*” (Thích, 1991, p. 321).



458. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, any mother who prays to Him will give birth to sons and daughters, (that is, to give birth to children of wisdom and merit as they so desired.)

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người mẹ nào cầu nguyện Ngài đều sanh con trai, con gái (nghĩa là sanh những người con có trí tuệ, phước đức).

南無與人得男女觀世音菩薩

Nam Mô dữ nhân đắc nam nữ Quán Thế Âm Bồ Tát.

459. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who reverently bow to Him will not lose their blessings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người thành tâm kính lễ Ngài phước không mất đi.

南無受人禮拜福不唐捐觀世音菩薩

Nam Mô thụ nhân lễ bái phước bất đường quyền Quán Thế Âm Bồ Tát.

460. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who reverently present offerings to Him will get infinite blessings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người cúng dường Ngài phước không cùng tận.

南無受人供養福不窮盡觀世音菩薩

Nam Mô thụ nhân cúng dường phước bất cùng tận Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**458. Children.** The son symbolizes wisdom, and the daughter symbolizes merit. They do not represent gender (Thích, 2006, p. 699).

**459-467. Avalokiteśvara Bodhisattva's vast vows** are as deep as the ocean thanks to the following: (1) He was a former Buddha and achieved infinite merits and virtues. (2) He manifests in this world to save living beings. (3) He has served hundreds of millions of Buddhas in the past and has aspired to countless beings. (4) He has always been reciting the Great Compassion Dharani for countless billions of kalpas. And (5) as a Bodhisattva, He is present everywhere at all times and manifests in innumerable forms. Therefore, those who reverently bow and offer to Him will get infinite blessings, and their efforts will not be in vain.

461. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who manifests in the various forms in which He travels the lands.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài hiện thân nhiều hình tướng dạo khắp thế gian.

南無以種種形遊諸國土觀世音菩薩

Nam Mô dĩ chủng chủng hình du chư quốc độ Quán Thế Âm Bồ Tát.

462. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who travels the lands to save living beings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài dạo khắp nơi cứu giúp chúng sanh.

南無遊諸國土度脫眾生觀世音菩薩

Nam Mô du chư quốc độ độ thoát chúng sanh Quán Thế Âm Bồ Tát.

463. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who skillfully responds wherever there is a need.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài khéo đáp ứng mong cầu mọi nơi.

南無善應諸方所觀世音菩薩

Nam Mô thiện ứng chư phương sở Quán Thế Âm Bồ Tát.

464. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, whose vows are as wide and deep as the ocean.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, lời nguyện Ngài rộng sâu như biển.

南無弘誓深如海觀世音菩薩

Nam Mô hồng thệ thâm như hải Quán Thế Âm Bồ Tát.

465. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, whose vows last for countless lifetimes.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, lời nguyện Ngài kiên định qua vô lượng kiếp.

南無歷劫不思議觀世音菩薩

Nam Mô lịch kiếp bất tư nghi Quán Thế Âm Bồ Tát.

466. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has stayed close to learn from hundreds of millions of Buddhas.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài gần gũi học hỏi nhiều ngàn ức Phật.**

南無侍多千億佛觀世音菩薩

Nam Mô thị đa thiên ức Phật Quán Thế Âm Bồ Tát.

467. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, whose vows are absolutely grand and pure.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, lời nguyện Ngài vô cùng hùng vĩ, trong sáng.**

南無發大清淨願觀世音菩薩

Nam Mô phát đại thanh tịnh nguyện Quán Thế Âm Bồ Tát.

468. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, when hearing His name, I am immediately mindful of Him.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nghe danh hiệu Ngài con liền thức tỉnh.**

南無聞名不空過觀世音菩薩

Nam Mô văn danh bất không quá Quán Thế Âm Bồ Tát.

469. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, when seeing His image, I am immediately mindful of Him.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, thấy hình tượng Ngài con liền thức tỉnh.**

南無見身不空過觀世音菩薩

Nam Mô kiến thân bất không quá Quán Thế Âm Bồ Tát.

470. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, when thinking of Him, I am immediately mindful of Him.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nhớ đến Ngài con liền thức tỉnh.**

南無心念不空過觀世音菩薩

Nam Mô tâm niệm bất không quá Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**468-470.** Whoever calls His name in such a way that the mind becomes perfectly concentrated and pure, this person can overcome all kinds of suffering and become calm, lucid, and mindful.

471. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who practice His teaching of blessings and wisdom simultaneously overcome sufferings in all three realms.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người thực hành lời dạy phước huệ song tu của Ngài dứt khổ ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới.

南無滅諸有苦觀世音菩薩

Nam Mô diệt chư hữu khổ Quán Thế Âm Bồ Tát.

472. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, by virtue of sincerely reciting His name, those who intend to harm others become kind.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nhờ chí thành niệm danh hiệu Ngài nên kẻ có ý định làm hại trở nên hiền lành.

南無將加害必起慈心觀世音菩薩

Nam Mô tương gia hại tất khởi từ tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

473. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who has absolute miraculous powers.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài có đủ sức thần thông.

南無具足神通力觀世音菩薩

Nam Mô cụ túc thần thông lực Quán Thế Âm Bồ Tát.

**471. Three realms:** (1) The realm of desire, where beings are attached to greed and lust. (2) The realm of form, where beings have less desire but are still attached to forms. And (3) the formless realm, where beings have discarded forms but are attached to formless samadhis. Based on modern psychology, these three realms represent the different levels of the practice of mindfulness, concentration, and insight that we can bring into our daily lives. Sometimes we are in the realm of formlessness, when we feel free of attachment and clinging, no longer running after things. Sometimes we dwell in the realm of form when we have freed ourselves of some, but not all, of our clinging and attachment. Most often we are in the realm of desire – completely immersed in attachment and clinging, and unable to experience the peace and joy of the present moment (Thich, 2003).

**472-475.** He is **the universal gateway** to the path of compassion and reconciliation; and through mindfulness of love, understanding, and compassion, the evil person is transformed into a gentle one. Through His great wisdom, He invents various skillful means to help in as many ways and as many forms as needed. Therefore, there is no place where He does not display His body.

474. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who vastly cultivates wisdom and proper means.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài rộng tu trí tuệ, phương tiện.

南無廣修智方便觀世音菩薩

Nam Mô quảng tu trí phương tiện Quán Thế Âm Bồ Tát.

475. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, nowhere He does not manifest.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, không nơi nào Ngài chẳng hiện thân.

南無無刹不現身觀世音菩薩

Nam Mô vô sát bất hiện thân Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**476. Helping after death.** People after death must be reborn according to their karmas. Those who cultivated diligently will be immediately born in the good realms; those who did extremely cruel karmas will immediately fall into the evil paths. However, most dead people will fall into a phase called “*bardo*”, the intermediate state between death and rebirth. This bardo is composed of atoms extremely light, lucid, mobile, and vulnerable; its awareness is seven times clearer than a living person and can read others’ minds. Bardo has an average duration of 49 days.

During the first weeks, bardo does not realize that it is dead. It returns home to meet the family and loved ones, tries to talk to them, tries to touch them on the shoulder, but living people can not reply. Consequently, the dead feels angry, hurt, and frustrated “like a fish writhing in hot sand.” Bardo relives all the experiences of its past life. Every seven days, it is compelled to go through the experience of death once again with all its suffering, which easily leads to reincarnation in evil realms. Therefore, Buddhism has a method to dedicate all the merits to the bardo such as meditation, reciting Amitabha Buddha, chanting, repenting, offerings to the Three Jewels, releasing birds and fishes, or donating to charity.

Bardo must wait in the intermediate state until it can make a karmic connection with its future parents. Some cases, however, after seven weeks or even 100 years, bardos may not be reborn because they are so attached to their previous lives, and they fall into the realm of hungry ghosts that have no food, water, and sympathy.

According to the Ksitigarbha Sutra, impermanence can arrive at any time for anyone. Bardo wanders in darkness, not knowing its karmas and merits for 49 days while being stunned, deaf, and tormented by thousands of myriads of worries. How much more anguished will it be if it falls into the lower realms? The most effective time to do spiritual practice for the bardo is during the first 49 days, special emphasis to the first 21 days when the dead has a stronger link with this life (Rinpoche, 2003).

476. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, by reciting His name, the sufferings of birth, old age, sickness, and death all cease.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nhờ niệm danh hiệu Ngài nên hết khổ sanh, già, bệnh, chết.

南無生老病死苦息滅觀世音菩薩

Nam Mô sanh lão bệnh tử khổ tức diệt Quán Thế Âm Bồ Tát.

477. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the true contemplation of impermanence, non-self, and conditioned circumstances.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chứng lẽ thật các pháp vô thường, vô ngã, duyên hợp.

南無時真觀觀世音菩薩

Nam Mô đắc chân quán Quán Thế Âm Bồ Tát.

478. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the pure contemplation.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chứng phép quán đem lại trong sáng cho tâm hồn.

南無時清淨觀觀世音菩薩

Nam Mô đắc thanh tịnh quán Quán Thế Âm Bồ Tát.

479. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who perceived that all dharmas are empty, and with this realization He overcame all ill-being.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài soi thấy các pháp đều không liền vượt qua mọi khổ ách.

南無廣大智慧觀觀世音菩薩

Nam Mô Quảng Đại Trí Tuệ quán Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**477-479. Contemplation of truth** helps practitioners recognize the ultimate dimension. Seeing clearly to see the truth, not being delusional, not being shelled, the deceitful form outside makes practitioners blind. **Contemplation of purity** can bring peace and clarity of mind. It transforms or takes away the darkness and dust in the mind. **Contemplation of Prajna Paramita** is the contemplation on emptiness. All dharmas have no independent existence of their own, apart from reliance on other dharmas. Everything in the world, both physical and mental, is interdependent with everything else in the world. The temporary existence of each is dependent on its relations with what is not.

480. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the compassionate contemplation.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chứng phép quán lòng bi.

南無時悲觀觀世音菩薩

Nam Mô đắc bi quán Quán Thế Âm Bồ Tát.

481. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who achieved the kind contemplation.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chứng phép quán lòng từ.

南無時慈觀觀世音菩薩

Nam Mô đắc từ quán Quán Thế Âm Bồ Tát.

482. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, we constantly revere His five contemplations.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, chúng con nguyện thường chiêm ngưỡng năm phép quán của Ngài.

南無願願常瞻仰觀世音菩薩

Nam Mô nguyện nguyện thường chiêm ngưỡng Quán Thế Âm Bồ Tát.

483. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, His five contemplations are the pure light.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, năm phép quán là ánh sáng thanh tịnh.

南無無垢清淨光觀世音菩薩

Nam Mô vô cấu thanh tịnh quang Quán Thế Âm Bồ Tát.

484. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, His five contemplations are the Sun of Wisdom destroying darkness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, năm phép quán là mặt trời Trí Tuệ phá tan mê chấp.

南無慧日破諸暗觀世音菩薩

Nam Mô tuệ nhật phá chư ám Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**480-485.** Avalokiteśvara Bodhisattva takes the substance of compassion as His Dharma substance. Compassion must be accompanied by wisdom to have the right effect. He uses equal kindness to help living beings.



485. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, His five contemplations illuminate the whole world.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, năm phép quán soi sáng khắp thế gian.

南無普明照世間觀世音菩薩

Nam Mô phổ minh chiếu thế gian Quán Thế Âm Bồ Tát.

486. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, His compassionate substance, which comes from the precepts, is pure like lightning and thunder.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, chất liệu lòng bi đến từ giới luật tinh khiết như sấm rền.

南無悲體戒雷震觀世音菩薩

Nam Mô bi thể giới lời chân Quán Thế Âm Bồ Tát.

487. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, His kind intent is as generous as a gentle cloud.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, chất liệu lòng từ bao dung như áng mây lành.

南無慈意妙大雲觀世音菩薩

Nam Mô từ ý diệu đại vân Quán Thế Âm Bồ Tát.

**486. Compassionate substance.** *“The thunder of precepts. When Avalokiteśvara Bodhisattva first began to cultivate, He held the precepts purely, and from this purity He brought forth vast kindness and compassion; the kindness that includes even those with whom one does not have affinities. This compassionate substance is like thunder. It emits a thunderous roar, and living beings are awakened by it”* (Hua, 1998, p. 172).

**487-495. Kind intent** as a wondrous great cloud. The Bodhisattva uses equal kindness to help living beings and bestows joy upon them in an equal way. He is not a deity but a name for any real person with a real practice and real qualities. He is a holy person, but holiness does not belong to certain people. Everywhere that there is mindfulness, concentration, and insight there is the element of holiness. Therefore, when practitioners take the qualities of Avalokiteśvara as the object of their mindfulness, then the element of holiness arises in them too.

**Kind eyes observe all living beings** means seeing with love, people are happy, and our hearts are also imbued with the sweetness of love. Let us look at beings with compassionate eyes and not wait for beings to look at us with sympathetic eyes. Sooner or later, all living beings will learn this method and will know to look back at us with compassionate eyes (Thích, 2003).

488. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who pours the Dharma rain like necta.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài rải mưa Pháp cam lồ.

南無澍甘露法雨觀世音菩薩

Nam Mô chú cam lồ Pháp vũ Quán Thế Âm Bồ Tát.

489. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, His Dharma nectar extinguishes the fire of afflictions.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, mưa Pháp rưới tắt lửa phiền não.

南無滅除煩惱燄觀世音菩薩

Nam Mô diệt trừ phiền não diễm Quán Thế Âm Bồ Tát.

490. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, His Dharma nectar causes all resentment to dissipate.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, mưa Pháp xóa sạch oán thù.

南無眾怨悉退散觀世音菩薩

Nam Mô chúng oán tất thoái tán Quán Thế Âm Bồ Tát.

491. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, whose sounds are wondrous.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tiếng thật vi diệu.

南無妙音觀世音菩薩

Nam Mô diệu âm Quán Thế Âm Bồ Tát.

492. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, whose sounds are noble.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tiếng thật cao quý.

南無梵音觀世音菩薩

Nam Mô phạm âm Quán Thế Âm Bồ Tát.

493. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, whose sounds are strong as ocean waves.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tiếng trầm hùng như sóng biển.

南無海潮音觀世音菩薩

Nam Mô hải triều âm Quán Thế Âm Bồ Tát.

494. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the pure Holy person.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, bậc Thánh thanh tịnh.

南無淨聖觀世音菩薩

Nam Mô tịnh Thánh Quán Thế Âm Bồ Tát.

495. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, His kind eyes observe all living beings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, mắt thương nhìn khắp chúng sanh.

南無慈眼觀眾生觀世音菩薩

Nam Mô từ nhãn quán chúng sanh Quán Thế Âm Bồ Tát.

496. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who is the boundless ocean of blessings.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, biển phước chứa vô cùng.

南無福聚海無量觀世音菩薩

Nam Mô phước tụ hải vô lượng Quán Thế Âm Bồ Tát.

497. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who is the refuge of living beings who suffer from pain, agonies, distress, and death.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, chỗ tựa cho chúng sanh lúc khổ, nạn, chết.

南無於苦惱死厄能為作依怙觀世音菩薩

Nam Mô ư khổ nạn tử ách năng vi tác y hỷ Quán Thế Âm Bồ Tát.

**496-497.** The Bodhisattva's merits and virtues are the **boundless ocean of blessings**. To follow His cultivation, practitioners should practice the way of life as suggested in the meditation song named *"The River and the Sea"* (Trùng Sĩ, 2011):

*"I have never seen the sea; I only see the stream of the river.*

*Listening to my teacher's telling, the sea is wider than the river.*

*The ocean is immense, the immensity of the blue sea is warm and heartfelt.*

*A human lifetime is like the river.*

*If anyone lives for all the people, his or her heart is wider than the river.*

*If anyone lives for himself or herself, his or her heart is narrower than the river."*

The sea symbolizes the mind of freedom, immensity, and selflessness; the river represents the mind of attachment, narrowness, and selfishness. Cultivation is to recognize and transform the mind of attachment, narrowness, and selfishness into the mind of selflessness, freedom, immensity, and vastness like the sea.

498. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, we vow to practice the Buddha's teachings to support the long lasting proliferation of the Buddha Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, chúng con nguyện ủng hộ Phật Pháp hưng thịnh lâu dài bằng thực hành lời Phật dạy.

南無擁護佛法使長存觀世音菩薩

Nam Mô ủng hộ Phật Pháp sử trường tồn Quán Thế Âm Bồ Tát.

499. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, we vow to stay day and night in the peaceful refuge of Dharma.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, chúng con nguyện ngày đêm tự mình an trú trong Chánh Pháp.

南無日夜自身依法住觀世音菩薩

Nam Mô nhật dạ tự thân y Pháp trụ Quán Thế Âm Bồ Tát.

---

**498. Supporting the Buddha Dharma.** On June 11, 1963, Thích Quảng Đức Bodhisattva immolated himself on fire in Sài Gòn, Việt Nam, to warn President Ngô Đình Diệm and his government not to suppress Buddhism in Việt Nam (P. 162 of this book).

**499. King Trần Thái Tông's vows of repentance at midnight.**

First vow is that my mind is always awakened in stillness.

Second vow is to terminate the untamed mind.

Third vow is to destroy any doubt.

Fourth vow is that the moon of concentration is always complete.

Fifth vow is that all mental objects are non-arising and unceasing.

Sixth vow is to detach from the net of affection.

Seventh vow is to contemplate and practice the Ten Stages of the Path of Bodhisattva.

Eighth vow is to thoroughly understand the Dharma to liberate from the three realms.

Ninth vow is that my agitated mind is tamed.

Tenth vow is that my mind is in control.

Eleventh vow is to open my mind to listen and understand the Buddha's teachings.

Twelfth vow is to admire the Zen Patriarchs.

**500. Dwelling happily in the present moment.** In whatever place one dwells, there is constant peace and happiness. In the Bhaddekaratta Sutra, the Buddha taught: Do not lose yourself in the past. Do not lose yourself in the future. Do not get caught in your anger, worries, or fears. Come back to the present moment, and touch life deeply. This is mindfulness (Majjhima Nikaya, 1965).

500. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, we vow to practice the Buddha's teaching of living happily in the present moment, so in whatever place we dwell, there is constant well-being.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, chúng con nguyện thực hành lời Phật dạy hiện pháp lạc trú nên ở đâu cũng an vui.

南無隨所住處常安樂觀世音菩薩

Nam Mô tùy sở trụ xứ thường an lạc Quán Thế Âm Bồ Tát.

## Sincerely Proposing the Supplemental Sentences

*Based on the Great Compassion Dharani Sutra, the following sentences are missing in the Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva Sutra.*

*May we sincerely propose them.*

1B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the equal heart is one feature of the Heart Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tâm bình đẳng là tướng mạo Tâm Chú Đại Bi.

南無平等心觀世音菩薩

Nam Mô bình đẳng tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

2B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the non-clinging heart is one feature of the Heart Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tâm không chấp giữ là tướng mạo Tâm Chú Đại Bi.

南無無見取心觀世音菩薩

Nam Mô vô kiến thủ tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

3B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the utmost Bodhi heart is one feature of the Heart Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, tâm vô thượng Bồ Đề là tướng mạo Tâm Chú Đại Bi.

南無無上菩提心觀世音菩薩

Nam Mô vô thượng Bồ Đề tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.

4B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, those who recite the Heart Dharani sow the seeds of wonderful language into their storehouse consciousness.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, người trì Tâm Chú Đại Bi gieo hạt giống diệu ngữ vào tạng thức.

南無妙語藏觀世音菩薩

Nam Mô diệu ngữ tạng Quán Thế Âm Bồ Tát.

5B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses the Precious Box Mudra to help the Heart Dharani-reciters obtain precious underground treasures.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt Ấn Rương Báu giúp người trì Tâm Chú Đại Bi được kho báu trong lòng đất.

南無寶篋手觀世音菩薩

Nam Mô Bảo Khiếp thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

6B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses Precious Bell Mudra whose echoing sounds cause all the Devas and Good Deities to come and assist.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Linh Báu, khi âm thanh ngân vang, chư Thiên, Thiện Thần đều đến trợ lực.

南無寶鐸手觀世音菩薩

Nam Mô Bảo Đạc thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

7B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who uses the Mudra of Coordinating One Thousand Arms to subdue evil demons.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài bắt ấn Tổng Nhiếp Thiên Tý hàng phục các loài quỷ dữ.

南無總攝千臂手觀世音菩薩

Nam Mô Tổng Nhiếp Thiên Tý thủ Quán Thế Âm Bồ Tát.

8B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Heart Dharani is also called the Vast, Great, and Perfect Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Tâm Chú Đại Bi còn gọi là Chú Quảng Đại Viên Mãn.

南無廣大圓滿陀羅尼觀世音菩薩

Nam Mô Quảng Đại Viên Mãn Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát.

9B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Heart Dharani is also called the Unimpeded Great Compassion Dharani.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Tâm Chú Đại Bi còn gọi là Chú Vô Ngại Đại Bi.**

南無無礙大悲陀羅尼觀世音菩薩

Nam Mô Vô Ngại Đại Bi Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát.

10B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Heart Dharani is also called the Relief from Suffering Dharani.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Tâm Chú Đại Bi còn gọi là Chú Cứu Khổ.**

南無救苦陀羅尼觀世音菩薩

Nam Mô Cứu Khổ Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát.

11B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Heart Dharani is also called the Life Prolonging Dharani.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Tâm Chú Đại Bi còn gọi là Chú Trường Thọ.**

南無延壽陀羅尼觀世音菩薩

Nam Mô Diên Thọ Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát.

12B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Heart Dharani is also called the Eliminating Evil Ways Dharani.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Tâm Chú Đại Bi còn gọi là Chú Diệt Ác Thú.**

南無滅惡趣陀羅尼觀世音菩薩

Nam Mô Diệt Ác Thú Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát.

13B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Heart Dharani is also called the Breaking Evil Karma Hindrances Dharani.

**Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Tâm Chú Đại Bi còn gọi là Chú Phá Ác Nghiệp Chướng.**

南無破惡業障陀羅尼觀世音菩薩

Nam Mô Phá Ác Nghiệp Chướng Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát.



14B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Heart Dharani is also called the Wish-Fulfilling Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Tâm Chú Đại Bi còn gọi là Chú Mãn Nguyện.

南無滿願陀羅尼觀世音菩薩

Nam Mô Mãn Nguyện Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát.

15B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Heart Dharani is also called the Dharani Of Freedom In Accordance With The Heart.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Tâm Chú Đại Bi còn gọi là Chú Tùy Tâm Tự Tại.

南無隨心自在陀羅尼觀世音菩薩

Nam Mô Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát.

16B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, the Heart Dharani is also called the Quickly Exceeding The Upper Stages Dharani.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, Tâm Chú Đại Bi còn gọi là Chú Tốc Siêu Thánh Địa.

南無速超聖地陀羅尼觀世音菩薩

Nam Mô Tốc Siêu Thánh Địa Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát.

17B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, thanks to His grace of kindness and compassion, when I go towards the mountain of knives, the mountain of knives itself collapses.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nhờ đức từ bi Ngài, khi con hướng về non đao, non đao liền sụp đổ.

南無與我向刀山刀山自摧折觀世音菩薩

Nam Mô dữ ngã hướng đao sơn, đao sơn tự tột chiết Quán Thế Âm Bồ Tát.

18B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, thanks to His grace of kindness and compassion, when I go towards the fire, the fire itself extinguishes.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nhờ đức từ bi Ngài, khi con hướng về lửa, lửa cháy tự khô tắt.

南無與我向火湯火湯自枯竭觀世音菩薩

Nam Mô dữ ngã hướng hỏa thang, hỏa thang tự khô kiệt Quán Thế Âm Bồ Tát.

19B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, thanks to His grace of kindness and compassion, when I go towards hell, it disappears.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nhờ đức từ bi Ngài, khi con hướng về địa ngục, địa ngục liền dứt sạch.

南無與我向地獄地獄自消滅觀世音菩薩

Nam Mô dĩ ngã hướng địa ngục, địa ngục tự tiêu diệt Quán Thế Âm Bồ Tát.

20B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, thanks to His grace of kindness and compassion, when I go towards the hungry ghosts, they become full.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nhờ đức từ bi Ngài, khi con hướng về ngạ quỷ, ngạ quỷ liền tự no đủ.

南無與我向餓鬼餓鬼自飽滿觀世音菩薩

Nam Mô dĩ ngã hướng ngạ quỷ, ngạ quỷ tự bảo mãn Quán Thế Âm Bồ Tát.

21B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, thanks to His grace of kindness and compassion, when I go towards the Asuras, their evil thoughts are tamed.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nhờ đức từ bi Ngài, khi con hướng về a tu la, tâm ác a tu la trở nên hòa dịu.

南無與我向修羅惡心自調伏觀世音菩薩

Nam Mô dĩ ngã hướng tu la, ác tâm tự điều phục Quán Thế Âm Bồ Tát.

22B. Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, thanks to His grace of kindness and compassion, when I go towards the animals, they attain great wisdom.

Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nhờ đức từ bi Ngài, khi con hướng về loài vật, loài vật tự được trí tuệ lớn.

南無與我向畜生畜生自得大智慧觀世音菩薩

Nam Mô dĩ ngã hướng súc sanh, súc sanh tự đắc đại trí tuệ Quán Thế Âm Bồ Tát.

**1B-3B.** Three features of equal heart, non-clinging heart, and utmost Bodhi heart (Great Compassion Dharani Sutra, 2009, p. 9).

**4B.** The store of Wonderful language (Ibid., p. 14).

**5B-7B.** Three Mudras of Precious Box, Bell Box, and Coordinating 1,000 Arms (Ibid., p. 23).

**8B-16B.** Nine other names of the Great Compassionate Heart Dharani (Ibid., p. 17).

**17B-22B.** Six vows towards the evil paths (Ibid., pp. 4-5).



*Thích Quảng Đức Bodhisattva's unburnt heart, despite being burned twice with a temperature of 4,000°C in Việt Nam on June 11 , 1963.*



Where He sat has become an Eternal Masterpiece,  
In that invisible space  
always shines the brilliance of Compassion and Wisdom.

*On June 11, 1963, Thích Quảng Đức Bodhisattva sat down between Phan Đình Phùng crossroads in Sài Gòn (present day Hồ Chí Minh City), Việt Nam. He drenched Himself with gasoline, lit a match and sat still in the blazing flame! While the fire burns His whole body, He was still able to sit very still and straight. Without compassion, how can one maintain such posture? Prior to self-immolation, Thích Quảng Đức Bodhisattva left some poems in which the language did not contain any resentment or hatred. He delivered Himself to the flames to beseech President Ngô Đình Diệm and his government to be awakened, so they would not discriminate against and persecute Buddhism.*

## Sharing the Merit

### May the Day Be Well

May the day be well and the night be well.

May the midday hour bring happiness too.

In every minute and every second, may the day and night be well.

By the blessing of the Three Jewels, may all things be protected and safe.

*(Bell)*

May all beings born in each of the four ways live in a land of purity.

May all in the Three Realms be born upon Lotus Thrones.

May countless wandering souls realize the three virtuous positions of  
the Bodhisattva Path.

May all living beings, with grace and ease, fulfill the Bodhisattva Stages. *(Bell)*

### Recitation of Buddhas' and Bodhisattvas' Names

Namo Sakyamuni Buddha, the Fully Awakened One.

Namo Medicine Master Buddha, Healing All Diseases.

Namo Amitabha Buddha, of Infinite Light.

Namo Manjushri Bodhisattva, of Great Understanding.

Namo Samantabhadra Bodhisattva, of Great Action.

Namo Avalokiteśvara Bodhisattva, of Great Compassion.

Namo Mahasthama Bodhisattva, of Great Strength.

Namo Ksitigarbha Bodhisattva, of Great Aspiration.

Namo Pure Assembly of Bodhisattvas as Vast as the Oceans.

### The Three Refuges

I take refuge in the Buddha,  
the one who shows me the way in this life.

I take refuge in the Dharma,  
the way of understanding and of love.

I take refuge in the Sangha,  
the community that lives in harmony and awareness. *(Bell)*

Dwelling in the refuge of Buddha,  
I clearly see the path of light and beauty in the world.  
Dwelling in the refuge of Dharma,  
I learn to open many doors on the path of transformation.  
Dwelling in the refuge of Sangha,  
I am supported by its shining light that keeps my practice free of obstacles.  
*(Bell)*

Taking refuge in the Buddha in myself,  
I aspire to help all people recognize their own awakened nature  
and realize the mind of love.  
Taking refuge in the Dharma in myself,  
I aspire to help all people grasp the way of practice and walk  
together on the path of liberation.  
Taking refuge in the Sangha in myself,  
I aspire to help all people build fourfold communities and  
encourage the transformation of all beings. *(Bell)*

### **Sharing the Merit**

Reciting the trainings, practicing the way of awareness  
gives rise to benefits without limit.  
We vow to share the fruits with all beings.  
We vow to offer tribute to parents, teachers, friends,  
and numerous beings  
who give guidance and support along the path. *(Three bells)*

## **The Merits and Virtues Through the Five Hundred Names (S)**

### **I. Dependent Origination (81 S)**

**1. Former Buddha's manifestation (11 S).** Avalokiteśvara Bodhisattva had become the Buddha named True Dharma Brightness Tathagata. Because of His great compassion to save living beings, He has just come to be a Bodhisattva. In front of Sakyamuni Buddha, He recounted His attainment of the Great Compassion Dharani from Rays King Stillness Buddha (S 1-3, 5-7, 217, 365-366). He will become the Buddha in the Ultimate Bliss Realm of Amitabha Buddha (S 4, 61).

**2. The Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva Sutra (10 S).** The Sutra has 500 names. There are 266 names quoted from the Great Compassion Dharani Sutra, 81 ones from the Lotus Sutra, 44 from the Amogha-pasa Sutra, 36 from the Cintamani Cakra Dharani Sutra, 18 from the Cintamani Dharani Sutra, 7 from the Shurangama Sutra, 7 from the Flower Adornment Sutra, and 41 from others. Beside the Great Compassion Dharani, there are 6 other Dharanis (S 24, 28, 293-295, 392). Two names of “one thousand eyes illuminated” and “one thousand hands supporting” repeat twice (S 76-77, 377-378).

**3. Countless body applications (60 S).** According to each species of living beings, the Bodhisattva appears in appropriate forms to speak Dharma. He has many names such as Unrestricted One, Nipping a Lariat, or Amongha-Pasa (S 8-21, 23, 25, 36-40, 98-100, 103-104, 311, 394-426).

### **II. The Wonderful Applications to Help Beings (115 S)**

**1. Giving of non-fear (2 S).** (S 309, 427).

**2. Eliminating accidents (12 S).**

- The accidents of common karmas of living beings (S 51-53).
- The bad relationships in daily life (S 55, 145-148).
- Situations of difficult birth (S 32).
- Poisonous insects, snakes, and animals (S 58-60).

**3. Healing sickness (50 S)**

- Preventing many types of illnesses (S 78, 105-111, 113-123, 383, 387).
- Healing illnesses (S 44-50, 124-128, 132-143, 112, 129-131, 144).

**4. Transforming evil karmas to good actions (24 S).**

- Eliminating fifteen types of unjust death (S 173-188).
- Repenting evil actions (S 27, 35, 54, 56-57, 279, 282, 450).

**5. Fulfilling the needs (8 S).**

Those who sincerely pray to Him are well-being (S 31, 41, 284-285, 291-292, 306, 458).

**6. Benefits for three levels: micro, meso, and macro (19 S).**

- Applied to individuals, society, environment, nation, and universe (S 164,158-160).
- Protecting the security and political stability, preventing war (S 155-156, 161-163, 168).
- Supporting the peaceful people, bountiful harvests, affluent food, and economic prosperity (S 157, 165-166, 302, 390).
- The world and the universe are imbued with nectar (S 22, 30, 101, 451).

**III. The Great Compassionate Heart Dharani (196 S)**

**1. Achievement of Dharani (30 S)**

- He has heard, accepted, and recited this Dharani (S 367, 26, 218, 371, 374).
- Dharani-reciters' well-being (S 29, 62-65, 67, 296-297, 283).
- The Devas and Dragons' supports; sowing 12 good seeds into the store consciousness (S 86-96,149-151, 153-154).

**2. Features and mudras (47 S)**

- This Dharani has 10 features (S 68-73, 75) and 42 Mudras (S 313-352).
- Three features and 2 Mudras missing added in the Part of Supplemental Sentences.

**3. How to recite the Great Compassionate Heart Dharani (14 S)**

- Arousing the great merciful and compassionate heart for living beings.
- Reciting this Dharani 5 times per day.
- Unifying body and mind (S 74, 204-213, 375-376, 389).

**4. Benefits to sincerely recite this Dharani (48 S)**

- Obtaining fifteen types of merit (S 189 -203).
- Transforming the evil episodes (S 42, 83-84).
- Eliminating lust, hatred, and delusion (S 455- 457).



- Endowed with wealth and long life (S 66, 299, 303).
- Growing the good karmas (S 102, 152, 280-281, 298, 307-308).
- Fostering the Mahayana vow (S 171-172, 272, 274).
- Attaining the fruitions of cultivation. (S 214-216, 273, 275, 286, 372-373).
- Straight forward on the Bodhisattva way (S 276-278, 300-301).

#### **5. The Eight Vajra Deities' supports (57 S)**

All of them arouse to guard the Dharani-reciters (S 79-81, 219-271, 385).

### **IV. Prayers of Avalokiteśvara Bodhisattva (108 S)**

#### **1. Broad vows (10 S)**

- Giving joy and saving suffering beings (S 33-34, 287, 305, 452).
- Teaching people to cultivate to get good results (S 85, 304, 312, 379, 381).

#### **2. Divine power (43 S)**

- Obtaining the perfect penetration of the sense-organs and manifesting different bodies to benefit living beings (S 43, 82, 97, 167, 353-364, 368-370, 391, 393, 454).

- Sunlight and Moonlight Bodhisattva support living beings (S 169-170).

- Being illuminated by the light of all Tathagatas and supported by the Eight Vajra Deities (S 310, 380, 382, 384, 386, 388, 428, 430-441).

#### **3. Praises of Bodhisattva (46 S).**

- Precious rain, big tree to protect living beings, and valuation of the Cintamani (S 288-290).

- Making offerings (S 429, 448-449, 453, 459-497).

#### **4. Returning to the Buddha-nature (9 S).**

- Bowing to the Buddha-nature Within themselves (S 442-447).

- Supporting the Buddha Dharma for a long time (S 498-500).

### **V. Conclusion**

The Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva Sutra is not only for praying but also for practice. It is the diligent cultivation that helps practitioners obtain the wonderful fruitions. Their achievements benefit themselves, their relatives, and living beings, even foes or friends. Reciting, contemplating, and bowing to the Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva is a way to return to their Buddha-nature.

## An Outline of 500 Names

Subtitle	Sentences	Total
I. Dependent origination		81
1. Former manifestations	1-7, 61, 217, 365-366	11
2. Sutra of 500 Names	24, 28, 76-77, 293-295, 377-378, 392	10
3. Body applications	8-21, 23, 25, 36-40, 98-100, 103-104, 311, 394-426	60
II. Helping living beings		115
1. Giving of non-fear	309, 427	2
2. Eliminating accidents	32, 51-53, 55, 58-60, 145-148	12
3. Healing sickness	44-50, 78, 105-144, 383, 387	50
4. Transforming karmars	27, 35, 54, 56-57, 173-188, 279, 282, 450	24
5. Fulfilling the needs	31, 41, 284-285, 291-292, 306, 458	8
6. Benefit levels	22, 30, 101, 155-166, 168, 302, 390, 451	19
III. Compassion Dharani		196
1. Achievements	26, 29, 62-65, 67, 86-96, 149-151, 153-154, 218, 283, 296-297, 367, 371, 374	30
2. Features & mudras	68-73, 75, 313-352	47
3. Reciting Dharani	74, 204-213, 375-376, 389	14
4. Benefits	42, 66, 83-84, 102, 152, 171-172, 189-203, 214-216, 272-278, 280-281, 286, 298-301, 303, 307-308, 372-373, 455-457	48
5. Supports	79-81, 219-271, 385	57
IV. Praises of Bodhisattva		108
1. Broad vows	33-34, 85, 287, 304-305, 312, 379, 381, 452	10
2. Divine Powers	43, 82, 97, 167, 169-170, 310, 353-364, 368-370, 380, 382, 384, 386, 388, 391, 393, 428, 430-441, 454	43
3. Praises	288-290, 429, 448-449, 453, 459-497	46
4. The Buddha-nature	442-447, 498-500	9
<b>Total</b>		<b>500</b>

## *Ten Features of* **the Great Compassionate Heart Dharani**

Avalokiteśvara Bodhisattva taught that the Great Compassion Dharani Sutra has the following ten features: great kind and compassionate heart, equal heart, Unconditioned heart, unattached heart, emptiness-observing heart, respectful heart, modest heart, uncluttered heart, non-clinging view heart, and utmost Bodhi heart.

**1. The great kind and compassionate heart.** Kindness is to bring joy to living beings; compassion is to help living beings end sufferings. The kind and compassionate heart has the physical and mental strength to generate good deeds, therefore, it consists of wisdom and courage. This is the first step of the Bodhisattva path. May our hearts attain a gradual decrease in envious habits, not be angered by our living environments, and appreciate what we currently have. We vow to do our best to offer happiness to and alleviate sufferings of living beings, especially orphans, children with disabilities, those who are severely ill, impoverished, vulnerable, and victims of tsunami, earthquake, flood, or hurricane. Thanks to these practices, more love and understanding shine in our hearts so that we can enter the abundant source of Kindness, Compassion, Joy, and Equanimity.

**2. The equal heart.** The equal heart no longer discriminates based on social class, gender, religion, or race, nor distinguishes between foes and friends, subject and object, minds and surroundings. We see ourselves within all beings, and all beings exist within us, just as mirrors reflect images of one another. Practicing the equal heart, we easily accept differences in the daily life. This heart does not coerce others to be at our level, instead we willingly open our heart to graciously accommodate others, from our friends and family to the community, humanity, and living beings.

While practicing this heart, we contemplate on how we and others are similar. Whether donating to charity or performing good deeds, we should pay attention to the grace and joy rather than the quantity. By practicing the equal heart, our world-view becomes vast and wonderful. We see how all beings are beautiful, precious, and important. We and the Buddha are different in the level of attainment but sim-

ilar in the Buddha-nature. Since our mind is obscured by the clouds of delusion, we can only exist as living beings. Once our mind is still, without a thought arising, then our Buddha-nature immediately appears.

**3. The Unconditioned heart.** The “*Unconditioned*” means not being dependent, affected, or born. So, the Unconditioned neither changes nor loses. It is the Non-born, another word for Nirvana. In the Samyutta Nikaya, the Buddha spoke of the 33 synonyms for Nirvana: *the Unconditioned, the uninclined, the taintless, the truth, the far shore, the subtle, the very difficult to see, the unaged, the stable, the undisintegrating, the unmanifest, the non-proliferation, the peaceful, the deathless, the sublime, the auspicious, the secure, the destruction of craving, the wonderful, the amazing, the non-ailing state, Nirvana, the unafflicted, the dispassionate, the purity, the freedom, the nonattachment, the island, the shelter, the asylum, the refuge, and the destination* (Bodhi, 2005, p. 365).

The way leading to the Unconditioned is the Noble Eightfold Path; that is, right view, right thought, right speech, right action, right livelihood, right effort, right mindfulness, and right concentration. Thanks to practicing the Unconditioned heart daily, our mind is transformed into a state of serenity and tranquility. Life becomes blissful, gentle, free, and peaceful. Then our mind is empty like a mirror: reflecting images whenever they are present but becoming clear once they leave.

*As a clear mirror reflecting all images*

*No matter what comes and goes when there is no mind nor scene.*

**4. The unattached heart.** The unattached heart does not depend on the gossips of right and wrong nor does it gravitate towards bad habits and conducts. Thanks to practicing the unattached heart, we can attain self-control. As a result, when our eyes, ears, nose, tongue, body, and mind make contact with the corresponding six sense objects, we know them but are not attached to them. While practicing the unattached heart, we vow to hone our humility, reducing greed of money, beauty, fame, gluttony, and sleep. While practicing charity, we are not attached to praise and criticism. We also will not let disagreement disturb the harmony between brothers, sisters, and friends. Once our six sense organs are pure, then their objects are pure, and this Saha world instantly becomes the Land of Ultimate Bliss.

**5. The emptiness-observing heart.** The word “*emptiness*” in Buddhism is often misunderstood as nothingness, as opposed to being. In truth, emptiness means that there is not a “*selfness*” because all things depend on each other to exist, there is no dharma that can arise and exist separately. In other words, all phenomena are temporarily formed by conditioned causes. For example, the table is right in front of you, but deeply looking at it, nothing really is a “*table*” because it is a combination of wood, nails, labors, and beyond that, trees, light, water, air, or space, etc. So, emptiness-observing is looking deeply into the nature of all phenomena to see the interdependent co-arising, impermanence, and non-self of dharmas. It is through the emptiness of dharmas that the universe can be created and transformed. If there is already a fixed A, then A cannot be transformed into B or C as in chemical reactions.

Impermanence means changes over time. Non-self is change over space. Because we are attached to the things we love and hope for forever, when they are lost, it is very painful. Through the practice of emptiness-observing heart, we can transform our deepest habit, which is attachment to “*self*” and “*mine*”, both individual self and collective self. Those who have achieved Perfect Wisdom do not become pessimistic because of emptiness of dharmas. On the contrary, they go into the sea of fire to save living beings, for they have achieved “*the true emptiness as well as the wonderful existence*”.

**6. The respectful heart.** Respect comes from the bottom of our heart. We respect not only the Venerable but also to all people, living beings, or children with disability because all of them possess the Buddha-nature. We vow to follow Never Disparaging Bodhisattva, whose message is that everybody will attain Buddhahood. Thanks to the respectful heart, we are deeply grateful to people and to all things. Life is so beautiful, people are so nice, animals, plants, and air are so precious! Without this living environment, whether good or bad, beneficial or harmful, how would we survive in this world?

Instead of being dissatisfied with our living situation, we need to change our attitude in life ourselves. With the respectful heart, we will feel the serene and solemn world right here on earth. If our hearts are kind, we will attract good people. If our mind is full of afflictions, we will attract those who disturb us. Instead of

lamenting this life without the Holy Monks, we should ask ourselves if our heart has opened to welcome the Holy Monks. If not, when they stand beside us, we will not be able to feel them. Why? Because each person, depending on his/her selfish or generous heart, touches a corresponding realm. We have the good fortune to bow to the Buddhas and Bodhisattvas. The more we respectfully bow, the more we feel the presence of the Bodhisattvas and the Buddhas close to us, and our Buddha-nature shines day by day.

**7. The modest heart.** Modesty is to put oneself in the lowest position, thus becoming gentle but not weak. Having a modest heart makes it easy to practice patience, like water flowing downstream, so the shallower area does not dry out. Similarly, people with a modest heart are often loved, helped, and have fewer conflicts caused by pride and anger. Anger is terrifying. It is like a slow-exploding bomb within, very easily ignited, and when it explodes, it can devastate all families, relatives, friends, community, society, nation, and the world. The Buddha taught: *“A burning spark of anger fire can burn a whole forest of merit”*.

As humans, we are easily prone to pride. Our arrogance drastically grows as we age, gain fame, attain wealth, education, and power. Pride is one of the six main factors that contribute to the recycle of birth and death (the remaining five factors are greed, hatred, delusion, doubt, and false views). The path towards the shore of Enlightenment starts with lowering our pride. By abating our arrogance, we can appreciate the beauty of daily life. Prostrating to the Buddha and repenting the sins caused by the body, mouth and mind are effective practices to lower our ego.

**8. The uncluttered heart.** The heart is uncluttered as our mind becomes still, calm, conscious, and peaceful. When facing trouble, we can control it and transform complexity to simplicity, difficulty to easiness, and danger to safety. With diligent practice, the uncluttered heart leads to the cessation of thoughts and attains samadhi.

*“The Buddha is like the fresh, full moon,  
that soars across the immense sky.  
When the river of mind is truly calm,  
the moon is reflected perfectly upon the surface of the deep waters.”*

Our mind has the habitual behavior to wander and cannot remain still. Thoughts arise constantly which prevent the appearance of our Buddha-nature. Once thoughts settle, the Buddha-nature instantly appears like moonlight reflecting on a tranquil lake. There are numerous methods to practice calmness. Common practices are meditation, reciting the Buddha's name, prostrating to the Buddha, chanting the Sutra, reciting Dharani, walking in the garden and so on. All practices share the same fundamental principles: relaxing the body and mind, following the breath softly and deeply, and having no thoughts.

**9. The non-clinging view heart.** Non-clinging view encourages practitioners to not hold on to their obstinate viewpoint. Our viewpoint has been influenced by our family, education, culture, society, religion, politics, even habits rooted from previous lives. Clinging to our viewpoint is one of the big obstacles on the way to cultivation. Thanks to a non-clinging view heart, we do not talk badly about any monks, nuns, or Buddhist congregations. While encouraging other religious leaders to cooperate to save our planet, why do we avoid our monks, nuns, and Buddhist friends! While voluntarily doing good deeds, we patiently invite people to open their hearts or bend down to pick up every can and bottle for recycles, why do some of us tend to not respect and praise the Three Jewels!? Instead of wasting time criticizing others, we vow to sit together, discuss, and live in accordance to Buddha's teachings. Realizing that each day that passes reduces our time on earth, we vow to practice right understanding, relying on this illusory body to diligently cultivate.

**10. The utmost Bodhi-heart.** Utmost Bodhi-heart encourages Buddhists to diligently cultivate to attain Enlightenment and save all beings. This is the essence of the Bodhisattva path and the fundamental teachings of the Mahayana tradition. In the past, we had the inferiority complex that we only needed to do good deeds to enjoy the blessings of karma in the future. Therefore, we did not apply the Buddha's teachings, "*Light the torch yourself, light up with the Dharma.*" Now we bravely take up the vow to practice the way of the Bodhisattva, both to awaken ourselves and help others awakening. The Madhyama Agama Sutta teaches that no matter how many good deeds you do, never forget that Enlightenment is the goal of your life. Feeling the joy of Buddha-Dharma in the here and the now, with-



out waiting until tomorrow or the future, we dedicate this merit to all living beings to attain Enlightenment.

These Ten hearts are the core of the Great Compassionate Heart Dharani Sutra and the Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva Sutra. Contemplating them daily helps practitioners expand their altruism. We blame no one, tolerate all people, and are flexible to the conditions in our daily life on the way to cultivation. The more we practice, the closer we are to the Bodhisattvas and Buddhas. May we become their extra hands to help living beings. May the Three Jewels support our vows.

## ***The Summary Study of Avalokiteśvara Bodhisattva***

### **I. Significance of the study**

Avalokiteśvara Bodhisattva is a widely respected figure throughout the world. He originated from India and was transmitted to Mahayana countries (Tibet, China, Korea, Japan, and Việt Nam) and even Hinayana countries (Sri Lanka, Thailand, Cambodia, Laos, or Indonesia). In daily life, people often have fears of hunger, disease, war, or death. Even wealthy people in developed countries have many fears, such as ghosts, accidents, darkness, snakes, fire, earthquake, tsunami, economic recession, unemployment, depression, or divorce. In such unsettling situations, Avalokiteśvara Bodhisattva is always there for them, providing them with fearlessness and helping them have the courage to overcome difficult situations. To express homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, people pray and build monuments and temples to honor Him.

Avalokiteśvara Bodhisattva symbolizes the virtues of compassion and wisdom, which are significant qualities of future Buddhas. However, over many centuries of erroneous practices, religious rituals have turned Avalokiteśvara Bodhisattva or other Bodhisattvas to a Deity full of power and elevated Him to an extremely remote position that is beyond reach (Viên Trí, 2003). It is time to see Him anew; He

is a hardworking father, a gentle mother, a cute baby, a fresh flower, a nice house, a gentle stream, a brilliant dawn, or birds singing peacefully. Everybody can enjoy His miracles immediately. Zen Master Nhất Hạnh suggests practitioners to stop for a few minutes to breathe in and out slowly, calmly, softly with a smile and without any thought. He states that those who are mindful of the present moment can experience co-existence with Avalokiteśvara Bodhisattva: “*Avalokiteśvara may be very close to you right now. You may be able to touch him just by reaching out your hand*” (Thích, 2003, p. 134).

To re-establish the precious qualities of compassion and wisdom, this study focuses on the following:

1. The meanings of the terms.
2. Reviewing the Great Compassionate Heart Dharani Sutra, the Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva Sutra, the Shurangama Sutra, the Prajna Heart Sutra, the Lotus Sutra, the Concept of Avalokiteśvara Bodhisattva: Doctrine and Practice, a Brief history of Avalokiteśvara Bodhisattva, and so on.
3. The art of living in compassion and wisdom through the application of mindfulness practices.
4. Extending the arms of Avalokiteśvara Bodhisattva.

The researcher uses the methods of analysis, comment, and practice in this study.

## II. Review of the Study

### Definition of Terms

- **Avalokiteśvara** (Skt.) means the Listener to the Cries of living beings. Avalokiteśvara combines three parts: the verbal prefix *ava* (down), *lokita*, a past participle of the verb *lok* (observe), and *īśvara* (lord).

- **Bodhisattva** (Skt.) is an enlightened being who does not enter Nirvana but chooses instead to remain in the world and save living beings. This term is compounded by *bodhi* and *sattva*. *Bodhi* is enlightened and *sattva* is being.

- **Dharani** (Skt.) called “*mantra*”, unites all dharmas and holds limitless meanings. Dharani must be spoken in a state of concentration, a state in which body and mind are absolutely in unity.

- **Mindfulness** lights up the recesses of the practitioners' mind or helps them look into the heart of things to see their true nature.

- **Sutra** is records of the conversations of the Buddha or other enlightened disciples of the Buddha.

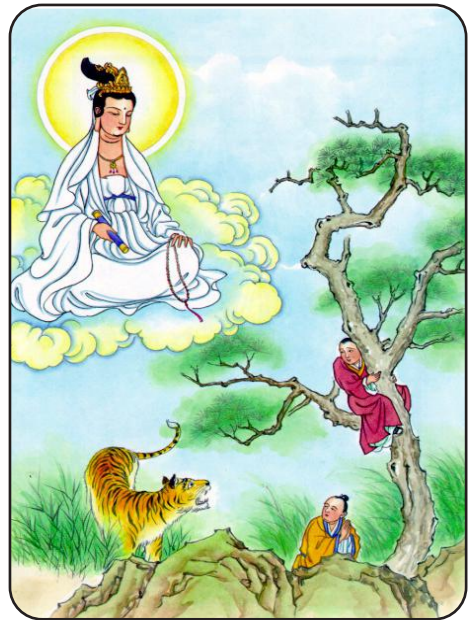
From the beginning to the fourth century B.C., Avalokiteśvara Bodhisattva was worshiped through the male form. According to etymology, sattva is male, and the concept of ancient India that male is more important than female, so Bodhisattva is in the male form. By the twelfth century, however, the female form was widely accepted in China, Vietnam, Korea, and Japan.

In **the Lotus Sutra and Shurangama Sutra** (n.d.), the Buddha said Avalokiteśvara Bodhisattva can manifest under 32 different forms to save living beings. One of them is the female body. It was this teaching that helped transform the Bodhisattva image from male to female without interfering with the Buddhist beliefs. The female form is very consistent with the harmony of patience and compassion of the Bodhisattva as a gentle mother, but the Bodhisattva is no longer dependent on male or female form. Because of various forms, He has different names such as Kwan Yin, Quán Thế Âm, Dược Vương, Sư Tử Hống, Gwan-eun, Kwannon, or many others in *The Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva Sutra*.

According to **the Great Compassion Dharani Sutra** (2009, pp. 3-4), under the proof of Sakyamuni Buddha, Avalokiteśvara Bodhisattva spoke of His vows as follows: *“Countless billions of kalpas ago, a Buddha, whose name was Thousand Rays King Stillness Thus Come One, appeared in the world. Because of His mercy and mindfulness towards me and living beings, that Buddha, the World Honored One spoke this Vast, Perfect, Unimpeded, Great Compassionate Heart Dharani, rubbed my crown with his golden hand and said: ‘Virtuous man, you should hold this heart-mantra to give great benefit and happiness to all living beings in the future evil age.’ At that time I was just at the first Bhumi (stage of Bodhisattva), right after hearing this mantra, I exceeded the eighth Bhumi. At that time, as my heart was joyful, I vowed: ‘If I will be able to give benefit and happiness to all living beings in the future, let me have one thousand hands and one thousand eyes immediately.’ Instantly after the vow, I got fully one thousand hands and one thousand eyes on my body.”*

Innumerable lifetimes ago, Avalokiteśvara Bodhisattva once became the Buddha named True Dharma Brightness Tathagata. Because of the power of His great compassionate vows, and to call upon all Bodhisattvas to comfort and help living beings, He appears as a Bodhisattva (Ibid., 2009).

For many authors' ideas, the arms symbolize compassion, and the eyes symbolize wisdom (Thích, 2003). Compassion and wisdom are both sides of reality and cannot be separated. Therefore, they appear at the same time, support each other, and are interdependent on each other. Compassion and wisdom are the significant qualities of a Buddha. One thousand arms and one thousand eyes mean Avalokiteśvara Bodhisattva can listen to all beings' cries and arrive to help immediately.



(Avoiding evil animals)

**The Great Compassion Dharani Sutra** speaks of Avalokiteśvara Bodhisattva's diligent practice and endless efforts. The sutra also speaks of the miraculous powers and the inconceivable benefits of the Great Compassion Dharani, the most common one in Buddhism. The Great Compassion Dharani has ten characteristics: the great kind and compassionate heart, equal heart, Unconditioned heart, unattached heart, emptiness-observing heart, respectful heart, modest heart, uncluttered heart, non-clinging view heart, and utmost Bodhi heart. Those characteristics are excellent techniques to transform suffering into peace, joy, and liberation. However, the researcher observes and sees most practitioners do not practice these ten characteristics, instead, they only ask favors from Avalokiteśvara Bodhisattva as a Deity.

**The Five Hundred Names of Avalokiteśvara Bodhisattva Sutra** is a famous sutra in Việt Nam, but it is not included in the Chinese and Japanese Tripitakas. Quảng Minh (2015) thinks that this sutra was created by an unknown Monk in Việt Nam in the 1300s. This idea is based on the sentence "*the Five Hundred Names*

*of Avalokiteśvara Bodhisattva are very inspirational for the prayers*” in the ritual of bestowing food to hungry ghosts practiced in the Trần Dynasty seven centuries ago. Each name is a cultivation, a virtue, a vow, or a miracle of Avalokiteśvara Bodhisattva. There are fifty-one names relating to the commands from Avalokiteśvara Bodhisattva. For example, Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who can command the Deity of Wind to support a practitioner.

From the researcher’s understanding, Avalokiteśvara Bodhisattva never commands or forces anyone to do anything. On the contrary, it is the grace of compassion, wisdom, and saving of the Bodhisattva to encourage volunteers for long-term support. The researcher suggests that sentence should be understood as follows: *“Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, appreciative of His grace of kindness and compassion, the Deity of Wind vows to help the practitioners”* (P. 97 of this book).

In the **Prajna Heart Sutra** (n.d.), when Avalokiteśvara Bodhisattva practiced the deep Wisdom, He enlightened all dharmas as emptiness. All things in the universe come from various elements combined, so there is nothing separately alone. All things, from matter to spirit, from as small as a dust to as large as the Milky Way, are leaning on each other. In other words, emptiness means non-self, impermanence, dependent arising, and interdependence. As a result, Avalokiteśvara Bodhisattva is also empty. He is not a God; but this does not mean *“God was dead”*. Emptiness means a table exists, for example, but it was made up of non-table materials (Thích, 2003). In the same way, a human being, an animal, or a tree is made up by factors not related to himself, herself, or itself.

**The Shurangama Sutra** emphasizes the practice of meditation, but also speaks of miraculous and magical power, especially the Shurangama Dharani. The Shurangama Sutra would like to make a harmony between wisdom and religious belief. Avalokiteśvara Bodhisattva told about His entering samadhi through a process of hearing and reflecting: *“Initially, I entered the flow through hearing and forgot objective states. Since the sense-objects and sense-organs were quiet, the two characteristics of movement and stillness crystallized and did not arise. After that, gradually advancing, the hearing and what was heard both disappeared. Once the hearing was ended, there was nothing to rely on, and awareness and the objects of awareness became empty. When the emptiness of awareness reached*

*an ultimate perfection, emptiness and what was being emptied then also ceased to be. Since production and extinction were gone, still extinction was revealed.*

*“Suddenly I transcended the mundane and transcendental worlds, and throughout the ten directions a perfect brightness prevailed. I obtained two supreme states. First, I was united above with the fundamental, wonderfully enlightened mind of all the Buddhas of the ten directions, and I gained a strength of compassion equal to that of all the Buddhas, the Thus Come Ones. Second, I was united below with living beings in the six paths, and I gained a kind regard for living beings equally”* (Thích, 2002, Vol. 2, p. 563).

In the **Ksitigarbha Bodhisattva Sutra** (n.d., p. 100), Sakyamuni Buddha spoke about the profound vows as well as meritorious virtues and inconceivable spiritual powers of Ksitigarbha Bodhisattva. The Buddha also praised Avalokiteśvara Bodhisattva that He has deep affinities with this Saha world: *“If deities, dragons, men, women, spirits, ghosts, or any other beings who are suffering for offenses within the six realms hear His name, see His image, behold Him, or praise Him, they will become irreversible on the Unsurpassed Way. They will always be born among people and deities and experience wonderful bliss. When the effects of their causes come to fruition, they will encounter Buddhas who will give them predictions”*.

**The Amitayus-dhyana Sutra** (2003) tells about the origin of the Pure Land realm taught by Sakyamuni Buddha. Accordingly, Avalokiteśvara Bodhisattva and Mahasthama Bodhisattva once cultivated the Bodhisattva path in the Saha world. Then they were reborn in the West Bliss Pure Land as the samples of beings who repeat only the name of Amitabha Buddha with the intention to go to the Western Paradise. Avalokiteśvara Bodhisattva and Mahasthamaprapta Bodhisattva have become the two most significant supporters to Amitabha Buddha among countless Bodhisattvas. They have been praised as the Three Sages in the Western Bliss Pure Land, in which Amitabha Buddha in the center, Avalokiteśvara on the left, and Mahasthamaprapta on the right. While other schools of Mahayana insist on self-enlightenment, the Western Pure Land sect teaches sole reliance on the Buddha’s power (The Three Pure Land Sutra, 2003).

In the **Jewel Platform Sutra**, the Six Patriarch Hui Neng explained the Western



Bliss Pure Land based on practices of mediation. The Buddha is within the self-nature. Do not seek outside the body. Common, deluded people do not understand their self-nature and do not know the Pure Land is within themselves. Therefore, they make vows for the East and vows for the West. To enlightened people, all places are the same. Confused, the self-nature is a being; enlightened, it is a Buddha. Kindness and compassion are Avalokiteśvara. Sympathetic joy and giving are Mahasthamaprapta. Purification is Sakyamuni. Equanimity and directness are Amitabha. As the mind is purified, the Buddha land is purified. In whatever place one dwells, there is constant peace and happiness (Thiền Phúc, 2005, Vol. 6).

Sakyamuni Buddha's manifestations in the Anguttara Nikaya Sutra are the original source of Avalokiteśvara Bodhisattva's manifestations in the Lotus Sutra. *"Brahmin, I have abandoned those taints because of which I might have become a deva; I have cut them off at the root, made them like palm stumps, obliterated them so that they are no longer subject to future arising. I have abandoned those taints because of which I might have become a gan-dhabba... might have become a yakkha...might have become a human being; I have cut them off at the root, made them like palm stumps, obliterated them so that they are no longer subject to future arising. Just as a blue, red, or white lotus flower, though born in the water and grown up in the water, rises above the water and stands unsoiled by the water, even so, though born in the world and grown up in the world, I have overcome the world and dwell unsoiled by the world. Remember me, brahmin, as a Buddha"* (The Numerical Discourses of the Buddha, 2012, Vol. 4, pp. 425-426).

The above meanings are similar to those in the Lotus Sutra, Universal Chapter. *"If there are living beings who wish to attain physical self-mastery and fly through space, I will appear before them in the body of a god from the heaven of great self-mastery and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. If there are gandharvas who wish to be freed from their destiny, I will appear before them in the body of a gandharva and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. If there are yakshas who want to get out of their present fate, I will appear before them in the body of a yaksha and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. If there are living beings who like being people and want to continue to be people, I will appear in the body of a person and*



*“speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish.”*

In the **Lotus Sutra**, the thought that Avalokiteśvara Bodhisattva or Sakyamuni Buddha is empty is true in Buddhism. However, the researcher thinks that it is difficult to understand and to accept for most practitioners. Instead, Avalokiteśvara Bodhisattva in the Universal Door chapter of the Lotus Sutra is more flexible, not only for lay practitioners but also for scholars. Universal Door is a large door open for all kinds of beings. According to Zen Master Nhất Hạnh, the Lotus Sutra is very simple, but the teachings are very profound. The Lotus Sutra can be understood in general terms but can also be understood in a deep philosophical sense. For example, with the sentence: *“If someone is reciting the name of Avalokiteśvara, he or she goes inside the fire, the fire does not burn him, because the power of the Bodhisattva is great.”* From a simple point of view, reciting the name of Avalokiteśvara is not directly related to a fire accident but can be understood as practicing compassion. When the practitioner has compassion in his or her heart, the fire of hatred calms down, and he or she does not feel angered.

On June 11, 1963, Thích Quảng Đức Bodhisattva sat down between Phan Đình Phùng crossroads in Sài Gòn (present day Hồ Chí Minh City), Việt Nam. He drenched himself with gasoline, lit a match and sat still in the blazing flame! For someone else, just a small burn on the finger is painful, but while the fire burns His whole body, He was still able to sit very still and straight. Without compassion, how can one maintain such posture? Prior to self-immolation, Thích Quảng Đức Bodhisattva left some poems in which the language did not contain any resentment or hatred. He delivered himself to the flames to beseech President Ngô Đình Diệm and his government to be awakened, so they would not repudiate Buddhism. His death was gentle and poetic. That fire, for the Bodhisattva, is like a cool lotus pond. With compassion, everything becomes fresh. This can be seen in daily life. If a practitioner is forced to stay in a warm house on a cold night while an injured friend or child is suffering outside, they would feel very distressed. Despite incurring their own suffering, those that go out to help those who suffer will feel much happier. That is what going into a fire without being burned means (Thich, 2003).

Among studies of Avalokiteśvara Bodhisattva, the researcher finds that the Concept of Avalokiteśvara Bodhisattva by Viên Trí, provides a clear and coher-

ent view of the progress of the Bodhisattva ideology. He shows many important factors leading to changes in Buddhism. He indicates that it is the divisions and weaknesses within the inner Sangha, the persecution of the Sunga dynasty, and the revival of Hinduism that have undermined Buddhism in India. This is demonstrated specifically when *“King Pusyamitra killed many intelligent monks, burned monasteries, and destroyed stupas”* (Viên Trí, 2003, p. 112).

**Mindfulness practices:** Mindfulness is the energy of being aware and awake to the present moment. This energy is generated through daily practices from sitting meditation to daily activities like driving, washing dishes, using the Internet, and so on. As practice deepens, people can live in the present moment for longer periods of time. At first, they can be aware for two to five seconds; with practice, their awareness can last for minutes to hours. A difference between Bodhisattvas and practitioners is how long the practitioners can be mindful. With mindfulness, the practitioners slowly cultivate their compassion and wisdom. Being aware of the suffering caused by their actions, they act appropriately to help the unfortunate via financial, emotional, or spiritual support (Trần, 2005). In Buddhism, compassion is action. The practitioners see people suffering, and they act to end suffering. However, compassion alone is not enough. They also need wisdom to make the right decision. Compassion and wisdom can be cultivated, and the key is practice. By living in mindfulness, people are constantly aware of opportunities to cultivate compassion and wisdom

Through mindfulness, the practitioners see that Avalokiteśvara Bodhisattva is not removed from life. He is here and now. If practiced effectively, the practitioner is not different from Avalokiteśvara Bodhisattva, and Avalokiteśvara Bodhisattva is not different from the practitioner. Both will become one. This is interdependence. A practitioner can have many eyes and many hands. For example, a woman can take care of her son at home and help her daughter studying in another state. She can also both take care of her husband in the United States and help her mother in Việt Nam. A man can work in California, lead his group members to rescue Nepalese earthquake victims, and ask for donations worldwide.

### III. A Brief History of Avalokiteśvara Bodhisattva

- **In India:** Avalokiteśvara Bodhisattva has been revered during the golden

centuries of Nalanda University. In the seventh century, Hsuan Tsang from China traveled to India, passing through a country named Ma Ha Sach in southern India. Inside an old temple he found a very spiritual stone statue of Avalokiteśvara Bodhisattva from which many prayers were answered (Trần, 2004, p. 389).

- **In Nepal:** Avalokiteśvara Bodhisattva is revered as Karunamaya. The Nepalese believe that when droughts cause dry soil to crack, the Bodhisattva will create rain. Thus, He is called the *“God of Rain, Prosperity, Longevity, and Security”* (Tuladhar-Douglas, 2006, p. 17).

- **In northwestern India:** Mahayana Buddhism developed strongly in the countries of Turkestan, Maharakkhita, Kashmir, Gandhara, Sogdiana, Kirghiz, and so on, for more than 1000 years. Therefore, Avalokiteśvara Bodhisattva was highly respected. After that, Mahayana Buddhism was transmitted to China and Korea, then Japan and other countries (Trương, 1976).

- **In China:** The belief in Avalokiteśvara Bodhisattva evolved very early and spread to neighboring countries. Particularly, China played an important role in transforming the Bodhisattva form from male to female through numerous literary and artistic creations, such as paintings, statues, poems, translations, commentaries, discussions, and books (Viên Trí, 2003). Chinese Buddhists often call Him Kwan Yin and believe that Putuo Mountain in Zhejiang Province is His residence.

- **In Korea:** Mahayana Buddhism was introduced into Korea in 384 and was quickly received by the King and the people. In 520, Korean monks traveled to Japan to spread Buddhism. In 668, the Shilla dynasty unified the country, and Buddhism also became the state religion for many centuries. The greatest achievement was the completion of the Korean Buddhist Tipitaka in the eleventh century. The belief in Avalokiteśvara Bodhisattva, also known as Gwan-eun, spread far and wide (Trần, 2013, p. 165).

- **In Japan:** Mahayana Buddhism was introduced to Japan from Korea in the sixth century, and Avalokiteśvara Bodhisattva was known as Kwannon. In 704, when the first Constitution of Japan was published by Prince Shōtoku, Buddhism was considered the state religion. The second article of the Constitution states: *“Honor the Three Jewels. The Three Jewels means Buddha, Dharma, and Sang-*

*ha. This is the supreme command of the kingdom”* (Lý, 1997, p. 66). The Japanese believe that Prince Shōtoku was the embodiment of Avalokiteśvara Bodhisattva.

- **In Tibet:** Buddhism was widely propagated in this country during the seventh century thanks to the merits of King Songtsan Gampoand, to Queens of Bhrikuti Devi, and of Van Thanh. From the beginning, Avalokiteśvara Bodhisattva was highly respected, and the Om Ma-Ni Pad-Me Hum Dharani was most widely spread. For over fourteen centuries, Buddhism was the state religion. The Tibetans believe that the Dalai Lama is the embodiment of Avalokiteśvara Bodhisattva. The 14th Dalai Lama is currently 86 years old (2020). If all his reincarnations are recognized, his life expectancy is 630 years old (Mackenzie, p. 199)! The former palace where the Dalai Lama worked, called Potala Palace, is extremely magnificent.

- **In Mongolia:** At the beginning of the fourth century, Buddhism was introduced into Mongolia from India through Indian merchants. However, Tibetan Buddhism predominated and strongly influenced the lives of the Mongolians. The climax of this development was the fact that the Fourth Dalai Lama (1588) was a Mongolian (4th Dalai Lama, n.d.). Like in Tibet, Avalokiteśvara Bodhisattva was highly respected in Mongolia.

- **In Sri Lanka:** Theravada Buddhism from India was transmitted first to Sri Lanka. At the beginning of the third century B.C., King Asoka sent his son, a monk named Mahinda, and a group of monks to transmit Buddhism to this island. For 2000 years, Buddhism was the state religion. In the middle of the third century, Mahayana Buddhism resurfaced, and the highly regarded Avalokiteśvara Bodhisattva was known as Natha Deviyo. Many people believe that Avalokiteśvara Bodhisattva is also Maitreya Bodhisattva (Nguyễn, 2011).

- **In Burma:** Like Sri Lanka, Burma received Buddhism directly from India in the early third century B.C. In the Pagan dynasty (1044-1287), Avalokiteśvara Bodhisattvas was very popular even though they were Theravada Buddhists (Ibid).

- **In Cambodia:** Theravada Buddhism arrived very early, but the worship of Avalokiteśvara Bodhisattva was popular. King Jayavarman VII (1181-1201) was one of the finest kings of the Angkorian civilization. After regaining independence

from the Champa invaders in 1181, he built a kingdom of compassion, worshiped Mahayana Buddhism, and built many statues of Buddha and Avalokiteśvara Bodhisattva throughout the sacred shrines (Ibid.).

- **In Indonesia, Malaysia, Philippines, and Thailand:** There are still statues of Avalokiteśvara Bodhisattva, showing that He has been honored by local people in the past (Ibid.).

- **In Việt Nam:** Buddhist merchants from India who came to Việt Nam brought Buddhism and the belief in Avalokiteśvara Bodhisattva since the first century. Dr. Lê Mạnh Thát (2005) found that prior to year 190, Zen Master Khương Tăng Hội used the Vietnamese language to record three sets of Mahayana Sutras. Thus, the ideology of the Bodhisattva path was popular early in Việt Nam.

According to Ngô, Lê, Phan, Vũ, et al. (2004), one night in 1049, King Lý Thái Tông dreamed about Avalokiteśvara Bodhisattva sitting on a lotus throne. Due to this dream, the King constructed Diên Hựu Pagoda to worship Avalokiteśvara Bodhisattva in the capital Thăng Long (present Hà Nội). In 1069, King Lý Thánh Tông went to fight Champa. His wife Ý Lan stayed at home to help with internal affairs so successfully that people called her Avalokiteśvara Bodhisattva.

In the Trần dynasty, thanks to the solidarity between the King, mandarins, and people, Việt Nam defeated Mongolian invaders three times. Due to the great influence of King Trần Thái Tông and Zen Master Tuệ Trung, the old Zen traditions in Việt Nam merged into a new Zen school called Trúc Lâm Yên Tử and created a Unified Buddhism (Trần, 2005). Although he was an enlightened Zen Master, King Trần Thái Tông encouraged the people to believe in the Amitabha Buddha and Avalokiteśvara Bodhisattva. The belief in the one-thousand hands and one-thousand eyes Avalokiteśvara Bodhisattva became widespread. There are two very touching folk stories proving that the compassion of Avalokiteśvara Bodhisattva was ingrained in the hearts of the masses. They are two collections of poetry named Quan Âm Thị Kính and Quan Âm Diệu Thiện. These stories were adapted into touring plays all over the country and were very popular with the public. Throughout the plays, images of compassion, patience, rescuing people, and loving all sentient beings of Avalokiteśvara Bodhisattva have spread widely in the masses over the centuries.

In *My Land and My People*, the current Dalai Lama explains the return to life of the Buddhas in a simple way: *“Buddhas are reborn only to save people because they themselves have attained enlightenment. Reincarnation occurs when there are enough conditions and does not mean that they leave the state of Nirvana. To imagine, the moon can be thought of on the lake surface. The moon is still the moon in its unstable operation in the sky but one sees only the moon when the surface of the lake is flat, when it is right; And the moon shadow can be seen in many places at the same time. Similarly, a Buddha can simultaneously manifest itself in different bodies”* (Lama, 1997, pp. 29-30). About himself, the Dalai Lama indirectly revealed: *“My own reincarnation is certain, but one recognizes the next Dalai Lama is depending on the charm”* (Mackenzie, p. 207). Thus, Avalokiteśvara Bodhisattva, other Bodhisattvas, or Buddhas are everywhere, at any time, but whether people can recognize them or not depends on the heart of the practitioners.

#### IV. The Extended Arms of Avalokiteśvara Bodhisattva

Avalokiteśvara Bodhisattva represents the spirit of entering the world to save suffering of Buddhism. He is one of the great Bodhisattvas such as Manjushri, Samantabhadra, Vajrayana, and Maitreya who are about to enter the Buddha’s fruit. Besides, the number of other Bodhisattvas can not be counted. They are quietly saving living beings but their names are unknown. In addition, there are countless laymen and laywomen who resolve to practice the Bodhisattva path. Venerable Hsuan Hua (n.d.) declared, *“Bodhisattva always helps people. If you help people, you are the Bodhisattva; if I save people, I’m also a Bodhisattva.”* It does not matter how much money was donated. It is important to develop Bodhi Heart for the sake of happiness for living beings.

During a life full of arrogance and suffering, the images of Buddhists beside those who are in pain, distress, calamity, crushed, harassed, oppressed, or death are extremely practical and necessary. They come to the side to comfort, to soothe the pain, and to sow essences of love, understanding, and hope in the heart of the vulnerable. Sometimes just a bowl of rice can satisfy hunger, an affectionate look of sympathy, some warm words, a friendly hand can create miraculous transformations, help a person through despair, build a belief for the future, heal the family

relationship that is about to break down.

The 11th vow of Medicine Buddha was very practical when He was cultivating the Bodhisattva path. *“For those who suffer from hunger and thirst that they create all kinds of bad karma in their request for food, I first make them full with delicious food and drinks, then I will bring the joys of Dharma to fulfill their ultimate peace and happiness”* (Sutra of the Medicine Buddha, 2001, p. 23).

The joys of Dharma exist once one returns to his/her Buddha-nature, there exists precepts, concentration, and wisdom. At that moment, practitioners achieve peace and happiness. It is to escape all suffering. The effort to improve oneself is the most important, but a practitioner also receives the help of Avalokiteśvara Bodhisattva, of Bodhisattvas, of the Buddhas, and of all beings in the universe. There is nothing that can stand alone. All are interrelated and interacting with each other. That is the essence of the Flower Adornment Sutra (n.d.): All things in the universe arise simultaneously, all things in it depending upon one another.

The Secretary-General Message of the United Nations on the Day of Vesak 2009 stated, *“The need for global solidarity may seem like a modern concept, but it is not. More than 2,500 years ago, the Buddha taught that nothing exists in isolation, and that all phenomena are interdependent. Just as profoundly, he taught that we cannot be happy if others suffer, and when we do reach out, we discover the best in ourselves. These teachings offer wisdom for our times, too. Now it falls to each of us, wherever we are and whatever we do, to carry on this spirit. On this Day of Vesak, let us resolve to help people who are suffering so that we may secure a better future for all.”*

Avalokiteśvara Bodhisattva as well as countless Buddhas, Bodhisattvas, Pratyeka-buddha, Arahans, Patriarches, and Enlightened Others Who had come, have been coming, and will come to this world, where are They now?

- The final picture of The Ten Oxherding Pictures shows that They are entering the marketplace with helping hands.

At the beginning of the eighteenth century, the Patriarch Từ Dung, who founded Ân Tôn Pagoda, Việt Nam (now Từ Đàm Pagoda in Huế City), asked His disciple Liễu Quán, *“All things go to one; where does “one” go?”* Liễu Quán contemplated



on this koan for 6 years. It was not until 1708 that He realized the answer. Since then, Zen Master Liễu Quán has Vietnamized the Lin-Chi Zen school to become an important Zen line in Việt Nam (Nguyễn, 1994).

In the field of science, the question above can be answered with the law of conservation of energy whose meaning is no different from the Buddha's teaching of dependent origination. In the whole universe, *"Energy can neither be created nor destroyed; rather, it transforms from one to another"* (Conservation of Energy, n.d.). In the same way, Avalokiteśvara Bodhisattva is embodied everywhere and anytime.

## **Trish's Impression**

In 2015, I was diagnosed with Severe Aplastic Anemia, and my only cure was a bone marrow transplant. Needle pricks, blood transfusions and countless nights at the hospital consumed my 12 year old lifestyle. When news broke out that I was sentenced to a life threatening illness, I felt like there was no way I would live through this, no matter how much courage and strength I had. While I had given up, my parents would confide in monks from temples all over Sacramento. Ultimately, my parents would spend nights and days in hospital chanting prayers and converting to vegetarianism in hopes of a cure. I watched each of my treatments fail from one to the next and each time I would lose a little more hope. I found no motive to continue living and everyday I questioned why it had to be me.

Once I was released from the hospital, my parents brought me to a Friday Night Prayer session at the Heart of Compassion Association, Inc., Sacramento. I was taught many lessons throughout my weekly visits: karma explains life experiences and the only way to save myself was for enlightenment. Buddhism enlightens me because this is one of the few religions that explains the phenomenon of life experiences. It provides reasonable explanations for why certain aspects of life like humans, who are rich and poor, insects that are scary and friendly, and etc. Once I realized that the ultimate reason for my suffering was because of karma, I refused to sit down and relinquish this illness; I wanted enlightenment.

Throughout my illness, I had experiences that seem unbelievable and beyond rational thought. I had several experiences with kidney stones that brought unbearable pain, and due to my condition, I wasn't allowed any surgery to remove the stone; I was forced to bear the pain and flush the stones out. I prayed throughout the night placing my treatment in the hands of Compassion Buddha (Avalokitesvara Bodhisattva). This unbearable pain leaving me screaming in pain transformed into a night of good rest. Beyond logic and reasoning, all the while, astonishing the doctors, the next day my kidney stones had disintegrated into tiny pieces and was flushed out of my system. Throughout my treatments, the needle pricks stopped hurting, the fatigueness was bearable and the side effects were minimal.

Ultimately, my only cure was left with a Bone marrow transplant. Finding a stranger that was willing to be my donor seemed like a tedious task. Most patients are in search of a donor for over 2-3 years. Although 2-3 years seemed like a long time for someone who wasn't the person they used to be, it didn't stop me from keeping up my courage and continuing my strong belief in Compassion Buddha. Astonishingly, I found my donor within 5 months of searching. My donor, one who seldom answers the phone, had answered the phone call that would save my life.

The projected time for me to recover was 3-month recovery in the hospital and it may be the toughest part of my journey. Every single day in the hospital, my family would pray to the Medicine Buddha and Compassion Buddha in hopes of a speedy recovery. Once again, my doctors were astonished at my blood tests; my blood levels were normalizing and stabilizing. In the end, I went home within 1 month of my transplant. Most importantly, I was blessed to not have experienced the most severe and common side effects like nausea, abdominal pain and even graft vs. host disease (when transplanted cells are rejected by the body).

This difficulty in my life was more a blessing than a curse; it taught my parents and I the power in believing in something beyond rational thought. Having a Buddha or a God that you continually worship everyday and are devoted to, gives you a reason to continue everyday with positivity and optimism. I, now, am a survivor of this life threatening disorder, and I hope to pursue a career to give back, by becoming a doctor.

**Trish Tran** (drive-shares-noreply@google.com)



***PART II***  
**CHỮ VIỆT & CHỮ HÁN**

## **Nghi Thức Bạch Phật Khai Kinh**

*(Thắp đèn xong, toàn thể đứng ngay ngắn, chắp tay ngang ngực thâm niệm)*

### **Chân Ngôn Làm Sạch Ngoại Cảnh**

Án lam tóa ha. (3 lần)

### **Chân Ngôn Làm Sạch Thân Miệng Ý**

Án ta phạ bà phạ, truật đà ta phạ, đạt ma ta phạ,  
bà phạ truật độ hám. (3 lần)

*(Chủ Lễ quỳ ngay thẳng, cầm hương ngang trán, niệm lớn bài cúng hương)*

### **Dâng Hương**

Nguyện đem lòng thành kính  
Gửi theo đám mây hương  
Phưởng phất khắp mười phương  
Cúng dường ngôi Tam Bảo.  
Thề trọn đời giữ đạo  
Theo tự tánh làm lành  
Cùng pháp giới chúng sinh  
Cầu Phật từ gia hộ  
Tâm Bồ Đề kiên cố  
Chí tu học vững bền  
Xa bề khổ nguồn mê  
Chóng quay về bờ giác. (C)

### **Kệ Tán Phật**

Đấng Pháp Vương vô thượng  
Ba cõi chẳng ai bằng  
Thầy dạy khắp trời người  
Cha lành chung bốn loại.  
Quy y tròn một niệm  
Dứt sạch nghiệp ba kỳ  
Xưng dương cùng tán thán  
Ưc kiếp không cùng tận. (C)

## **Kỳ Nguyện**

Hôm nay là ngày . . . đệ tử . . . Pháp danh . . . hiện trú tại . . . nguyện vì bản thân, vì thân nhân, vì mọi người, vì chúng sanh mà lễ lạy Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm. Nguyện cầu cho tất cả cùng được thành tựu đại bi thắng phước. Con lại xin cho cha mẹ thân nhân, thay cho đa sanh phụ mẫu, thay cho mọi người, thay cho chúng sanh mà sám hối. Ngưỡng mong Tam Bảo cùng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát từ bi gia trì cho sự sám hối của con được thành tựu. Lại nguyện tất cả đều được thân tâm an lạc, tai nạn bệnh tật tiêu trừ, Chư Hương Linh Siêu Sanh Tịnh Độ. Rốt cùng, tất cả chúng sanh đều thành Phật đạo. (C)

## **Quán Tưởng**

*(Đứng dậy cắm hương lên lư rồi Chủ Lễ chấp tay, đứng thẳng và niệm lớn)*

Phật, chúng sanh tánh thường rỗng lặng

Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn.

Lưới Đế Châu ví Đạo Tràng

Mười phương Phật Bảo hào quang sáng ngời.

Trước bảo tọa thân con ảnh hiện

Cúi đầu xin thệ nguyện quy y. (C)

## **Đảnh Lễ**

Nam Mô Tận Hư Không Biến Pháp Giới Quá Hiện Vị Lai, Thập Phương Chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng Thường Trú Tam Bảo. *(1 lạy)*

Nam Mô Ta Bà Giáo Chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Hộ Pháp Chư Tôn Bồ Tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật, Bồ Tát. *(1 lạy)*

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. *(1 lạy)*

*(Khai chuông mõ)*

**Cử Tán**

Cành dương nước tịnh  
 Rưới khắp tam thiên  
 Tánh không tám đức độ nhân thiên  
 Pháp giới sáng rộng thêm  
 Diệt mọi oan khiên  
 Biển lửa nở hoa sen.

Nam Mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lần)

**Nam Mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát. (3 lần)**

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà la ni: Nam mô hắc ra đát na đát ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô yết đế, thước bát ra da. Bồ đề tát đỏa bà da. Ma ha tát đỏa bà da. Ma ha ca lô ni ca da. Án. Tát bàn ra phạt duệ. Số đát na đát tả. Nam mô tát kiết lật đoà y mông a lị da. Bà lô kiết đế thất phạt ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì. Hê rị ma ha bàn đát sa mế. Tát bà a tha đậu du bằng. A thệ dụng. Tát bà tát đát na ma bà già. Ma phạt đạt đậu. Đát diệt tha. Án. A bà lô hê, lô ca đế. Ca ra đế. Di hê rị. Ma ha bồ đề tát đỏa. Tát bà tát bà. Ma ra ma ra. Ma hê ma hê rị đà dụng. Cu lô cu lô yết mông. Độ lô độ lô phạt xà ra đế. Ma ha phạt xà ra đế. Đà ra đà ra. Địa rị ni. Thất phạt ra da. Dá ra dá ra. Mạ mạ. Phạt ma ra. Mục đế lệ. Y hê y hê. Thất na thất na. A ra sâm phạt ra xá lợi. Phạt sa phạt sâm. Phạt ra xá da. Hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị. Ta ra ta ra. Tát rị tất rị. Tô rô tô rô. Bồ đề dạ, bồ đề dạ. Bồ đà dạ, bồ đà dạ. Di đế rị dạ. Na ra cẩn trì. Địa lị sắt ni na. Ba dạ ma na, ta bà ha. Tát đà dạ, ta bà ha. Ma ha tát đà dạ, ta bà ha. Tát đà du nghệ. Thất bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cẩn trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha. Tát ra tăng a mục khư da, ta bà ha. Ta bà ma ha a tát đà dạ, ta bà ha. Giả kiết ra a tát đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cẩn trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lị thắng yết ra dạ, ta bà ha. Nam mô hắc ra đát na đát ra dạ da. Nam mô a lị da, bà lô yết đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha. *Án, tất điện đô, mạn đà ra, bạt đà dạ, ta bà ha. (3 lần) (C)*

### **Cử Tán**

Trí tuệ bừng lên đóa biện tài  
Đứng yên trên sóng sạch trần ai  
Cam lộ chữa lành cơn khổ bệnh  
Hào quang quét sạch buổi nguy tai.  
Liễu biếc phát bày muôn thế giới  
Sen hồng nở hé vạn lâu đài  
Cúi đầu ca ngợi dâng hương thỉnh  
Xin nguyện từ bi ứng hiện ngay.  
Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lần)

### **Tán Dương Quán Thế Âm Bồ Tát**

Kính lạy đời quá khứ  
Chánh Pháp Minh Như Lai  
Chính là đời hiện nay  
Quán Thế Âm Bồ Tát. (c)  
Bậc thành công đức diệu  
Rủ lòng đại từ bi  
Nơi trong một thân tâm  
Hiện ra ngàn tay mắt  
Soi thấy khắp pháp giới  
Hộ trì các chúng sanh  
Khiến phát lòng đạo sâu  
Dạy trì Chú viên mãn  
Cho xa lìa đường ác  
Được sanh trước Như Lai. (c)  
Những tội nặng vô gián  
Cùng bệnh ác lâm thân  
Khó nổi cứu vớt được  
Cũng đều khiến tiêu trừ.  
Các tam muội, biện tài



Sự mong cầu hiện tại  
 Đều cho được thành tựu  
 Quyết định chẳng nghi sai  
 Khiến mau được ba thừa  
 Và sớm lên quả Phật. (c)  
 Sức oai thần công đức  
 Khen ngợi chẳng hay cùng!  
 Cho nên con một lòng  
 Quy mạng và đánh lễ. (c)

### Chủ Lễ Xướng

Cung kính nghe rằng:

Đức Giáo Chủ Viên Thông dung mạo như mặt nguyệt tròn đầy  
 Làm thị giả Đức Phật A Di Đà nơi cõi Tây Phương Cực Lạc  
 Hỗ trợ Đức Phật Thích Ca nơi cõi Ta Bà.

Thường ở trong núi báu Lưu Ly, ngồi trên tòa sen hồng ngàn cánh

Quá khứ là Đức Phật Chánh Pháp Minh

Hiện tiền là Bồ Tát Quán Tự Tại

Đủ ba mươi hai ứng thân rộng độ quần sanh

Bảy nạn, nhị cầu ứng hóa mười phương

Diệu lực thù thắng, xưng tán không cùng

Cúi mong Đức Cả Từ Bi trông xuống rủ lòng soi xét.

Chúng con chí thành, nhất tâm kính lễ.

**(Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm, trang 25 ấn bản này)**



***Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn***  
**Quán Thế Âm Bồ Tát**  
**Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm**  
**Đà La Ni**

*Đời Đường, Sa Môn Đà Phạm Đạt Ma, Tây Thiên Trúc dịch chữ Hán.  
Hòa Thượng Thích Thiên Tâm dịch chữ Việt năm 1967.*

Như vậy tôi nghe, một thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngự nơi đạo tràng Bảo Trang Nghiêm, trong cung điện của Quán Thế Âm Bồ Tát ở tại non Bồ Đà Lạc Ca. Đức Phật ngồi nơi tòa sư tử, tòa này trang nghiêm thuần bằng vô lượng ngọc báu tạp ma ni, xung quanh treo vây nhiều tràng phan bá bảo.

Khi ấy đức Như Lai ở trên Pháp tòa, sắp muốn diễn nói môn tổng trì Đà La Ni, có vô lượng số Bồ Tát Ma Ha Tát câu hội. Các vị ấy là: Tổng Trì Vương Bồ Tát, Bảo Vương Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Hoa Nghiêm Bồ Tát, Đại Trang Nghiêm Bồ Tát, Bảo Tạng Bồ Tát, Đức Tạng Bồ Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát . . . Những vị Bồ Tát như thế đều là bậc Quán Đảnh Đại Pháp Vương Tử.

Lại có vô lượng vô số đại Thanh Văn Tăng đều là bậc A La Hán tu hạnh Thập Địa câu hội. Trong ấy, ngài Ma Ha Ca Diếp làm thượng thủ. Lại có vô lượng Phạm Ma La Thiên câu hội. Trong ấy, ngài Thiện Tra Phạm Ma làm thượng thủ. Lại có vô lượng chư thiên tử ở cõi trời Dục giới câu hội. Trong ấy, ngài Cù Bà Đà thiên tử làm thượng thủ. Lại có vô lượng hộ thế Tứ Thiên Vương câu hội. Trong ấy, ngài Đề Đầu Lợi Tra làm thượng thủ. Lại có vô lượng Thiên, Long, Dạ xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Đà, Nhơn, Phi Nhơn

câu hội. Trong ấy, ngài Thiên Đức Đại Long Vương làm thượng thủ. Lại có vô lượng chư thiên nữ ở cõi trời Dục giới câu hội. Trong ấy, ngài Đồng Mục thiên nữ làm thượng thủ. Lại có vô lượng thần Hư Không, thần Giang Hải, thần Tuyền Nguyên, thần Hà Chiểu, thần Dược Thảo, thần Thọ Lâm, thần Xá Trạch, thần Cung Điện, cùng Thủy thần, Hỏa thần, Địa thần, Phong thần, Thổ thần, Sơn thần, Thạch thần v.v... đều đến tập hội.

Bấy giờ, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát ở trong đại hội, mật phóng ánh thần thông quang minh, chiếu sáng mười phương sát độ và cõi tam thiên đại thiên thế giới này đều thành sắc vàng. Từ thiên cung, long cung, cho đến cung điện của các vị tôn thần thầy đều chấn động. Biển cả, sông, nguồn, núi Thiết Vi, núi Tu Di, cùng Thổ sơn, Hắc sơn, cũng đều rung động dữ dội. Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú, châu báu và lửa đều bị ánh kim quang rực rỡ kia lấn át làm cho ẩn mất không hiện.

Lúc đó, ngài Tổng Trì Vương Bồ Tát thấy tướng trạng hy hữu ấy, lấy làm lạ cho là việc chưa từng có, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính chấp tay, dùng lời kệ hỏi Phật, để biết tướng thần thông kia do ai làm ra. Kệ rằng:

Ai thành Chánh Giác trong ngày nay?  
 Khắp phóng ánh sáng như thế này  
 Mười phương sát độ thành sắc vàng  
 Cả cõi đại thiên cũng như vậy.  
 Ai được tự tại trong ngày nay?  
 Phô diễn thần lực ít có này  
 Không ngăn cõi Phật đều rung động  
 Cung điện long thần cũng lung lay.  
 Sức thần thông này ai làm ra?  
 Là ánh quang minh đáng Phật Đà  
 Là của Bồ Tát, đại Thanh Văn

Hay trời Đế Thích, cùng Phạm Ma?  
Nay trong chúng hội đều sanh nghi  
Chẳng biết đây là nhân duyên gì?  
Muốn cầu hiểu rõ, tâm thành kính  
Hướng trông về ngôi Đại Từ Bi.

Đức Phật bảo Tổng Trì Vương Bồ Tát: - Thiện nam tử! Các ông nên biết trong Pháp hội này có vị Bồ Tát Ma Ha Tát, tên là Quán Thế Âm Tụ Tại, từ vô lượng kiếp đến nay đã thành tựu tâm đại từ bi, lại khéo tu tập vô lượng Đà La Ni môn. Vị Bồ Tát ấy vì muốn làm cho chúng sanh được lợi ích an vui, nên mới mật phóng sức thần thông như thế.

Đức Như Lai vừa nói lời ấy xong, Quán Thế Âm Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục nghiêm chỉnh, chắp tay hướng về Phật mà thưa rằng: - Bạch Đức Thế Tôn, con có chú Đại Bi Tâm Đà La Ni, nay xin nói ra, vì muốn cho chúng sanh được an vui, được trừ tất cả bệnh, được sống lâu, được giàu có, được diệt tất cả nghiệp ác tội nặng, được xa lìa chướng nạn, được thành tựu tất cả thiện căn, được tiêu tan tất cả sự sợ hãi, được mau đầy đủ tất cả những chỗ mong cầu. Cúi xin Thế Tôn từ bi cho phép.

Đức Phật bảo: - Thiện nam tử! Ông có tâm đại từ bi, muốn nói thần chú để làm lợi ích an vui cho chúng sanh. Hôm nay chính là lúc hợp thời, vậy ông nên mau nói ra, Như Lai tùy hỷ, chư Phật cũng thế.

Quán Thế Âm Bồ Tát lại bạch Phật: - Bạch Đức Thế Tôn! Con nhớ vô lượng ức kiếp về trước, có Phật ra đời hiệu là Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai. Đức Phật ấy vì thương nghĩ đến con và chúng sanh nên nói ra môn Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni. Ngài lại dùng tay sắc vàng xoa nơi đầu con mà bảo: “Thiện nam tử! Ông nên thọ trì Tâm Chú này và vì khắp chúng sanh trong cõi nước ở đời vị lai mà làm cho họ được sự lợi ích an vui lớn”.

Lúc đó con mới ở ngôi sơ địa, vừa nghe xong thần chú này liền chứng vượt lên đệ bát địa. Bây giờ con rất vui mừng, liền phát thệ

rằng: “Nếu trong đời vị lai, con có thể làm lợi ích an vui cho chúng sanh với thân chú này, thì xin khiến cho thân con liền sanh ra ngàn tay ngàn mắt”. Khi con phát thệ rồi, thì ngàn tay ngàn mắt đều hiện đủ nơi thân. Lúc ấy, cõi đất mười phương rung động sáu cách, ngàn Đức Phật trong mười phương đều phóng ánh quang minh soi đến thân con và chiếu sáng khắp mười phương vô biên thế giới.

Từ đó về sau, con ở trong vô lượng Pháp hội của vô lượng chư Phật, lại được nghe và thọ trì môn Đà La Ni này. Mỗi lần nghe xong, con khôn xiết vui mừng, liền được vượt qua sự sinh tử vi tế trong vô số ức kiếp. Và từ ấy đến nay, con vẫn hằng trì tụng chú này, chưa từng quên bỏ. Do sức trì tụng ấy, tùy theo chỗ sanh, con không còn chịu thân bào thai, được hóa sanh nơi hoa sen, thường gặp Phật nghe Pháp. Nếu có vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di hay đồng nam, đồng nữ nào muốn tụng tụng Chú này, trước tiên phải phát tâm từ bi đối với chúng sanh, và sau đây y theo con mà phát nguyện:

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con mau biết tất cả pháp.

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con sớm được mất trí tuệ.

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con mau độ các chúng sanh.

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con sớm được phương tiện khéo.

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con mau lên thuyền bát nhã.

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con sớm được qua biển khổ.

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con mau được giới định đạo.

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con sớm lên non Niết Bàn.

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con mau về nhà Vô Vi.

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con sớm đồng thân Pháp tánh.

Nếu con hướng về nơi non đao, non đao tức thời liền sụp đổ.

Nếu con hướng về lửa, nước sôi, nước sôi, lửa cháy tự khô tắt\*.

---

\* Nếu con hướng về lửa, lửa cháy tự khô tắt (Theo HT Thái Siêu).

Nếu con hướng về cõi địa ngục, địa ngục liền mau tự tiêu tan.  
 Nếu con hướng về loài ngạ quỷ, ngạ quỷ liền được tự no đủ.  
 Nếu con hướng về chúng tu la, tu la tâm ác tự điều phục.  
 Nếu con hướng về các súc sanh, súc sanh tự được trí tuệ lớn.

Khi phát lời nguyện ấy xong, chí tâm xưng danh hiệu của con, lại nên chuyên niệm danh hiệu bốn sự con là Đức A Di Đà Như Lai, kể đó tiếp tụng Đà La Ni thần chú này. Nếu chúng sanh nào, trong một ngày đêm tụng năm biến chú, sẽ diệt trừ được tội nặng trong ngàn muôn ức kiếp sinh tử.

Quán Thế Âm Bồ Tát lại bạch Phật: - Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh nào tụng trì thần chú Đại Bi mà còn bị đọa vào ba đường ác, con thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được vô lượng tam muội biện tài, con thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, tất cả sự mong cầu trong đời hiện tại, nếu không được vừa ý thì chú này không được gọi là Đại Bi Tâm Đà La Ni, duy trừ cầu những việc bất thiện, trừ kẻ tâm không chí thành. Nếu các người nữ chán ghét thân nữ, muốn được thân nam, tụng trì thần chú Đại Bi, như không chuyển nữ thành nam, con thề không thành chánh giác. Như kẻ nào tụng trì chú này, nếu còn sanh chút lòng nghi, tất không được toại nguyện.

Nếu chúng sanh nào xâm tổn tài vật, thức ăn uống của thường trụ sẽ mang tội rất nặng, do nghiệp ác ngăn che, giả sử ngàn Đức Phật ra đời cũng không được sám hối, dù có sám hối cũng không trừ diệt. Nếu đã phạm tội ấy, cần phải đối mười phương đạo sư sám hối mới có thể tiêu trừ. Nay do tụng trì thần chú Đại Bi liền được trừ diệt. Tại sao thế? Bởi khi tụng chú Đại Bi Tâm, mười phương đạo sư đều đến vì làm chứng minh, nên tất cả tội chướng thảy đều tiêu diệt. Chúng sanh nào tụng chú này, tất cả tội thập ác, ngũ nghịch, báng Pháp, báng người, phá giới, phạm trai, hủy hoại chùa tháp, trộm của tăng kỳ, làm như phạm hạnh, bao nhiêu tội ác nghiệp nặng như thế đều được tiêu

hết, duy trừ một việc: kẻ tụng đối với chú còn sanh lòng nghi. Nếu có sanh tâm ấy, thì tội nhỏ nghiệp nhẹ cũng không được tiêu, huống chi tội nặng? Nhưng tuy không liền diệt được tội nặng, cũng có thể làm nhân bồ đề về kiếp xa sau.

- Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các hàng trời, người tụng trì thần chú Đại Bi, thì không bị mười lăm việc chết xấu, sẽ được mười lăm chỗ sanh tốt. Thế nào là mười lăm việc chết xấu?

1. Không bị chết do đói khát khốn khổ.
2. Không bị chết do gông, tù, đánh đập.
3. Không bị chết vì oan gia thù địch.
4. Không bị chết giữa quân trận chém giết nhau.
5. Không bị chết do cọp sói cùng ác thú tàn hại.
6. Không bị chết bởi rắn rít độc cắn.
7. Không bị chết vì nước trôi, lửa cháy.
8. Không bị chết bởi phạm nhằm thuốc độc.
9. Không bị chết do loài sâu trùng độc làm hại.
10. Không bị chết vì điên cuồng mê loạn.
11. Không bị chết do té cây, té xuống núi.
12. Không bị chết bởi người ác trừ ếm.
13. Không bị chết bởi tà thần, ác quỷ làm hại.
14. Không bị chết vì bệnh ác lâm thân.
15. Không bị chết vì phi mạng tự hại.

Tụng trì thần chú Đại Bi, không bị mười lăm việc chết xấu như thế. Sao gọi là mười lăm chỗ sanh tốt?

1. Tùy theo chỗ sanh, thường gặp đấng quốc vương hiền lành.
2. Tùy theo chỗ sanh, thường ở cõi nước an lành.
3. Tùy theo chỗ sanh, thường gặp thời đại tốt,
4. Tùy theo chỗ sanh, thường gặp bạn lành.
5. Tùy theo chỗ sanh, thân căn thường được đầy đủ.
6. Tùy theo chỗ sanh, đạo tâm thuần thực.



7. Tùy theo chỗ sanh, không phạm cấm giới.
8. Tùy theo chỗ sanh, thường được quyền thuộc hòa thuận, có ân nghĩa.
9. Tùy theo chỗ sanh, vật dụng, thức ăn uống thường được đầy đủ.
10. Tùy theo chỗ sanh, thường được người cung kính giúp đỡ.
11. Tùy theo chỗ sanh, tiền của châu báu không bị kẻ khác cướp đoạt.
12. Tùy theo chỗ sanh, những việc mong cầu đều được toại nguyện.
13. Tùy theo chỗ sanh, long thiên, thiện thần thường theo ủng hộ.
14. Tùy theo chỗ sanh, thường được thấy Phật nghe Pháp.
15. Tùy theo chỗ sanh, khi nghe Chánh Pháp ngộ giải nghĩa sâu.

Nếu kẻ nào trì tụng chú Đại Bi, sẽ được mười lăm chỗ sanh tốt như thế! Cho nên tất cả hàng trời, người, đều nên thường tụng trì, chớ sanh lòng biếng trễ.

Khi Đức Quán Thế Âm Bồ Tát nói lời ấy rồi, liền ở trước chúng hội, chắp tay đứng thẳng, đối với chúng sanh khởi lòng từ bi, nở mặt mỉm cười, nói chương cú màu nhiệm: Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni rằng:

**Nam mô hắc ra đát na đát ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô yết đế, thước bát ra da, bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da. Án, tát bàn ra phạt duệ, số đát na đát tả. Nam mô tát kiết lật đỏa y mông a lị da, bà lô kiết đế thất phạt ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì, hê rị ma ha bàn đát sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dụng. Tát bà tát đát (na ma bà tát đát), na ma bà già, ma phạt đạt đậu.**

**Đát diệt tha: Án, a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê rị đà dụng, cu lô cu lô yết mông, độ lô độ lô phạt xà ra đế, ma ha phạt xà ra đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất phạt ra da, dá ra dá ra, mạ mạ, phạt ma ra, mục đế lệ, y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm phạt ra xá lợi, phạt**

sa phạt sâm, phạt ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ đề dạ, bồ đề dạ, bồ đà dạ, bồ đà dạ, di đế rị dạ, na ra cần trì. Địa lị sắt ni na, ba dạ ma na, ta bà ha. Tất đà dạ, ta bà ha. Ma ha tất đà dạ, ta bà ha. Tất đà du nghệ, tất bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha. Tất ra tăng a mục khư da, ta bà ha. Ta bà ma ha a tất đà dạ, ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cần trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lị thắng yết ra dạ, ta bà ha.

Nam mô hắc ra đát na đát ra dạ da. Nam mô a lị da, bà lô yết đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha. Án, tất điện đô, mạn đà ra, bạt đà dạ, ta bà ha.

Bồ Tát thuyết chú xong, cõi đất sáu phen biến động, trời mưa hoa báu rơi xuống rải rác, mười phương chư Phật thấy đều vui mừng, thiên ma ngoại đạo sợ dựng lông tóc, tất cả chúng hội đều được quả chứng. Hoặc có vị chứng quả Tu Đà Hoàn, hoặc có vị chứng quả Tư Đà Hàm, hoặc có vị chứng quả A Na Hàm, hoặc có vị chứng quả A La Hán, hoặc có vị chứng được Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa, Ngũ Địa cho đến Thập Địa. Vô lượng chúng sanh phát lòng Bồ Đề.

Khi ấy Đại Phạm Thiên Vương từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục nghiêm chỉnh, chấp tay cung kính bạch với Đức Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: Lành thay Đại Sĩ! Từ trước đến nay, tôi đã trải qua vô lượng Phật hội, nghe nhiều Pháp yếu, nhiều môn Đà La Ni, song chưa từng nghe nói chương cú thần diệu: Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni này. Cúi xin Đại Sĩ vì tôi, nói hình trạng tướng mạo của Đà La Ni ấy. Tôi và đại chúng đều ưa thích muốn nghe.

Quán Thế Âm Bồ Tát bảo Phạm Vương: - Ông vì phương tiện lợi ích cho chúng sanh nên hỏi như thế. Nay ông khéo nghe, tôi sẽ vì ông mà nói lược qua. Này Phạm Vương! Những tâm đại từ bi, tâm bình đẳng, tâm Vô Vi, tâm chẳng nhiễm trước, tâm không quán, tâm cung kính, tâm khiêm nhượng, tâm không tạp loạn, tâm không chấp giữ,

tâm vô thượng Bồ Đề, nên biết các thứ tâm ấy đều là tướng mạo của môn Đà La Ni này. Vậy ông nên y theo đó mà tu hành.

Phạm Vương thưa: - Tôi và đại chúng hôm nay mới hân hạnh được biết tướng mạo của môn Đà La Ni này. Từ đây chúng tôi xin thọ trì chẳng dám lãng quên.

Bồ Tát lại nói tiếp: - Nếu kẻ thiện nam, thiện nữ nào tụng trì thần chú này, phải phát tâm bồ đề rộng lớn, thề độ tất cả muôn loài, giữ gìn trai giới, đối với chúng sanh khởi lòng bình đẳng và thường nên trì tụng chớ cho gián đoạn. Lại nên ở nơi tịnh thất, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục sạch, treo phan, đốt đèn, dùng hương hoa cùng các thứ ăn uống để cúng dường, buộc tâm một chỗ, chớ nghĩ chi khác, y như Pháp mà tụng trì. Lúc ấy sẽ có Nhật Quang Bồ Tát, Nguyệt Quang Bồ Tát cùng vô lượng thần tiên đến chứng minh, giúp thêm sự hiệu nghiệm. Bảy giờ ta cũng dùng ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay nâng đỡ, khiến cho kẻ ấy từ đó về sau có thể hiểu suốt tất cả sách vở thế gian, thông đạt các điển tịch Vi Đà và tất cả pháp thuật ngoại đạo.

Chúng sanh nào tụng trì thần chú này, có thể trị lành tám muôn bốn ngàn thứ bệnh ở thế gian, hàng phục các thiên ma ngoại đạo, sai khiến được tất cả quỷ thần. Những kẻ tụng kinh tọa thiền ở nơi non sâu, đồng vắng, bị sơn tinh, tạp mị, các quỷ vọng lượng làm não loạn phá hoại, khiến cho tâm không an định, chỉ cần tụng chú này một biến, các quỷ thần ấy thấy đều bị trói. Nếu hành giả có thể tụng trì đúng Pháp, khởi lòng thương xót chúng sanh, lúc ấy ta sẽ sắc cho tất cả Thiện Thần, Long Vương, Kim Cang Mật Tích thường theo ủng hộ, không rời bên mình, như giữ gìn tròn con mắt hoặc thân mạng của chính họ. Tiếp đó, Bồ Tát liền đọc lời kệ sắc lệnh rằng:

Ta sai Mật Tích, Kim Cang Sĩ  
 Ô Sô Quân Đồ Ương Câu Thi  
 Bát bộ lực sĩ, Thường Ca La  
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.

Ta sai Ma Hê, Na La Diên  
 Kim Tỳ La Đà, Ca Tỳ La  
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.  
 Ta sai Bà Cấp Ta Lâu La  
 Mãn Thiện Xa Bát, Chân Đà La  
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.  
 Ta sai Tát Giá Ma Hòa La  
 Cựu La Đơn Tra Bán Chỉ La  
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.  
 Ta sai Tát Bà Đà La Vương  
 Ưng Đức Tỳ Đa, Tát Hòa La  
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.  
 Ta sai Phạm Ma Tam Bát La  
 Ngũ Bộ Tịnh Cư, Diêm Ma La  
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.  
 Ta sai Thích Vương Tam Thập Tam  
 Đại Biện, Công Đức, Bà Đát Na  
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.  
 Ta sai Đề Đầu Lại Tra Vương  
 Các thần Mẫu Nữ, Chúng Đại Lực  
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.  
 Ta sai Tỳ Lâu Lặc Xoa Vương  
 Tỳ Lâu Bác Xoa Tỳ Sa Môn  
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.  
 Ta sai Kim Sắc Khổng Tước Vương  
 Hai mươi tám bộ đại tiên chúng  
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.  
 Ta sai Ma Ni, Bạt Đà La  
 Táng Chi đại tướng, Phất La Bà  
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.  
 Ta sai Nan Đà, Bạt Nan Đà

Bà Đà La Long, Y Bát La  
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.  
 Ta sai Tu La, Càn Thát Bà  
 Ca Lôu, Khẩn Na, Ma Hầu La  
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.  
 Ta sai Thủy, Hỏa, Lôi, Điện thần  
 Cựu Bàn Trà Vương, Tỳ Xá Xà  
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.

Các vị thiện thần này cùng thần Long Vương, thần Mẫu Nữ đều có năm trăm đại lực Dạ Xoa làm quyến thuộc, thường theo ủng hộ người thọ trì thần chú Đại Bi. Nếu người đó ở nơi núi hoang, đồng vắng, ngủ nghỉ một mình, các vị thiện thần ấy thay phiên nhau canh giữ không cho tai ương, chướng nạn phạm đến thân. Nếu hành giả đi trong núi sâu lạc mất đường về, tụng trì Chú này, thiện thần, long vương hóa làm người lành chỉ đường dẫn lối. Như hành giả trụ nơi núi rừng, đồng vắng, thiếu thốn nước lửa, long thần vì ủng hộ, hóa ra nước, lửa.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát lại vì người tụng chú, nói bài kệ thanh lương tiêu trừ tai họa rằng:

Hành giả đi trong núi vắng  
 Gặp những cọp sói, các thú dữ  
 Rắn, rít, tinh mị, quỷ vọng lượng  
 Tụng tâm chú này khỏi bị hại.  
 Nếu đi biển cả hoặc sông, hồ  
 Những rồng rắn độc, loài Ma Kiệt  
 Dạ Xoa, La Sát, cá, rùa lớn  
 Nghe tụng chú này tự lánh xa.  
 Nếu bị quân trận giặc bao vây  
 Hoặc gặp người ác đoạt tiền của  
 Chí thành xưng tụng chú Đại Bi  
 Giặc cướp tự khởi lòng thương xót.  
 Nếu bị vua quan, quân sĩ bắt

Gông, cùm trói buộc, giam ngục tù  
 Chí thành xưng tụng chú Đại Bi  
 Vua, quan tự mở lòng ân xá.  
 Nếu đi vào nhà nuôi sâu độc  
 Uống ăn để thuốc muốn hại nhau  
 Chí thành xưng tụng chú Đại Bi  
 Thuốc độc biến thành nước cam lộ.  
 Nữ nhơn bị nạn khi sanh sản  
 Khổ vì ma quái làm ngăn cản  
 Chí thành xưng tụng chú Đại Bi  
 Quỷ tà sợ trốn, sanh an ổn.  
 Gặp rồng, dịch quỷ gieo hơi độc  
 Nóng bức, khổ đau sắp mạng chung  
 Chí thành xưng tụng chú Đại Bi  
 Bệnh dịch tiêu trừ, mạng trường cửu.  
 Rồng, quỷ lưu hành bệnh thũng độc  
 Ung sang lở lói nhiều khổ đau  
 Chí thành xưng tụng chú Đại Bi  
 Khắc ra ba lần hơi độc mắt.  
 Chúng sanh đời trước khởi lòng ác  
 Trù ếm hại cho thỏa oán thù  
 Chí thành xưng tụng chú Đại Bi  
 Liên phản trở lại người trù ếm.  
 Chúng sanh cõi trước đời mạt pháp  
 Lừa dâm dục thanh, tâm điên đảo  
 Ngoại tình, xa vợ, bỏ chồng con  
 Ngày đêm mãi tưởng điều sai quấy  
 Nếu hay xưng tụng chú Đại Bi  
 Lừa dục tiêu trừ, tâm tà dứt.  
 Công lực Đại Bi chỉ lược qua,  
 Nếu ta nói hết không cùng kiếp!

Khi ấy, Quán Thế Âm Bồ Tát lại bảo Phạm Vương rằng: Này Phạm Vương! Nếu chúng sanh nào muốn tiêu trừ tai nạn ma chướng nên lấy chỉ ngũ sắc xe làm một sợi niệt, trước tiên tụng chú này năm biến, kế tụng hai mươi mốt biến, cứ tụng xong mỗi một biến lại thắt một gút, rồi đeo nơi cổ hoặc bỏ nơi đẫy để trong thân. Tâm chú Đại Bi đây do chín mươi chín ức hằng sa chư Phật đời quá khứ đã nói ra. Các Đức Phật ấy vì thương xót muốn cho người tu hành: công đức lục độ chưa đầy đủ, mau được đầy đủ; mầm Bồ đề chưa phát, mau được phát sanh; hàng Thanh Văn chưa chứng quả, mau được chứng quả; các vị thần tiên trong cõi đại thiên chưa phát lòng Bồ đề, mau được phát tâm vô thượng Bồ Đề. Nếu chúng sanh nào chưa được tín căn đại thừa, do sức oai thần của Đà La Ni này, hột giống đại thừa tự sanh mầm và tăng trưởng; lại do sức từ bi phương tiện của ta, khiến cho sự mong cầu của họ đều được thành tựu.

Lại nữa, người trì tụng Đà La Ni này, khi thốt ra lời nói chi, hoặc thiện hoặc ác, tất cả thiên ma, ngoại đạo, thiên, long, quỷ thần đều nghe thành tiếng Pháp âm thanh tịnh, đối với người ấy khởi lòng cung kính, tôn trọng như Phật.

Người nào trì tụng Đà La Ni này nên biết người ấy chính là tạng Phật thân, vì chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật đều yêu quý. Nên biết người ấy chính là tạng quang minh, vì ánh sáng của tất cả Như Lai đều chiếu đến nơi mình. Nên biết người ấy chính là tạng từ bi, vì thường dùng Đà La Ni cứu độ chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng diệu Pháp, vì nhiếp hết tất cả các môn Đà La Ni. Nên biết người ấy chính là tạng thiên định, vì trăm ngàn tam muội thầy đều hiện tiền. Nên biết người ấy chính là tạng hư không, vì hằng dùng không huệ quán sát chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng vô úy, vì thiên, long, thiện thần thường theo hộ trì. Nên biết người ấy chính là tạng diệu ngữ, vì tiếng Đà La Ni trong miệng tuôn ra bất tuyệt. Nên biết người ấy chính là tạng thường trụ, vì tam tai, ác kiếp không thể làm hoại. Nên biết người ấy chính là tạng giải thoát, vì thiên ma ngoại đạo



không thể bức hại. Nên biết người ấy chính là tạng được vương, vì thường dùng Đà La Ni trị bệnh chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng thần thông, vì được tự tại dạo chơi mười phương cõi Phật. Công đức người ấy khen ngợi không thể cùng!

Này thiện nam tử! Chúng sanh nào nghe danh tự của môn Đà La Ni này còn được tiêu diệt tội nặng sinh tử trong vô lượng kiếp, huống chi là tụng trì? Nếu người nào được thần chú này mà tụng trì, phải biết kẻ ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo nhiều căn lành. Nếu kẻ nào tụng trì đúng Pháp, lại có thể vì chúng sanh dứt trừ khổ nạn, nên biết người ấy là bậc có đủ tâm đại bi, không bao lâu nữa sẽ thành Phật. Cho nên hành giả khi thấy mọi loài, đều nên vì chúng tụng trì Chú này, khiến cho chúng được nghe để cùng gây nhân Bồ Đề, thì sẽ được vô lượng vô biên công đức.

Nếu kẻ hành trì khéo giữ gìn trai giới, dụng tâm tinh thành, vì chúng sanh sám hối tội nghiệp đời trước, tự mình cũng sám hối những ác nghiệp đã gây ra từ vô lượng kiếp đến nay, nơi miệng rành rẽ tụng Đà La Ni này tiếng tăm liên tiếp không dứt, thì trong đời hiện tại liền chứng được bốn đạo quả của bậc sa môn. Nếu là hạng lợi căn có phương tiện huệ quán thì quả vị Thập Địa còn chứng được không lấy gì làm khó, huống chi là những phước báo nhỏ nhặt ở thế gian. Những việc như thế, nếu có mong cầu, đều được toại nguyện.

Đức Phật lại gọi ngài A Nan mà bảo: - Này A Nan! Khi trong một nước có tai nạn nổi lên, nếu muốn được an ổn, vị quốc vương ở xứ ấy phải biết dùng Chánh Pháp trị dân, có độ lượng khoan hồng, không làm oan uổng trăm họ, tha kẻ tù phạm, và giữ thân tâm tinh tấn đọc tụng chú này. Hành trì như thế luôn bảy ngày đêm thì trong cõi nước ấy tất cả tai nạn thủy hỏa đều tiêu tan, ngũ cốc phong thịnh, dân chúng được an vui.

Lại trong một xứ, nếu gặp những tai ương dồn dập như: bị nước nghịch đem binh xâm lấn, dân tình rối loạn không yên, quan đại thần

mưa phản, bệnh dịch lưu hành, mưa nắng trái thời hoặc nhật, nguyệt sai độ v.v... Muốn diệt các thứ tai nạn ấy, vị quốc vương phải lập đàn tràng, tạo tượng Thiên Nhân Đại Bi để day mặt về phương Tây, sắm các thứ hương, hoa, tràng phan, bảo cái, hoặc trăm thức ăn uống mà cúng dường, rồi dùng thân tâm tinh tấn tụng đọc chương cú thần diệu. Hành trì như thế đúng bảy ngày thì nước giặc quy hàng, chánh tình yên ổn, lân bang hòa hảo, thương mến lẫn nhau, trong triều từ vương tử cho đến trăm quan đều hết dạ trung thành, nơi cung vi, phi tần, thê nữ khởi lòng hiếu kính đối với vua. Các thiên long, quỷ thần đều ủng hộ trong nước khiến cho mưa gió thuận hòa, hoa quả tốt, nhân dân vui đẹp.

Lại nếu trong nhà có những tai nạn như: ma quái nổi dậy, quyền thuộc đau nặng, tiền của hao mòn, gia đình rối loạn, người ác gieo tiếng thị phi hoặc vu khống để hãm hại, cho đến trong ngoài lớn nhỏ chẳng hòa thuận nhau. Muốn diệt những tai nạn ấy, gia chủ phải lập đàn tràng, hướng về tượng Thiên Nhân, chí tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát và tụng Đà La Ni này đủ ngàn biến, thì tất cả việc xấu như trên thầy đều tiêu diệt, gia đình được vĩnh viễn an vui.

Ngài A Nan lại bạch Phật rằng: - Bạch Đức Thế Tôn! Chú này tên gọi là chi? Con nên thọ trì như thế nào?

Đức Phật bảo: - Thần chú này có những tên như sau:

1. Quảng Đại Viên Mãn Đà La Ni.
2. Vô Ngại Đại Bi Đà La Ni.
3. Cứu Khổ Đà La Ni.
4. Diên Thọ Đà La Ni.
5. Diệt Ác Thú Đà La Ni.
6. Phá Ác Nghiệp Chương Đà La Ni.
7. Mãn Nguyện Đà La Ni.
8. Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni.
9. Tốc Siêu Thánh Địa Đà La Ni.

Ông nên y như thế mà thọ trì.

Ngài A Nan lại bạch Phật: - Bạch Đức Thế Tôn! Vị Bồ Tát Ma Ha Tát, bộ chủ của thần chú này, tôn hiệu là chi mà khéo nói môn Đà La Ni như thế?

Đức Phật bảo: - Vị Bồ Tát ấy hiệu là Quán Thế Âm Tự Tại, cũng tên là Nhiên Sách, cũng gọi là Thiên Quang Nhãn.

- Nay thiện nam tử! Quán Thế Âm Bồ Tát thần thông oai lực không thể nghĩ bàn, trong vô lượng kiếp về trước đã từng thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Vì nguyện lực đại bi, vì muốn làm duyên phát khởi cho tất cả các hàng Bồ Tát, vì muốn an vui thành thực cho chúng sanh, ngài mới giáng tích hiện làm Bồ Tát. Vậy ông và đại chúng, các hàng Bồ Tát Ma Ha Tát, Phạm Vương, Đế Thích, Long Thần đều nên cung kính, chớ sanh lòng khinh mạn xem thường. Nếu tất cả hàng Trời, người thường xưng niệm, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ được vô lượng phước, diệt vô lượng tội, khi mạng chung sanh về cõi nước của Phật A Di Đà.

Đức Phật bảo ngài A Nan: - Thần chú của Quán Thế Âm Bồ Tát nói ra đây chân thật không dối. Nếu muốn thỉnh Bồ Tát đến, nên tụng chú vào hương Chuyết Cự La hai mươi một lần rồi đốt lên, Quán Thế Âm Bồ Tát liền đến. *(Chuyết Cự La hương chính là an tức hương)*.

Đức Phật lại bảo ngài A Nan: - Quán Thế Âm Tự Tại Bồ Tát có ngàn tay, mỗi tay đều tiêu biểu cho hạnh tùy thuận các sự mong cầu của chúng sanh. Đó cũng là do tâm đại bi của vị Đại Sĩ ấy hóa hiện. *(Những chân ngôn sau đây, chỗ có gạch ngang dài là chữ đọc kéo hơi dài ra. Muốn cầu điều gì, đọc chân ngôn theo điều ấy)*.

1. Nếu chúng sanh nào muốn được giàu lớn, có nhiều thứ châu báu, đồ dùng, nên cầu nơi tay cầm châu như ý. Chân ngôn rằng: *Án – phạ nhựt ra, phạ đa ra, hồng phẩn tra*.

2. Nếu muốn trị các thứ bệnh trên thân, nên cầu nơi tay cầm cành

dương liễu. Chân ngôn rằng: *Án – tô tất đạ, ca rị phạ rị, đả nẫm đả, mục đả duệ, phạ nhựt ra, phạ nhựt ra bần đà, hạ nẵng hạ nẵng, hồng phẩn tra.*

3. Nếu muốn trị các thứ bệnh trong bụng, nên cầu nơi tay cầm cái bát báu. Chân ngôn rằng: *Án –, chỉ rị, chỉ rị, phạ nhựt ra, hồng phẩn tra.*

4. Nếu muốn trị bệnh mắt mờ không thấy ánh sáng, nên cầu nơi tay cầm châu nhựt tinh ma ni. Chân ngôn rằng: *Án –, độ tỉ, ca giả độ tỉ, bát ra phạ rị nảnh, tát phạ hạ.*

5. Nếu muốn hàng phục tất cả thiên ma thần, nên cầu nơi tay cầm bặt chiết la. Chân ngôn rằng: *Án – nễ bệ nễ bệ, nễ bà dã, ma ha thất rị duệ, tát phạ hạ.*

6. Nếu muốn hàng phục tất cả oán tặc, nên cầu nơi tay cầm chày kim cang. Chân ngôn rằng: *Án – phạ nhựt ra, chỉ nảnh, chỉ nảnh, bát ra nễ bát đả dã, tát phạ hạ.*

7. Nếu muốn trừ tánh ở tất cả chỗ sợ hãi không yên, nên cầu nơi tay thí vô úy. Chân ngôn rằng: *Án – phạ nhựt ra, nẵng dã, hồng phẩn tra.*

8. Nếu bị các việc khuấy rối, muốn được an ổn, nên cầu nơi tay cầm dây quyển sách. Chân ngôn rằng: *Án – chỉ rị, lã ra, mô nại ra, hồng phẩn tra.*

9. Nếu bị bệnh nhiệt độc, muốn được mát mẻ hết bệnh, nên cầu nơi tay cầm châu nguyệt tinh ma ni. Chân ngôn rằng: *Án – tô tất đạ, yết rị, tát phạ hạ.*

10. Nếu muốn được làm quan, lên chức, nên cầu nơi tay cầm cung báu. Chân ngôn rằng: *Án – a tả vĩ, lệ, tát phạ hạ.*

11. Nếu muốn được mau gặp các bạn lành, nên cầu nơi tay cầm tên báu. Chân ngôn rằng: *Án – ca mạ lã, tát phạ hạ.*

12. Nếu muốn hàng phục tất cả quỷ, thần, vọng, lợng, nên cầu nơi tay cầm gươm báu. Chân ngôn rằng: *Án – đế thế, đế nhá, đồ vĩ nảnh,*

*đổ đê bà đà dã, hồng phấn tra.*

13. Nếu muốn trừ những chướng nạn ác bên thân, nên cầu nơi tay cầm cây phát trắng. Chân ngôn rằng: *Án – bát na di nãnh, bà nga phạ đế, mô hạ dã nhá, nga mô hạ nãnh, tát phạ hạ.*

14. Nếu muốn tất cả người trong quyền thuộc được hòa thuận nhau, nên cầu nơi tay cầm cái hồ bình. Chân ngôn rằng: *Án – yết lệ thăm mẫn diệm, tát phạ hạ.*

15. Nếu muốn xua đuổi loài hổ báo, sài lang và tất cả ác thú, nên cầu nơi tay cầm cái bàng bài. Chân ngôn rằng: *Án – được các sam nãnh, na dã chiến nại ra, đạt nậu bá rị dã, bạt xá bạt xá, tát phạ hạ.*

16. Nếu muốn trong tất cả thời, tất cả chỗ, lia nạn quan quân vờn bắt, nên cầu nơi tay cầm cây phủ việt. Chân ngôn rằng: *Án – vị ra dã, vị ra dã, tát phạ hạ.*

17. Nếu muốn có tôi trai tứ gái để sai khiến, nên cầu nơi tay cầm chiếc vòng ngọc. Chân ngôn rằng: *Án – bát na hàm, vị ra dã, tát phạ hạ.*

18. Nếu muốn được các thứ công đức, nên cầu nơi tay cầm hoa sen trắng. Chân ngôn rằng: *Án – phạ nhựt ra, vị ra dã, tát phạ hạ.*

19. Nếu muốn được sanh về 10 phương tịnh độ, nên cầu nơi tay cầm hoa sen xanh. Chân ngôn rằng: *Án – chỉ rị, chỉ rị, phạ nhựt ra, bộ ra bạng đà hồng phấn tra.*

20. Nếu muốn được trí tuệ lớn, nên cầu nơi tay cầm cái gương báu. Chân ngôn rằng: *Án – vĩ tát phổ ra, na ra các xoa, phạ nhựt ra, mạn trà lã, hồng phấn tra.*

21. Nếu muốn được diện kiến 10 phương tất cả chư Phật, nên cầu nơi tay cầm hoa sen tím. Chân ngôn rằng: *Án – tát ra, tát ra, phạ nhựt ra, hồng phấn tra.*

22. Nếu muốn lấy được kho báu ẩn trong lòng đất, nên cầu nơi tay

cầm cái bảo kíp. Chân ngôn rằng: *Án – phạ nhựt ra, bát thiết ca rị, yết năng hàm ra hồng.*

23. Nếu muốn được đạo tiên, nên cầu nơi tay cầm hóa hiện mây ngũ sắc. Chân ngôn rằng: *Án – phạ nhựt ra, ca rị ra tra hàm tra.*

24. Nếu muốn sanh lên cõi Phạm Thiên, nên cầu nơi tay cầm bình quân trì. Chân ngôn rằng: *Án – phạ nhựt ra thế khê ra, rô tra hàm tra,*

25. Nếu muốn được sanh lên các cung trời, nên cầu nơi tay cầm hoa sen hồng. Chân ngôn rằng: *Án – thương yết lệ, tát phạ hạ.*

26. Nếu muốn xua đuổi giặc nghịch ở phương khác đến, nên cầu nơi tay cầm cây bảo kích. Chân ngôn rằng: *Án – thắm muội dã, chỉ nãnh hạ rị, hồng phấn tra.*

27. Nếu muốn triệu tất cả chư thiên thiện thần, nên cầm nơi tay ống loa báu. Chân ngôn rằng: *Án – thương yết lệ, mạ hạ thắm mẫn diệm, tát phạ hạ.*

28. Nếu muốn sai khiến tất cả quỷ thần, nên cầu nơi tay cầm cây gậy đầu lâu. Chân ngôn rằng: *Án – độ năng, phạ nhựt ra.*

29. Nếu muốn 10 phương chư Phật sớm đến đưa tay tiếp dẫn, nên cầu nơi tay cầm râu chuỗi ngọc. Chân ngôn rằng: *Năng mờ – ra đá năng, đát ra dạ dã, Án – a na bà đế vĩ nhã duệ. Tát địa tát đà lật đế, tát phạ hạ.*

30. Nếu muốn có được tất cả phạm âm thanh tốt nhiệm màu, nên cầu nơi tay cầm chiếc linh báu. Chân ngôn rằng: *Năng mờ bát ra hàm bá noa duệ, án – a mật lật đằm, nghiễm bệ thất rị duệ, thất rị, chiếm rị nãnh, tát phạ hạ.*

31. Nếu muốn được miệng nói biện luận hay khéo, nên cầu nơi tay cầm chiếc ấn báu. Chân ngôn rằng: *Án – phạ nhựt ra, nãnh đằm nhá duệ, tát phạ hạ.*

32. Nếu muốn được thiên thần, long vương thường đến ủng hộ,

nên cầu nơi tay cầm cu thi thiết câu. Chân ngôn rằng: *Án – a rô rô, đơ ra ca ra, vĩ sa duệ, năng mờ tát phạ hạ.*

33. Nếu vì lòng từ bi muốn cho chúng sanh được nhờ sự che chở giúp đỡ, nên cầu nơi tay cầm cây tích trượng. Chân ngôn rằng: *Án – na lật thế, na lật thế, na lật tra bát đế, na lật đế na dạ bát nãnh, hồng phẩn tra.*

34. Nếu muốn cho chúng sanh thường cung kính yêu mến nhau, nên cầu nơi tay hiệp chưởng. Chân ngôn rằng: *Án – bát nạp mạng, nhá lãng hát rị. (Theo trong Tạng bản, lại có chân ngôn: Án – vĩ tát ra, vĩ tát ra, hồng phẩn tra).*

35. Nếu muốn tùy theo chỗ sanh, thường ở bên Phật, nên cầu nơi tay hiện hóa Phật. Chân ngôn rằng: *Án – chiến na ra, ba hàm tra rị, ca rị na, chỉ rị na, chỉ rị nỉ, hồng phẩn tra.*

36. Nếu muốn đời đời kiếp kiếp thường ở trong cung điện Phật, không thọ sanh ở bào thai, nên cầu nơi tay hiện hóa cung điện. Chân ngôn rằng: *Án – vi tát ra, vi tát ra, hồng phẩn tra.*

37. Nếu muốn được học rộng nghe nhiều, nên cầu nơi tay cầm quyển kinh báu. Chân ngôn rằng: *Án – a hạ ra, tát ra phạ ni, nễ dĩ đơ ra, bố nễ đế, tát phạ hạ.*

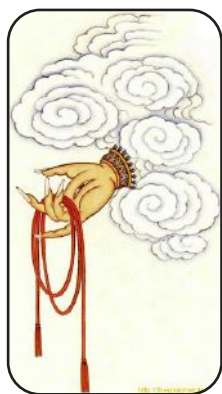
38. Nếu muốn từ thân này cho đến thân thành Phật, tâm Bồ Đề thường không lui sụt, nên cầu nơi tay cầm bát thối kim luân. Chân ngôn rằng: *Án – thiết na di tả, tát phạ hạ.*

39. Nếu muốn 10 phương chư Phật mau đến xoa đầu thọ ký, nên cầu nơi tay đánh thượng hóa Phật. Chân ngôn rằng: *Án – phạ nhựt rị ni, phạ nhựt lãm nghê tát phạ hạ.*

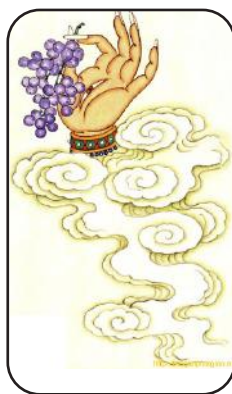
40. Nếu muốn có được cây trái ngũ cốc, nên cầu nơi tay cầm chùm bồ đào. Chân ngôn rằng: *Án – A ma lã kiếm đế nễ nãnh, tát phạ hạ.*

41. Nếu muốn cho tất cả loài hữu tình đói khát được no đủ mát mẻ, nên cầu nơi tay hóa nước cam lộ. Chân ngôn rằng: *Án – tổ rô tổ rô bác*

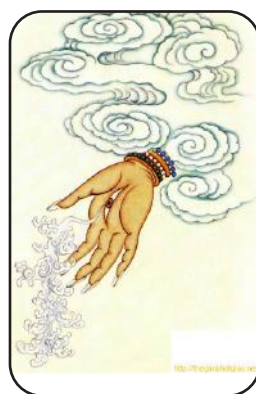




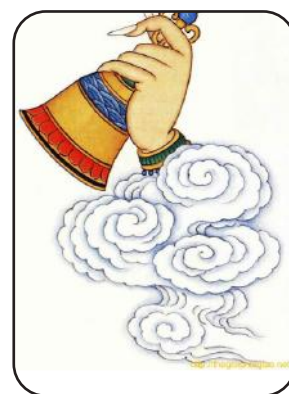
Sô Châu Thủ



Bồ Đào Thủ



Cam Lô Thủ



Bảo Đạc Thủ

ra tổ rô, bác ra tổ rô, tổ rô dĩa, tát phạ hạ.

42. Nếu muốn hàng phục ma oán trong cõi đại thiên, nên cầu nơi tay tổng nhiếp thiên thủ. Chân ngôn rằng: *Đát nễ dĩa tha, phạ lô chỉ đế, thắp phạ ra dĩa, tra ô hạ di dĩa, sá phạ ha.*

- Nay A Nan! Những việc có thể cầu mong như thế, kể có ngàn điều. Nay ta chỉ nói lược qua chút ít phần thôi.

Khi ấy Nhật Quang Bồ Tát vì người thọ trì Đại Bi Tâm Đà La Ni mà nói đại thần chú để ủng hộ rằng: Nam mô bột đà cù na mê. Nam mô đạt mạ mạc ha đê. Nam mô tăng già đa dạ nê. Đế chỉ bộ tất tát đốt chiêm nạp mạ.

Nhật Quang Bồ Tát bạch Phật: - Bạch Đức Thế Tôn! Tụng chú này diệt được tất cả tội, cũng đuổi được ma và trừ thiên tai. Nếu kẻ nào tụng chú này một biến, lễ Phật một lạy, mỗi ngày chia ra làm ba thời tụng chú lễ Phật như thế, trong đời vị lai tùy theo chỗ thọ thân, thường được tướng mạo xinh đẹp, được quả báo đáng vui mừng.

Nguyệt Quang Bồ Tát cũng vì hành nhưn mà nói Đà La Ni để ủng hộ rằng: Thâm đê đế đồ tô tra. A nhã mật đế đồ tô tra. Thâm kỳ tra. Ba lại đế. Gia di nhã tra ô đô tra. Câu la đế tra kỳ ma tra. Sá phạ hạ.

Nguyệt Quang Bồ Tát bạch Phật: - Bạch Đức Thế Tôn! Tụng chú

này năm biến, rồi lấy chỉ ngũ sắc xe thành sợi niệt, gia tụng Chú vào, buộc treo nơi tay. Chú này do bốn mươi hằng sa chư Phật đời quá khứ đã nói ra, nay tôi cũng nói để vì các hành nhơn mà làm duyên ủng hộ. Chú này có công năng trừ tất cả chướng nạn, tất cả bệnh ác, xa lìa tất cả sự sợ hãi.

Đức Phật bảo ngài A Nan: - Ông nên dùng lòng trong sạch tin sâu mà thọ trì môn Đại Bi Tâm Đà La Ni này và lưu bố rộng ra trong cõi Diêm Phù Đề, chớ cho đoạn tuyệt. Đà La Ni này có thể làm lợi ích lớn cho chúng sanh trong ba cõi. Tất cả bệnh khổ ràng buộc nơi thân, nếu dùng Đà La Ni này mà trị thì không bệnh nào chẳng lành. Dùng đại thần chú này tụng vào cây khô, cây ấy còn được sanh cành lá, trổ bông trái, huống chi là chúng sanh có tình thức ư? Nếu thân bị đau bệnh, dùng chú này trị mà không lành, lẽ ấy không bao giờ có.

- Nay thiện nam tử! Sức oai thần của Đại Bi Tâm Đà La Ni không thể nghĩ bàn! Không thể nghĩ bàn! Khen ngợi không bao giờ hết được! Nếu chẳng phải là kẻ từ thời quá khứ lâu xa đến nay đã gieo nhiều căn lành, thì dù cho cái tên gọi còn không được nghe, huống chi là được thấy! Nay đại chúng các ông, cả hàng trời, người, long thần, nghe ta khen ngợi, phải nên tùy hỷ. Nếu kẻ nào hủy báng thần chú này tức là hủy báng chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật kia. Nếu người nào đối với Đà La Ni này sanh nghi không tin, nên biết kẻ ấy sẽ vĩnh viễn mất sự lợi ích lớn, trăm ngàn muôn kiếp không nghe thấy Phật, Pháp, Tăng, thường chìm trong tam đồ chẳng biết bao giờ mới được ra khỏi.

Khi ấy, tất cả chúng hội: Bồ Tát Ma Ha Tát, Kim Cang Mật Tích, Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Đại Thiên Vương, Thiên, Long, Quỷ, Thần, nghe đức Như Lai khen ngợi môn Đà La Ni này xong, thấy đều vui mừng, y lời dạy mà tu hành.

## Phản Hồi Hương

### Chủ Lễ Xương\*

Nay con cúi đầu kính lễ, nguyện cùng chúng sanh sớm trọn vẹn các mong cầu. Nguyện cha mẹ nhiều đời, oan thân nhiều kiếp, tám nạn ba đường, cô hồn trệ phách được siêu sanh An Lạc quốc, tội lỗi từ vô lượng kiếp đến nay thấy đều tiêu diệt.

### Tụng Quán Âm Bồ Tát Tùy Tâm Chú

Án, đa rị đa rị, đót đa rị, đót đót đa rị, đót rị sa ha. (3 lần)

### Quy Mạng Sám Hối

Ngưỡng bạch Đức Bồ Tát Quán Thế Âm, niệm từ bi cứu giúp, tâm lợi tế sáng soi. Chỉ cho phương pháp đầu thành kính lễ, mở ra con đường sửa đổi lỗi lầm. Ngài thương xót chúng con và chúng sanh trong đời kiếp này đã gây ra các tội lỗi. Những duyên trước, nghiệp xưa chắc chắn phải có oan khiên. Nay chúng con đem thân này thực hành khoa nghi sám hối, kính mong tánh đức bao dung, sáu nẻo tẩy trừ nhờ nước phép, ba đường quạt mát cây gió thương, tội căn đổi ra phước căn, ác quả hóa thành thiện quả. Lại trông Từ Tôn rủ lòng bao dung sự sám hối của chúng con, khắp vì bốn ơn ba cõi, pháp giới chúng sanh đều nguyện đoạn trừ các tội chướng. Con nay đem tất cả thân, tâm, tánh mạng quy y danh lễ sám hối.

Chí tâm sám hối: Đệ tử . . . cùng pháp giới chúng sanh vô thì đến giờ, do ái và kiến mà trong chấp nhân ngã, ngoài vì bạn xấu nên không tùy hỷ ai cả dầu là một điều thiện bằng tơ tóc, chỉ biết bùng dậy tội lỗi bằng cả ba nghiệp. Việc tuy không rộng mà ác ý bủa khắp, ngày đêm liên tục, không có gián đoạn. Che giấu lỗi lầm không muốn ai hay. Không sợ đường dữ, không hổ không thẹn. Bài bác cho rằng không có nhân quả. Vì vậy ngày nay tin tưởng sâu xa nguyên lý nhân quả, phát

---

\*Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm (2015).

sinh hồ thẹn hệ trọng, sợ hãi to lớn mà bộc bạch sám hối. Đoạn tâm liên tục mà phát tâm Bồ Đề. Đoạn ác tu thiện, siêng năng thúc giục cả thân miệng ý. Đổi bỏ tánh xấu nặng nề ngày xưa mà tùy hỷ với người phàm cũng như bậc Thánh, dầu một điều thiện bằng tơ tóc mà thôi. Nghĩ nhớ chư Phật mười phương có phước tuệ to lớn, có thể cứu vớt con, đem con ra khỏi biển hai chết mà đặt lên trên bờ ba đức. Từ vô thỉ đến nay, con không biết các pháp bản tính vắng lặng nên đã gây nhiều điều ác, nay biết được các pháp vắng lặng mà cầu Bồ Đề, muốn độ chúng sanh mà làm nhiều việc thiện, dứt hết điều ác, nguyện xin Đức Quán Thế Âm từ bi nhiếp thọ.

Chí tâm sám hối: Đệ tử . . . cùng pháp giới chúng sanh, hiện tiền một tâm vẫn đủ ngàn pháp, đều có sức thần cùng với trí sáng, trên đồng tâm chư Phật, dưới bằng tánh muôn loài. Do bởi u mê che ánh sáng kia, nên đối cảnh hôn mê, khởi lòng chấp nhiễm, nơi Pháp tánh bình đẳng mà lại nhân ngã bỉ thử. Lại do ái kiến làm gốc, thân miệng làm duyên, trong nẻo luân hồi gây nên đủ tội: mười ác, năm nghịch, khinh chê người khác, hủy báng Chánh Pháp, phá trai, phạm giới, phá tháp, hủy chùa, lấy cắp tài vật của Tăng bốn phương, làm bản phạm hạnh thanh tịnh, xâm tổn tài vật, ẩm thực của thường trụ, thì dấu cho có ngàn Phật xuất thế cũng khó sám hối. Những tội như thế, không lường không ngăn, khi bỏ báo thân phải đọa ba đường ác, chịu vô lượng khổ sở. Lại trong đời này phiền não thiêu đốt, tật bệnh vây quanh, duyên ngoài bức bách, chướng ngại đạo Pháp, khó nổi tiến tu. May gặp 500 Danh Hiệu của Đức Viên Mãn Đại Bi, có thể mau trừ những tội như thế, cho nên nay con hết lòng lễ lạy. Con nguyện nương về Bồ Tát Quán Thế Âm, các đấng Đạo Sư trong mười phương, phát tâm Bồ Đề, tu hạnh lễ bái, cùng với chúng sanh tỏ bày các tội, cầu xin sám hối, nguyện đều tiêu trừ.

Nguyện Đức Đại Bi Quán Thế Âm Đại Bồ Tát nắm giữ con bằng ngàn tay, soi thấy con bằng ngàn mắt, làm cho con bật hết duyên

chương trong ngoài, trở về vắng lặng, hạnh nguyện của con và người cùng được viên thành, mở ra bản tánh thấy biết, dẹp trừ ngoại ma, ba nghiệp siêng cần tu nhân tịnh độ.

Xin nguyện cho con khi bỏ thân này không vào đường khác, quyết được sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, đích thân cúng dường Đức Đại Bi Quán Thế Âm, đủ các tổng trì, rộng độ quần sanh đều thoát khổ luân, đều thành Phật đạo.

Sám hồi ròi, con chí tâm quy mạng lễ kính Tam Bảo. (3 lạy)

### **Tâm Kinh Trí Tuệ Cứu Cánh Rộng Lớn\***

Khi Bồ Tát Quán Tự Tại hành sâu Bát Nhã Ba La Mật Đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết thủy khổ ách.

Này Xá Lợi Phất! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

Này Xá Lợi Phất! Tướng không của các pháp, không sanh không diệt, không như không sạch, không thêm không bớt. Cho nên trong tướng không không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh cũng không có hết vô minh, cho đến không có già chết cũng không có hết già chết; không có khổ, tập, diệt, đạo, không có trí tuệ cũng không có chứng đắc.

Vì không có chỗ được, nên Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa tâm không ngăn ngại. Vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa hẳn điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh Niết Bàn.

Chư Phật trong ba đời cũng nương Bát Nhã Ba La Mật Đa được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác.

---

\* HT Thanh Từ dịch

Nên biết, Bát Nhã Ba La Mật Đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, hay trừ được hết thảy khổ, chân thật không dối. Vì vậy nói chú Bát Nhã Ba La Mật Đa, liền nói chú rằng:

“Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha”.  
(3 lần)

### **Niệm Danh Hiệu Phật**

Nguyện sanh Cực Lạc Cảnh Phương Tây  
Chín phẩm hoa sen là cha mẹ  
Hoa nở thấy Phật chứng Vô Sanh  
Bồ Tát bất thối là bạn lành.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Đại Từ, Đại Bi  
A Di Đà Phật.

Nam Mô A Di Đà Phật. (30 lần)

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát. (3 lần)

Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát. (3 lần)

Nam Mô Địa Tạng Vương Bồ Tát. (3 lần)

Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. (3 lần)

### **Nguyện An Lành**

Nguyện ngày an lành, đêm an lành  
Đêm ngày sáu thời đều an lành  
Tất cả các thời đều an lành

Xin nguyện từ bi thường gia hộ. (3 lần)

Nam mô Tiêu Tai Giáng Kiết Tường Bồ tát. (3 lần)

### **Quy Y Tam Bảo**

Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh, thể theo đạo cả, phát lòng vô thượng.

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh, thấu rõ kinh tạng, trí tuệ như biển.

Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, hết thảy không ngại. (Lạy 3 lạy)





*Manifesting as a Woman to speak Dharma*

### **Hồi Hương**

Nguyện đem công đức này  
Hương về khắp tất cả  
Đệ tử và chúng sanh  
Đều trọn thành Phật đạo.



## Tóm Tắt Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni

**1. Xuất Xứ.** Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni nói về nhân duyên giáo hóa, oai lực màu nhiệm, lợi lạc không thể nghĩ bàn của thần chú Đại Bi, đồng thời nói đến công hạnh tu chứng và nguyện lực vô cùng vô tận của Bồ Tát Quán Thế Âm. Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni gọi đầy đủ là Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni. Hòa Thượng Thích Trí Quang dịch Đại Bi Tâm Đà La Ni là Bài Chú Tinh Túy Của Đại Từ Bi. Kinh được ghi chép trong Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh, ký hiệu Chính 20/106-111, do các nhà Phật Học Nhật Bản biên tập trong 13 năm (1912 - 1925). Tỳ Kheo Đà Phạm Đạt Mạ người Ấn Độ dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán vào đời nhà Đường. Cố Hòa Thượng Thích Thiên Tâm dịch ra chữ Việt năm 1967.

**2. Pháp Hội.** Địa điểm nói Kinh là đạo tràng Bảo Trang Nghiêm trong cung điện Bồ Đà Lạc Ca của Bồ Tát Quán Thế Âm. Chứng minh gia hộ là Đức Phật Bản Sư Thích Ca Mâu Ni. Tham dự Pháp hội có chư Đại Bồ Tát: Tổng Trì Vương, Bảo Vương, Dược Vương, Dược Thượng, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Hoa Nghiêm, Đại Trang Nghiêm, Bảo Tạng, Đức Tạng, Kim Cang Tạng, Hư Không Tạng, Di Lạc, Phổ Hiền, Văn Thù Sư Lợi. Ngoài ra còn có vô lượng A La Hán tu hạnh Thập Địa, vô lượng Thiên Long Bát Bộ, vô lượng Thiên Nữ, vô lượng Thiện Thần.

Bấy giờ Bồ Tát Quán Thế Âm mật phóng ánh thần thông quang minh, chiếu sáng mười phương quốc độ và cõi tam thiên đại thiên thế giới đều thành sắc vàng. Thấy lạ, Bồ Tát Tổng Trì Vương mới chấp tay bạch Phật nguyên do. Đức Phật bảo rằng đó là do Bồ Tát Quán Thế Âm trong Pháp hội, muốn làm cho chúng sanh được lợi ích an vui, nên mới mật phóng sức thần thông như thế. Lúc ấy Bồ Tát Quán Thế Âm mới cung kính bạch Phật: Con có chú Đại Bi Tâm Đà La Ni, nay xin nói ra, xin Đức Thế Tôn cho phép. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tùy hỷ, ấn chứng, và giải thích thêm.

**3. Chú Đại Bi.** Bồ Tát Quán Thế Âm kể rằng vô lượng ức kiếp về trước, Ngài có duyên lành được Đức Phật Thiên Quang Vương Tịnh Trụ truyền dạy chú Đại Bi. Lúc ấy Bồ Tát mới từ sơ quả là Hoan Hỷ Địa, vừa nghe xong chú Đại Bi, vi diệu đến mức, Ngài liền chứng vượt lên bậc thứ 8 Bất Động Địa trong 10 bậc tu chứng của Bồ Tát đạo. Bồ Tát rất vui mừng, liền phát thệ rằng: *“Nếu trong đời vị lai, con*

*có thể làm lợi ích an vui cho chúng sanh với thần chú này, thì xin khiến cho thân con liền sanh ra ngàn tay ngàn mắt”.* Khi Ngài phát thệ rồi thì ngàn tay ngàn mắt đều hiện đủ nơi thân! Từ ngày đó cho đến nay, dù ở trong vô lượng Pháp hội của vô lượng chư Phật, dù hiện vô lượng thân tướng khác nhau tùy theo căn cơ chúng sanh để hóa độ, nhưng lúc nào Ngài cũng trì tụng chú Đại Bi, chưa từng quên bỏ. Rồi Bồ Tát Quán Thế Âm đứng trước Pháp hội, chấp tay đứng thẳng, đối với chúng sanh khởi lòng từ bi, nở mặt mỉm cười, nói chú Đại Bi.

**4. Tinh Túy Của Chú Đại Bi.** Trả lời câu hỏi của Đại Phạm Thiên Vương, Bồ Tát Quán Thế Âm nói chú Đại Bi Tâm có 10 tướng mạo: (1) Tâm đại từ bi, (2) Tâm bình đẳng, (3) Tâm Vô Vi, (4) Tâm chẳng nhiễm trước, (5) Tâm không quán, (6) Tâm cung kính, (7) Tâm khiêm nhượng, (8) Tâm không tạp loạn, (9) Tâm không chấp giữ, (10) Tâm vô thượng Bồ Đề. Trả lời câu hỏi của ngài A Nan, Đức Phật dạy: Đại Bi Tâm Đà La Ni còn có chín tên gọi khác là: Quảng Đại Viên Mãn Đà La Ni, Vô Ngại Đại Bi Đà La Ni, Cứu Khổ Đà La Ni, Diên Thọ Đà La Ni, Diệt Ác Thú Đà La Ni, Phá Ác Nghiệp Đà La Ni, Mãn Nguyện Đà La Ni, Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni, Tốc Siêu Thánh Địa Đà La Ni.

**5. Lợi Ích Của Tụng Trì Chú Đại Bi.** Bồ Tát Quán Thế Âm dạy: người trì tụng Chú Đại Bi có vô lượng phước báo và vô lượng công đức như sau.

- Trừ tai nạn: không bị hại vì cọp, sói, thú dữ, rắn, rít, tinh mị, quỷ vọng lượng, dạ xoa, la sát, ngục tù, gông cùm, đánh đập.

- Trừ bệnh tật: Trừ tất cả bệnh khổ ràng buộc nơi thân, sâu độc, trù ếm, sanh để an toàn. Tụng chú Đại Bi vào cây khô, cây ấy còn được sanh cành lá, trở bông trái, hưởng chi là chúng sanh có tình thức.

- Trừ chết oan, ác nghiệp, tội nặng: không bị mười lăm cái chết oan, dứt hết các tội thập ác, ngũ nghịch, không đọa vào ba đường ác, giết nhau ngoài chiến trường.

- Đem lại an vui, lợi ích cho chúng sanh: được mười lăm chỗ sanh tốt, giàu có, tiêu tan tất cả sợ hãi, trừ tham dục, sống lâu, chuyển nữ thành nam, đầy đủ tất cả mong cầu.

- Giúp người tu tập tiến trên đường đạo: hạt giống Đại Thừa ngày càng lớn mạnh, tâm an định, vô lượng tam muội biện tài, tu chứng bốn quả Thanh Văn, hoàn mãn lục độ, chứng quả Thập Địa, lúc mạng chung sanh về Tây Phương Cực

Lạc hoặc các cõi Phật như ý nguyện, nói ra điều gì cũng thành Pháp âm thanh tịnh.

- Lợi ích cộng đồng: đất nước thanh bình, chính trị yên ổn, không bị phản thần gây loạn, không chiến tranh, kinh tế giàu mạnh, mùa màng tươi tốt, thức ăn nước uống dồi dào, mưa thuận gió hòa, nhân dân an lạc.

- Người trì tụng chú Đại Bi là gieo vào tạng thức mười hai hạt giống lành: Phật thân, quang minh thân, từ bi, diệu Pháp, thiền định, hư không, vô úy, diệu ngữ, thường trụ, giải thoát, được vương, thần thông.

**6. Chú Phật, Chú Thiện Thần Ủng Hộ.** Bồ Tát Quán Thế Âm dạy: Chú Đại Bi Tâm do chín mươi chín ức hằng sa Chú Phật đời quá khứ nói ra. Chú Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, A La Hán, Vua Cõi Trời, Thiện Thần đều ủng hộ. Có đến 53 danh hiệu các bậc Trời, Rồng, Thiện Thần ủng hộ được nêu ra trong Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni. Chính nhờ Ân Đức Từ Bi Hỷ Xả của Bồ Tát Quán Thế Âm cảm hóa nên Trời, Rồng, Thiện Thần tình nguyện ủng hộ chúng sanh, chứ Bồ Tát không ép buộc, không sai khiến, không ra lệnh bất cứ ai làm việc gì cả. Ngài hàng phục chúng sanh cương cường, thiên ma, tà thần không bằng sát khí sân hận ngập trời mà bằng ân đức khoan hòa rộng lớn, trí tuệ tuyệt vời. Đức chiêu cảm đó mới đầy đủ oai lực giúp cho sự phát tâm ủng hộ của Chú Thiện Thần lâu dài, ngày càng thêm lớn.

**7. Chánh Pháp Minh Như Lai.** Đức Phật bảo ngài A Nan: Bồ Tát Quán Thế Âm đã thành Phật từ vô lượng kiếp về trước và có danh hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Vì nguyện lực đại bi, vì muốn làm duyên phát khởi cho tất cả các hàng Bồ Tát, vì muốn an vui thành thực cho chúng sanh, ngài mới giáng tích hiện làm Bồ Tát. Vậy ông và đại chúng, các hàng Bồ Tát Ma Ha Tát, Phạm Vương, Đế Thích, Long Thần đều nên cung kính, chớ sanh lòng khinh mạn, xem thường.

**8. Cách Tụng Trì Chú Đại Bi.** Bồ Tát Quán Thế Âm nhấn mạnh: Chú Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Đồng Nam, Đồng Nữ muốn tụng trì Chú Đại Bi, trước tiên phải phát tâm từ bi đối với chúng sanh, và sau đây y theo Ngài mà phát nguyện: Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Nguyện Con mau biết tất cả pháp, mau được mắt Trí Tuệ, mau độ các chúng sanh, mau được phương tiện khéo, mau lên thuyền Bát Nhã, mau vượt qua biển khổ, mau thành tựu giới định, mau lên non Niết Bàn, mau về nhà Vô Vi, mau đồng thân Pháp tánh. Nguyện tâm

con hướng về nơi nào liền giúp nơi đó được an lạc: non đao sục đồ, lửa cháy tự khô tắt, địa ngục tự tiêu tan, ngựa quỷ tự no đủ, tu la tâm ác tự điều phục, súc sanh tự được trí tuệ lớn.

Thường niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm và A Di Đà Phật, vì A Di Đà Phật là Bản Sư của Ngài. Tụng trì năm biến chú mỗi ngày. Trước khi tụng chú cần tắm gội sạch sẽ, mặc áo nghiêm trang, giữ gìn trai giới, nên ở nơi tịnh thất. Đối với chúng sanh khởi lòng bình đẳng, phát tâm Bồ Đề rộng lớn thề độ tất cả muôn loài. Miệng rành rõ tụng chú, tiếng tụng liên tiếp không gián đoạn, tâm gắn chặt vào bài chú, không nghĩ chi khác, nhất là chí thành tin tưởng, không sanh tâm nghi ngờ. Tự mình sám hối những ác nghiệp đã gây ra từ vô lượng kiếp đến nay, đồng thời nguyện thay thế chúng sanh sám hối tội nghiệp của họ. Bồ Tát Quán Thế Âm khuyến tấn: Ngài sẽ dùng ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay nâng đỡ người trì tụng Chú Đại Bi. Người trì tụng Chú Đại Bi là người đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo nhiều căn lành, giúp chúng sanh tiêu trừ khổ nạn, nên biết người ấy là bậc có đủ tâm đại bi, không bao lâu nữa sẽ thành Phật.

**9. Kết Luận.** Đức Phật bảo ngài A Nan: Ông nên dùng lòng trong sạch tin sâu mà thọ trì môn Đại Bi Tâm Đà La Ni này và lưu bố rộng ra trong cõi Diêm Phù Đề, chớ cho đoạn tuyệt. Sức oai thần của Đại Bi Tâm Đà La Ni không thể nghĩ bàn! Khen ngợi không bao giờ hết. Khi ấy, tất cả chúng hội, Bồ Tát Ma Ha Tát, Kim Cang, Mật Tích, Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Đại Thiên Vương, Thiên, Long, Quỷ Thần, nghe Đức Như Lai khen ngợi môn Đà La Ni này xong, thấy đều vui mừng, y lời dạy mà tu hành.

Người trì tụng Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni cảm nhận được đức Vô Úy và Nguyện Lực Đồng Mãnh của chư Phật, chư Bồ Tát bằng bạc xuyên suốt bản kinh. Các từ “Nguyện”, “Phát Nguyện”, “Ứng Hộ”, “Cảm Ứng”, “Năng Khiển”, “Năng Linh”, “Tốc Linh”, “Chứng”, “Đắc”, “Đại Bi Tâm” xuất hiện rất nhiều lần, tuyệt nhiên không hề ủy mị, yếm thế, van xin như thường bị hiểu lầm. Kính mong quý hành giả thực hiện theo công hạnh của Bồ Tát Quán Thế Âm, đừng chần chừ. Đời sống vô thường, khi mất thân này khó được làm người, mất cơ hội thâm tín Tam Bảo, biết khi nào mới phát khởi Đại Bi Tâm? Chưa có Đại Bi Tâm làm sao thấy được nỗi khổ của chúng sanh! Chưa thấy được nỗi khổ của chúng sanh trong tam đồ lục đạo, thì làm sao “sống và nghĩ Niết Bàn sinh tử tổng giai không”!

## Đại Ý Bài Chú Đại Bi

Con kính cẩn cúi đầu trước ngôi Tam Bảo Phật Pháp Tăng. Nguyên xin quy y theo Đức Thánh Quán Tự Tại. Con nguyện đem thân mạng mà quy y với Đức Đại Bồ Tát có lòng đại từ đại bi, mà cầu xin sớm được thành tựu sự giác ngộ để cứu độ cho hết thảy chúng sanh do mê muội đang bị khùng bố trên thế gian này. Do đó, con đem cả thân mạng mà quy y với Đức Đại Bồ Tát có lòng đại từ đại bi. Một lòng thề nguyện truyền bá rộng rãi lòng từ bi của Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát; lắng nghe tâm chơn ngôn (tổng trì pháp môn tâm chơn ngôn và Phật nội chứng), vâng theo mệnh của bản tôn là Đại Bi Tâm Đà La Ni này mà hết lòng xưng tụng công đức Quán Tự Tại Bồ Tát, tất cả mọi hy vọng đều được viên mãn, làm sáng tỏ tính chất đồng thể đại bi thanh tịnh viên minh và làm cho tất cả quỷ thần đều không thể đánh thắng được uy lực to lớn của Ngài. Với những kẻ có đạo tâm, không bao giờ bị vô minh phiền não mê hoặc, không bao giờ bị đắm chìm trong cảnh mê muội, u tối và được dẫn dắt tới thế giới quang minh của Đức Đại Bồ Tát. Trí tuệ quang minh được biểu hiện siêu tuyệt nhất thế gian là Đức Bồ Tát có công đức vô cùng vĩ đại. Có đáng quy mạng giống như Đức Tự Tại Sư Tử Vương Đại Bồ Tát. Ưc niệm nói chung của bản thể tâm chơn ngôn của Bồ Tát cũng giống như đi ở trên không trung để thuyết giảng Chánh Pháp một cách lớn lao và tự tại, hoặc là làm công việc tư duy về một công việc to rộng. Cũng như các bậc vua chúa, bất kể việc gì, đều được Đức Bồ Tát làm một cách tự do, tự tại. Được hành động bởi một thân thể thanh tịnh, không mảy may dơ bẩn, hoặc để trừ mọi hành vi dơ bẩn của ba cái độc hại là tham, sân và si; cũng như diệt trừ mọi ác ma độc hại ở trên thế gian này. Như thế sẽ nhanh chóng có mái tóc đẹp như hoa sen thanh tịnh và cầm lấy được hoa sen của Đức Bồ Tát. Giáo hóa được nghiệp ngu si của ta và chứng ngộ được lòng yêu thương vô bờ bến. Khiến được sanh lòng hoan hỷ của Bồ Tát Quán Tự tại.

Muốn được tới Niết Bàn (thành tựu viên mãn) sẽ được thấy Niết Bàn, và cũng tới được cảnh giới Tát địa (nơi ngộ đạo) với Du già (tương ứng hiệp nhập) thì được tự do, vô ngại. Trong đó, cũng có kẻ không phải là loài người (mặt heo cổ xanh, có kẻ mặt sư tử), con nào từ bi thì biểu thị tay cầm hoa sen, để thâu nhiếp Chánh Pháp trừ ma quỷ phiền não. Nghe tiếng Pháp loa vi diệu được chuyển mê khai ngộ, hết thảy đều quy y Tam Bảo.

Nam Mô Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát, khiến cho được tới Niết Bàn, để trì tụng lời chơn ngôn này nơi thanh tịnh, trang nghiêm. (Chú Đại Bi Lược Giải, 2003, HT. Thích Tín Nghĩa sao lục).

## ***Kính Lễ Mười Tâm Thù Thắng Của Chú Đại Bi***

Dưới sự chứng minh của Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni trong đạo tràng Bảo Trang Nghiêm tại Potalaka, Bồ Tát Quán Thế Âm giải thích Chú Đại Bi có 10 tướng mạo sau đây: Đại Từ Bi tâm, Bình Đẳng tâm, Vô Vi tâm, Vô Nhiễm tâm, Không Quán tâm, Cung Kính tâm, Khiêm Nhượng tâm, Vô Tạp Loạn tâm, Vô Kiến Thủ tâm, Vô Thượng Bồ Đề tâm.

**1. Tâm Đại Từ Bi.** Từ là năng lực đem lại an vui cho chúng sanh; Bi là năng lực dứt trừ khổ đau cho mọi loài. Từ Bi có đủ sức mạnh thể chất và tâm linh để đồng mãnh làm lợi lạc cho đời, như vậy trong Từ Bi đã bao hàm Trí Tuệ và Hùng Lực mới đủ uy đức nhiếp chúng độ sanh. Tâm Đại Từ Bi là tâm của bậc đã thành tựu đạo nghiệp. Nay chúng con nghiệp dày phước mỏng nhưng cũng nguyện thực tập theo hạnh Từ Bi của Bồ Tát.

Nguyện cho tâm chúng con ngày một bớt giận ghét người, không sân si với hoàn cảnh mình đang sống và biết ơn với những gì mình đang có. Nguyện đem tất cả khả năng của mình để cống hiến niềm vui cho đời, giúp người bớt khổ, đặc biệt là các trẻ em thiếu may mắn và những người bệnh tật, hoạn nạn, nghèo khổ khắp nơi. Nhờ vậy mà tâm chúng con ngày càng tỏa sáng tình thương yêu, hiểu biết, để thể nhập vào nguồn sống dạt dào Từ Bi Hỷ Xả của Chư Phật, Bồ Tát.

Tác dạ chí thành thập phương cảm ứng, chúng con thành kính nhớ nghĩ đến Bốn Ơn sâu nặng: Ơn Cha Mẹ, Ơn Thầy Bạn, Ơn Tam Bảo, Ơn Quốc Gia Xã Hội mà nhất tâm đánh lễ: ***Nam Mô Đại Từ Bi Tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.***

**2. Tâm Bình Đẳng.** Đây là tâm không phân chia cao thấp, hơn thua, giai cấp, nam nữ, tôn giáo, chủng tộc, không phân biệt kẻ oán người thân. Về mặt bản thể, Tâm Bình Đẳng không chấp chủ thể hay khách thể, tâm và cảnh không hai. Trong chúng con có chúng sanh, trong chúng sanh có chúng con, y hết các tám gương

phản chiếu lẫn nhau. Có Tâm Bình Đẳng thì dễ dàng chấp nhận mọi khác biệt trong cuộc đời. Tâm Bình Đẳng không ép buộc người khác phải ngang bằng như chúng con, mà tự thân chúng con cần mở tâm lượng rộng lớn dần dần để bao dung được người khác, bắt đầu từ gia đình, bà con, rồi ra đến Đạo Tràng, cộng đồng, nhân loại, chúng sanh.

Nguyện cho khi thực tập Tâm Bình Đẳng, chúng con thấy mình và người liên hệ mật thiết với nhau. Khi làm việc thiện, làm Phật sự thì không quan trọng việc cống hiến nhiều hay ít mà cần tấm lòng hoan hỷ cảm thông. Nhờ vậy mà chúng con thấy thế giới rộng lớn bao la, màu nhiệm, mỗi sanh linh đều dễ thương, đáng quý, đáng trọng. Phật và chúng con tuy khác nhau về quả vị nhưng thể tánh rỗng lặng vẫn đồng. Vì tâm chúng con bị mây vô minh che lấp nên làm chúng sanh, một khi tâm tĩnh lặng, không một niệm dấy khởi thì ngay thân này Phật tánh hiện bày.

Thành kính cầu nguyện Pháp Giới Đa Sanh Phụ Mẫu, Cửu Huyền Thất Tổ cùng Chư Hương Linh của gia đình chúng con Siêu Sanh Lạc Quốc. **Nam Mô Bình Đẳng Tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.**

**3. Tâm Vô Vi.** Vô Vi nghĩa là không phụ thuộc, không bị ảnh hưởng, không vì nhân duyên mà sanh ra. Do đó, Vô Vi không biến đổi, không mất đi, là cái Vô Sanh, một cách nói khác của Niết Bàn. Trong Kinh Vô Vi, Đức Phật nói có 33 từ ngữ tương tự về Niết Bàn là: Vô Vi, Mục Đích Cuối Cùng, Vô Lậu, Sự Thật, Bờ Bên Kia, Tế Nhị, Khó Thấy Được, Không Già, Thường Hằng, Không Suy Yếu, Không Biểu Hiện, Không Lý Luận, Tịch Tĩnh, Bất Tử, Thù Thắng, An Lạc, An Ổn, Ái Đoạn Tận, Bất Khả Tư Nghì, Hy Hữu, Không Tai Họa, Không Bị Tai Họa, Niết Bàn, Không Khổ, Ly Tham, Thanh Tịnh, Giải Thoát, Không Dính Mắc, Ngọn Đèn, Nơi Trú Ẩn, Nơi Che Chở, Nơi Nương Tựa, Đến Bờ Bên Kia. Đức Phật cũng dạy con đường đưa đến Vô Vi là tu tập Bát Chánh Đạo: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. (Tương Ưng Bộ, 2001, T. 4, tr. 565-574).

Áp dụng vào đời sống hằng ngày, nhờ thực tập Tâm Vô Vi mà lòng chúng con trở nên thanh thản, buông bỏ mọi ưu phiền, vướng mắc. Chúng con dần dần không bị ràng buộc với bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Cuộc sống trở nên vui vẻ, thông thả, nhẹ nhàng. Tâm trở nên rỗng rang như tấm gương trong sáng, khi việc đến thì tùy duyên đối ứng, khi hết việc rồi trở lại rỗng không:



*Như mặt gương trong sáng  
Ánh chiếu mọi sắc trần  
Đến, đi không chướng ngại  
Không cảnh cũng không tâm.*

Nguyện vì báo đáp thâm ân Hộ Pháp, chư Tôn Bồ Tát và chư Vị Thiện Thần Thường Lai Hộ Trì già lam, nhà cửa, đất đai, hoa màu, môi trường sinh sống an toàn thịnh vượng, chúng con cung kính đánh lễ: **Nam Mô Vô Vi Tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.**

**4. Tâm Vô Nhiễm:** Nhiễm là bị lây hoặc bị lôi cuốn theo thói hư tật xấu. Chẳng hạn mắt ưa đẹp ghét xấu, tai thích lời khen mà ghét tiếng chê, mũi ưa mùi thơm mà ghét thối, lưỡi ưa vị ngọt mà ghét đắng, thân ưa cảm giác mịn màng nhưng ghét đụng chạm thô kệch, ý mơ tưởng xa xôi mà không biết quay về tự tánh thanh tịnh. Nhờ Tâm Vô Nhiễm nên làm chủ được bản thân, khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần thì không bị mê hoặc, sai sử. Một khi sáu căn lắng yên thì sáu thức không phát khởi, sáu trần trở nên thanh tịnh, và cõi Ta Bà uế浊 này liền trở thành Tịnh Độ trang nghiêm.

Nguyện cho khi thực tập Tâm Vô Nhiễm, chúng con rèn luyện được đức tính thành không kiêu, bại không nản. Giảm bớt nô lệ của tiền tài, sắc dục, danh lợi, ham ăn, ham ngủ. Trong khi làm việc thiện, làm Phật sự, không bị lôi cuốn vào lời khen tiếng chê, không vì những bất đồng ý kiến trong khi làm việc mà mất hòa khí giữa anh chị em, đạo hữu. Trong khi tu tập, nguyện chuyển hóa “ái” và “thù” thành “nguyện” và “xả”, nhờ vậy mà giảm lần vướng mắc, tham đắm, cố chấp.

Chúng con nguyện thay thế Pháp Giới Tam Thập Lục Bộ, Hà Sa Nam Nữ Vô Tự Âm Linh Cô Hồn chí thành đánh lễ: **Nam Mô Vô Nhiễm Tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.**

**5. Tâm Không Quán.** Chữ “không” trong đạo Phật thường bị hiểu lầm là hư vô, là trái ngược với có. Chấp có và chấp không đều là hai kiến chấp sai lầm. Không ở đây có nghĩa là **không có một tự thể riêng biệt** vì vạn pháp nương vào nhau mà có mặt, không có pháp nào có thể phát sinh và tồn tại chỉ riêng mình: “Cái này có vì cái kia có. Cái này không vì cái kia không. Cái này sanh vì cái kia sanh. Cái này diệt vì cái kia diệt”. Do đó, không quán là nhìn sâu vào bản chất mọi hiện tượng

để thấy được tính rỗng lặng, vô thường, vô ngã, duyên hợp và tương tức của các pháp. Chính nhờ tính chất rỗng không của các pháp nên vũ trụ mới có thể sinh thành, chuyển hóa. Vì nếu đã có một cái A cố định, thì cái A đó không thể biến đổi thành cái B hay cái C như trong các phản ứng hóa học.

Vô thường là thay đổi theo thời gian. Vô ngã là thay đổi trong không gian. Vì chúng con cố chấp vào những cái mình yêu quý và mong cầu nó còn mãi, nên khi bị mất đi thì vô cùng đau khổ. Nhờ thực hành Tâm Không Quán, chúng con chuyển hóa được tập khí sâu dày nhất của chúng con là cố chấp vào “*cái Ta*” và “*những cái của Ta*”, cả cái ta cá nhân và cái ta tập thể. Nhờ không mà trở thành có thì từ có cũng trở thành không. Đó là ý nghĩa của: sắc chính là không, không chính là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy cả. Người có Trí Tuệ không vì các pháp rỗng không mà trở nên bi quan, yếm thế. Trái lại, các Ngài đồng mãnh vào biển lửa cứu khổ chúng sanh khi đã thấy rõ Chân Không chính là Diệu Hữu.

Chúng con nguyện đem tâm rỗng lặng để cầu nguyện Quá Cổ Nam Nữ Đạo Hữu, Chư Hương Linh Ký Tự Tại Chùa, Chư Hương Linh Trong Pháp Giới, cùng hiện tiền Chư Thiện Hữu Tri Thức, Đàn Na Tín Thí, Thiền Môn Công Vụ Chúng Chúng Công Phu nhận chân được pháp giới trùng trùng duyên khởi mà được tự tại vô ngại. ***Nam Mô Không Quán Tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.***

**6. Tâm Cung Kính.** Cung kính là lễ độ, trân trọng từ tận cùng đáy lòng. Cung kính không những Chư Tôn Đức mà còn với mọi người, mọi loài, các em khuyết tật vì tất cả đều có Phật tánh. Chúng con nguyện theo gương Bồ Tát Thường Bất Khinh tán dương tất cả mọi người. Nhờ Tâm Cung Kính mà chúng con tha thiết biết ơn người, biết ơn vật. Cuộc đời đẹp đẽ quá, con người dễ thương quá, loài vật, cây cỏ, khí trời quý báu quá! Nếu không có môi trường sống này, cho dù thuận hay nghịch, cho dù tốt hay xấu, thì chúng con làm sao tồn tại ở cõi đời được?

Thay vì bất mãn với hoàn cảnh sống, chúng con cần tự mình thay đổi thái độ sống. Với Tâm Cung Kính, chúng con sẽ cảm nhận được thế giới lưu ly trang nghiêm thanh tịnh ngay tại trái đất này. Làm sao dám chắc điều đó? Vì trong Kinh dạy, cõi Ta Bà này là “*Phàm Thánh đồng cư độ*”, tức là kẻ thanh người tục chung đặng với nhau. Các bậc Giác Ngộ xen lẫn giữa dòng đời đen bạc. Nếu tâm chúng con thiện lành thì sẽ chiêu cảm người lành cùng đến, nếu tâm chúng con phiền não tràn đầy thì sẽ chiêu cảm những người quạu phá đến.

Cho nên thay vì than thở cuộc đời này không có Thánh Tăng, hãy nên tự hỏi tâm mình đã mở rộng để chào đón Thánh Tăng chưa? Nếu không, khi Thánh Tăng đứng bên cạnh thì chúng con cũng không thể cảm nhận được. Tại sao vậy? Tại vì tuy cùng đứng trên mặt đất, nhưng mỗi người tùy theo tâm lượng rộng, hẹp, mà cảm ứng với một cảnh giới tương xứng. Xin hãy nhớ thời Phật còn tại thế, ai có Tâm Cung Kính gieo duyên với Phật thì đều đắc quả an lạc giải thoát, còn ai đóng cửa quay lưng thì đã không được lợi lạc gì mà lại còn chống báng Ngài. Chúng con có duyên lành kính lễ chư Phật, chư Bồ Tát qua Hồng Danh Bửu Sám, Thủy Sám, Ngũ Bách Danh, Lương Hoàng Sám Pháp, Tam Thiên Phật, Vạn Phật. Càng cung kính đảnh lễ, chúng con càng cảm nhận quý Ngài gần gũi quanh đây, và, ngày càng tỏa sáng Phật tánh nơi bản thân.

Với Tâm Cung Kính, chúng con thiết tha cầu nguyện các dịch bệnh mau chấm dứt, chư trọng bệnh nhân khắp nơi được gặp thuốc hay, thầy giỏi chữa lành bệnh tật. Lại nguyện nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng thầy tiêu trừ, căn lành thêm lớn, báo thân này kết thúc liền siêu sanh Tịnh Độ. ***Nam Mô Cung Kính Tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.***

**7. Tâm Khiêm Nhượng.** Khiêm nhượng là tự đặt mình vào vị trí thấp nhất, như vậy sẽ trở nên nhu nhuyễn nhưng không hèn yếu. Có Tâm Khiêm Nhượng sẽ dễ dàng thực tập hạnh nhẫn nhục. Như nước chảy xuống chỗ thấp nên chỗ thấp không bị khô kiệt, người có Tâm Khiêm Nhượng thường được mọi người kính mến, giúp đỡ, giảm bớt những va chạm phiền toái do thói kiêu căng gây ra, đồng thời cũng bớt sân hận.

Tâm sân hận thật là dễ sợ. Nó như trái bom nổ chậm, khi có điều kiện kích hỏa thì nổ bùng ra, tàn phá hết thầy gia đình, người thân, bạn bè, đạo tràng, cộng đồng, xã hội, quốc gia, thế giới. Vì vậy trong Kinh dạy: *“Một đóm lửa sân nổi lên có thể đốt cháy cả rừng công đức”*. Đã sanh làm người ai cũng dễ tiêm nhiễm tâm kiêu căng. Càng lớn tuổi, càng có uy tín, bằng cấp, tài sản, danh vọng, địa vị, quyền lực thì kiêu mạn càng nhiều, và đó là một trong sáu nguyên nhân gây nên sinh tử luân hồi (Năm nguyên nhân khác là tham, sân, si, nghi, ác kiến).

Con đường trở về bến Giác, do đó, chính là dẹp cờ kiêu mạn. Có hạ mình xuống mới chiêm ngưỡng được cái Đẹp ở đời. Thực hành lạy Phật, lạy sám hối cho ba nghiệp thân, miệng, ý lắng yên chính là một cách hữu hiệu để hạ *“cái Ta”*

xuống. Cho đến ngày không còn dính mắc vào “*cái Ta*” nữa, tức là “*vô ngã*”, thì đạt được Niết Bàn, như lời khai thị của Hòa Thượng Thiện Siêu.

Nhất tâm cầu nguyện thiên môn trân tịnh, hải chúng an hòa, phước huệ song tu, tuệ đặng thường chiếu, Phật quả viên thành. ***Nam Mô Khiêm Nhượng Tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.***

**8. Tâm Vô Tạp Loạn.** Vô tạp loạn là không bị tình thế làm cho rối ren. Bản thân làm chủ được hoàn cảnh, bình tĩnh, chuyển rắc rối thành đơn giản, chuyển khó thành dễ, chuyển nguy thành an. Thực tập miên mật, Tâm Vô Tạp Loạn dẫn đến dừng vọng tưởng và sâu hơn nữa là vào Định. Có bài kệ rất hay có thể giúp tâm lắng yên khi quán chiếu:

*“Phật là vàng trắng sáng,  
Đi qua trời thái hư  
Hồ tâm chúng sanh lặng,  
Trăng hiện bóng trắng ngần”.*

Tâm chúng con theo thói quen cứ lăng xăng vọng động không yên. Những ý niệm trùng trùng điệp điệp nối tiếp nhau choán chỗ nên Phật tánh không hiện bày ra được. Một khi chuỗi ý niệm đó dừng lại thì ngay tức khắc tánh Giác hiện bày, như ánh trăng soi tỏ trên mặt hồ tĩnh lặng. Có nhiều cách thực tập để tâm lắng yên, tùy theo điều kiện từng người. Thông thường là thiền tập, niệm Phật, tụng kinh, tụng Chú, đi dạo quanh vườn... Dù cách nào đi nữa thì căn bản vẫn bắt đầu từ thư giãn thân, lắng yên tâm, theo dõi hơi thở vào ra nhẹ nhàng, nhẹ nhàng như sương khói, không còn ý niệm về hơi thở, lặng mà biết rõ. Đạt được như vậy gọi là chánh niệm. Chánh niệm là thân làm việc gì thì tâm biết việc đó và ở đó với thân. Ví dụ nấu ăn thì thân và tâm cùng nấu ăn, không phải thân nấu ăn mà tâm xem truyền hình.

Với tâm lắng yên, chúng con nguyện cho hiện tiền cha mẹ phước thọ tăng long, thân bằng quyến thuộc và pháp giới chúng sanh tai nạn, tật bệnh tiêu trừ, ngày đêm đều được an lành. ***Nam Mô Vô Tạp Loạn Tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.***

**9. Tâm Vô Kiến Thủ.** Vô kiến thủ là không cố chấp vào cái thấy biết riêng của chúng con. Cái thấy biết đó thường bị lệch lạc vì thành kiến gia đình, giáo dục, văn hóa, xã hội, tôn giáo, chính trị, chưa kể sâu xa hơn là do tập khí nhiều đời quá khứ.

Kiến thủ là một trong năm chướng ngại của sự tu tập, gọi chung là ác kiến. Đó là (1) thân kiến: cố chấp vào cái thân này nên mới sanh lấm chuyện; (2) biên kiến: thấy biết một chiều; (3) kiến thủ: cố chấp vào cái biết sai trái của mình; (4) giới cấm thủ: theo các cấm kỵ mê tín dị đoan; (5) tà kiến: thấy biết không đúng sự thật.

Nhờ Tâm Vô Kiến Thủ, chúng con không “*nói xấu*” Thầy Cô này, Giáo Hội nọ. Làm như vậy là chúng con tự vạch áo cho người khác xem lưng, tự chia cắt nguồn sống vi diệu của Đạo Pháp và làm suy yếu nội lực của mình. Trong khi chúng con hân hoan chào đón và thỉnh mời Quý Vị Lãnh Đạo Tinh Thần các tôn giáo bạn cũng như các nhà hoạt động xã hội khác cùng ngồi lại với nhau để bàn chuyện cứu vớt hành tinh khổ nạn này, sao chúng con lại nở lòng quay lưng lại với Chư Tôn Thiên Đức và đạo hữu có chung một gốc rễ Đạo Pháp và Dân Tộc?! Trong khi làm việc thiện, chúng con nhẫn nại mời gọi từng người rộng mở từ tâm, cúi xuống nhặt từng cái lon, cái chai recycle, trân trọng từng đôi giày cũ “*garage sale*”, cố sao lại để cho tâm biên kiến che lấp tâm hoan hỷ lễ kính và xưng tán Tam Bảo?! Còn người nào cố ý làm trái lời Phật dạy thì đã có nhân quả báo ứng. Các phẩm nói về quả báo trong Lương Hoàng Sám Pháp và nghiệp báo trong Thủy Sám đã là những bản cáo trạng nghiêm khắc.

Vì vậy chúng con không lãng phí thì giờ trong các buổi gặp mặt để chê trách người này, chỉ lỗi người khác. Chúng con nguyện “*Nhóm họp trong Chánh Pháp, bàn luận trong Chánh Pháp, ra về trong Chánh Pháp*”. Ý thức rằng “*Một ngày đã qua, mạng sống giảm dần*”, chúng con nguyện thực tập chánh kiến, nương thân hư huyền này để đạt thành đạo quả.

Cung chúc Phật Pháp ngày càng tỏa sáng, thế giới khắp nơi không chiến tranh, không khủng bố, đất trời yên ổn, biển lặng, sóng yên, mưa thuận gió hòa, chúng sanh an lạc, tai nạn, tật bệnh, dịch bệnh tiêu trừ, người còn kẻ mất đều lợi lạc. ***Nam Mô Vô Kiến Thủ Tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.***

**10. Tâm Vô Thượng Bồ Đề.** Nguyện Thành Phật Cứu Độ Chúng Sinh. Đây chính là cốt lõi của Bồ Tát đạo và cũng là đặc trưng của Phật giáo Đại Thừa. Xưa nay chúng con vẫn có mặc cảm hèn kém là chỉ có thể làm việc thiện, đóng góp Phật sự để hưởng phước báo nhân thiên. Vì thế, chúng con đã phụ lời di giáo của Đức Thế Tôn “*Hãy tự mình thấp đước lên mà đi, thấp lên với Chánh pháp*”. Nay chúng con dũng mãnh phát nguyện thực hành Bồ Tát đạo, vừa tự lợi vừa lợi tha,





*The Three Pure Land Sages*

*Mahasthamaprapta, Amitabha Buddha, and Avalokitesvara*

vừa tự giác vừa giác tha, làm được chút gì lợi lạc cho mình cho người thì không từ nan. Kinh A Hàm dạy: “Dù làm bao nhiêu việc thiện đi nữa cũng không bao giờ quên Giác Ngộ Giải Thoát là mục tiêu tối hậu của đời mình”.

Cảm nhận được niềm an vui của Giác Ngộ Giải Thoát có ngay trong từng giây phút thực tập tại đây và bây giờ, chứ không đợi đến ngày mai hoặc kiếp sau, chúng con xin hồi hướng công đức này đến tất cả pháp giới chúng sanh đồng thành Phật đạo. **Nam Mô Vô Thượng Bồ Đề Tâm Quán Thế Âm Bồ Tát.**

“Nhất niệm chí thành thập phương cảm ứng, Một lạy sám hối ba nghiệp tội tiêu”. Ngưỡng mong Tam Bảo, Bồ Tát Quán Thế Âm gia hộ cho chúng con viên thành tín, nguyện, hạnh.

## Chú Thích 500 Câu Danh Hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm

**1. Phật.** Bậc đã giác ngộ sự thật về con người, cuộc đời và vũ trụ, đồng thời giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi do nỗ lực tu tập tự thân, rồi đem kinh nghiệm đó hướng dẫn cho người khác tu tập cũng được giác ngộ giải thoát như Ngài. Có vô số vị Phật như vậy trong vũ trụ.

- Theo **Kinh Đại Bản**, Trường Bộ tập 1, Đức Phật Thích Ca dạy rằng, cõi Ta Bà này về thời quá khứ đã có 6 vị Phật ra đời là Tỳ Bà Thi, Thi Khí, Tỳ Xá Phù, Câu Lưu Tôn, Câu Na Hàm Mâu Ni, Ca Diếp. Đến thời hiện tại, Ngài là vị Phật thứ bảy (tr. 199). Về tương lai, có Phật Di Lặc ra đời (tr. 403).

- **Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.** Ngài là một con người có thật trong lịch sử văn minh nhân loại. Ngài tên là Tất Đạt Đa, dòng họ Thích Ca, sanh vào ngày trăng tròn tháng Năm (Vesak), năm 624 trước dương lịch, tại vườn Lâm Tỳ Ni, thành Ca Tỳ La Vệ, miền Trung Ấn Độ, bây giờ là nước Nepal. Thân phụ là Vua Tịnh Phạn trị vì vương quốc Thích Ca, Thân mẫu là Hoàng Hậu Ma Gia. Thân mẫu Ngài qua đời sớm, Ngài được Vương Phi Kế mẫu là em ruột của Mẹ, Di Ma Ha Ba Xà Ba Đề thương yêu và nuôi dưỡng như con ruột.

Lúc còn trẻ, Ngài được hưởng một nền giáo dục hoàn bị để trở thành một vị Thái Tử kế vị ngai vàng. Văn võ kiêm toàn, tài đức viên dung, nhưng tâm hồn Ngài thường ưu tư về những nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết của cuộc đời. Ngài đã tận mắt chứng kiến những nỗi khổ đó khi theo Vua Cha dự lễ cày ruộng đầu năm, hoặc khi dạo chơi ngoài kinh thành với người hầu cận Xa Nặc. Năm lên 9 tuổi, Ngài tình cờ ngồi trên một mình, theo dõi hơi thở trong tĩnh lặng, nhẹ nhàng, an lành dưới cây hồng táo, không để ý gì đến cảnh vui đùa náo nhiệt trong lễ hội cày ruộng đầu năm của vương quốc. Chính **kinh nghiệm thiền định này giúp Ngài giác ngộ về sau.** (Trung Bộ, T. 1, Đại Kinh Saccaka, tr. 539).

Nhằm giữ chân Thái Tử với sứ mệnh kế vương, năm lên 16 tuổi, Vua Tịnh Phạn sắp đặt cho Ngài cưới vợ là Công Chúa Gia Du Đà La tài sắc vẹn toàn, đồng thời cung ứng một cuộc sống thật xa hoa lộng lẫy. Nhưng đến năm 29 tuổi, sau khi



con trai La Hầu La ra đời, Ngài đã từ bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan để băng rừng vượt suối xuất gia tìm đạo giải thoát cho chúng sanh.

Lúc đầu, Ngài tìm học và tu tập tại các chúng hội với những đạo sĩ nổi tiếng như Alara Kalama và Uddaka Ramaputta. Sau một thời gian ngắn tu tập, Ngài đạt được định Vô sở hữu xứ, rồi sau đó đạt đến tầng thiền định cao nhất của yoga là Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhưng Ngài thấy các kết quả đó không giúp Ngài giác ngộ nên đã từ bỏ. Trong Kinh Thánh Cầu số 26, Ngài kể: *“Pháp này không hướng đến yếm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết Bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy, này các Tỳ Kheo, ta không tôn kính pháp ấy và từ bỏ pháp ấy, ta bỏ đi”*. (Sđd., tr. 372).

Rồi Ngài chuyển qua tu khổ hạnh cùng 5 đạo sĩ nhóm Kiều Trần Như. Ngài sống ép xác, ăn mỗi ngày một hột mè hay nhện ăn nhiều ngày, sống dơ bẩn nhiều năm không tắm, sống một mình trong những khu rừng rậm kinh hoàng, thường nằm trên gai hay trên mặt đất, phơi nắng giữa trời vào các tháng hè nóng bức, ngủ giữa trời giá lạnh, tuyết rơi vào mùa đông. Ngoài ra, Ngài còn tập nín thở, vừa nghiêng răng vừa ép lưỡi sát trên nóc họng để đè bẹp những tâm bất thiện, ham muốn, đòi hỏi các thứ dục lạc. (Trung Bộ, T. 1, Đại Kinh Saccaka). Sau gần 6 năm nỗ lực khổ hạnh, thân hình chỉ còn da bọc xương cho đến kiệt sức, Ngài ngất xỉu. Duyên lành có cô Sujata dâng bát sữa giúp Ngài tỉnh lại. Dù sao, thời gian tu khổ hạnh cũng giúp Ngài đạt được những kết quả cụ thể: (1) Thân tâm hoàn toàn trong sạch và rất vững chắc. (2) Những tình cảm quá khứ không còn len lỏi gợn lên trong tâm. (3) Những ma chướng như tự cao, bất mãn, ái dục, đói khát, cực khổ, hôn trầm, dã dượi, sợ hãi, hoài nghi... không còn quấy nhiễu tâm trí. (4) Siêng năng tu tập thiền định. (HT. Thông Triệt, Tiến Trình Tu Chứng Và Thành Đạo Của Đức Phật).

Trong cơn bế tắc cùng cực của mọi cách tu luyện, Ngài nhận ra lối tu Trung Đạo, không lợi dưỡng phóng túng mà cũng không ép xác, đì tâm, không kẹt vào tư tưởng cực đoan trên hai mặt của một vấn đề, không dính mắc vào một bên nào cả. Ngài khát thực ăn uống trở lại để có sức khỏe, đồng thời **nhớ lại và thực hành thiền theo cách thờ mà Ngài đã có kinh nghiệm khi còn 9 tuổi**. Năm người bạn

đồng tu khổ hạnh cho rằng Ngài đã thôi chí nên bỏ đi nơi khác.

Cách thờ do Ngài tự tìm thấy gọi là **“lặng biết”** (sati-samadhi) rất hiệu quả: không còn vọng tưởng, mà chỉ là một dòng biết lặng lẽ về sự vào ra của hơi thở hoặc bất cứ đối tượng nào; **chỉ có cái biết mà không có người biết**, tức là cái biết như thật (awareness-as-it-is). Ngài biết rõ những hỷ lạc toàn thân qua các tầng thiền định nhưng không dính mắc. Rồi tâm của Ngài hoàn toàn *“định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh”*. (Trung Bộ, T. 1, Đại Kinh Saccaka, tr. 541).

Thanh thân chìm sâu vào đại định, cuối cùng Phật tánh nơi Ngài bừng sáng, kiến giải rõ ràng những bế tắc trong quá trình tu tập trước đây. Ngài chứng Tam Minh: (1) Túc Mạng Minh: nhớ rõ chi tiết vô lượng kiếp trước của mình. (2) Thiên Nhãn Minh: thấy rõ chúng sanh chết từ kiếp này, tái sanh vào kiếp khác do hành nghiệp của họ. (3) Lậu Tận Minh: biết như thật về khổ, nguyên nhân và cách diệt khổ; biết như thật về lậu hoặc, nguyên nhân và cách trừ lậu hoặc. Ngài biết là đã thoát khỏi tất cả lậu hoặc. Ngài biết: *“Ta đã giải thoát”*. Ngài biết: *“Sanh đã diệt, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa”*. (Sđd., tr. 543). Lúc ấy Ngài 35 tuổi.

Sau khi giác ngộ, Ngài còn quanh quẩn nơi cội Bồ Đề thêm 7 tuần nữa để chiêm nghiệm lại các Pháp mà Ngài vừa thành tựu. Trong đó có Lý Duyên Khởi được xem là mấu chốt của sự thành đạo: *“Cái này có nên cái kia có. Cái này sanh nên cái kia sanh. Cái này không nên cái kia không. Cái này diệt nên cái kia diệt”*.

Từ đó, Ngài đi chân trần quanh vùng Bắc và Đông Bắc Ấn Độ để giảng dạy đạo Giác Ngộ sự thật, Giải Thoát sinh tử luân hồi. Trước tiên, Ngài định hóa độ cho hai vị Thầy cũ nhưng được biết hai vị đã từ trần. Ngài đến Vườn Lộc Uyển tại Benares giảng Pháp cho 5 người bạn cùng tu khổ hạnh trước đây. Vậy là Ngôi Tam Bảo tại thế gian đã được hình thành, trong đó Phật là Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, Pháp là bài Tứ Diệu Đế, Tăng là Kondanna (Kiều Trần Như), Bhadraka (Bạt Đề), Vappa (Thập Lịch Ca Diếp), Mahanama (Ma Ha Nam), Asvajit (Mã Thắng).

Ngài hóa độ vô số đệ tử không phân chia giai cấp xã hội, vua quan, dân chúng, nam nữ, già trẻ, giàu nghèo, trí thức, bình dân, chủng tộc hay quốc độ. Lời dạy của Ngài đi từ dễ đến khó, từ thấp tới cao, phù hợp với căn cơ từng người nên ai

cũng có thể đi vào Chánh Pháp được. Từ các bài Pháp căn bản như Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo, Ngài dẫn dắt đệ tử tiến dần lên các thực hành về vô ngã, vô thường, Niết Bàn, tánh không. Lý Duyên Khởi cho thấy các pháp nương vào nhau mà sanh, thành, hoại, diệt nên **không có nguyên nhân đầu tiên nào tạo ra vũ trụ**. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, mỗi chúng sanh phải chịu trách nhiệm về vận mệnh của mình. Và, Giác Ngộ, Giải Thoát, Niết Bàn có ngay tại đây và bây giờ. Kinh Kim Cang dạy: Như Lai và các bậc Giác Ngộ khác *“không từ đâu đến và cũng không đi về đâu”*. (HT. Thích Thiện Hoa, Phật Học Phổ Thông, Q. 3, tr. 599).

Tăng Đoàn của Ngài có những người trước đây thuộc giai cấp hạ tiện, có cả người nữ xuất gia. Có đến 1250 Tăng, Ni chứng quả A La Hán, nhiều nam nữ cư sĩ đắc Thánh quả và vô số người nếm được hương vị an vui, giải thoát. Sau 45 năm hoàng Pháp độ sanh, Đức Phật nhập Vô Dư Y Niết Bàn lúc 80 tuổi tại Kusinara. Lịch Phật giáo bắt đầu từ ngày này, cách đây 2565 năm (2021). Như vậy Ngài đản sanh cách đây  $2565 + 80 = 2645$  năm, trước dương lịch  $2645 - 2021 = 624$  năm. (HT. Thích Chơn Thiện, Phật Học Khái Luận, tr. 13).

Năm 249 trước dương lịch, Vua A Dục đến thăm nơi Đức Phật đản sanh, đã cho xây dựng một cột trụ bằng đá, khắc chữ: *“Hai mươi năm sau khi đăng quang, Thiên tử, vua Piyadasi đã viếng thăm và lễ bái nơi này bởi vì đây là nơi Đức Phật Thích Ca, Bậc Giác Ngộ đã ra đời. Thiên tử đã cho xây một tường đá bao bọc xung quanh và dựng một thạch trụ. Và vì Đức Thế Tôn đản sanh ở đây, làng Lumbini được miễn thuế và chỉ đóng một phần tám nông sản”*. (HT. Hộ Giác, Đại Đế Asoka, tr. 282). Về sau, Lâm Tỳ Ni đã bị bỏ quên trong nhiều thế kỷ. Mãi đến năm 1895, trụ đá vua A Dục mới được nhà khảo cổ người Đức Feuhrer tìm thấy. Các nhà nghiên cứu Tây phương gọi trụ đá này là Bản Khai Sanh của Đức Phật.

Trong phiên họp khoáng đại ngày 15/12/1999, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã thông qua Nghị Quyết số 54/115, *“Công nhận quốc tế về ngày Lễ Vesak tại Trụ Sở Liên Hiệp Quốc và các văn phòng liên hệ”*. Lễ Vesak kỷ niệm ngày Đản Sanh, Thành Đạo và Nhập Niết Bàn của Đức Phật vào ngày Trăng Tròn tháng 5 dương lịch. Lễ Vesak của Liên Hiệp Quốc cũng để tôn vinh đạo Phật là đạo Hòa Bình nhất thế giới. (<https://undocs.org/en/A/54/L.59>).

Nhà khoa học thiên tài Albert Einstein nhận xét: *“Tôn giáo của tương lai sẽ là*

*một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lĩnh vực trên trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó*". (Collected famous quotes from Albert Einstein).

- **Niết Bàn.** “Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây gọi là Niết Bàn”. Con đường đưa đến chứng đắc Niết Bàn là Bát Chánh Đạo: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. (Tương Ưng Bộ, T. 4, Kinh Tương Ưng Jambukhadaka, tr. 404).

- **Lậu hoặc** (Asrava, Skt; Asava, P). Lậu là rỉ chảy ra bên ngoài. Lậu hoặc là tên gọi khác của phiền não hay tập khí. Phiền não là những lo, buồn, sầu, khổ, oan nghiệt, tham, sân, si, sanh, già, bệnh, chết làm tán loạn thân tâm. Chúng sanh do mê lầm nên từ lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiết ra những lỗi lầm làm ô nhiễm chung quanh và lưu chuyển mãi trong sinh tử luân hồi.

- Có ba lậu hoặc: **(1) Dục lậu:** ham dâm và ăn uống (cõi Dục). **(2) Hữu lậu:** dính mắc vào hình tướng (cõi Sắc), hoặc tinh thần (cõi Vô Sắc). **(3) Vô minh lậu:** mê lầm gây nên phiền não trong ba cõi. Trong Kinh Tất Cả Lậu Hoặc, Đức Phật dạy 7 cách đoạn trừ lậu hoặc là tri kiến, phòng hộ, thọ dụng, kham nhẫn, tránh né, trừ diệt, tu tập. “*Một con sông nước trong suốt như pha lê và một dòng chảy đều đặn không bao giờ để lắng chút cạn bã nào. Cố chấp không thể tìm được chỗ đặt chân trong cái dòng tuệ thể nhập và năng động của siêu thế này*”. (Đoạn Trừ Lậu Hoặc, Tỳ Kheo Pháp Thông dịch, tr. 78).

- **Tam Bảo:** ba ngôi báu. **Phật:** Đức Phật Thích Ca Mâu Ni . **Pháp:** lời dạy của Đức Phật được chép thành 3 tạng là Kinh – lời dạy của Đức Phật; Luật – Giới do Phật nêu ra để giúp hành giả thức liễm thân tâm; Luận – giải thích lời Phật dạy. **Tăng:** tập thể chư Tăng và chư Ni.

- **Nam mô** (Namah, Skt; Namo, P). Có 6 nghĩa: Quay về nương tựa. Gởi thân mạng của mình. Kính ngưỡng. Kính lễ. Xin Đức Phật cứu độ cho con. Xin Đức Phật đưa con từ chỗ sai lầm đến chỗ giải thoát.

- **Cõi Ta Bà** là nơi giáo hóa của Đức Phật Thích Ca.

**2-3. Bồ Tát.** Người đã giác ngộ giải thoát nhưng nguyện đi vào cuộc đời cứu

độ chúng sanh, tức là Bồ Tát đạo.

- **Quán Thế Âm:** Lắng nghe tiếng kêu than của chúng sanh. Theo Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni (HT. Thích Thiên Tâm, 1997, tr. 211 của ấn bản này), vô lượng kiếp về trước Ngài đã thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Vì lòng thương chúng sanh, vì làm gương cho các vị Bồ Tát khác nên Ngài hiện thân qua hình tướng Bồ Tát, nhưng không lúc nào Ngài rời Niết Bàn.

- **Không rời Niết Bàn.** Trong tác phẩm *My Land and My People*, Đức Dalai Lama nói về việc trở lại cuộc đời của chư Phật một cách giản dị: *“Các vị Phật tái sanh chỉ để cứu giúp người vì tự thân các Ngài đã đạt được quả vị thực chứng cao nhất... Sự tái sanh xảy ra khi có đủ cơ duyên và không có nghĩa là các Ngài rời khỏi trạng thái Niết Bàn. Để hình dung, có thể nghĩ đến bóng trăng trên mặt hồ. Trăng vẫn là trăng trong vận hành bất tuyệt của nó trên bầu trời nhưng người ta chỉ thấy bóng trăng khi mặt hồ phẳng lặng, khi có điều kiện thích hợp; và bóng trăng có thể được thấy nhiều nơi trong cùng một khoảnh khắc. Tương tự như thế, một vị Phật có thể đồng thời ứng thân thị hiện trong nhiều thân xác khác nhau”*. (Hài Đồng Lạt Ma, Long Khách dịch, tr. 204).

- **Đức Dalai Lama hé lộ:** *“Sự tái sanh của riêng tôi là nhất định, nhưng người ta có nhận ra vị Dalai Lama kế tiếp hay không là tùy vào cơ duyên”*. Như vậy, chư Thánh Tăng, Bồ Tát Quán Thế Âm hay chư Bồ Tát, chư Phật vẫn có mặt khắp nơi, bất cứ lúc nào, nhưng cảm ứng được hay không là do tâm đức mỗi người. (Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm Bồ Tát, Nguyễn Thành ghi chép, 2016, tr. 250).

- **10 Đức Hiệu** chư Phật đều có: (1) Như Lai (Tathagata, Skt, P): không từ đâu đến, không đi về đâu. (2) Ứng Cúng: đáng được cúng dường. (3) Chánh Biến Tri: biết đúng tất cả mọi sự vật, hiện tượng. (4) Minh Hạnh Túc: đủ trí tuệ và đức hạnh. (5) Thiện Thệ: vào đời độ sanh mà không hệ lụy. (6) Thế Gian Giải: thấu hiểu thế giới. (7) Vô Thượng Sĩ: không ai hơn. (8) Điều Ngự Trượng Phu: điều phục người hiền kẻ ác về Chánh Pháp. (9) Thiên Nhân Sư: Thầy dạy khắp trời, người. (10) Phật Thế Tôn: Bạc Giác Ngộ được thế gian tôn kính.

**4. Đương lai bổ xứ:** Bồ Tát Quán Thế Âm được Đức Phật Bảo Tạng thọ ký sẽ thành Phật tiếp nối Đức Phật A Di Đà nơi cõi Tây Phương Cực Lạc. (Kinh Bi Hoa, tr. 197). Theo lời Đức Phật Thích Ca, từ Ấn Độ hướng về phía Tây trải qua

10 muôn ức cõi Phật, có thể giới tên là “Cực Lạc”, Đức Phật A Di Đà hiện đang nói Pháp. Danh hiệu A Di Đà có nghĩa là Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ. Thế giới đó thành tựu do 48 Đại Nguyện của Đức Phật A Di Đà nên đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm thanh tịnh.

- Bất cứ ai phát nguyện (1) niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” đạt đến nhất tâm bất loạn, và (2) thành tựu vô lượng phước đức nhân duyên, đều được vãng sanh về đó, có thuận duyên dễ tu tập đến giác ngộ. Nhờ dễ hiểu, dễ áp dụng nên Pháp môn niệm Phật được thực hành nhiều nhất trong Phật Giáo Đại Thừa. (Chú Giải Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, Hoàng Niệm Tổ chú giải).

**5-7. Tâm Chú Đại Bi:** một trong những chân ngôn thường được trì tụng và hiệu nghiệm nhất của nhà Phật, do Bồ Tát Quán Thế Âm nói ra. Vô lượng kiếp trước, Bồ Tát có duyên lành gặp Đức Phật Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ mà được. Ngài phát nguyện nếu đời vị lai có thể làm lợi ích an vui cho chúng sanh với Tâm Chú này thì thân Ngài liền sanh ra ngàn tay ngàn mắt. Phát nguyện rồi thì ngàn tay, ngàn mắt liền hiện đủ. (Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, tr. 198 ấn bản này).

- **Đà La Ni** (Dhàrani). Còn gọi là chú, có công năng phá tà lập chánh, tiêu trừ nghiệp ác, phát sanh phước đức căn lành. Có 4 thứ: (1) Văn Đà La Ni: nghe Phật Pháp liền giữ gìn không quên. (2) Nghĩa Đà La Ni: nghĩa của các Pháp nhớ lấy tất cả. (3) Chú Đà La Ni: nhớ tất cả các chú của Phật, Bồ Tát. (4) Nhẫn Đà La Ni: đối với thực tướng các pháp phải nhẫn nhục, an trụ cho thân tâm khỏi xao động. (Từ Điển Phật Học Hán Việt, tr. 340).

- **Chúng sanh** là tất cả các sinh vật, trong đó có loài người. Tùy theo **ngiệp lực** đã gây tạo trong quá khứ mà mỗi chúng sanh có mặt trong cuộc đời này qua 3 đường lành là trời, người, a tu la, hoặc qua 3 đường dữ là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, gọi chung là **lục đạo**. Chúng sanh đi lên đi xuống mãi trong lục đạo qua mỗi lần sanh rồi tử, tử rồi sanh, gọi là **luân hồi**. Vòng luân hồi chỉ có thể cắt đứt (**giải thoát**) khi chúng sanh thấy biết như thật (**Giác Ngộ**).

**8. Tám vạn bốn ngàn** (84.000): một số lượng vô cùng lớn tại Ấn Độ.

**9-13.** Bồ Tát Quán Thế Âm đã chứng **“Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội”** nên Ngài có thể hiện ra nhiều thân, nhiều đầu, nhiều tay, nhiều vật báu trên tay,



hoặc các hình tướng khác nhau tùy theo căn cơ chúng sanh để cứu giúp. (Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận, HT. Thích Quảng Độ dịch, tr. 300).

- Chẳng hạn: Hoa sen trắng biểu hiện tâm linh trong sạch. Hoa sen đỏ: lòng từ bi. Hoa sen xanh: trí tuệ hóa giải phiền não. Chày kim cương: kiên cố. Cái chuông nhỏ: tỉnh thức về đạo giác ngộ. Đoàn kiếm: chặt đứt ngu si. Cây đinh ba: chân lý chế ngự vô minh. Cái rìu: mở đường đến tri thức. Cung và tên: định tâm. Bình đựng nước: cam lồ của Bồ Tát. Cây tích trượng: tượng trưng Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên. Cái sọ người: vô thường. Cây phát trần: theo lời Phật. Ốc tù và: truyền pháp âm của Phật. Cái gương: chơn không. Sợi dây: hướng về Phật đạo. Cái khiên: chống đỡ cám dỗ của tà ma. Bảo tháp: biểu hiện Pháp thân Phật. (Trần Thanh Lý, Lịch Sử Phật Giáo Qua Tem Bưu Chính, tr. 60).

**14. Quán Thế Âm 4 tay**, Chenrezig, là vị Phật quan trọng nhất, là vị thần hộ mạng của người Tây Tạng. Bốn tay tượng trưng Tứ Vô Lượng Tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Đức Phật sống Dalai Lama được tin tưởng là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát dạy chơn ngôn 6 âm tiết Om Mani Padme Hum có nghĩa là *“Quán Thế Âm như vùng trăng, với ánh sáng mát dịu dập tắt những thiêu đốt của sinh tử. Trong ánh sáng ấy, đóa sen từ bi mở ra những cánh trắng tinh khôi”*. Sáu âm thanh này tịnh hóa 6 phiền não gốc gây ra những ác nghiệp của thân, miệng, ý là kiêu mạn, ganh tị, dục vọng, ngu si, thèm khát và giận dữ. Đồng thời giúp hoàn thành 6 ba la mật là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ.

Thần chú này cũng có năng lực hộ trì rất lớn, che chở khỏi những ảnh hưởng xấu và các thứ tật bệnh. Vị Phật của lòng từ bi mẫn đã ăn sâu vào tiềm thức người Tây Tạng tới nỗi một hài nhi vừa biết nói tiếng “Mẹ”, là đã biết đọc thần chú này. Bồ Tát Quán Thế Âm đã phát nguyện: *“Con nguyện không thành Chánh Giác khi tất cả chúng sanh chưa thành”*. (Tạng Thư Sống Chết, NT. Trí Hải dịch, tr. 525-527).

**15. Chuyển Luân Thánh Vương**. *“Vị Quốc Vương chỉ cai trị bằng Chánh Pháp. Ngài có 32 tướng tốt như Đức Phật”*. (Hợp Tuyển Lời Phật Dạy Từ Kinh Tạng Pali, Nguyễn Nhật Trần Như Mai dịch, tr. 172).

**16-17.** Xem câu 8-13.

**18. Thiện Tài đồng tử**. Ngài có tên như vậy vì khi sanh ra, vô số báu vật đột nhiên xuất hiện trong nhà cha mẹ. Để tìm cầu giác ngộ, Ngài đã đến học hỏi với



53 bậc Thánh, cuối cùng Ngài cũng thành Phật. (Kinh Hoa Nghiêm, T. 4, tr. 320).

**19. Tỳ Câu Chi.** Một trong 37 tôn vị của Viện Quán Âm trong đàn tràng Mạn Đà La 414 vị Phật, Bồ Tát. (Từ Điển Phật Học Hán Việt, tr. 1177).

**20-21. Mã Đầu, A Gia Yết Lị Bà.** Ngài hiện thân tướng giận dữ để nhiếp hóa súc sanh và nga quỷ. (Từ Điển Phật Học Huệ Quang, T. 3, tr. 2639).

**22. Pháp** (không viết hoa). (1) sự kiện, hiện tượng; (2) phẩm chất tinh thần; (3) giáo lý; (4) các nguyên tắc mà con người phải tuân theo để phù hợp với trật tự của sự vật; (5) đối tượng của tâm trí.

- **Pháp** (viết hoa) là lời dạy của Đức Phật hoặc các quả vị giác ngộ.

**23. Y bằng lá sen.** (Từ Điển Phật Học Hán Việt, tr. 1177).

**24-28.** Ngoài Chú Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm, Bồ Tát Quán Thế Âm còn nói nhiều Chú khác: Như Ý Bảo Luân Vương Đà La Ni; Phá Ác Nghiệp Chướng Tiêu Phục Độc Hại; Phá Nhất Thiết Nghiệp Chướng; Ma Ha Ba Đầu Ma Chiên Đàn Ma Ni Tâm Luân; Như Ý Ma Ni; Như Ý Luân.

- **Ba chướng:** (1) Phiền não chướng, gây ra vì tham, sân, si. (2) Nghiệp chướng, gây ra vì ác nghiệp đã làm. (3) Báo chướng, gây ra từ quả báo. Ngoài ra, ngã mạn, tật đố, tham dục cũng là nguyên nhân tạo ra ba chướng.

**29-31. Cốt lõi của Tâm Chú Đại Bi** là 10 Tâm thù thắng, thể hiện tiến trình tu tập từ sơ phát Bồ Đề tâm cho đến quả vị Giác Ngộ. Từ bản thể Từ Bi Tâm, muốn cứu khổ độ sanh thì phải có các đức Bình Đẳng, Cung Kính, Khiêm Nhượng, Không Quán, Vô Kiến Thủ, nhưng Vô Nhiễm với mọi dư luận thị phi. Nhờ Vô Nhiễm mới dễ đạt đến Vô Tạp Loạn Tâm, tức là Chánh Định. Định càng lắng sâu, trí tuệ càng tỏa sáng, tham sân si dứt sạch nên chứng đắc Niết Bàn hay Vô Vi Tâm, Vô Thượng Bồ Đề Tâm. Thực hành Tâm Chú Đại Bi là chuyển 16 lời nguyện và 10 Tâm thù thắng thành hành động cụ thể vào cuộc sống hằng ngày. Nhờ vậy mà nội lực hành giả sung mãn, chuyển hóa cuộc sống thì không việc gì chẳng thành.

**32. Sinh khố.** Kinh Báo Ân Cha Mẹ dạy: *“Từ mẫu mang thai trong 10 tháng tròn đứng ngồi không yên, như gánh gánh nặng, ăn uống không xuống, như bệnh lâu ngày. Khi đủ ngày tháng sắp sửa sanh con thì đủ khổ sở, khiếp sợ tử thần, tánh*

*mạng mong manh. Như vật bị hại, huyết chảy tràn đất: mẹ khổ đến thế mới sanh ra ta. Sanh rồi nuốt đắng nhỏ ngọt, bông ăm nuôi nắng, không kể mệt nhọc, chịu nắng chịu mưa, không từ cay đắng. Chỗ khô con nằm chỗ ướt mẹ lăn. Suốt trong ba năm nhờ huyết sữa mẹ mới thành đứa bé. Đến khi khôn lớn lo việc giáo dục, lo việc hôn nhân, kinh doanh sản nghiệp, tận tụy lao lung, khổ nhọc suốt đời không kể công khó. Con cái tật bệnh, cha mẹ bệnh theo, bệnh con nếu hết, cha mẹ mới lành".* Với niềm chí thành "Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh của Phật", ngày Vu Lan năm 1963, Hòa Thượng Thích Quảng Độ thành kính viết:

### **Dâng Mẹ** (Văn Hóa Phật Giáo, Trang Thơ)

<i>Bao năm rồi con lưu lạc ngàn phương</i>	<i>Con nhớ mẹ suốt canh trường khắc khoải</i>
<i>Ơn dưỡng dục mẹ ôi! Sao xiết kể</i>	<i>Công sanh thành con nghĩ: quặn lòng đau.</i>
<i>Gốc mai già xơ xác đã từ lâu</i>	<i>Chơ vơ đứng giữa đường đời gió lộng.</i>
<i>Dòng sông chảy: ấy đời con trong mộng</i>	<i>Lững lờ trôi..., trôi mãi đến bao giờ?</i>
<i>Một chiều thu lạnh dâng bát cơm đầy</i>	<i>Tình nghĩa ấy, mẹ ôi! bao thấm thía.</i>
<i>Có những đêm con chiêm thiếp trong mơ</i>	<i>Con mơ thấy hồn con về thăm mẹ.</i>
<i>Được ấp ủ trong tình thương của mẹ</i>	<i>Mảnh hồn con ấm dịu biết bao nhiêu?</i>
<i>Bốn phương trời con tìm kiếm đã nhiều</i>	<i>Nhưng không có một tình yêu của mẹ.</i>
<i>Vu Lan đến cõi lòng con quạnh quẽ</i>	<i>Bóng người xưa như phảng phất đâu đây.</i>
<i>Phương trời này con ngậm ngùi rơi lệ</i>	<i>Đức cù lao muôn một trả chưa xong.</i>

**33-34. Từ** là cho vui, **Bi** là cứu khổ.

**35. Địa ngục** là cảnh giới thọ khổ của chúng sanh chiêu cảm với ác nghiệp đã tạo như 5 tội nặng, 10 việc ác. Tùy ác nghiệp của chúng sanh mà địa ngục có tên gọi khác nhau. "*Khi sạch nghiệp dữ thì địa ngục tự hết*". (Phổ Môn Phẩm, HT. Tuyên Hóa giảng, tr. 212).

**36-41. Hiện âm thanh, sắc tướng, lợi lạc.** (Kinh Hoa Nghiêm, T. 4, tr. 317).

**42.** Năm tội nặng: Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng Ni, làm thân Phật chảy máu hoặc phá hủy tượng Phật. Muốn tiêu trừ tội lỗi cần phải thành tâm sám hối. **Sám** (ksama, Skt): cầu xin người khác tha thứ tội lỗi cho mình; **hối**: hối hận tội đã làm. Kinh Đại Tập dạy: "*Giống chiếc áo bẩn hàng trăm năm có thể giặt sạch trong một ngày*", những nghiệp ác tích tụ hàng trăm nghìn kiếp, nhờ sức Phật mà sự tư duy thuận tiện, có thể tiêu sạch trong một ngày, một phút. (Lê Mạnh

Thát, Toàn Tập Trần Thái Tông, tr. 415).

- **Lương Hoàng Sâm** (HT. Thích Trí Quang dịch, T. 1, tr. 30) dạy: để sám hối có hiệu quả thì trước tiên đại chúng phải lập tâm chí vĩ đại. Một là nguyện giáo hóa tất cả 6 đường, tâm không giới hạn. Hai là nguyện báo đáp ân đức từ bi, việc không giới hạn. Ba là nguyện đem năng lực thiện hạnh này làm cho mọi người: (1) không phá hủy giới luật của Phật; (2) không khinh dễ các bậc tôn trưởng; (3) không tức giận chỗ mình sinh sống; (4) không đố kỵ sắc tướng kẻ khác; (5) không tiếc lẫn tài sản; (6) thực hành bất cứ phước đức gì không vì mình mà vì tất cả những kẻ không ai che chở; (7) không vì bản thân mà thi hành 4 hạnh nhiếp hóa; (8) biết cứu giúp và đem yên vui cho những kẻ cô độc, tù đày, bệnh khổ; (9) chiết phục những kẻ đáng chiết phục; nhiếp hóa những kẻ đáng nhiếp hóa; (10) sanh ra ở cảnh ngộ nào cũng tự nhớ mà phát Bồ Đề tâm và làm cho tâm chí ấy liên tục.

**43-50. Chữa bệnh:** Bồ Tát Quán Thế Âm hiện thân Dược Sư để giúp chữa bệnh cho mọi người. Tuy nhiên, Ngài chú ý đến nguyên nhân gây bệnh hơn là hậu quả. Trước hết, Ngài dạy mọi người thanh tịnh thân, miệng, ý thì hết bệnh, hết hoạn vì *“Bệnh do miệng mà vào, họa do miệng mà ra”*. Về thân, họ cần giữ vệ sinh chung, tập thể dục, tập thiền. Về miệng, nên ăn uống điều độ, không uống rượu, bia, không hút thuốc, cần sa, ma túy. Nấu thức ăn ít dầu, ít đường, ít muối, ít bột ngọt. Rau, trái cây, hạt, củ và nấm tốt cho sức khỏe hơn thịt và cá về lâu dài. Tốt nhất là ăn chay; tuy nhiên, hạn chế các món chay giả mặn vì nhiều hóa chất. Ngoài ra, người thực tập nên nói lời chân thực, dễ thương. Về ý, không nên xem, nghe hoặc đọc sách, báo, phim, hình ảnh đầy bạo lực, khiêu dâm, âm nhạc kích động. Quan trọng nhất là giảm dần tham, sân, si.

- **Thông điệp Vesak 2020 Của Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc:** Đại gia đình hơn bảy tỷ người đang sinh sống trên hành tinh này phải chịu tác động của đại dịch Covid-19 đầy hiểm ác. Chúng ta được nhắc đến vị Trưởng Lão Cư Sĩ Bồ Tát Duy Ma Cật nói rằng: *“Từ vô minh và khát ái, bệnh tôi nảy sanh. Vì chúng sanh bệnh nên tôi bệnh. Nếu chúng sanh được hết bệnh, thì bệnh tôi lành mạnh. Tại sao như thế? Bồ Tát vì chúng sanh mà vào sinh tử, có sinh tử thời có bệnh. Nếu chúng sanh liả thoát khỏi bệnh, ắt Bồ Tát không còn bệnh nữa”*. (UN Secretary-General).

- **Thống kê dịch bệnh Virus Covid-19** đến ngày 27/05/2021, trên thế giới có 220 quốc gia và vùng lãnh thổ bị ảnh hưởng, 169.423.590 người mắc bệnh,

3.519.190 bệnh nhân tử vong. Riêng tại Hoa Kỳ 33.979.171 người mắc bệnh, 606.398 bệnh nhân tử vong. (<https://www.worldometers.info/coronavirus/>).

**51-53. Bát Chánh Đạo** là con đường dứt sạch mọi khổ đau nên dễ dàng chuyển hóa mọi nghiệp ác. Nhờ vậy người tu tập có thể tránh thiên tai, nhân họa và 9 cái chết oan trái: Bệnh tuy nhẹ nhưng không được chữa trị đúng thuốc. Bị phép Vua giết. Đam mê tửu sắc, săn bắn. Chết cháy. Chết trôi. Thú dữ làm hại. Rớt xuống núi. Thuốc độc, bùa mê, trừ ếm. Đói khát. (Kinh Dược Sư, tr. 54).

- **Thuần hóa hổ.** Thành lập năm 1994, Wat Pa Luangta Bua, Thái Lan, nổi danh là Chùa Cọp. Các nhà Sư thuần dưỡng cọp bằng tay không. Cọp được nuôi bằng thịt gà, thịt bò nấu chín. Do được nấu chín nên cọp không còn nhận được mùi tanh của máu tươi. Đồng thời, nhờ các Sư nuôi từ nhỏ nên chúng gần bó, thân thiện với con người, quen với việc khách đến tham quan và dễ dàng chấp nhận chụp ảnh kỷ niệm. (Tiger Temple).



**54-55. Chuyển hóa giận hờn, oan trái.** Đức Phật dạy Rahula: Con hãy tu tập lòng Từ để đối trị giận hờn, đem lại niềm vui cho kẻ khác. Con hãy tu tập lòng Bi để đối trị tàn ác, làm vơi đi sự khổ đau. Từ và Bi là thứ tình thương không có điều kiện và không chờ đợi sự đền trả. Con lại phải tu tập lòng Hỷ để đối trị ganh ghét, vui theo cái vui của người khác và niềm ước ao làm sao cho kẻ khác được an vui. Con lại nên tu tập lòng Xả để đối trị kỳ thị và vướng mắc. Lòng Xả là tâm niệm thanh thoát và cởi mở khi biết mình và người không phải là hai thực thể riêng biệt. Từ, Bi, Hỷ và Xả là bốn tâm tư lớn, rộng rãi không có bờ bến và cũng đẹp đẽ không cùng. Tu tập phép này thì mình trở nên một nguồn suối mát đem lại sinh lực và niềm vui cho vũ trụ. (HT. Thích Nhất Hạnh, Đường Xưa Mây Trắng, tr. 318).

**56-58. Trừ tam tai, ác mộng, thú dữ, tòa án.** Xem câu 51-53.

**59-60.** Đời nhà Lý, Thiền sư Tịnh Giới cấm túc tu hạnh đầu đà 6 năm, hàng long, phục hổ, cảm hóa như thần. (Lê Mạnh Thát, Nghiên Cứu Về Thiền Uyển Tập Anh, tr. 258).

**61. Hiện Cõi Cực Lạc.** Chúng sanh là cõi Phật của Bồ Tát. Bồ Tát muốn trang nghiêm quốc độ phải tu 3 tâm là Trục tâm (lòng ngay thật dịu hòa), Thâm tâm (lòng thương chan hòa cho chúng sanh), Bồ Đề tâm (trí tuệ sáng suốt). Rồi đem 3 tâm đó mà thực hành 6 Ba La Mật, 4 Vô Lượng Tâm, 4 Nhiếp Pháp, 37 Phẩm Trợ Đạo, 10 Điều Lành. Tâm Bồ Tát thanh tịnh như thế nào thì sự thanh tịnh quốc độ của Phật cũng như vậy. Lúc bấy giờ tâm Tôn giả Xá Lợi Phất không thấy thế giới Phật mà thấy đầy chông gai, hầm hố, trong khi Phạm Thiên thấy cõi này đẹp như cung trời Tha Hóa Tự Tại. Xá Lợi Phất sống với Phật mà không thấy thế giới an lành của Phật.

Vật chất thì ở đâu cũng giống nhau nhưng suy nghĩ và hành động mới quan trọng. Suy nghĩ và hành động theo Phật thì hình thành thế giới Phật, suy nghĩ và hành động khổ đau hình thành thế giới địa ngục. Chúng sanh do tội chướng, nên không thấy thế giới Như Lai thanh tịnh trang nghiêm. Khi ấy, Phật ấn ngón chân phải xuống đất, tức thì lầu cát hiện ra trăm ngàn trân bảo trang nghiêm rực rỡ, chúng sanh ngồi trên tòa sen báu. Đại chúng đều hoan hỷ tán thán. (HT. Thích Trí Quảng, Lược Giải Kinh Duy Ma, tr 31-32).

**62-67.** Chú Ma Ha Ba Đầu Ma Chiên Đàn Ma Ni Tâm Luân trong Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Bí Mật Tạng Như Ý Luân Đà La Ni. Thực hành Chú này có rất nhiều an lạc và lợi ích.

**Phóng sanh** là thực hành lòng từ bi và bình đẳng đối với chúng sanh. Chim, cá, rùa, gà, vịt hoặc các động vật khác, thay vì bị giết, bị mổ, bị cắt, hay bị hành hạ thì được mua và thả về những nơi an toàn, thích hợp với môi trường sinh sống của chúng. Để đánh thức tâm Bồ Đề của sinh vật, nên có lễ quy y Tam Bảo và sám hối nghiệp chướng trước khi phóng sanh. Nếu không thực hiện được thường xuyên thì cũng nên phóng sanh vào những ngày vía Phật để cầu an, giải trừ tai nạn, hoặc cầu siêu cho người quá cố. Phóng sanh để mừng sinh nhật quý bậc cao niên là rất có ý nghĩa. Ngoài ra, rất nên ủng hộ chương trình bảo vệ những

nơi cư trú an toàn, tự nhiên cho loài vật tại Hoa Kỳ và thế giới. (Coming Together For Conservation).

**68-75. Mười tướng mạo của Tâm Chú Đại Bi.** Bản Kinh này mới liệt kê 8, phần còn lại xin ghi vào Phần Bổ Sung. Xem “*Kính Lễ Mười Tâm Thủ Thắng Của Chú Đại Bi*” (Tr. 228 ấn bản này).

- **Bát nhã** (Prajnà, Skt): Trí tuệ. Kinh Bát Nhã: “*Bồ Tát Quán Tự Tại khi hành Bát Nhã Ba La Mật Đa sâu xa soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua mọi khổ ách*”. Bát nhã là loại trí tuệ siêu thiên ác, vô phân biệt, đã rũ sạch phiền não, rỗng lặng, không chút bận nhớ, trong suốt như hư không. Bát nhã phải do tu chứng mà tựu thành, không do cái học mà un đúc nên. Trí tuệ Bát nhã khác với trí khôn hay óc thông minh. Cái bộ óc thông minh ấy đối với Phật giáo được mệnh danh là thế trí biện thông, bao gồm cả tốt lẫn xấu. Tác dụng của nó thì thường là lành ít dữ nhiều, bởi lẽ trí ấy gắn liền với phiền não khổ đau. (Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, HT. Thích Trí Thủ dịch).

- **Khiêm nhường**: “*Con nguyện luôn hổ thẹn sám hối, chỉ xét lỗi mình không vạch lỗi người, chỉ nhìn cái hay không tìm điều dở, luôn nghĩ tất cả là Bồ Tát, chỉ mình là kẻ phàm phu*”. (Lời Khai Thị Của Ấn Quang Đại Sư).

**76-78. Ngàn tay ngàn mắt** tượng trưng từ bi và trí tuệ của Bồ Tát Quán Thế Âm. Ngài cứu giúp chúng sanh bằng 3 cách:

**(1) Giúp trực tiếp** (tài thí): đói khát thì cho thức ăn, nước uống; bệnh tật thì cho thuốc; mê loạn, ma nhập, oán thù nhiều kiếp thì dùng Phật Pháp mà cởi trói; bão lụt, động đất, thì cho nơi trú ẩn an toàn. Tài thí gồm nội tài và ngoại tài. Ngoại tài là tiền bạc, vật dụng thì có giới hạn, nhưng nội tài là khả năng của mỗi cá nhân thì vô cùng tận. Ví dụ: khả năng đọc, viết, vi tính, ngoại ngữ, bơi lội, lái xe... đều có thể giúp người khác một cách thiết thực. Hạnh bố thí nội tài quý báu nhất là tặng biếu các nội tạng như mắt, phổi, tim, gan, thận, hoặc tặng toàn thân cho nghiên cứu y học sau khi qua đời. Chương trình Donate Life California cho biết: “*Một người hiến tạng có thể cứu 8 mạng sống; một người hiến mô có thể cứu sống 50 người*”.

**(2) Giúp phương tiện tự vươn lên** (Pháp thí): Nỗi khổ của chúng sanh là vô cùng tận. Cho ăn uống xong lại đói khát tiếp, chữa lành bệnh này thì sinh tật khác, cho chỗ ở rồi cũng hư hỏng. Cho nên Bồ Tát tận tình dạy dỗ, khéo léo hướng dẫn



chúng sanh cách làm ra của cải vật chất nuôi sống bản thân, gia đình. Rồi Bồ Tát khuyến khích họ chia sẻ kinh nghiệm làm ăn đó cho người lân cận, nói theo ngôn ngữ Tây phương là “*cho cần câu để tự câu cá mà ăn*”. Một người nhân lên thành hai, hai nhân lên thành nhiều người khác theo cấp số nhân, thành ra, ai cũng có thể trở thành Bồ Tát nhỏ nhỏ để giúp cho người chung quanh, tức là trở thành cánh tay nối dài của Bồ Tát.

Nỗi khổ chúng sanh không phải chỉ là vật chất mà còn về tinh thần, tâm linh. Vì vậy Bồ Tát dạy cho họ cách áp dụng Phật Pháp vào đời sống hằng ngày, tùy căn cơ, hoàn cảnh, mỗi người mỗi khác. Đây chính là lời **nguyện thứ 11 của Đức Phật Dược Sư** khi còn thực hành Bồ Tát đạo: “*Nếu có chúng sanh nào bị đói khát hoành hành, đến nỗi vì tìm miếng ăn phải tạo các nghiệp dữ... thì trước hết Ta dùng các món ăn uống ngon lạ ban bố cho thân họ được no đủ, rồi sau đó Ta mới đem Pháp vị nhiệm màu kiến lập cho họ cái cảnh giới an lạc hoàn toàn*”. (Kinh Dược Sư, tr. 40).

**(3) Giúp hết sợ hãi** (vô úy thí). Người yếu kém thường có mặc cảm tự ti, không tin vào năng lực bản thân nên cái gì cũng lo sợ. Từ sợ không làm được việc, rồi sợ thất bại, sợ đám đông, hoặc sợ bóng đêm. Bồ Tát Quán Thế Âm chính là “*người*” cho chúng sanh cái dũng khí không sợ.

Trong 3 cách bố thí là tài thí, Pháp thí và vô úy thí thì Pháp thí là quan trọng nhất, vì giúp chúng sanh phương pháp để tự thoát khổ cả vật chất và tâm linh. Mọi sự cứu giúp về tài thí và vô úy thí của Bồ Tát chỉ là bước **cứu trợ khẩn cấp** ban đầu thôi, còn về lâu dài, mỗi người “*Hãy tự mình thấp lên ngọn đèn Pháp. Hãy nương tựa nơi Pháp của chính mình, chớ đừng thấp nơi khác làm ngọn, đừng nương tựa một pháp khác*”. (Trung A Hàm, T. 2, Kinh Chuyển Luân Vương, tr. 111).

**79-80.** Ngài điều phục thiên ma, quỷ thần không bằng bạo lực mà bằng tâm Đại Từ Bi. Theo lời chú thích Kinh Lăng Nghiêm, 200 năm sau Phật nhập diệt, Thiên Ma Ba Tuần đến quấy phá Thiền sư Ưu Bà Cúc Đa đang nhập định. Sau khi xuất định, Ngài dùng thần thông hàng phục được Thiên Ma Ba Tuần. Thiên Ma Ba Tuần hối ngộ, xin quy y Tam Bảo. (HT. Thích Thiện Hoa, Phật Học Phổ Thông, Q. 2, tr. 640).

**81. Ngoại tâm cầu Phật danh vi ngoại đạo** (Hoa Vô Ưu, tập 7). Đức Phật



dạy: *“Hãy sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình, này các Tỳ Kheo, hãy nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Hãy lấy Pháp làm hòn đảo, hãy lấy Pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác”*. (Tương Ưng Bộ, T. 3, Kinh Tự Mình Làm Hòn Đảo, tr. 83).

- Khi Vua Trần Thái Tông bỏ ngai vàng, tìm đến núi Yên Tử gặp Quốc Sư Viên Chứng cầu làm Phật, Quốc Sư khai thị: *“Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ có trong tâm. **Tâm vắng lặng mà biết**, đó gọi là **chân Phật**. Nay Bệ Hạ nếu ngộ được tâm ấy, thời tức khắc thành Phật, không phải nhọc công tìm đâu xa”*. (Khóa Hư Lục, HT. Thích Thanh Kiểm dịch, tr. 54).

- **Phật tánh**: tiềm năng giác ngộ nơi mỗi chúng sanh, không sanh không diệt. Đức Phật dạy: *“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”*. (Kinh Đại Bát Niết Bàn, tr. 267).

**82-84.** Niệm Bồ Tát Quán Thế Âm đưa tới sự hiểu biết, lòng thương yêu và tinh thần trách nhiệm, đối trị được tham, sân, si. *“Thế giới đương thời của chúng ta đang phôi bày vô số rối loạn và mất trật tự trong hầu hết các lãnh vực đời sống của mình, kể cả tôn giáo... Lời Phật dạy có thể giúp nhân loại vượt qua cuộc khủng hoảng nghiêm trọng hiện nay, và có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc thiết lập lại một thế giới an bình, hạnh phúc bằng việc dạy cho con người hiểu biết đúng đắn, suy nghĩ đúng đắn, và hành trì đúng đắn những điều Đức Phật dạy”*. (Viên Trí, Khái Niệm Về Bồ Tát Quán Thế Âm, tr. 47).

**85. Nhân quả.** Nhân là cái mầm; quả là cái hạt, cái trái do mầm ấy phát sinh. Nhân là năng lực phát động; quả là sự hình thành của năng lực phát động ấy. Nhân và quả là hai trạng thái tiếp nối nhau, tương quan mật thiết với nhau. Quy luật tương quan nhân quả chính là đạo lý **duyên sanh**. Đức Phật dạy: Trong mỗi giây phút của cuộc sống hàng ngày, các vị phải quán chiếu về tự tính duyên sanh của vạn pháp. Nhìn vào một ngọn lá hay một hạt mưa, các vị phải tập thấy cho được tất cả những điều kiện gần xa đã đưa tới sự có mặt của ngọn lá ấy hay của hạt mưa ấy. Sự sanh diệt của một pháp tùy thuộc vào sự sanh diệt của tất cả các pháp. Sự sanh diệt của tất cả các pháp tùy thuộc vào sự sanh diệt của một pháp. Trong cái một có cái tất cả, và trong cái tất cả có cái một. Cái một tức là cái tất cả, cái tất cả tức là cái một. Nếu quán sát cho thấu triệt tự tính của vạn pháp, các vị sẽ vượt thoát ra ngoài cái lo và cái khổ về sinh tử, tức là thoát ra được ngoài vòng

sinh tử. (HT. Thích Nhất Hạnh, Đường Xưa Mây Trắng, tr. 405).

**86-96. Huân tập hạt giống tốt :** Người trì tụng Tâm Chú Đại Bi là gieo 12 hạt giống tốt vào tạng thức (thức alaya, xem trang 269 ấn bản này). (1) Hạt giống Phật thân: được 99 ức hằng hà sa Đức Phật quý mến. (2) Hạt giống thân quang minh: ánh sáng của tất cả Như Lai chiếu đến. (3) Hạt giống từ bi: dùng Đà La Ni cứu độ chúng sanh. (4) Hạt giống diệu Pháp: nhiếp tất cả Đà La Ni. (5) Hạt giống thiên định: trăm ngàn tam muội đều hiện tiền. (6) Hạt giống hư không: dùng Trí Bát Nhã quán sát chúng sanh. (7) Hạt giống vô úy: trời, rồng, thiện thần hộ trì. (8) Hạt giống diệu ngữ: tiếng tụng chú tuôn ra bất tuyệt. (9) Hạt giống thường trụ: tam tai, ác kiếp không làm hoại. (10) Hạt giống giải thoát: thiên ma ngoại đạo không thể bức hại. (11) Hạt giống dược vương: dùng Đà La Ni trị bệnh chúng sanh. (12) Hạt giống thần thông: tự tại dạo chơi 10 phương cõi Phật. (Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, tr. 208 ấn bản này). Những hạt giống này huân tập vào Tâm, chuyển hóa các hạt giống xấu và giúp hành giả tiến tu. Bản Kinh này mới liệt kê 11, còn thiếu 1, xin chép vào Phần Bổ Sung.

**97-100.** Đức Phật bảo: Quán Thế Âm Bồ Tát còn hiệu là Quán Thế Âm Tự Tại, cũng tên là Nhiên Sách, cũng gọi là Thiên Quang Nhãn. Thần thông oai lực của Ngài không thể nghĩ bàn. (Sđd, tr. 211 ấn bản này).

**101. Thiểu dục** là ít muốn; **Tri túc** là biết đủ. Trong Kinh Di Giáo, Đức Phật dạy: *“Phải biết ham muốn nhiều thì vì nhiều sự cầu lợi nên khổ não cũng nhiều. Còn ít ham muốn thì không cầu hỏi, không dục vọng nên không có cái họa đó. Thực hành đức tính ít ham muốn thì lòng bình thản, không lo sợ, gặp cảnh ngộ nào cũng thấy thừa thãi... Biết vừa đủ thì nằm trên đất vẫn thấy vui thích, không biết vừa đủ thì ở thiên đường cũng vẫn bất mãn. Không biết vừa đủ thì giàu mà nghèo, biết vừa đủ thì nghèo mà giàu. Không biết vừa đủ thì luôn luôn bị cả năm thứ dục lạc lôi kéo”.* (Sa Di Giới & Sa Di Ni Giới, HT. Thích Trí Quang dịch, tr. 325).

**102. Lý tưởng Bồ Tát đạo** là kiến thiết quốc độ Phật thanh tịnh và an lạc, thành tựu chúng sanh thuần thực trong chân lý. Đức Phật khuyến khích Phật tử tại gia phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo vì ích lợi bản thân mà cũng vì ích lợi nhiều người. (HT. Tuệ Sỹ, Huyền Thoại Duy Ma Cật, tr. 29).

**103-104. Phật Pháp không phân biệt cao thấp** vì các pháp đều bình đẳng.

“Nhưng khi đi vào công đường, quan sảnh, trường học, thị tứ, tửu điểm, thanh lâu, tùy theo thân phận xã hội, cho đến tùy theo tuổi tác, nghề nghiệp, tất cả đều có những điều quy ước xử sự và xử thế riêng. Bồ Tát Quán Thế Âm không chỉ thị hiện duy nhất một hình tướng cho mọi thời đại và xứ sở. Vậy thì có Bồ Tát là vua quan, cũng có Bồ Tát là dân dã, có Bồ Tát là chủ, là thầy, mà cũng có Bồ Tát là tôi tớ, có Bồ Tát là lão niên mà cũng có Bồ Tát thiếu niên. Phân biệt như thế là theo quy ước xã hội”. (HT. Tuệ Sỹ, Du Già Bồ Tát Giới, tr. 64).

**105-144. Trừ bệnh tật.** Tám câu 43-50 phía trước đã nói về chữa bệnh rồi, sao ở đây lại thêm 40 câu chữa bệnh nữa? Lý do là 500 Danh Hiệu Bồ Tát tuyển tập từ nhiều bản kinh do Bồ Tát Quán Thế Âm nói ra, vì trích nhiều nguồn nên không tránh khỏi những tương tự hoặc trùng lặp. Theo nhà nghiên cứu Quảng Minh (Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm, Quảng Minh dịch, 2015), các câu 42-67 trích từ Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Bí Mật Tạng Như Ý Luân Đà La Ni; các câu 105-148 trích từ Kinh Bất Không Quyển Sách; các câu 279-286 cũng trích từ Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Bí Mật Tạng Như Ý Luân Đà La Ni; các câu 287-304 trích từ Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Như Ý Ma Ni Đà La Ni.

- **Bài thơ “Đau”** của Ni Trưởng Thích Nữ Như Minh, chùa Pháp Hỷ, Huế:

<i>Đau cũng là bài học</i>	<i>Để ta quán chiếu thêm</i>
<i>Về sự sống sự chết</i>	<i>Về giả hợp, nhân duyên.</i>
<i>Khi tứ đại bất hòa</i>	<i>Ta thấy rõ trong ta</i>
<i>Xe vô thường chuyển bánh</i>	<i>Chở của báu đi xa.</i>
<i>Hãy quán chiếu sâu xa</i>	<i>Về vô thường, bất tịnh</i>
<i>Về sinh, tử, bệnh, già</i>	<i>Để dẹp bớt cái ta.</i>
<i>Khi dẹp được cái ta</i>	<i>Nhờ vô thường, vô ngã</i>
<i>Nhờ sinh, tử, bệnh, già</i>	<i>Cuộc sống mới thăng hoa.</i>

**145-148. Không sợ bị mưu hại.** Kinh Angulimala số 86, Trung Bộ T. 2, nói đến tên sát nhân Angulimala định giết Phật, nhưng lại được Đức Phật hóa độ thành một bậc A La Hán. Khi Thầy Thích Nhật Từ đến thăm và chia sẻ Pháp thoại cho 2.000 tù nhân tại nhà tù K20 tỉnh Bến Tre, 2007, Thầy kể lại câu chuyện này và nêu ra 5 bài học: (1) Dừng lại có nghĩa là bắt đầu làm mới cuộc sống. (2) Bỏ bạo lực và hành động xấu. (3) Kiểm soát bản ngã. (4) Bài học về lòng trắc ẩn. (5) Kết quả chuyển hóa. Thầy khơi dậy những phẩm chất và năng lực tốt lành tiềm ẩn nơi

từng người nghe để giúp họ đối mặt với thực tế trong tù. LỜI Thầy mang lại niềm an ủi: Có một Tự Do Nội Tâm ngay trong những hạn chế hàng ngày.

Một vấn đề xã hội của thế giới ngày nay là số lượng tù nhân quá đông và ngày càng gia tăng trong các nhà tù. Hàng trăm ngàn tù nhân tạo ra gánh nặng lớn về tài chính và con người. Tại California, ngân sách nhà tù hiện vượt quá mức phân bổ cho giáo dục đại học. (TT. Thích Nhật Từ, Inner Freedom, Lời Nói Đầu).

**149. Chỉ riêng nỗi khổ vì nghèo đói của nhân loại** qua thống kê Liên Hiệp Quốc **hàng năm** cũng đã khủng khiếp. Nửa tỷ người đối mặt với nạn đói, 786 triệu người bị suy dinh dưỡng kinh niên. Nhiều trẻ em không đạt được sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần nên dễ bị bệnh, trẻ sơ sinh tử vong cao, tuổi thọ giảm. Ở Nam Á, 30% trẻ sơ sinh bị thiếu cân. Ở Nam bán cầu, tỷ lệ tử vong của các bà mẹ cao hơn 18 lần so với những nơi khác. Nguyên nhân chính gây tử vong là nhiễm trùng và bệnh ký sinh trùng, giết chết 17 triệu người. Nguồn nước bị ô nhiễm gây ra gần 1 tỷ trường hợp mắc bệnh tiêu chảy. Trên toàn thế giới, 13 triệu trẻ em dưới 5 tuổi chết; gần 200 triệu trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng; 130 triệu trẻ em không hoàn tất giáo dục tiểu học; 200 triệu trẻ em phải làm việc trong điều kiện không an toàn và bị bóc lột. (Dorothy V. Soest, The Global Crisis of Violence, tr. 52-55).

**150-151. Rung động kỳ diệu.** Theo Tiến sĩ Masaru Emoto (Hidden Messages in Water, tr. 142), ảnh hưởng của suy nghĩ, lời nói và cảm xúc của chúng ta đối với các phân tử nước có thể tác động tích cực đến trái đất và sức khỏe mỗi người. Sử dụng nhiếp ảnh tốc độ cao, Emoto phát hiện ra rằng các tinh thể hình thành trong nước đóng băng cho thấy những thay đổi khi những suy nghĩ cụ thể, tập trung được hướng về phía chúng. *“Nước từ những con suối trong vắt và nước tiếp xúc với những lời yêu thương cho thấy những mô hình bông tuyết rực rỡ, đa dạng và đầy màu sắc. Ngược lại, nước bị ô nhiễm, hoặc tiếp xúc với những suy nghĩ tiêu cực, hình thành các mô hình xấu với màu sắc xỉn”*. (Xem hình tr. 67 ấn bản này).

Emoto trình bày đặc điểm của nước là *“hado”*, một từ tiếng Nhật có nghĩa là *“sóng”*, hoặc *“di chuyển”*. Nhưng định nghĩa của hado được sử dụng bởi Emoto là: *“Mô hình rung động nội tại ở cấp độ nguyên tử trong mọi sự kiện, đơn vị nhỏ nhất của năng lượng. Cơ sở của nó là năng lượng của ý thức con người”*. Nghiên cứu tuyệt vời này chứng minh rằng mọi thứ phát ra một thái độ, hay hào quang,

và điều này ảnh hưởng đến những thứ xung quanh nó. Do đó, khi con người tiếp xúc với các rung động có lợi cho não và cơ thể sẽ giúp quá trình chuyển hóa năng lượng bên trong được lưu thông và hài hòa hơn, êm dịu hơn. Ví dụ về những kích thích như vậy là âm nhạc, lời nói hoặc chữ viết. Đây là một nhận thức mới về cách chúng ta có thể tác động tích cực đến trái đất và sức khỏe của mỗi người. (Hado, the Energy of Life).

**152.** “Người trì tụng Đà La Ni này, khi thốt ra lời nói chi, hoặc thiện hoặc ác, tất cả thiên ma, ngoại đạo, thiên, long, quỷ thần đều nghe thành Pháp âm thanh tịnh, đối với người ấy khởi lòng cung kính”. (Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, tr. 208 ấn bản này). Được như vậy là nhờ hành giả nhất tâm bất loạn, tiếng tụng Kinh trở thành Pháp âm vi diệu:

<i>“Đêm tụng Kinh Pháp Hoa</i>	<i>Tiếng xao động tinh hà</i>
<i>Địa cầu vừa tỉnh thức</i>	<i>Lòng đất bỗng đơm hoa.</i>
<i>Đêm tụng kinh Pháp Hoa</i>	<i>Bảo tháp hiện chói lòa</i>
<i>Khắp trời Bồ Tát hiện</i>	<i>Tay Bụt trong tay ta”.</i> (Pháp Hoa tán).

**153.** Xem câu 150-151.

**154. Vua Lê Đại Hành** hỏi “*Vận nước ngấn dài thế nào*”? Thiền sư Đỗ Pháp Thuận trả lời bằng bài thơ Quốc Tộ: “*Quốc tộ như đằng lạc, Nam thiên lý thái bình. Vô vi cư điện các, Xứ xứ tức đao binh*”. (Vận nước như mây cuốn, Trời Nam mở thái bình. Vô Vi trên điện các, Xứ xứ hết đao binh). Bậc tài đức ở ngôi Vua biết hướng dẫn quốc dân đoàn kết nên quốc thái, dân an, Hộ Pháp Long Thiên thường ủng hộ. (Lê Mạnh Thát, Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam, T. 2, tr. 508).

**155. Vua Trần Thái Tông** là bậc minh quân, đã lãnh đạo quân dân đánh bại đế quốc Nguyên Mông bảo vệ đất nước năm 1257-1258, nhưng đồng thời cũng là một Thiền sư. Vay tu và đánh giặc là một! Trong bài Tựa Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi, Ngài viết, “*ở ngôi chí tôn, việc dân vất vả, việc nước bộn bề*”, vậy mà tự Ngài nghiên cứu kinh điển, soạn ra Khoa Nghi Sám Hối 6 Căn, rồi mỗi ngày 6 lần thắp hương, dâng hoa, tụng kinh, lạy sám hối trước bàn Phật. Ai tu được như vua? Phải chăng vào thời đại hoàng kim của Tổ Quốc gần 400 năm, các Vua nhà Lý, nhà Trần đã áp dụng được tinh túy của Thiền trong tư tưởng, hành động và đời sống hằng ngày? (Cao Huy Thuần, Thượng Đế, Thiên Nhiên, Người, Tôi & Ta, tr. 172).

**156. Vua A Xà Thế** sai đại thần Vũ Thế đến dò ý kiến Đức Phật về việc Vua muốn xâm chiếm Vajji. Đức Phật không đứng về phe nào, Ngài chỉ hỏi A Nan về tình hình thực hiện 7 điều kiện cường thịnh của một quốc gia mà Ngài đã có lần dạy ở Vajji: (1) Dân chúng hòa hiệp. (2) Dân chúng đoàn kết. (3) Pháp luật công minh, có truyền thống trước sau. (4) Dân chúng sống đạo đức, biết kính trọng. (5) Xã hội an ninh. (6) Có tín ngưỡng, tôn trọng truyền thống tín ngưỡng. (7) Kính trọng và ủng hộ các Thánh Tăng. Theo từng câu hỏi, Ngài A Nan trả lời là 7 điều kiện trên đang được áp dụng tốt tại Vajji. Bằng sự phân tích khách quan đã có sức thuyết phục, khiến đại thần Vũ Thế tự biết là nước Vajji còn rất cường thịnh, không thể gây chiến. (Trung A Hàm, T. 3, Kinh Vũ Thế, tr. 321-328).

**157-158.** *“Khi trong một nước có tai nạn nổi lên, nếu muốn được an ổn, vị Quốc Vương ở xứ ấy phải biết dùng Chánh Pháp trị dân, có độ lượng khoan hồng, không làm oan uổng trăm họ, tha kẻ tù phạm, và giữ thân tâm tinh tấn đọc tụng chú này. Hành trì như thế thì trong cõi nước ấy tất cả tai nạn thảy đều tiêu tan, ngũ cốc phong thịnh, dân chúng được an vui”.* (Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, tr. 209 ấn bản này).

**159-160. Ô nhiễm môi trường.** Con người đang phải đối mặt với một loạt các vấn đề môi trường cấp bách trên toàn cầu bao gồm: biến đổi khí hậu, trái đất ngày một nóng lên, ô nhiễm hệ sinh thái, giảm tài nguyên nước ngọt, phá hoại tầng ozone, suy thoái đất và sa mạc hóa, ô nhiễm biển, ô nhiễm phóng xạ và các chất hóa học độc hại. Do đó, sức khỏe của cư dân và hệ sinh thái đều bị tổn hại nghiêm trọng. *“Khoảng 40% số ca tử vong trên toàn thế giới là do ô nhiễm nước, không khí và đất đai”.* (Tunza Eco Generation, 2017).

- Ở Thái Bình Dương có một khu vực mà các dòng hải lưu tụ lại và di chuyển thành một vòng tròn lớn. Trong chuyển động tròn này, dòng chảy thu gom rác. Mọi người gọi nó là **Mảng Rác Thái Bình Dương Khổng Lồ**. Và, 90% rác thải này là nhựa, trong đó 80% đến từ đất liền. Rác trôi xuống sông suối và đổ ra biển, túi nhựa do gió thổi ra biển. Năm 1997, Charles Moore đã phát hiện ra 2 mảng rác, một mảng phía đông và một mảng phía tây. Ông tính toán rằng có hơn 3 triệu tấn nhựa trôi nổi trong nước. Tại một vị trí, ông đo được mảng rác sâu 30.5 mét.

Năm 2005, Moore ước tính kích thước của 2 mảng rác khoảng 10 triệu dặm vuông, tương đương diện tích của châu Phi. Cá và chim biển thường nghĩ những



mảnh nhựa nhỏ là một loại thực phẩm nên ăn vào. Kết quả là hơn một triệu chim biển bị chết mỗi năm. Hầu như tất cả nhựa được sản xuất trên thế giới trong 60 năm qua vẫn còn trong môi trường. Điều duy nhất giúp cải thiện tình hình là kiểm soát chất thải trên mặt đất. Chúng ta cần giảm lượng nhựa sản xuất và sử dụng. Chúng ta cũng phải giữ gìn các bãi biển và toàn bộ bờ biển sạch sẽ. (Q: Skills for Success, tr. 199).

**161-162.** Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã giúp **hóa giải cuộc chiến** giữa hai nước thuộc dòng tộc Sakya và Koliya. Sau khi yên ổn, hai Vua nói: *“Nếu bậc Đạo Sư không đến, chúng ta đã tàn sát lẫn nhau làm máu chảy thành sông. Chính nhờ bậc Đạo Sư mà chúng ta còn sống”*. (Kinh Tiểu Bộ, T. 9, tr. 482-488). Năm 1076, Lý Thường Kiệt chỉ huy quân Đại Việt kháng cự giặc Tống, giữ yên bờ cõi. Để khích lệ tướng sĩ, Lý Thường Kiệt ban đêm cho người giả làm thần, tuyên đọc bài thơ sau đây, khiến quân dân đều nức lòng đánh giặc: *“Sông núi nước Nam Vua Nam ở, Rành rành định phận tại sách trời, Có sao lũ giặc sang xâm phạm? Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời”*. (Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, tr. 108).

**163. Nền chính trị quốc gia vững chắc.** Triều đại Hùng Vương có một văn hóa điển chương với **Việt luật**, Việt ca, truyện trăm trứng, và một loạt các truyện khác, thể hiện thế giới quan của người Việt thời đó. Chưa kể thuyền đồng, trống đồng cùng các di vật khảo cổ học hiện đã tìm thấy, biểu thị trình độ khoa học kỹ thuật của một xã hội văn minh, có phong tục tập quán riêng, có lối sống phong cách riêng, bộc lộ bằng các hoa văn trên các di vật này. Đặc biệt, ngôn ngữ Việt vào thời Hùng Vương đã phát triển tới một trình độ đủ khả năng phát biểu các quy ước xã hội thành Việt luật. Và một hệ thống **chữ viết** đủ linh hoạt để ghi lại những văn bản ấy. Cho nên, khi Phật giáo truyền vào nước ta, mẫu tự tiếng Phạn đã không được tiếp thu, dù dân tộc ta đã theo Phật giáo.

Ngày nay, bài Việt ca do Lưu Hướng chép lại trong Thuyết Uyển là thí dụ cụ thể của hệ thống chữ viết đó. Sau Việt ca của thế kỷ I trước dương lịch, đến thế kỷ I – II sau dương lịch, hệ thống chữ viết cũng đã dùng để viết các kinh sách Phật giáo bằng tiếng Việt, mà ngày nay truy lại được tối thiểu tên của 3 bộ, đó là Lục Độ Tập Kinh, Tạp Thí Dụ Kinh và Cựu Tạp Thí Dụ Kinh xuất hiện chắc chắn trước năm 190. (Lê Mạnh Thát, Lục Độ Tập Kinh Và Lịch Sử Khởi Nguyên Của Dân Tộc Ta, tr. 354).



**164-165.** Trong Kinh Kutadanta, Đức Phật đề nghị **phát triển kinh tế thay vì bạo lực** để giảm tội phạm. *“Chính phủ nên sử dụng tài nguyên để cải thiện điều kiện kinh tế của đất nước. Phát triển nông nghiệp và nông thôn, hỗ trợ tài chính cho những người kinh doanh và doanh nghiệp, cung cấp tiền lương đầy đủ cho người lao động để duy trì một cuộc sống đàng hoàng với phẩm giá của con người”*. (What Buddhist Believe, tr. 315).

**166-167.** Trong **Kinh Bồn Sanh**, Đức Phật nêu 10 phẩm chất cần có của một nhà lãnh đạo quốc gia để trị vì tốt đất nước: (1) Có khí độ rộng lượng, cao thượng, vì dân chứ không vì bản thân. (2) Giữ 5 giới. (3) Hy sinh lợi ích cá nhân cho dân, cho nước. (4) Đức tính thẳng thắn, thành thật, liêm khiết. (5) Nhân từ, đức độ. (6) Sống thanh cao, giản dị, không thù oán. (7) Không làm tổn hại bất cứ ai. (8) Có lòng kiên trì, nhẫn nại. (9) Lấy dân làm gốc, đưa ý dân lên hàng đầu. (10) Tôn trọng sự hòa hợp trong nội bộ quốc gia và hòa bình thế giới. (HT. Thích Chơn Trí, Tư Tưởng Xã Hội Trong Kinh Điển Phật Giáo Nguyên Thủy, tr. 43).

**168.** Năm 704, khi **Hiến Pháp đầu tiên của Nhật Bản** được Thái Tử Thánh Đức ban hành, Phật giáo được công nhận là quốc giáo. Điều 2 của Hiến Pháp Nhật Bản nêu rõ: *“Tôn vinh Tam Bảo. Tam Bảo có nghĩa là Phật, Pháp và Tăng. Đây là mệnh lệnh tối cao của Vương Quốc”*. Người dân Nhật Bản tin rằng Thánh Đức là hiện thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. (Lý Khôi Việt, Phật Giáo & Quốc Đạo Việt Nam, tr. 66).

**169-170.** Hai Bồ Tát Nhật Quang và Nguyệt Quang là những bậc thượng thủ hỗ trợ Đức Phật Dược Sư ở cõi Đông Phương Tịnh Lưu Ly Thế Giới.

**171. Hạt giống Đại Thừa.** Kinh Duy Ma Cật nêu cao tôn chỉ Đại Thừa, đặc biệt nhấn mạnh về Bồ Tát hạnh. Căn cứ vào tánh Không của Bát Nhã để thuyết minh thế giới vô biên, trong đó công hạnh của Bồ Tát cũng vô tận. Đó là một ước muốn thanh tịnh hóa nhân gian, việc làm không dành riêng cho giới xuất gia, mà cư sĩ cũng có bổn phận đảm trách. (NT. Như Đức, Duy Ma Hiện Bệnh, tr. 16).

- **Ba la mật đa** (Paramita, Skt) là vượt qua bờ sinh tử. Tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ đạt đến ba la mật đa là thành Phật.

**172. Bài Thơ Biển.** Một hôm đứng gần bờ biển, Đức Phật nghe A Tu La Vương Paharada ca ngợi 8 tính chất đặc thù của biển là: Bãi biển xuôi dần từ cạn đến

sâu, biển rộng bao la, không bao giờ dung chứa một tử thi, đón nhận tất cả các dòng nước, không đầy không vơi, nước thuần một vị mặn, nuôi dưỡng các loài thủy tộc, chứa nhiều loại của quý. Nhân đó, Đức Phật cũng nói cho Paharada và đại chúng biết 8 tính chất đặc thù, vi diệu của lời Ngài dạy cũng tương tự như biển.

(1) Pháp và luật mà Như Lai giảng nói bao giờ cũng tuần tự từ dễ đến khó, từ thấp lên cao, từ cạn vào sâu.

(2) Giáo Pháp của Như Lai là từ chứng nghiệm sự thực mà nói ra nên không thay đổi, không biến hoại theo thời gian.

(3) Người nào sống theo ác pháp, không phải là sa môn mà tự nhận là sa môn, không sống phạm hạnh mà lại giả danh phạm hạnh, nội tâm ú đầy tham dục thì Tăng đoàn cũng sẽ hội họp rồi trục xuất người ấy, không cho sống chung cùng với Tăng đoàn.

(4) Đệ tử của Như Lai khi xuất gia thì từ bỏ gia đình, sống không gia đình, họ cũng từ bỏ giai cấp, bỏ họ, bỏ tên, bỏ danh vọng, bỏ địa vị, bỏ sự nghiệp, bỏ quê hương, bỏ chủng tộc để chỉ còn là những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni mà thôi.

(5) Có nhiều Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni nhập Niết Bàn Vô Dư, mà sau này, nếu có vô lượng Tỳ Kheo, vô lượng Tỳ Kheo Ni nhập Niết Bàn Vô Dư như thế thì Niết Bàn cũng không tràn, cũng không đầy, cũng không vơi như biển vậy.

(6) Như nước biển chỉ có một vị mặn thì giáo Pháp của Như Lai cũng chỉ có một vị là vị giải thoát.

(7) Giáo Pháp của Như Lai cũng là nơi chứa giữ những châu báu siêu thế. Đó là 4 Niệm Xứ, 4 Chánh Cần, 4 Như Ý Túc, 5 Căn, 5 Lực, 7 Giác Chi, 8 Thánh Đạo.

(8) Giáo Pháp của Như Lai cũng là trú xứ của những bậc Thánh còn hơn là các vị Đại Vương, Thiên Vương, ấy là các bậc Dự Lưu, Nhất Lai, Bất Lai, A La Hán. (Minh Đức Triều Tâm Ảnh, Một Cuộc Đời Một Vàng Nhật Nguyệt).

**173-195. Cốt lõi của Tâm Chú Đại Bi** là 10 Tâm thù thắng, thể hiện tiến trình tu tập từ một hành giả sơ phát Bồ Đề tâm cho đến quả vị Phật. Trước khi trì tụng Tâm Chú, hành giả hướng về chúng sanh mà phát 16 lời nguyện lớn, đồng thời gieo vào tạng thức 12 hạt giống lành, được chư Phật, Bồ Tát, Hộ Pháp Long Thiên Bát Bộ ủng hộ. Tâm Chú Đại Bi hùng hậu như vậy nên có thể chuyển hóa các ác nghiệp gây ra oan gia trái chủ trong quá khứ. Nhờ vậy trì tụng Tâm Chú có thể tránh 15 nạn chết oan và các nghiệp dữ, đồng thời được 15 chỗ sanh tốt và nhiều phước đức khác. (Tóm Tắt Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, tr. 223 ấn bản này).

**196. Năm giới** của Phật tử tại gia: Không sát sanh. Không trộm cắp. Không tà dâm. Không vọng ngữ. Không uống rượu. Năm giới này đã được Liên Hiệp Quốc công nhận làm đạo đức cho nhân loại. (Lá Thư Làng Mai 2001).

**197-202.** Phước báo của việc trì tụng Tâm Chú Đại Bi. Xem câu 173-195.

**203. Đức Phật dạy bài Pháp đầu tiên** là Tứ Diệu Đế gồm bốn sự thật. (1) Khổ đế: sanh, lão, bệnh, tử, xa lìa điều mình ưa thích, không đạt sở nguyện, gặp gỡ với người không thích, bản chất của năm nhóm thân, tâm đều là khổ. (2) Tập đế: nguyên nhân của khổ là tham, sân, si. (3) Diệt đế: hết khổ liền được vui Niết Bàn. (4) Đạo đế: phương pháp chấm dứt khổ là Bát Chánh Đạo, phần quan trọng nhất trong Tứ Diệu Đế. (Narada, The Buddha And His Teaching, tr. 323).

- **Ba Pháp Ấn** của lời Phật dạy là vô thường, vô ngã, Niết Bàn. *“Tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô ngã, Niết Bàn tịch diệt”*. (Tập A Hàm, T. 1, Kinh số 262, tr. 508).

**204. Mau biết tất cả pháp.** Đây là nguyện đầu tiên trong 16 lời phát nguyện trước khi thực hành Tâm Chú Đại Bi do Bồ Tát Quán Thế Âm trực tiếp hướng dẫn: *“Nếu có vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di hay đồng nam, đồng nữ nào muốn tụng trì Chú này, trước tiên phải phát tâm từ bi đối với chúng sanh, và sau đây y theo con mà phát nguyện”*. (Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, tr. 199 ấn bản này). Vì giao tiếp với mọi người nên người thực hành Bồ Tát đạo trước tiên cần biết tất cả luật lệ, quy tắc, văn hóa, tôn giáo, đạo đức, giáo dục, khoa học kỹ thuật, kinh tế v.v... của xã hội, nhất là ngôn ngữ. Chín nguyện kế tiếp là các câu 205-213 sau đây. Sáu nguyện còn lại là các câu 17B-22B, trang 160-161 ấn bản này.

**205. Cứu độ chúng sanh.** Thiền sư Thanh Từ dạy: độ hết chúng sanh là dứt vọng niệm. Mỗi niệm có một dấy khởi (thành), kéo dài một thời gian (trụ), kết thúc (hoại), tạm ngưng trước khi qua một niệm khác (không). Chu kỳ mỗi niệm chỉ trong vài giây, vài phút, hoặc dài hơn. Khi một niệm vui đến và muốn gì được nấy, tâm trạng đó tương ứng với cảnh trời; khi sống yên vui, thích làm việc thiện, đó là cõi người; khi giận dữ nổi lên phá bỏ tất cả, đó chính là hiện tượng a tu la; khi lý trí mê mờ làm điều sai trái, hoặc biết mà cố phạm, đó chính là tâm súc sanh; khi khao khát vật chất, tình cảm mà không bao giờ biết giới hạn chính là tâm thức quỷ đói; khi đau khổ tột cùng, đó là thân người đang chiêu cảm với cảnh giới địa ngục. Vô

số vọng niệm như vậy lôi kéo con người luân hồi hằng ngày ngay tại đời sống này. Vì vậy, tu tập là dừng vọng niệm. *“Khi hành giả không dấy niệm thì Phật tánh hiện bày”*. (Thiền sư Suzuki, No Mind is Buddha).

**207-209. Nguyệt mau** Giác Ngộ, Giải Thoát. **Ngũ nhãn** là 5 năng lực thấy biết. Nhục nhãn: mắt người thường. Thiên nhãn: xa gần, lớn nhỏ, ngày đêm hay bị vật ngăn cách cũng thấy rõ hết. Tuệ nhãn: mắt bậc Thánh đắc quả Thanh Văn, Duyên giác. Pháp nhãn: mắt trí tuệ của Bồ Tát, thấu triệt các pháp. Phật nhãn: hoàn toàn sáng suốt thấu hết tất cả.

**210. Giới, Định.** Pháp sư Tịnh Không khai thị: Mỗi khi cúng Phật, người xuất gia và tại gia đều thắp hương. Hương tượng trưng cho Giới và Định. Đốt lên một cây hương, nhìn được hương, ngửi được hương là phải nghĩ đến Giới và Định. Chư Phật, Bồ Tát thành tựu là nhờ tu Giới và tu Định. Ngày nay các Ngài cũng chỉ cho chúng ta như vậy. (Giới, Định Chân Hương Là Gì?).

- Ngay khi có Giới và Định là đồng thời có Tuệ, và ngược lại, vì Giới Định Tuệ tương duyên, tương nhập lẫn nhau. (Minh Châu, Thiên Ân, Chơn Trí, Đức Tâm, Phật Pháp, tr. 256). Lục Tổ Huệ Năng dạy Định Tuệ là một thể không hai. Định là thể của Tuệ; Tuệ là dụng của Định; đây gọi là Định Tuệ bình đẳng. (Kinh Pháp Bảo Đàn Giảng Giải, HT. Thích Thanh Từ giảng, tr.171).

- Giới Định Tuệ là ba môn vô lậu học dẫn đến Giác Ngộ. **Hòa Thượng Thái Siêu** hỏi Đức Dalai Lama: Nền tảng của giáo dục Phật giáo là gì? Ngài trả lời: Giới, Định, Tuệ.

**211-212. Vô Vi** (Asamskrta, Skt; Asankhata, P). Theo Tự Điển Sanskrit-English-Vietnamese, Vô Vi nghĩa là không phụ thuộc, không bị ảnh hưởng, không vì nhân duyên mà sinh ra. Vô Vi Pháp không do điều kiện mà thành lập, do đó nó không biến đổi. Trong Kinh Tương Ưng Vô Vi, Đức Phật nói Vô Vi là một trong 33 từ có ý nghĩa tương tự về Niết Bàn. (Tương Ưng Bộ, T. 4, tr. 559-574).

Theo Hòa Thượng **Thích Thiện Siêu**, *“Đối với người tâm đã có mật độ yên lặng không bám vào đâu cả, không có nghĩa là cứ nhắm mắt bịt tai, trong lòng trống rỗng, không nghĩ gì hết. Như vậy cũng không được mà họ phải sanh khởi tâm, phải tỉnh giác, thấy hết, biết hết những gì cần biết, cần thấy. Khi tâm sanh khởi mà không bám vào đâu, không bám vào đâu mà tâm sanh khởi như vậy thì*

dù ở hoàn cảnh nào cũng thể hiện được diệu lực của Bát Nhã quán chiếu, tự tại an vui”. (HT. Thích Thiện Siêu, Vô Ngã Là Niết Bàn, tr. 274).

**213. Thân Pháp tánh** còn gọi là Pháp thân. Đức Phật có 3 thân. Pháp thân: chân thân Đức Phật. Báo thân: thân Phật có muôn đức viên mãn do nhân lành tu tập. Ứng thân (còn gọi là Hóa thân): thân Phật ứng theo cơ duyên mà hiện rõ.

**214. Mười phương** là đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, trên, dưới. Mười phương là chỉ cho vũ trụ. Theo Chú Giải Kinh A Di Đà của Đại Sư Châu Hoàng, cõi Ta Bà này là Phạm Thánh Đồng Cư độ. “*Tứ Thánh*” là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, cùng “*lục phàm*” là trời, người, a tu la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục ở chung một chỗ. Vì lòng thương không phân biệt đối tượng nên Tứ Thánh dẫn thân vào cuộc đời ô trược để cứu độ, như Ngài A Nan phát nguyện: “*Đời đau khổ con thể vào trước, Dù gian nguy chí cả không sờn, Nếu còn một chúng sanh chưa chứng quả, Cảnh Niết Bàn con đâu dám tự an*”. (A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, HT. Thích Tịnh Không giảng).

**215.** Theo Kinh Kim Cang, “*Tất cả các pháp đều là Phật Pháp*”. Chúng sanh bị mây vô minh che khuất trắng Bát Nhã nên chỉ thấy các pháp sanh diệt, phiền não. Bậc giác ngộ đã phá tan mây vô minh, trắng Bát Nhã được sáng tỏ, nên chỉ thấy toàn là Phật Pháp. “*Mỗi bước đi trong cuộc hành trình chính là cuộc hành trình*” là một tiếng chuông đánh thức bạn rằng đừng bao giờ chờ đến khi kết thúc cuộc hành trình rồi sẽ được hạnh phúc, mà hãy sống hạnh phúc trong từng hơi thở của bạn. (Khải Thiên, Hành Trình Tâm Linh, tr. 15).

**216. Chứng kiến ngàn tay ngàn mắt.** Đem tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả mà nhìn sẽ thấy vô số cánh tay Quán Thế Âm chung quanh chúng ta. Ví dụ cánh tay của cha mẹ, thầy cô giáo, y tá, người chiến sĩ, người làm ruộng, người hốt rác v.v... Hòa Thượng Tuyên Hóa dạy: “*Bồ Tát luôn cứu giúp người. Nếu quý vị cứu giúp người, quý vị chính là Bồ Tát; nếu tôi cứu giúp người, tôi cũng là Bồ Tát*”. (Cha Đại Từ Bi - Mẹ Đại Từ Bi, HT. Tuyên Hóa giảng).

**217-218. Potalaka.** Học giả Nhật Bản Shu Hikosaka căn cứ vào văn học Tamil cổ, cho rằng Potalaka cổ chính là núi Potikai hoặc Potiyil ở Ambalamudram, quận Tirunelveli, Tamil Nadu, một nơi thiêng liêng đối với người dân Nam Ấn Độ từ thời xa xưa.

**219-233. Cảm ân đức từ bi cứu độ của Ngài** nên Trời, Rồng, Thiện Thần, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhơn, Phi Nhơn v.v... đều phát tâm gia hộ người trì tụng Tâm Chú Đại Bi.

**234. Thần Cây.** Năm 1942, Hòa Thượng Hư Vân (103 tuổi), thiết lập Giới Đàn, có Thần Cây đến cầu giới. Giám Viện Quán Bồn kể: *“Có một hành giả đến cầu thọ giới Tỳ Kheo, họ Trương, người Triết Giang, 34 tuổi, không có Thầy thế độ, cũng không có ba y ca sa và bình bát. Vì lòng chân thành, nên Thầy được ban cho tất cả vật dụng cần thiết để thọ giới xuất gia, Pháp danh Thường Nhục. Trước khi được thọ giới, Thầy làm rất nhiều việc nặng nhọc trong chùa như quét dọn lau chùi trong ngoài tự viện. Tính tình trầm mặc, không nói chuyện chi với ai. Khi được lên đàn thọ giới thì nhất nhất đều theo giới luật. Đến khi tam đàn đại giới sắp kết thúc thì không ai tìm thấy Thầy đâu hết, mà y ca sa, giới cụ vẫn còn để lại giới đường.*

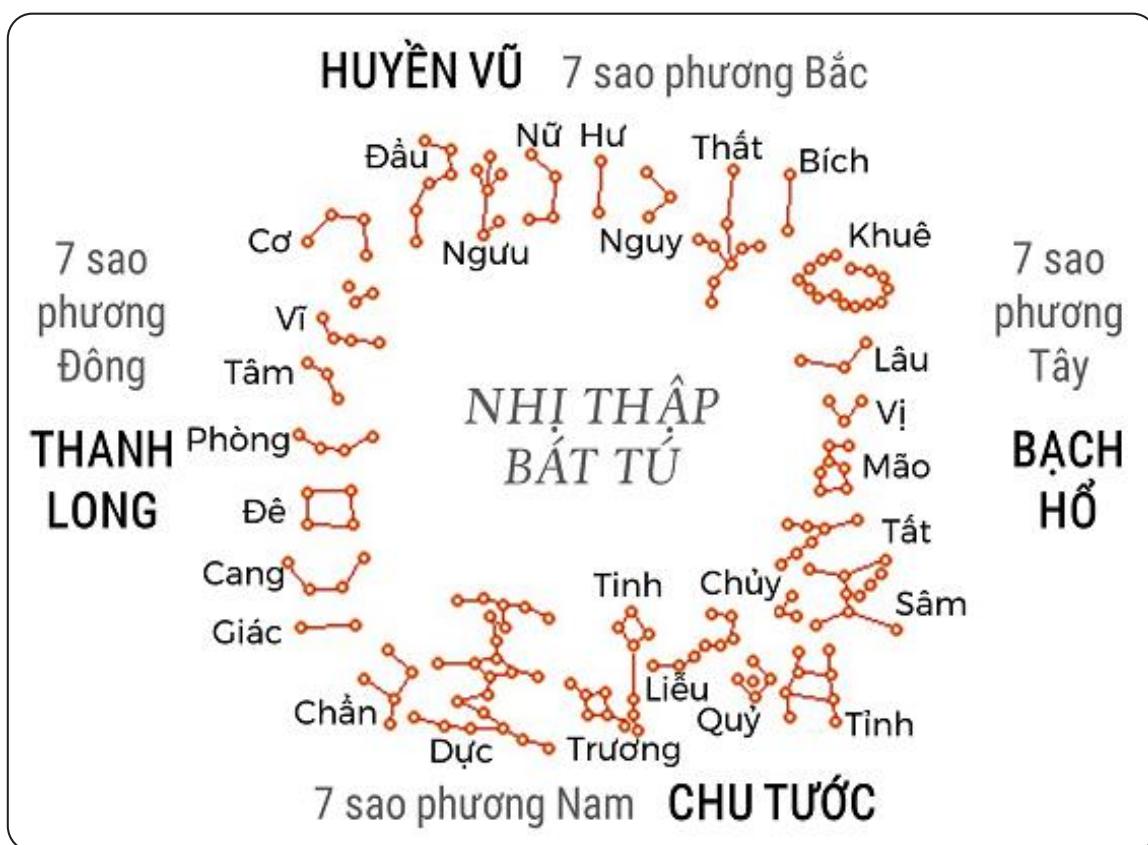
*“Trước kỳ truyền giới năm sau, Hòa Thượng mộng thấy vị Thầy kia đến xin lại giới điệp. Được hỏi rằng Thầy đi đâu sau khi lễ truyền giới chấm dứt thì trả lời rằng Thầy ở chung với Thần Đất chứ không đi đâu hết. Tỉnh dậy, Hòa Thượng biết đó là Thần Cây khi trước đến cầu thọ giới, nên bảo Tăng chúng đem giới điệp đó đến dưới gốc cây cổ thụ bên cạnh chùa, nơi miếu Thổ Địa, đốt để trả lại cho Thần Cây”.* (Thơng Ngát Hương Lan, Kiến Châu, Như Thủy & Hạnh Đoan dịch, tr. 205).

**235-250. Ủng hộ người tụng Chú.** Xem câu 219-233.

**251. Hai mươi tám chòm sao** trên bầu trời thiên văn là những thiên thể trong Thái Dương hệ, có thể thấy rõ trong buổi tối trời quang mây tạnh. Các chòm sao này đã tập hợp thành một vòng trên bầu trời, tức trên đường biểu kiến của mặt trời thường được gọi là Hoàng Đạo. Trong lịch pháp, 28 chòm sao được dùng để ký hiệu ngày, hình thành một hệ đếm thời gian tính theo chu kỳ 28 ngày âm lịch. Một năm thời tiết được phân định 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, rồi chia thành 24 tiết khí cũng ứng hợp với 28 chòm sao. Rồi từ đó 28 chòm sao trở thành tiêu chí trong việc ghi chép lịch pháp Trung Hoa, Việt Nam, châu Á và một số dân tộc Tây Vực.

Vòng Hoàng Đạo được chia thành 4 phần, quy ước như 4 hướng Đông, Tây, Nam, Bắc trên mặt đất. Vị trí 28 chòm sao như sau. **Phương Đông:** Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ. **Phương Bắc:** Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích. **Phương Tây:** Khuê, Lô, Vị, Mão, Tắt, Chủy, Sâm. **Phương Nam:** Tinh, Quỷ,





28 chòm sao trên vòng Hoàng Đạo (<https://vansu.net/nhi-thap-bat-tu.html>)

Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chấn. Sau này, các đạo sĩ Trung Hoa lại thần thánh hóa 28 chòm sao thành các vị thần tiên. Ví dụ chòm sao Giác trông tựa một Tiên Ông, chòm sao Phòng giống như một Thiên Tướng. (Nguyễn Công Việt, Sơ Lược Về Nhị Thập Bát Tú).

**252-271.** Xem câu 219-233.

**272. Thành Phật.** Đối với các Phật tử Đại Thừa thì mục đích chính của tu hành là phải cầu thành Phật. Chư A La Hán, chư Bích Chi Phật, chư Tổ Thiên đều đã đắc quả giác ngộ giải thoát, nhưng các Ngài vẫn chưa phải là Phật. Nhưng tại sao lại phải cầu thành Phật? Được giác ngộ giải thoát chưa đủ sao? **Chưa đủ!** Đủ làm sao được đối với người đã hiểu, đã thấy tất cả chúng sanh chính là mình, mình chẳng khác với chúng sanh; cái khổ của chúng sanh chính là cái khổ của mình và sự giải thoát của chúng sanh cũng là sự giải thoát của mình. Nếu chưa hiểu được vậy thì ít nhất cũng phải suy nghĩ, từ vô thủy đến nay, trôi lăn trong sinh tử luân hồi,



tất cả chúng sanh đều đã ít nhất một lần làm cha mẹ ta, đã nuôi nấng, thương yêu, chăm sóc ta chẳng quản khó nhọc, nhiều khi còn phải hy sinh tánh mạng vì ta. Như thế, ta **nữ lòng nào** cầu giác ngộ giải thoát một mình? (TT. Thích Trí Siêu, *Lời Tựa Bồ Tát Hạnh*, tr. 3).

**273. Bốn quả Thánh.** (1) Tu Đà Hoàn: vào Dòng Thánh, phá được 3 sợi dây trói buộc là thân kiến, giới cấm thủ, nghi. (2) Tư Đà Hàm: trở lại cõi người một lần nữa, tiếp tục làm mỏng nhạt dâm dục, sân, si. (3) A Na Hàm: không trở lại cõi người nữa, cắt 5 kiết sử trên đây (trừ si). (4) A La Hán (Arhat, Skt; Arahant, P): cắt được 5 kiết sử cuối là ưa cõi Sắc, ưa cõi Vô Sắc, ngã mạn, trạo cử, si; dứt tất cả lậu hoặc. Tam minh, tứ trí viên dung, không còn pháp nào đáng học nên gọi là bậc Vô Học, xứng đáng được cúng dường, chứng nhập Niết Bàn, không còn bị tái sanh nữa. (Bình Anson, *Về Bốn Quả Thánh và Mười Kiết Sử*).

**274. Niềm tin.** Theo Đại Thừa Khởi Tín Luận của Tổ Mã Minh, niềm tin Đại Thừa là tin chúng sanh đều có Phật tánh. (Tâm Thái, *Niềm Tin Đại Thừa*). Trong Kinh Kalama, Đức Phật dạy: *“Chớ có tin vì nghe truyền thuyết, chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được Kinh Tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa môn là bậc Đạo Sư của mình. Nhưng này các Kalama, khi nào tự mình biết như sau: ‘Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này được các người có trí tán thán; các pháp này nếu được thực hiện, được chấp nhận đưa đến hạnh phúc, an lạc’, thời này các Kalama, hãy chứng đạt và an trú!”* (Tăng Chi Bộ, T. 1, tr. 341).

**275-276. Thập Trụ.** Trong Kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy: *“Người tu hành khi ái dục khô khan, sáu căn không còn chạy theo sáu trần nhiễm trước, lúc bấy giờ chỉ có trí tuệ khô khan, chưa thấm nhuần nước Pháp của Phật. Đây là địa vị đầu tiên tên Càn Huệ địa”* (huệ khô), lần lần tiến tu qua 55 địa vị nữa, từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh, Thập Địa và Đẳng Giác mới được quả Phật. (Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm Bồ Tát, Nguyễn Thành ghi chép, 2016, tr. 275-278).

**277-278. Ba mươi hai tướng tốt** của Đức Phật. (1) Lòng bàn chân bằng phẳng. (2) Gót chân thon. (3) Ngón tay, ngón chân thon dài. (4) Tay, chân mềm

mai. (5) Chân có màn da lưới. (6) Mắt cá tròn như con sò. (7) Ống chân như chân con dê rừng. (8) Tay dài tới gối. (9) Nam căn ẩn kín. (10) Da trơn mượt. (11) Mỗi lỗ chân lông có một lông mọc. (12) Màu da như đồng, màu sắc như vàng. (13) Lông mọc xoáy tròn về phía bên phải, màu xanh đậm. (14) Thân hình cao thẳng. (15) Bả chỗ tròn dày. (16) Nửa mình trước như thân sư tử. (17) Không có lỗ khuyết giữa hai vai. (18) Thân cân đối như cây bàng. (19) Nửa thân trên vuông tròn. (20) Vị giác bén nhạy. (21) Quai hàm sư tử. (22) Có 40 răng. (23) Răng không khuyết hở. (24) Răng trơn láng. (25) Răng đều đặn. (26) Lưỡi rộng và dài. (27) Giọng nói êm ả như tiếng chim Ca lãng tần già. (28) Đôi mắt màu xanh đậm. (29) Có lông mi như con bò cái. (30) Có một sợi lông trắng mịn giữa hai lông mày. (31) Hai lòng bàn chân có hình bánh xe với 1.000 tấm xe. (32) Có nhục kế trên đầu.

**Tám mươi vẻ đẹp** là nhân rộng dựa trên 32 quý tướng và thêm một số tướng khác, có nhiều tướng giống nhau. (Trường Bộ, T. 1, tr. 456).

**279. Bồ Tát Địa Tạng** nguyện: *“Địa ngục chưa trống nguyện chẳng thành Phật; Độ hết chúng sanh mới chứng Bồ Đề”*. Bồ Tát Địa Tạng đang dẫn thân vào địa ngục, dùng đủ phương tiện thiện xảo để độ chúng sanh. (Kinh Địa Tạng, tr. 11).

**280-285. Uy lực Chú Như Ý Luân** (Kinh Bồ Tát Quán Thế Âm Bí Mật Tạng Như Ý Luân Đà La Ni Thần Chú).

**286. Mong thấy Phật liền thấy Phật ngay.** Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng dạy: *“Người ngộ được pháp vô niệm thì muôn pháp đều không, người ngộ được pháp vô niệm thì thấy cảnh giới của chư Phật, người ngộ được pháp vô niệm thì đến địa vị Phật”*. Sao gọi là vô niệm? – *“Thấy tất cả pháp mà tâm không nhiễm trước ấy là vô niệm”*. (Kinh Pháp Bảo Đàn Giảng Giải, HT. Thích Thanh Từ giảng, tr. 71).

**287. Mật hạnh** là *“nghiêm cẩn giữ gìn tất cả các giới hạnh, bao gồm 3.000 oai nghi, 80.000 tế hạnh. Trong thập đại đệ tử của Đức Phật, Ngài La Hầu La được Đức Phật khen là mật hạnh đệ nhất”*. (Tứ Điện Phật Học Huệ Quang, T. 3, tr. 2689).

- **Ba ngàn oai nghi** bắt nguồn từ 250 giới của Tỳ Kheo, mỗi giới đều có đầy đủ 4 oai nghi đi, đứng, nằm ngồi, nhân lên (250 x 4) thành 1.000; tương ứng với 3 đời quá khứ, hiện tại, vị lai, nhân lên (1.000 x 3) thành ra 3.000 oai nghi. (Thiện

Phúc, Phật Học Từ Điển, T. 1, tr. 111).

- **Tám muôn tế hạnh** là 3.000 oai nghi trên đây nhân cho 3 nghiệp của thân và 4 nghiệp của miệng (3.000 x 7) thành 21.000; lại nhân cho 3 nghiệp của ý và 1 của mật na thức (21.000 x 4) thành ra 84.000 tế hạnh. (Sđd, T. 3, tr. 2418).

**288-292.** Ở Nepal, Bồ Tát Quán Thế Âm được tôn xưng là Karunamaya, Thần Mưa, Thịnh Vượng, Trường Thọ, An Lành. (Tuladhar-Douglas, 2006). Năm 1177 ở Việt Nam, trời hạn hán nguy hại đến mùa màng và sức khỏe. Thiền sư Tịnh Giới cầu mưa có kết quả nhiều lần nên được Vua Lý Cao Tông khen là Thầy Mưa. (Lê Mạnh Thát, Nghiên Cứu Về Thiền Uyển Tập Anh, tr. 258).

**293-295.** Các câu Chú khác. Xem câu 24-28.

**296-307. Tứ Chánh Cần:** (1) Tinh cần ngăn không để sanh khởi các ác pháp chưa sanh. (2) Đoạn tận các ác pháp đã sanh. (3) Tinh cần làm phát khởi các thiện pháp chưa sanh. (4) Làm tăng trưởng các thiện pháp đã sanh. Kết quả là đạt nhiều lợi ích và thành tựu trên đường đời và đường đạo. (Thích Chơn Thiện, Phật Học Khái Luận, tr. 363). Bồ Tát cũng thường gia hộ người tu hành đầy đủ các mong cầu và tăng trưởng bốn thiện pháp: (1) Tâm hoan hỷ và không lời lộng khi nghe lời Phật dạy. (2) Siêng tu 6 phép ba la mật. (3) Tu tất cả hạnh lành. (4) Công đức đầy đủ, chứng ngộ Phật quả.

**308. Tu tập thiện căn.** *“Cha mẹ cho ta thân tâm này, ta có bổn phận dưỡng nuôi, chăm sóc nó đúng cách. Người đời đã bỏ ra gần hết kiếp sống của mình để lo việc ăn uống, thuốc men, áo quần, nhà cửa, tiện nghi cho tám thân tứ đại này. Tứ đại vô tri không biết gì mà ta còn hết lòng như vậy hướng gì tâm thức luôn hay biết nên cần được quan tâm kỹ càng hơn nữa. Với thế gian, vật thực thông thường của tâm là tham, sân, si độc hại làm tâm phiền não, ô nhiễm. Với người Phật tử, vật thực bổ dưỡng cho tâm là giới, định, tuệ khiến tâm mát mẻ, trong sạch.*

*“Do đó, ngoài những khoá tu dài hạn vun bồi tâm linh một cách tích cực, mỗi ngày ở nhà ta cũng phải cố gắng hành trì thường xuyên, đều đặn. Nếu bị bỏ quên, tâm sẽ thiếu thốn, đói khát nên sẽ quay lại đường xưa lối cũ của phóng dật, phiền não. Người cư sĩ không sống tách rời gia đình, xã hội nhưng phải cố gắng dành cho mình một khoảng không gian và thời gian riêng trong ngày để chăm sóc tâm linh. Hằng ngày, ngoài những giờ phút ngồi thiền, ta cố gắng giữ chánh niệm trong*

*các tư thế cũng như đối với các hoạt động trong ngày như ăn uống, nói năng. Ta hãy ráng giữ tâm tĩnh lặng khi làm việc, tiếp xử. Đó là vật thực hàng ngày cho tâm. Tâm được chăm sóc chừng nào, ta được an vui chừng nấy”.* (Thiền sư Kim Triệu, Vài Làn Hương Pháp, tr. 69).

**309.** Người đời thường sống trong nỗi sợ hãi như bệnh tật, tai nạn, cái chết, mất việc, cô đơn, thù nghịch. Khi hành giả đưa ra được cách thực hành và hiểu biết giúp ai đó **thoát khỏi nỗi sợ hãi** thì đó là món quà tuyệt vời nhất cho họ.

**310-312.** Một vị Phật ra đời là được chư Phật, Bồ Tát khắp nơi ủng hộ. Cũng vậy, Bồ Tát hành hoạt là được chư Phật, chư Bồ Tát khác ủng hộ hoặc khuyến tấn thiện thần trợ lực. Theo Kinh Quán Âm Tam Muội, lúc Quán Thế Âm thành Phật hiệu Chánh Pháp Minh Như Lai thì Ngài Thích Ca là đệ tử tu khổ hạnh. Nay Ngài thành Phật Thích Ca thì Quán Thế Âm làm Bồ Tát. Các Bồ Tát khác cũng như thế. (Chú Giải Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, Hoàng Niệm Tổ chú giải, tr. 766).

**313-352. Ấn thủ nhãn** do hành giả bắt bằng tay và ngón tay, kết hợp tụng chú hoặc thiền định. (HT. Thích Tuyên Hóa, Đại Bi Chú: Cú Giải). Từ định lực *“Hiện Nhất Thiết Sắc Thân”* (Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận, tr. 300), Bồ Tát Quán Thế Âm dùng 42 ấn thủ nhãn giúp hành giả tụng Chú Đại Bi: (1) có cuộc sống yên ổn, giàu có, đầy đủ nhu yếu phẩm; (2) hoa màu, cây cối, mùa màng tốt đẹp; (3) gia đình hạnh phúc, nhiều bạn hiền, nghề nghiệp thăng tiến; (4) bệnh tật tiêu trừ; (5) dứt các nỗi sợ hãi, chướng ngại, ác thú, không bị thiên ma, tà thần, ác quỷ làm hại, đánh thắng ngoại xâm; (6) tạo nhiều công đức, được tái sinh vào các cõi Trời hoặc gần chư Phật. Bản Kinh này mới liệt kê 39 ấn thủ nhãn, xin ghi 3 ấn còn lại ở Phần Bồ Sung. (John Blofeld, Bodhisattva of Compassion, tr. 151-153).

**353-358. Đầy đủ thân thông.** Khi còn mê lầm, 6 căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý làm mai mối, dẫn sanh ra 6 thức là kẻ cướp hại chân tánh. Nghĩa là căn đối với cảnh, khởi vọng niệm phân biệt, nên chân tâm phải bị mờ. (HT. Thích Thiện Hoa, Phật Học Phổ Thông, Q. 2, tr. 508). Vì vậy Kinh Nguyên Thủy rất chú trọng việc phòng hộ 6 căn trên bước đường tu tập. Sau khi giác ngộ, cũng 6 căn đó trở thành 6 sức mạnh màu nhiệm. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật dạy: *“Này A Nan, khiến cho các ông nhiều kiếp sinh tử luân hồi chỉ vì sáu căn, mà làm cho các ông chứng được đạo quả Bồ Đề an vui giải thoát, cũng chỉ vì sáu căn của các ông*

*mà thôi. Khi thấy, nghe, hay biết mà khởi vọng niệm phân biệt, đó là gốc vô minh. Còn khi thấy, nghe, hay biết mà không khởi vọng niệm phân biệt, đó là Niết Bàn*". (Sđd., tr. 518-519).

- **Nhớ lại kiếp trước.** Tâm linh con người mỗi khi sinh hoạt liền phát sinh ra hiểu biết, gọi là tâm thức. Có 8 tám loại: (1) Hiểu biết qua mắt gọi là nhãn thức. (2) Hiểu biết qua tai gọi là nhĩ thức. (3) Hiểu biết qua mũi gọi là tỷ thức. (4) Hiểu biết qua miệng lưỡi gọi là thiệt thức. (5) Hiểu biết qua toàn bộ thân thể gọi là thân thức. (6) Hiểu biết qua ý căn gọi là ý thức. (7) Hiểu biết qua sự so đo chấp trước gọi là mạn na thức. (8) Hiểu biết qua sự tàng trữ tất cả các hạt giống không phân biệt tốt xấu, xây dựng, bảo vệ và duy trì sức sống của vạn pháp nên gọi là tạng thức hay thức alaya.

Ví dụ thần đồng **Pascal** mới lên 7 tuổi đã giải đáp được bài toán kỹ hà học khó nhất của các nhà bác học. Đó là nhờ thức alaya đã lưu giữ những định lý, phương trình của bài toán kỹ hà học mà ông đã học đời trước. Nhờ thế, khi chuyển sang kiếp này ông mới nhớ lại và chính ông sử dụng những định lý, phương trình nói trên một cách dễ dàng. Tất cả các hiện tượng thần đồng, nhớ về kiếp trước, hoặc tái sanh đều do thức Alaya. (HT. Thích Thắng Hoan, Khảo Nghiệm Duy Thức Học, tr. 82).

**359-364. Viên thông.** Ngài đã chứng nhĩ căn (tai) viên thông nên mắt, mũi, lưỡi, thân, ý cũng có tác dụng như các căn khác. (Tứ Diệu Phật Học Huệ Quang, T. 6, tr. 5167).

- **Năm bước tu tập nhĩ căn.** "*Bồ Tát Quán Thế Âm kể lại kinh nghiệm của Ngài: (1) Bắt đầu từ khi cái nghe đối với thính trần, không khởi phân biệt theo thính trần, nên thính trần tự vắng lặng; song còn cái "nghe". (2) Đến giai đoạn thứ hai cái nghe (năng, sở) cũng hết, song còn cái "hết". (3) Đến từng thứ ba không chấp ở nơi hết, song còn cái "biết hết". (4) Đến từng thứ tư là "cái biết" đó cũng không, song còn cái "không". (5). Lên đến từng thứ năm là cái "không" đó cũng không còn. Lúc bấy giờ các vọng niệm phân biệt chấp trước đều hết, thì chơn tâm thanh tịnh tự hiện bày; cũng như các cạn đục đã hết thì tánh nước trong tự hiện". (HT. Thích Thiện Hoa, Phật Học Phổ Thông, Q. 2, tr. 563).*

**365-371. Phổ môn** là khả năng bao gồm mọi thứ, mọi loài trên địa cầu, mọi tình huống, mọi nơi và mọi thời điểm. Đây là những cách thực hành có thể đáp

ứng với mọi tình huống đau khổ của chúng sanh. Tại Tích Lan, nhiều người tin rằng Bồ Tát Quán Thế Âm cũng chính là Bồ Tát Di Lạc. (Nguyễn Gia Quốc, Hình Tượng Bồ Tát Quán Thế Âm Tại Các Nước Châu Á).

**372-373. Thập Địa:** (1) Hoan Hỷ địa: chứng nghiệm chân lý. (2) Ly Cấu địa: khởi đầu hành động lợi tha. (3) Phát Quang địa: nhận thức, hành động tương ứng với Thâm tâm. (4) Diệm Tuệ địa: tự điều phục và điều phục kẻ khác. (5) Cực Nan Thắng địa: tương ứng giai đoạn như thuyết. (6) Hiện Tiền địa: hồi hướng thiện Pháp về Phật quả. (7) Viễn Hành địa: đủ phương tiện thiện xảo giáo hóa tha nhân. (8) Bất Động địa: chúng sanh được điều phục thì Phật quốc thanh tịnh. (9) Thiện Tuệ địa: dùng năng lực vô ngại để thuyết Pháp. (10) Pháp Vân địa: hết thầy phẩm tính đều thanh tịnh. (HT. Tuệ Sỹ, Huyền Thoại Duy Ma Cật, tr. 47).

**374-376. Buộc tâm một chỗ, không nghĩ chi khác** (Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, tr. 204 ấn bản này). Tụng Tâm Chú Đại Bi là đem tâm về một chỗ với thân, tương tự 2 hơi thở đầu trong phép quán niệm hơi thở. Hơi thở (1) Thở vô dài, tôi biết: *“Tôi thở vô dài”*. Thở ra dài, tôi biết: *“Tôi thở ra dài”*. (2) Thở vô ngắn, tôi biết: *“Tôi thở vô ngắn”*. Thở ra ngắn, tôi biết: *“Tôi thở ra ngắn”*. **Hai hơi thở này cắt ngang những suy tư vẫn vơ.** (Khải Thiên, Hành Trình Tâm Linh, tr. 57).

**377-380. Cánh tay nối dài của Bồ Tát.** Từ năm 1940, Phật giáo Việt Nam có một chương trình giáo dục tuổi trẻ rất bổ ích danh hiệu là Gia Đình Phật Tử (GDPT). Bên cạnh các hoạt động thanh niên như trò chơi, các loại gút dây, nấu ăn, cắm trại, sinh hoạt nhóm, còn có văn nghệ, báo chí, thể thao, từ thiện, tập điều khiển. Chương trình Phật Pháp từ thấp lên cao đã huân tập cho đoàn sinh những hạt giống lành từ khi còn nhỏ.

Người có công gây dựng chương trình là Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, cùng sự hỗ trợ nhiệt tâm của các đạo hữu, phụ huynh, nhất là Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni. Qua 80 năm sinh hoạt, GDPT đã góp phần đào tạo nên những công dân tốt cho xã hội, những chiến sĩ anh dũng chiến đấu cho Tổ Quốc, những Phật Tử trung kiên với Đạo Pháp và Dân Tộc. Rất nhiều Tăng Ni xuất thân từ GDPT. Sĩ số Huynh trưởng, đoàn sinh đang sinh hoạt tại Việt Nam và hải ngoại trên 150.000, nếu kể thêm các thế hệ đã đi qua thì số lượng lên đến hàng trăm ngàn. (GDPT Việt Nam Trên Thế Giới).



**381.** Quán là nội dung của **thiền** (Dhyana, Skt; Jhana, P). Thiền có nhiều nghĩa: (1) Nhìn sâu vào một đối tượng. (2) Nhận xét rất gần một đối tượng để khám phá được bản chất của nó. (3) Loại trừ những chất liệu gây khổ đau, mờ ám. (4) Tâm ý được định lại trên một đối tượng nên có sức mạnh. Thiền áp dụng khi đi, đứng, nằm, ngồi, nấu ăn, rửa chén bát và trong tất cả các hoạt động khác của đời sống hằng ngày.

Theo Hòa thượng Nyanaponika, **chánh niệm** là trái tim của thiền tập Phật Giáo. Chánh niệm là năng lượng thức tỉnh trong giây phút hiện tại, như ngọn đèn pha chiếu thẳng vào sự vật nên hành giả thấy rõ được bản chất thực sự của nó. Chánh niệm được dùng trong Phật giáo nhiều gấp mấy trăm lần danh từ thiền.

Ngoài ra, còn có **Chỉ** (Samatha, Skt) và **Quán** (Vipasyana, P). **Tu Chỉ** là làm cho dừng lại, êm dịu trở lại, làm cho tâm mình chuyên chú vào một cái. **Tu Quán** là bước thêm một bước nữa, nhìn thật sâu vào trong lòng của đối tượng đó, để thấy được cái sự thật về nó. **Chỉ và Quán là hai danh từ mà đạo Phật đã dùng từ lâu đời**, rất đặc thù đạo Phật, trong khi đó danh từ “*thiền*” thì được dùng chung trong nhiều truyền thống. (HT. Nhất Hạnh, Thiền Là Gì?).

**382-385. Định.** Có nhiều loại định trên thế giới, nhưng điều khác biệt của định Phật giáo là chấm dứt khổ đau. Có 2 cách thực hành:

**(1) Định “nhất tâm”** đòi hỏi người thực hành phải chú tâm vào một điểm. Do đó người Tây phương thường dịch thuật ngữ định bằng từ “*concentration*”. Chủ thể của concentration là “*Tôi*”.

**(2) Định “tâm thuần nhất”**, ngược lại, người thực hành chỉ áp dụng sự nhận biết chứ không tập trung vào một đối tượng nào cả. Chủ thể của tâm thuần nhất là tánh tự nhận biết. Như vậy, định tâm thuần nhất là một dòng biết liên tục mà không có người biết.

Trong hệ Kinh Nikaya, Đức Phật đề cao định là tâm thuần nhất. Bằng tâm thuần nhất, dần dần sẽ có kinh nghiệm trạng thái thân tâm hỷ lạc, biết, nhưng không dính mắc vào hỷ lạc đó hoặc bất cứ đối tượng nào. Ngay khi ấy, hành giả thể nhập vào tâm Tatha hay Phật tánh nơi tự thân. (HT. Thông Triệt, Tiến Trình Tu Chứng Và Thành Đạo Của Đức Phật, tr. 101-102).

- **Bốn tầng thiền định của Đức Phật.** (Trung Bộ, T. 1, Đại Kinh Saccaka).

**(1) Sơ thiền - Định có tầm có tứ:** Đức Phật bắt đầu thực hành pháp thờ, mà



chính Ngài đã khám phá, gọi là Định Niệm Hít Vào Thở Ra. *“Ta ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ... lạc thọ khởi lên nơi ta được tồn tại nhưng không chi phối tâm ta”*.

**(2) Nhị thiền - Định không tầm không tứ:** *“Diệt tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Lạc thọ khởi lên nơi ta, được tồn tại, nhưng không chi phối tâm ta”*.

**(3) Tam thiền - Định ly hỷ trú xả hay chánh niệm tỉnh giác:** *“Ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ, chứng và trú thiền thứ ba... Lạc thọ khởi lên nơi ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm ta”*. Xả ở đây là bình thản, dừng dừng, thanh thản (Equanimity). **Chánh Niệm Tỉnh Giác** là liên tục biết rõ ràng môi trường chung quanh cũng như mọi xúc cảm trên thân mà tâm không dao động.

**(4) Tứ thiền - Định bất động:** *“Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh”*. (Khổ ở đây là bám chặt vào lạc thọ toàn thân, không muốn tiến lên). Trong giai đoạn thiền định cuối cùng, Đức Phật nói tâm Ngài *“định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh”*. (Sđd., tr. 98-127).

**386. Tiểu tam tai** là 3 tai họa của chiến tranh, dịch bệnh, đói kém. Hậu quả Chiến Tranh Thế Giới II (1939-1945): địa điểm tại châu Âu, Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Đông Nam Á, Địa Trung Hải, châu Phi, một phần Bắc Mỹ. Tử vong 73 triệu người, trong đó vì quân sự 24 triệu người, ảnh hưởng đến dân sự 49 triệu người. (World War II).

- **Đại tam tai:** lửa, nước, gió liên tiếp xen kẽ nhau trôi dạt phá hủy toàn cõi Ta Bà này. Chúng sanh bị hủy hoại nơi cõi này lại tái sanh cõi khác để tiếp tục sanh, già, bệnh, chết mãi. (Kinh Địa Tạng, tr. 45). Muốn dứt vòng sinh tử phải tu tập Bát Chánh Đạo để chuyển hóa nguyên nhân gây khổ là tham sân si, tức là đạt Niết Bàn ngay trong đời sống này.

**387. Chữa bệnh bằng Tâm Chú Đại Bi.** Hòa Thượng Thích Tịnh Từ, Viện Trưởng Tu Viện Kim Sơn, Hoa Kỳ, là chứng nhân nhiều linh ứng màu nhiệm của Bồ Tát Quán Thế Âm giúp trừ tai nạn, bệnh tật, đáp ứng mong cầu của mọi người. (HT. Thích Tịnh Từ, Giải Trừ Vong Nghiệp, tr. 310 ấn bản này).

**388. Đạo chơi các cõi Phật.** Theo Kinh Đại Bảo Tích, Tôn giả Mục Kiền Liên, một đệ tử thần thông bậc nhất của Đức Phật Thích Ca, muốn tìm hiểu âm thanh thuyết Pháp của Đức Phật vang xa đến đâu nên đã du hành đến một thái dương hệ xa xôi. Nơi ấy có thế giới của người khổng lồ, có cõi Phật tên là Cờ Quang Minh và có Đức Phật Quang Minh Vương đang thuyết pháp. Thân Phật cao 40 dặm (đơn vị đo lường xưa). Thân hình các vị Bồ Tát cũng cao 20 dặm. Còn bình bát các Bồ Tát cao 1 dặm.

Câu chuyện này cho thấy hơn 2600 năm trước, các Phật tử đều đã biết về vũ trụ rộng lớn đầy những mặt trời, những hành tinh và đời sống loài hữu tình, tức là một hệ thống vũ trụ gần gũi với cái nhìn khoa học hiện đại hơn là hệ thống vũ trụ của Tây phương thời tiền Galileo (1564-1642), khi ấy hầu hết những người có học đều nghĩ là mặt trời cùng bảy hành tinh đều quay chung quanh trái đất! Họ không biết rằng các ngôi sao cũng là những mặt trời khác. (Ngài Mục Kiền Liên Viếng Thăm Một Hành Tinh Khác, trích Kinh Đại Bảo Tích).

**389-390. Thiểu dục và Tri túc.** Xem câu 101.

**391-392. Án Ma Ni Bát Di Hồng** bao gồm 64 điều màu nhiệm của âm thanh Chư Phật là: Lưu loát. Dịu dàng. Vừa ý. Màu nhiệm. Không nhiễm tạp. Không còn dư. Rõ ràng. Ngọt dịu. Nghe không chán. Không liệt kém. Một âm là tất cả âm. Tùy thuận chúng sanh. Thuận tai. Không xấu ác. Nhu hòa. Làm vui lòng. Nhẹ nhàng. Tinh tiến. Sanh tâm vui mừng. Vui vẻ. Được thanh thoát. Tín tâm thanh tịnh. Thông đạt diệu pháp. Sáng rõ như thực. Làm cho thương quý. Khiến lòng hoan hỷ. Khai mở cho người khác. Hiểu thông tất cả pháp. Hợp chân lý. Lợi ích chúng sanh. Không trùng lặp. Như tiếng rống sư tử. Như tiếng rồng. Như tiếng sấm. Trong trẻo vọng vang xa xôi. Tuyệt vời. Thanh tịnh như âm Phạm Vương. An lành như tiếng chim hót. Tuyệt mỹ như âm trời Đế Thích. Vang dội như tiếng trống Bát Nhã. Hợp trung đạo. Viên âm. Bao hàm tất cả âm thanh. Viên mãn. Không thể phá hoại. Dứt phiền não. Lợi lạc chúng sanh. Diệu lý trọn vẹn. Không sợ sệt. Đoan trang. Hiện hiện diệu pháp. Đủ tất cả âm thanh. Các căn đều vui thích. Không chê bai. Chắc thật. Không sợ sệt. Mọi căn cơ đều hiểu. Đủ các tướng. Khiến chúng sanh hoan hỷ. Tất cả căn tánh chúng sanh đều ngộ nhập. Khế nhập tâm ý. Hợp với sự tin hiểu của chúng sanh. Trời, người, ma vương, phạm thiên, sa môn, bà la môn ở khắp nơi, tuy nghe được mà không thể biết hết trọn vẹn. Không thể lường

tính được. (Phạm Công Thiện, Quán Thế Âm).

**393. Niềm vui Pháp.** Thiên sư / Thầy Nhất Hạnh có đến trên 1.700 Tăng Ni trẻ gốc châu Á, Âu, Mỹ, Úc, Phi trở thành đệ tử (Phả Hệ Làng Mai). Hàng triệu người khắp thế giới ngồi yên lắng nghe Thầy nói Pháp, hàng trăm ngàn thanh niên các tôn giáo khác nghe Thầy hướng dẫn cách chuyển hóa nỗi khổ niềm đau trong các đại hội thanh niên thế giới. Các khóa tu học tại Âu châu, Mỹ châu, Á châu thường có trên 2.000 người tham dự. Tại diễn đàn “*Chiều Sâu Tâm Linh Cho Thế Kỷ XXI*”, San Francisco 1995, Thầy được mời đến chia sẻ ý kiến với các nhà lãnh đạo quốc gia đương nhiệm như Tổng Thống Hoa Kỳ George Bush, Thủ Tướng Anh Margaret Thatcher, Tổng Thống Cộng Hòa Séc Zeman, Thủ Tướng Hòa Lan Ruud Lubbers, Cựu Tổng Thống Liên Xô Gorbachop và 500 nhà lãnh đạo chính trị, kinh tế, văn nghệ sĩ thế giới. (Miranda Ewell, Feminist Spurs S.F. Forum Clash Conference).

Có đến 30 Mục Sư, Linh Mục, quý Soeurs Âu Mỹ tham dự các khóa tu học và thỉnh sách, băng, đĩa của Thầy về nghiên cứu áp dụng. Linh Mục Hoa Kỳ Adrian Aloysius Stier cảm phục lời giảng dạy của Thầy nên phát đại nguyện xuất gia theo Phật vào ngày 7/7/2003. (Lá Thư Làng Mai 2004). Linh Mục Stier đã chuyển hóa thành Đại Đức Chân Pháp Đệ, thọ Tỳ Kheo Giới sau 2 năm thực tập Sa di. (Young Brother - Brother Chân Pháp Đệ).

**394. Chư Phật, Bồ Tát có nhiều hình tướng từ hệ Kinh Nikaya.** Trong Kinh Tùy Thuộc Thế Giới, Đức Phật dạy: “*Đối với những người chưa đoạn tận các lậu hoặc, Ta có thể là chư Thiên ... là Càn Thát Bà, là Dạ Xoa, là Người, với các lậu hoặc đã đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm thành như thân cây ta la, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai*”. (Tăng Chi Bộ, T. 1, tr. 622).

**395-397.** Trong Kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát Quán Thế Âm hiện thân Phật, Bích Chi Phật, Thanh Văn, Trời Phạm Vương để thuyết Pháp, giúp các bậc tu tập tinh chuyên được Giác Ngộ, Giải Thoát. (HT. Thích Thiện Hoa, Phật Học Phổ Thông, Q. 2, tr. 565).

**398-426.** Với các chúng sanh còn nhiều mong cầu, Ngài ứng hiện thân Trời Đế Thích, Trời Tự Tại, Trời Đại Tự Tại, Quan Trời Đại Tướng, Vua Trời Tỳ Sa Môn, Vua, Trưởng Giả, Cư Sĩ, Thủ Tướng Chính Phủ, Bà La Môn, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo

Ni, Nam Nữ Phật Tử thọ Tam Quy Ngũ Giới, Phụ Nữ, Bé Trai, Bé Gái, Dân Trời, Rồng, Dạ Xoa, Thần Múa Hát, Chim Long Cánh Vàng, Thần A Tu La, Thần Soạn Nhạc Trời, Thần Rắn Lớn, Người, loài Không Phải Người, Thần Chấp Kim Cang để giảng Pháp tương ứng với thân tâm họ, giúp cho họ được thành tựu như ý.

- **Phụ nữ.** Bồ Tát Quán Thế Âm có nguồn gốc nam giới ở Ấn Độ. Tuy nhiên, Ngài đã được tôn thờ qua hình tượng nữ ở các nước Đông Nam Á từ “*thế kỷ V sau dương lịch*”. (Viên Trí, Khái Niệm Về Bồ Tát Quán Thế Âm, tr. 189). Nữ giới thể hiện phẩm chất từ bi hiệu quả hơn nam giới. Năm 1069, Vua Lý Thánh Tôn thân đi đánh Chiêm Thành, bắt được Vua nước ấy là Chế Củ và quân binh rất nhiều. Thắng lợi đó một phần là nhờ Nguyên Phi Ý Lan ở nhà giúp việc nội trị, lòng dân cảm hóa vui vẻ, trong cõi yên bình, tôn sùng Phật giáo, “*người người đều ca ngợi Bà là Quán Thế Âm*”. (Ngô Sĩ Liên, Lê Văn Hưu & Phan Phu Tiên, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, tr. 323).

- **Mười vị Thánh Ni đệ nhất trong Ni chúng.** (1) Mahapajapati, Lãnh Đạo Ni đoàn đầu tiên. (2) Khema, Trí Tuệ đệ nhất, (3) Uppalavanna, Thần Thông đệ nhất. (4) Dhammadinna, Thuyết Pháp đệ nhất. (5) Patacara, Bảo Hộ Nữ Nhân đệ nhất. (6) Kisagotami, Khổ Hạnh đệ nhất. (7) Bimba, An Trú Tâm đệ nhất. (8) Bhadda Kudalakesa, Lãnh Hội Ý Pháp đệ nhất. (9) Soma, Tinh Tấn đệ nhất. (10) Nanda, Thiên Định đệ nhất. (Abeysekera, Great Female Disciples Of the Buddha).

- **Sakyadhita.** Những người con gái của Đức Phật, là tên của Hội Phụ Nữ Phật Giáo Thế Giới nhằm hòa hợp, tương thân tương ái thực hành lời Phật dạy để tự độ và độ tha. Hội thành lập tại Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn Độ, vào tháng 2/1987. Thế giới có 130 triệu nữ Phật tử, trong đó Ni Trưởng, Ni Sư, Sư Cô là 60.000 vị. (NS. Thích Nữ Giới Hương, Ban Mai Xứ Ấn, T. 2, tr 32).

**427.** Bồ Tát Quán Thế Âm do công phu thiền định nên giúp chúng sanh **14 món không sợ**: Ngài quán tiếng kêu cầu nên chúng sanh được giải thoát. Vào lửa không cháy. Vào nước không chìm. Quỷ không hại được. Dao chặt không đứt. Quỷ không thể thấy. Không ai trói cột. Không ai trộm cướp. Lìa dâm dục. Lìa nóng giận. Lìa si mê. Cầu nam được nam. Cầu nữ được nữ. Niệm danh hiệu Ngài công đức vô lượng. (Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Lê Đình Thám giảng giải, T. 6, đoạn 27).

- Có 4 phương tiện khéo léo của một vị Bồ Tát gọi là **Tứ Nhiếp Pháp**. (1) Bồ thí là thực hiện ba loại cúng dường: tài thí, Pháp thí, vô úy thí. (2) Ái ngữ: lời nói

yêu thương. (3) Lợi hành: luôn mang lại lợi ích cho người khác. (4) Đồng sự: làm điều tương tự. Đây chính là tinh hoa của con đường dẫn thân vào đời cứu khổ cứu nạn. (TT. Hằng Trường, Quán Âm Hạnh).

**428. Tự Tại.** Xưa Bồ Tát tu Lục Độ hạnh, nhờ vào trí tuệ quán chiếu mà nay thành tựu 10 thứ tự tại: Kéo dài tuổi thọ tùy ý. Không nhiễm sinh tử. Tài của dư dật, do tu bố thí mà được. Làm và khuyến khích người khác làm việc thiện. Sanh theo chỗ mong muốn, do giữ giới mà được. Tùy ý muốn mà biến hóa, do nhẫn mà được. Muốn gì được nấy, do tinh tấn mà được. Thần lực tự tại, do định mà được. Biết tất cả ngôn ngữ. Pháp tự tại, do tuệ mà được. (Thiền Viện Trúc Lâm Chánh Thiện, Bồ Tát Quán Tự Tại).

**429. Ứng cảm.** Bồ Tát Quán Thế Âm có thể rất gần gũi với bạn ngay bây giờ. Bạn có thể chạm vào Ngài chỉ bằng cách đưa tay ra. Chúng ta có thể trau dồi năng lượng của tình thương, sự hiểu biết để Quán Thế Âm có thể ở bên chúng ta mọi lúc trong cuộc sống hằng ngày. (HT. Thích Nhất Hạnh, *Opening the Heart of the Cosmos*, tr. 134).

Ngài Trần Nhân Tông vừa là một Quốc Vương, vừa là một Thiền sư, Tổ Khai Sơn dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử, thống nhất Phật Giáo Đại Việt. Mặc dù sống nơi cung vàng điện ngọc, việc nước đa đoan, nhưng lúc nào Ngài cũng đơn giản, thông dong. Trong bài phú Cư Trần Lạc Đạo, với niệm tri ân Đức Phật, Bồ Tát, Ngài viết: *“Cảm đức từ bi, để nhiều kiếp nguyện cho thân cận”*. (Lê Mạnh Thát, Toàn Tập Trần Nhân Tông, tr. 360).

**430-437. Pháp giới thanh tịnh.** Ngài đạt được 6 căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thanh tịnh, nên 6 đối tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trở nên thanh tịnh, và, **thức chuyển thành trí.** Nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức chuyển thành Thành Sở Tác trí. Ý thức chuyển thành Diệu Quán Sát trí. Ngoài ra, mạn na thức chuyển thành Bình Đẳng Tánh trí, tạng thức chuyển thành Đại Viên Cảnh trí.

**438-441. Hành hoạt, tình thương như thật.** Bác **Phạm Đăng Siêu** (1912-1994), Trưởng Nhóm Hướng Thiện Huế, là một cư sĩ Phật tử trí đức viên dung, được chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni xứ Huế tán thán là *“Bồ Tát”*. Vốn liếng chỉ là một chiếc xe đạp rất cũ, vậy mà ở đâu bác cũng đạp đến được. Bác đã giúp cho rất nhiều gia đình nghèo đói, bệnh tật, các học sinh nghèo hiếu học. Bác không có gia

tài, nhưng bác có một trái tim, vì vậy mà bác đã có nhiều bạn hữu giúp đỡ. Ngay cả các “*Bạn Nghèo*” nhận gạo từ thiện thỉnh thoảng cũng phát tâm cúng dường, bố thí, phóng sanh, ấn tống kinh, “*của ít lòng nhiều*” mà! Qua hơn 60 năm âm thầm lặng lẽ đến với người khổ nạn, không quản mưa nắng, bão lụt dầm dề, bác Siêu quả thật là một vị Bồ Tát không cần giấy phép lập hội, không cần biên nhận, không có bằng tưởng lệ, cũng không được báo chí, đài phát thanh, truyền hình nhắc tới.



Bác Siêu

Bác Siêu viết trong nhật ký từ thiện: “*Tình Thương! Tình Thương! Không giờ phút nào tôi dám lìa Tình Thương, vì nó là mẹ đẻ của tinh thần, là nguồn sống linh động của tâm linh. Nó chân thật, bình đẳng và cần thiết như khí mùa xuân, như ánh sáng mặt trời. Vạn vật nhờ đó mà hóa sanh, con người nhờ đó mà tồn tại, nên các vị giáo chủ tán dương và xưng danh nó là Phật chí tôn, là Chúa cao cả. Tình Thương vốn vô hình nhưng tạo ra muôn hình, vốn không sanh nhưng hóa sanh mãi mãi, mặc dầu mắt ta không thể thấy, tai ta không thể nghe, trí ta không thể nghĩ, nhưng ta biết lắng lòng và thành thiết thòì cảm nhận được. Mỗi người, mỗi vật trong thế gian này đều sẵn có, nhưng ít ai ý thức và tự khai thác lấy. Muốn đạt được Tình Thương, chúng ta phải giữ mình trong sạch, phải tập trung tư tưởng, phải thành thiết lấy người làm mình. Nói tóm lại là chúng ta phải thành thật quay vào mình mà tìm lấy nguồn sống bất diệt, rồi cùng chung hòa đồng mà san sẻ cho nhau và phục vụ cho tất cả mọi người*”. (Hiểu và Thương 2009, tr. 22, đạo hữu Hồ Thị Thái Huệ gởi tài liệu).

**442-447 Lạy** là đặt trán, 2 tay và đầu gối sát xuống đất với lòng thành kính thiết tha hướng đến hình tượng của Đức Phật, Bồ Tát, hướng đến Tăng thân hoặc bản Kinh. Từ lễ lạy, thờ kính, thân cận, cúng dường Tam Bảo, hành giả lần lần nhận ra và làm tỏa sáng **Phật tánh sẵn có** nơi bản thân, gọi là từng tướng nhập tánh.

**448.** Trong **10 nghiệp lành**, 3 nghiệp đầu thuộc về thân: Không sát sanh.



Không trộm cắp. Không tà dâm. Bốn nghiệp kế tiếp thuộc về miệng: Không nói dối. Không nói thêu dệt. Không nói lời đâm thọc hai bên. Không nói lời hung dữ. Ba nghiệp cuối thuộc về ý: Tham, sân, si. (Trung Bộ, T. 1, Đại Kinh Pháp Hành, tr. 689).

**449-454. Cam lộ** (Amṛta, Skt.) là giọt sương ngọt mát, tượng trưng đức Từ Bi, Nhẫn Nhục, Tùy Duyên, Trí Tuệ của Bồ Tát, được diễn tả nhuần nhuyễn như sau:

*“Cầm lành dương liễu, rưới lên nước cam lộ  
 Trừ nóng bức làm mát mẻ nhân gian  
 Lắng tai nghe mà tìm tới với chúng sanh  
 Dem pháp nhiệm trừ khổ đau cho muôn loại.  
 Tâm từ bi kiên cố  
 Tướng tự tại đoan nghiêm  
 Có cầu là có ứng  
 Không nguyện nào không thành.  
 Giờ đây đệ tử chúng con thành tín tĩnh tâm  
 Trì tụng chân ngôn, gia trì nước tịnh:  
 Thứ nước này: vuông hay tròn tùy theo đồ chứa đựng  
 Thấp hay cao là theo tiết theo thời  
 Mùa Xuân loãng mà mùa Đông đặc cứng  
 Gặp thuận đi mà gặp chướng lại ngừng.  
 Mênh mông thay, tìm nguồn thiêng khó thấy  
 Mầu nhiệm thay, dòng chảy tới vô chung  
 Trong khe biếc dấu chân loài rồng chúa  
 Nơi đầm sâu ôm vàng sáng trắng thu  
 Dưới ngọn bút quân vương, biến thành ơn mưa móc  
 Trên cành liễu Đại Sĩ, trở nên nước cam lộ thanh lương  
 Chỉ cần một giọt nước từ bi này thôi là mười phương đều trở nên thanh tịnh”.*

(Nghị Thức Tụng Niệm Đại Toàn, tr. 118).

**455-457.** Một niệm không sanh, muôn pháp đều dừng, sá chi tham, sân, si. (Quy Sơn Cảnh Sách Giảng Giải, HT. Thích Thanh Từ giảng, tr. 103).

- **Đức Phật dạy Rahula.** Con học theo hạnh của đất. Dù người ta đổ và rải lên



những thứ tinh sạch và đẹp đẽ như hoa, nước thơm, sữa thơm, hoặc người ta đổ lên đất những thứ dơ dáy hôi hám như phân, nước tiểu và máu mủ, hoặc người ta khạc nhổ xuống đất thì đất cũng tiếp nhận tất cả những thứ ấy một cách thân nhiên, không vui vẻ mừng rỡ mà cũng không chán ghét tủi nhục. Cũng như thế, khi những cảm thọ khoái lạc hoặc buồn khổ phát sanh, con đừng để cho chúng làm nhiều loạn tâm con và chiếm cứ lòng con. Con hãy học theo hạnh của nước. Khi người ta giặt rửa những thứ dơ bẩn trong nước, nước cũng không vì thế mà cảm thấy tủi nhục, buồn khổ và chán chường. Con lại nên học hạnh của lửa. Lửa đốt cháy mọi thứ, kể cả những thứ dơ bẩn, vậy mà lửa cũng không vì thế mà cảm thấy tủi nhục, buồn khổ và chán chường. Con lại cũng nên học hạnh của không khí. Không khí thổi đi các thứ mùi, mà vẫn không cảm thấy tủi nhục, buồn khổ và chán chường. (HT. Thích Nhất Hạnh, Đường Xưa Mây Trắng, tr. 318).

**458. Sanh con như ý muốn.** (Kinh Pháp Hoa Giảng Giải, HT. Thích Thanh Từ giảng, tr. 699).

**459-467.** Thệ nguyện của Ngài rộng lớn như đại dương vì Ngài: (1) Là vị Phật trong quá khứ đã tu tập vô số công đức. (2) Vào đời cứu giúp chúng sanh nhưng không rời Niết Bàn. (3) Đã thân cận học hỏi hàng trăm triệu Đức Phật. (4) Thường xuyên trì tụng Chú Đại Bi qua vô số kiếp. (5) Có mặt khắp nơi, bất cứ lúc nào qua vô số hình tướng. Do đó, cung kính lễ bái, cúng dường Ngài có phước đức không cùng tận. Để tôn kính Ngài, hầu hết chùa tại Việt Nam và hải ngoại đều tôn tạo tượng Bồ Tát Quán Thế Âm lộ thiên, hình đứng, y phục trắng.

**468-470.** Lắng lòng nhìn sâu vào công hạnh Bồ Tát Quán Thế Âm giúp tâm bình tĩnh, tập trung, sáng suốt và chánh niệm.

**471. Ba cõi:** (1) Cõi Dục, nơi chúng sanh gắn liền với lòng tham, dục vọng và si mê. (2) Cõi Sắc, nơi chúng sanh đã xa lìa dâm dục nhưng vẫn còn hình tướng. (3) Cõi Vô Sắc, nơi chúng sanh chỉ có thọ, tưởng, hành, thức nhưng không có vật chất, thân thể. Dựa trên tâm lý học hiện đại, ba cõi này chỉ cho các cấp độ khác nhau của sự thực hành trong đời sống hàng ngày. Đôi khi chúng ta ở trong cõi Vô Sắc, khi chúng ta cảm thấy không còn chấp trước và đeo bám. Đôi khi chúng ta sống trong cõi Sắc khi chúng ta đã giải thoát được một phần những sự đeo bám và chấp trước. Thông thường chúng ta ở trong cõi Dục vì thân tâm bị cuốn hút vào tham dục, chạy theo mọi thứ, không thể trải nghiệm sự bình yên và niềm vui

trong hiện tại. (HT. Thích Nhất Hạnh, *Opening the Heart of the Cosmos*, tr. 124).

- **Tu phước**: gieo nhiều hạt giống phước đức để sau này được hưởng hạnh phúc và phước báo như sức khỏe, sống lâu, giàu có, thông minh. Như làm việc thiện, ăn chay, phóng sanh, bố thí. **Tu huệ**: suy ngẫm về Phật Pháp để mỗi ngày trí tuệ mỗi tỏa sáng, chuyển hóa bản thân khỏi những ràng buộc khổ đau. Hòa thượng Khánh Anh dạy: *“Học mà không tu là đũa sách; tu mà không học là tu mù”*.

- **Phước đức** là do tu phước, chưa thoát khỏi sinh tử. **Công đức** là do tu huệ, ngày càng nuôi lớn hạt giống lành và không bao giờ mất, giúp hành giả vượt qua sinh tử. Thực sự, nếu tu phước một cách đúng đắn thì hạnh phúc có ngay trong hiện tại, và hạnh phúc như vậy chắc chắn sẽ có trong tương lai. Tu huệ cũng vậy. Nếu thực hành vững chãi, chúng ta sẽ có phước trong huệ và có huệ trong phước. Hành giả cần thực hành **phước huệ song tu**.

Theo Tỳ Kheo Hộ Pháp, Phật giáo có 3 phần chính: Pháp học, Pháp hành (thiền tập) và Pháp thành. Pháp học đúng đắn làm nền tảng cho Pháp hành được phát triển đúng. Khi Pháp hành phát triển đúng đắn dẫn đến kết quả là Pháp thành qua 4 Thánh quả và Niết Bàn. (Tỳ Kheo Hộ Pháp, Q. 1, Chương 2, *Nền Tảng Phật Giáo*).

**472-475. Rộng tu trí tuệ và phương tiện**: Bồ Tát đạo là con đường *“không vướng mắc vào không gian, thời gian, nên Bồ Tát luôn lặn lội trong tam đồ lục đạo, ung dung lui tới trong 3 cõi. Không chỗ nào mà không tới, không chúng sanh nào bị từ bỏ. Quả thật không gian là chân trời bao la bát ngát vô hạn; trải qua vô số a tăng kỳ kiếp tưởng chừng chỉ trong một sát na. Trí tuệ Bồ Tát, Thế, thì như như bất động. Tướng, chúng sanh có bao nhiêu nghiệp báo thân thì Bồ Tát có bấy nhiêu thân. Dụng, thì phương tiện quyền biến ứng xử độ sanh. Cho nên thân sơ, thương thù, trí ngu, phạm Thánh, giàu nghèo, trắng đen, già trẻ, nam nữ, phải trái... đều trong biển cả Đại Bi tâm”*. (Kinh Phật Dạy Cách Phát Tâm Bồ Đề, Không Trú dịch, tr. 55).

**476. Giúp người quá cố**. Trừ các bậc giác ngộ, mọi người sau khi chết đều phải **bị tái sanh**, theo nghiệp lực mà luân hồi trong 6 cõi. Người tu hành tinh tấn thì sanh ngay về cõi lành; người cùng cực hung ác thì đọa ngay vào ác đạo; còn phần lớn thì rơi vào giai đoạn chuyển tiếp gọi là *“thân trung ấm”*. *“Thân”* trung ấm

cấu tạo bằng những nguyên tử rất nhẹ, có thể di chuyển cực nhanh, trong những tuần đầu vẫn tưởng mình chưa chết nên thường về nhà, quanh quẩn bên người thân, đọc được tâm ý của người còn sống. Thân trung ấm cũng đụng chạm, cũng nói chuyện nhưng vì người thân không biết, không trả lời nên họ rất đau khổ.

Thân trung ấm thường tồn tại trong 49 ngày, cứ mỗi 7 ngày thì lập lại những đau đớn, sợ hãi và rối loạn như lúc mới chết nên dễ sa vào đường dữ. Vì vậy đạo Phật có pháp cúng Tuần để cứu giúp. Cách tính ngày cúng Tuần: ngày mất kể là 1 + 6 = 7 ngày; ví dụ mất thứ Năm thì cúng Tuần ngày thứ Tư. Sau tuần thứ nhất thì thần thức có thể tái sinh nếu hội đủ nhân duyên nghiệp quả và cha mẹ tương lai. Tuy nhiên, một số trường hợp sau 7 tuần, có khi trên cả 100 năm, thân trung ấm vẫn không siêu hóa. Vì quá tham đắm vào cái thân trước nên đi vào cảnh giới của Cô Hồn Ngạ Quỷ đói khát, bơ vơ, lạc lõng, thèm muốn thức ăn uống, thèm muốn tình cảm nhưng không bao giờ được thỏa mãn.

Kinh Địa Tạng dạy: Con quỷ dữ vô thường không hẹn mà đến, thần thức vợ vẫn mịt mờ chưa rõ là tội hay phước, trong 49 ngày như ngây như điếc, nghìn muôn sầu khổ. Thần thức người chết đó luôn luôn trông ngóng hàng cốt nhục thân quyến tu tạo phước lành để cứu vớt cho. Trong **3 tuần đầu**, thân trung ấm thường nhớ về đời sống vừa qua nên mọi sự hồi hướng phước báo của người thân rất dễ cảm ứng. Vì thân trung ấm chỉ cảm bằng Tâm nên cần chân thành mới có kết quả. (Tạng Thư Sống Chết, NT. Trí Hải dịch, tr. 397-408).

**477-478. Quán.** Nhìn sâu vào một đối tượng (vật chất, tinh thần, hay sự việc) để thấy sự thật, không ảo tưởng, không bị hình thức bên ngoài lừa dối. Nhìn thấy sự thật là tuệ.

**479-481.** Công hạnh của Đức Quán Thế Âm phát xuất từ nhân địa tu hành Bát nhã, quán sát cùng tột thật tướng các pháp, thấy được ngũ uẩn dưới dạng “*Không*”, cho nên kết hợp được hai mặt vật chất và năng lượng một cách tự tại, gọi là Quảng Đại Trí Tuệ quán. Từ đại trí tuệ Bát nhã, phát đại từ bi tâm, trở về ngọn nguồn tâm thức, lưu xuất Đại Bi Tâm Đà La Ni, hiện thân Quán Thế Âm Bồ Tát. Ngài có khả năng độ sanh rộng tới mức là “*thiên xứ hữu cầu thiên xứ ứng*”, tức đồng một lúc có một ngàn nơi cầu cứu, thì Ngài đều hiện thân cứu thoát đủ. (HT. Thích Trí Quảng, Ý Nghĩa Phẩm Phổ Môn Thứ 25).

**482-485.** Ca ngọi quán chân, quán thanh tịnh, quán trí tuệ, quán bi, quán từ.

**486. Chất bi: sấm sét của giới luật.** Khi Bồ Tát Quán Thế Âm bắt đầu tu tập, Ngài đã giữ giới luật một cách thuần túy, và từ sự thanh tịnh này, Ngài đạt được lòng bi rộng lớn, bao gồm cả những kẻ oan trái. *“Chất bi này giống như sấm sét, nó phát ra tiếng gầm sấm sét đánh thức mọi sinh vật”.* (Phổ Môn Phẩm Lạc Giảng, HT. Tuyên Hóa giảng, tr. 277).

**487-490. Chất liệu lòng từ.** Lý tưởng Bồ Tát được Thiền sư Khương Tăng Hội phổ biến tại Việt Nam rất sớm, trước năm 190. Ngài là **Sơ Tổ Thiền Tông Việt Nam**, sanh trưởng và tu học Phật Pháp tại Việt Nam, cha là người Khương Cư, mẹ là người Việt. Sau đó, năm 247, Ngài qua Đông Ngô truyền dạy Phật Pháp vào thời Tam Quốc. Ngài được Vua Ngô là Tôn Quyền tôn làm Quốc Sư, cho xây chùa Kiến Sơ làm trung tâm hoàng Pháp, cho phép tổ chức giới đàn, độ người xuất gia, sau này còn làm lễ Quy Y Tam Bảo cho Vua Ngô là Tôn Hạo. (Lê Mạnh Thát, Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam, T. 1, tr. 298-365).

**491-494.** Những âm thanh tuyệt vời của danh hiệu Quán Thế Âm. Ngài là **Tịnh Thánh**, nhưng không phải là một vị thần mà là một con người, một hành động, một phẩm chất thực sự. Ngài là một người thánh thiện, nhưng sự thánh thiện không dành riêng cho một ai. Nơi nào có chánh niệm, yên tịnh và sáng suốt đều có yếu tố thánh thiện. (HT. Thích Nhất Hạnh, Opening the Heart of the Cosmos, tr. 145).

**495. Mắt thương nhìn cuộc đời.** Đem mắt thương nhìn vào cuộc đời thì mọi loài đều được hạnh phúc và trái tim của chúng ta cũng thấm đẫm sự ngọt ngào của tình thương. Chúng ta hãy nhìn chúng sanh bằng con mắt từ bi chứ không chờ đợi chúng sanh nhìn chúng ta bằng con mắt cảm thông. Sớm hay muộn, mọi loài sẽ học được phương pháp đó và sẽ biết nhìn lại chúng ta bằng con mắt từ bi.

**496-497. Biển phước vô cùng:** Bồ Tát có hạnh đức hùng vĩ là nhờ lòng từ bi bình đẳng, không có đối tượng đặc biệt nào để nương tựa vào, hoàn toàn không còn thấy có sự đối lập giữa mình và người, gọi là *“vô duyên từ”*. Người sơ cơ có thể thực tập công hạnh của Ngài qua bài thiền ca Sông Biển:

*“Em chưa từng thấy biển, em chỉ thấy dòng sông.*

*Nhưng có nghe cô kể, biển thì rộng hơn sông.*

*Biển thì rộng mênh mông, bao la biển xanh mặn nông.*

*Một đời người như sông.*

*Nếu ai sống cho muôn người, thì lòng rộng hơn sông.*

*Nếu ai sống cho riêng mình, thì lòng hẹp hơn sông”.* (ĐĐ. Thích Trừng Sỹ, Specific Characteristics of the Sea in the Buddha Dharma).

**498. Ủng hộ Phật Pháp hưng thịnh.** Ngày 11/06/1963, Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu tại thành phố Sài Gòn, Thủ Đô của Việt Nam Cộng Hòa, để phản đối chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Thông điệp của Bồ Tát Thích Quảng Đức để lại là Xả Thân Vì Đạo Pháp Và Dân Tộc với tinh thần Bi Trí Dũng sáng ngời và sự nhiệm màu của Phật Pháp. Thông điệp đó kết tinh thành **TRÁI TIM XÁ LỢI, ĐỐT KHÔNG CHÁY**, dù lửa đốt 2 lần đến 4.000°C. (HT. Thích Trung Hậu & HT. Thích Hải Ấn, Chư Tôn Thiền Đức & Cư Sĩ Hữu Công, T. 1, tr. 403).

**499. Ngày đêm tự mình an trú trong Chánh Pháp.**

*“Chư Thiên, A Tu La*

*ai đến nghe Phật Pháp*

*hộ trì Phật Pháp ấy*

*bằng cách thường tinh tiến*

*Những người nghe Phật Pháp*

*hoặc ở trên mặt đất*

*với thế giới loài người*

*bản thân thì ngày đêm*

*Nguyện cầu mọi thế giới*

*bằng cách phước và trí*

*để bao nhiêu vọng nghiệp*

*siêu thoát mọi khổ đau*

*Hãy xoa khắp cơ thể*

*lại mặc cho cơ thể*

*rồi trang nghiêm khắp cả*

*thì bất cứ ở đâu*

*và Dược Xoa vân vân*

*tất cả hãy hết lòng*

*làm cho trường tồn mãi*

*thực hành lời Phật dạy.*

*cùng nhau đến nơi đây*

*hoặc ở trong không gian*

*hãy thường hành từ tâm,*

*sống đúng với Phật Pháp.*

*luôn luôn được yên ổn*

*đều đem làm lợi người*

*đều được tiêu tan cả*

*quy về Đại Niết Bàn.*

*bằng hương thơm giữ Giới*

*bằng y phục thiền Định*

*bằng bông hoa Tuệ giác*

*cũng thường được an lạc”.*

(HT. Thích Trí Quang dịch, Nghi Thức Công Phu Khuya, tr. 47).

**500. Tùy sở trụ xứ thường an lạc.** Lục Tổ Huệ Năng dạy: *“Phàm ngu không rõ tự tánh, không biết trong thân Tịnh Độ, người ngộ ở chỗ nào cũng vậy. Thế nên Phật nói: Tùy chỗ mình ở hằng được an lạc”.* (Kinh Pháp Bảo Đàn Giảng Giải,

Phẩm 3, HT. Thích Thanh Từ giảng, tr. 150).

- **Hiện pháp lạc trú** là sống an vui trong giây phút hiện tại. Kinh Nhất Dạ Hiền Giảng dạy:

*“Quá khứ không truy tìm, Tương lai không ước vọng.  
Quá khứ đã đoạn tận, Tương lai lại chưa đến.  
Chỉ có pháp hiện tại, Tuệ quán chính ở đây.  
Không động, không rung chuyển, Biết vậy, nên tu tập”.* (Trung Bộ, T. 3, tr. 442).

- **Niết Bàn không xa**. Đức Phật là người thấy cái thực, Ngài sống trong cái thực và chỉ cho mọi người thấy được cái thực. Thấy rồi thì mới sống với cái thực. Chỉ có vậy thôi. Sống với cái thực là sống thuận Pháp, nên gọi là đắc Đạo, đắc Quả... *“Thực ra, Niết Bàn không phải là xa. Xa là vì chúng ta cứ mãi hướng ngoại tâm cầu mà sở cầu chỉ là Niết Bàn ảo ảnh. Nhưng ngay khi buông bỏ mọi khát vọng, mọi tâm cầu, mọi ý muốn thủ đắc Niết Bàn thì Niết Bàn đã ở đó tự bao giờ”.* (Viên Minh, Thực Tại Hiện Tiền, tr. 76).

## **Kính Bỏ Túc Vào 500 Danh Hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm**

*(Theo Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, các câu sau đây còn thiếu trong Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm. Chúng con xin thành kính bỏ túc)*

**1B - 3B.** Bình đẳng tâm, vô kiến thủ tâm, vô thượng Bồ Đề tâm. (Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, tr. 203-204 ấn bản này).

**4B.** Diệu ngữ tạng. (Sđd., tr. 208).

**5B - 7B.** Bảo Khiếp thủ, Bảo Đạc thủ, Tổng Nhiếp Thiên Tý thủ. (Sđd., tr. 214).

**8B - 16B.** Chín tên gọi khác của Tâm Chú Đại Bi. (Sđd., tr. 210).

**17B - 22B.** Sáu nguyện hướng đến các đường dữ. (Sđd., tr. 199-200).





## 五百名觀世音經

### 春城法師序言

恭聞

五百名經者，乃觀世音菩薩五百之洪名也。若運限者而一心禮念，則運限消空；疾病者而一心禮念，則疾病痊癒。寔是感者通之，而求者必應，誠哉是言。由斯觀之，其五百名經，寔為護命之靈符，救世之良方也。然此作品者，自出版印行以至於今，體用漢文歷幾多年矣。竊念漢字時代春末，越語風潮日新，欲以流通普遍，二諦易曉，必要印行對照，則為現時之大方便也。今批城菩提精舍主事沙門釋光豪，發功德心，將此經印刷對照發行，以二諦有方應用如是，沙門釋光豪於佛法中有大功也。訥僧觀念於是，甚為大可，故敘述數詞以介紹雲耳，其序則於乎敢。

越南共和丁酉年季春下浣 沙門號春城 介紹。

道流裴文仁字，陳福清恭寫。

### 舉讚[編輯]

楊枝淨水遍灑三千，性空八德利人天，法界廣增延，滅罪消愆，火焰化紅蓮。  
南無清涼地菩薩、摩訶薩。

智慧弘深大辯才，端居波上絕塵埃，祥光燦破千生病，甘露能傾萬劫災，翠柳拂開金世界，紅蓮湧出玉樓臺，我今稽首焚香讚，願向人間應現來。  
南無觀世音菩薩、摩訶薩。

**恭聞**：圓通教主滿月金容，侍彌陀於極樂國中，助釋迦於娑婆界內，居琉璃衆寶之山，處千葉紅蓮之座，過去正法明，現前觀自在，三十二應，廣度群生，七難二求，多方應物，殊勝妙力，讚莫能窮。

仰叩

洪慈俯彰，洞鑒今辰，奉為建壇，某同諸人等，稟佛遺訓建壇，某等諸人眾等，依於某處，修禮觀音普福道場，上來啟建之初，謹焚信香，恭請菩薩：垂楊柳而遍灑甘露，除熱惱以皆得清涼，尋聲救苦於四生，說法度脫於六道，稟慈悲堅固之心，具自在端嚴之相，有求皆應，無願不從，故我緇流，端秉淨觀，誠誦密言加持法水。



是水也，方圓隨器，盈虛任時，春泮冬凝，坎流良止，浩浩乎妙源莫測，滔滔乎靈派難窮，碧澗藏龍，寒潭浸月，或在君王龍筆下散作恩波，或居菩薩柳枝頭灑為甘露，一滴纔霑，十方俱淨。

菩薩柳頭甘露水，能令一滴遍十方。腥羶垢穢盡蠲除，令此壇場悉清淨。

教有密言，謹當持誦：

唵。捺摩巴葛瓦帝。阿巴囉密沓。阿優哩阿納。蘇必你實執沓。牒左囉宰也。怛塔哿達也。阿囉訶帝。三藐三步塔也。怛你也塔。唵。薩哩巴。桑斯葛哩。叭哩述沓。達囉馬帝。哿哿捺。桑馬兀哿帝。莎巴瓦比述帝。馬喝捺也。叭哩瓦哩。娑訶。（三遍）

一切恭敬信，禮常住三寶，（拈香跪白）是諸衆等，各各胡跪，嚴持香花，如法供養。

五分真香馥，七覺妙華嚴，流注四辨河，稱揚三寶海。願我身口意，供彼佛法僧，大作光明雲，普利無窮極。

供養已，一切恭敬信，禮常住三寶，（白）伏以圓通教主、正法導師，居天竺住補陀，現僧伽，化達摩，變千手眼，具六神通，眉橫新月彎彎，目動流星燦燦，翠髮布三春之柳，紅顏開九夏之蓮，霞衣掛六銖，花冠裝七寶，尋聲而救苦救難，發願而利物利人，供養者福等河沙，讚禮者罪消塵劫，證明此功德圓滿，諸

願心，衆等翹誠，一心頂禮，弟子（某）**志心敬禮**

南無娑婆教主我本師釋迦牟尼佛，  
南無說昔因呈釋迦牟尼佛觀世音菩薩，  
南無古佛示現觀世音菩薩，  
南無當來補處阿彌陀佛觀世音菩薩，  
南無遇千光王靜住佛得大悲心咒觀世音菩薩，  
南無對佛立誓如所願湧出千手千眼觀世音菩薩，  
南無過去劫為正法明王如來觀世音菩薩，  
南無八萬四千母陀羅臂觀世音菩薩，  
南無千手千眼觀世音菩薩，  
南無四十二臂觀世音菩薩， 10  
南無十八臂觀世音菩薩，  
南無十二臂觀世音菩薩，

南無八臂觀世音菩薩，  
南無四臂觀世音菩薩，  
南無千轉觀世音菩薩，  
南無十二面觀世音菩薩，  
南無十一面觀世音菩薩，  
南無正趣觀世音菩薩，  
南無毘俱胝觀世音菩薩，  
南無馬頭觀世音菩薩， 20  
南無阿耶揭唎婆觀世音菩薩，  
南無法淨觀世音菩薩，  
南無葉衣觀世音菩薩，  
南無消伏毒害觀世音菩薩，

南無如意寶輪觀世音菩薩，  
 南無圓滿無礙大悲心觀世音菩薩，  
 南無破一切業障觀世音菩薩，  
 南無摩訶波頭摩旃檀摩尼心觀世音菩薩，  
 南無滅惡趣觀世音菩薩，  
 南無饒益眾生觀世音菩薩， 30  
 南無能滿一切願觀世音菩薩，  
 南無能救產難苦觀世音菩薩，  
 南無具大悲心觀世音菩薩，  
 南無具大慈心觀世音菩薩，  
 南無地獄門開觀世音菩薩，  
 南無現種種音聲觀世音菩薩，  
 南無現種種色相觀世音菩薩，  
 南無現種種利樂觀世音菩薩，  
 南無現種種救苦救難觀世音菩薩，  
 南無現種種神通觀世音菩薩， 40  
 南無能滿種種願觀世音菩薩，  
 南無能脫五逆重罪觀世音菩薩，  
 南無能除蠱毒咒詛厭禱觀世音菩薩，  
 南無能除頭腦胸脇諸病觀世音菩薩，  
 南無能除咽喉諸病觀世音菩薩，  
 南無能除口腹腰背諸病觀世音菩薩，  
 南無能除眼耳唇舌諸病觀世音菩薩，  
 南無能除牙齒鼻身諸病觀世音菩薩，  
 南無能除手腳諸病觀世音菩薩，  
 南無能除瘋狂癲病觀世音菩薩， 50  
 南無能除諸惡鬼神惱人觀世音菩薩，  
 南無能除刀兵水火災厄觀世音菩薩，  
 南無能除雷電震怖觀世音菩薩，  
 南無能除冤家劫盜觀世音菩薩，  
 南無能除惡軍惡賊觀世音菩薩，  
 南無能除三災九橫觀世音菩薩，  
 南無能除惡夢變怪觀世音菩薩，

南無能除蚊蛇蝮蠍觀世音菩薩，  
 南無能除諸惡毒獸觀世音菩薩，  
 南無能除官事爭訟觀世音菩薩， 60  
 南無能現極樂世界令人利樂觀世音菩薩，  
 南無能令持念者眾人愛敬觀世音菩薩，  
 南無能令持念人具世間財觀世音菩薩，  
 南無能令人增益一切樂具觀世音菩薩，  
 南無能令一切眾生增益一切勢力  
 觀世音菩薩，  
 南無能與長命觀世音菩薩，  
 南無能與富貴長壽觀世音菩薩，  
 南無無為心觀世音菩薩，  
 南無無染心觀世音菩薩，  
 南無空觀心觀世音菩薩， 70  
 南無恭敬心觀世音菩薩，  
 南無卑下心觀世音菩薩，  
 南無無雜亂心觀世音菩薩，  
 南無陀羅尼念觀世音菩薩，  
 南無誓度一切眾生心觀世音菩薩，  
 南無千眼照見觀世音菩薩，  
 南無千手護持觀世音菩薩，  
 南無能除八萬四千種病觀世音菩薩，  
 南無能伏一切惡鬼神觀世音菩薩，  
 南無能降諸天魔觀世音菩薩， 80  
 南無能制諸外道觀世音菩薩，  
 南無能除山精魑魅魍魎觀世音菩薩，  
 南無能除邪心觀世音菩薩，  
 南無能除貪染心觀世音菩薩，  
 南無能令眾生得善果觀世音菩薩，  
 南無具佛身藏觀世音菩薩，  
 南無光明身藏觀世音菩薩，  
 南無慈悲藏觀世音菩薩，  
 南無妙法藏觀世音菩薩，

南無禪定藏觀世音菩薩, 90  
 南無虛空藏觀世音菩薩,  
 南無無畏藏觀世音菩薩,  
 南無常住藏觀世音菩薩,  
 南無解脫藏觀世音菩薩,  
 南無藥王藏觀世音菩薩,  
 南無神通藏觀世音菩薩,  
 南無廣大自在觀世音菩薩,  
 南無觀世音自在觀世音菩薩,  
 南無撚索觀世音菩薩,  
 南無千光眼觀世音菩薩,  
 我今稽首禮願共諸眾生所求皆滿足

(一百竟)

南無安樂成就眾生觀世音菩薩,  
 南無令人具大悲願力觀世音菩薩,  
 南無現作菩薩觀世音菩薩,  
 南無不空羂索觀世音菩薩,  
 南無除眼痛觀世音菩薩,  
 南無除耳痛觀世音菩薩,  
 南無除鼻痛觀世音菩薩,  
 南無除舌痛觀世音菩薩,  
 南無除齒痛觀世音菩薩,  
 南無除牙痛觀世音菩薩, 110  
 南無除唇痛觀世音菩薩,  
 南無除心胸痛觀世音菩薩,  
 南無除臍痛觀世音菩薩,  
 南無除腰脊痛觀世音菩薩,  
 南無除脇腋痛觀世音菩薩,  
 南無除斷齧痛觀世音菩薩,  
 南無除髁痛觀世音菩薩,  
 南無除脛膝痛觀世音菩薩,  
 南無除肢節痛觀世音菩薩,  
 南無除手足痛觀世音菩薩, 120

南無除頭面痛觀世音菩薩,  
 南無除咽喉痛觀世音菩薩,  
 南無除肩膊痛觀世音菩薩,  
 南無除風病觀世音菩薩,  
 南無除氣病觀世音菩薩,  
 南無除痔病觀世音菩薩,  
 南無除痢病觀世音菩薩,  
 南無除痲病觀世音菩薩,  
 南無除癢癬病觀世音菩薩,  
 南無除白癩病觀世音菩薩, 130  
 南無除重癩病觀世音菩薩,  
 南無除疥癬病觀世音菩薩,  
 南無除皰瘡觀世音菩薩,  
 南無除甘瘡觀世音菩薩,  
 南無除華瘡觀世音菩薩,  
 南無除漏瘡觀世音菩薩,  
 南無除毒瘡觀世音菩薩,  
 南無除癰腫觀世音菩薩,  
 南無除遊腫觀世音菩薩,  
 南無除疔腫觀世音菩薩, 140  
 南無除節腫觀世音菩薩,  
 南無除毒腫觀世音菩薩,  
 南無除患癩癩觀世音菩薩,  
 南無除患甘潤觀世音菩薩,  
 南無除囚禁枷鎖觀世音菩薩,  
 南無除打罵誹謗觀世音菩薩,  
 南無除謀害恐怖觀世音菩薩,  
 南無除不饒益事觀世音菩薩,  
 南無持咒利他觀世音菩薩,  
 南無持咒浴水霑人消罪觀世音菩薩, 150  
 南無持咒風吹人身得利觀世音菩薩,  
 南無持咒出言歡喜愛敬觀世音菩薩,  
 南無持咒風吹著人滅罪觀世音菩薩,

南無持咒龍天常當擁護觀世音菩薩，  
 南無咒力能除國土災難觀世音菩薩，  
 南無咒力能除他國怨敵觀世音菩薩，  
 南無咒力能使國土豐饒觀世音菩薩，  
 南無咒力能除疫氣流行觀世音菩薩，  
 南無能除水旱不調觀世音菩薩，  
 南無能除日月失度觀世音菩薩， 160  
 南無能弭叛臣謀逆觀世音菩薩，  
 南無能使外國怨敵自降觀世音菩薩，  
 南無能令國還政治觀世音菩薩，  
 南無能令雨澤順時觀世音菩薩，  
 南無能令菓實豐饒觀世音菩薩，  
 南無能與人民安樂觀世音菩薩，  
 南無能令惡事消滅觀世音菩薩，  
 南無能令國土安穩觀世音菩薩，  
 南無令日光菩薩擁護眾生觀世音菩薩，  
 南無令月光菩薩擁護眾生觀世音菩薩， 170  
 南無能令大乘法芽增長觀世音菩薩，  
 南無能興所修成辦觀世音菩薩，  
 南無能除十五種惡死觀世音菩薩，  
 南無不令饑餓苦死觀世音菩薩，  
 南無不為禁杖楚死觀世音菩薩，  
 南無不為冤讐對死觀世音菩薩，  
 南無不為軍陣相殺死觀世音菩薩，  
 南無不為惡欲怨苦死觀世音菩薩，  
 南無不為毒蛇所中死觀世音菩薩，  
 南無不為水火漂焚死觀世音菩薩。 180  
 南無不為毒藥所中死觀世音菩薩，  
 南無不為蠱毒所害死觀世音菩薩，  
 南無不為狂亂失念死觀世音菩薩，  
 南無不為樹岸墜落死觀世音菩薩，  
 南無不為惡人厭魅死觀世音菩薩，  
 南無不為邪神惡鬼得便死觀世音菩薩，  
 南無不為惡病纏身死觀世音菩薩，  
 南無不為非分自害死觀世音菩薩，  
 南無得十五種善生觀世音菩薩，  
 南無所生常逢善王觀世音菩薩， 190  
 南無常生善國觀世音菩薩，  
 南無常生好時觀世音菩薩，  
 南無常逢善友觀世音菩薩，  
 南無身根具足觀世音菩薩，  
 南無道心純熟觀世音菩薩，  
 南無不犯禁戒觀世音菩薩，  
 南無所有眷屬和順觀世音菩薩，  
 南無得人恭觀世音菩薩，  
 南無所有無他劫奪觀世音菩薩，  
 南無所求皆稱觀世音菩薩，  
 我今稽首禮願共諸眾生所求皆菓遂  
 (二百竟)  
 南無龍天善神常護觀世音菩薩，  
 南無所生見佛聞法觀世音菩薩，  
 南無所聞正法悟甚深義觀世音菩薩，  
 南無與我速知一切法觀世音菩薩，  
 南無與我早得智慧眼觀世音菩薩，  
 南無與我速度一切眾觀世音菩薩，  
 南無與我早得善方便觀世音菩薩，  
 南無與我速乘般若船觀世音菩薩，  
 南無與我早得越苦海觀世音菩薩，  
 南無與我速得戒定道觀世音菩薩。 210  
 南無與我早登涅槃山觀世音菩薩，  
 南無與我速會無為舍觀世音菩薩，  
 南無與我早同法性身觀世音菩薩，  
 南無常見十方佛觀世音菩薩，  
 南無常聞一切善法觀世音菩薩，  
 南無常覩千手千眼觀世音菩薩，  
 南無常在補陀落山觀世音菩薩，

南無常演說大悲心咒觀世音菩薩，  
 南無能遣密跡金剛擁護觀世音菩薩，  
 南無常得烏芻金剛擁護觀世音菩薩， 220  
 南無能遣軍荼利金剛擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣鴛俱屍金剛擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣八部力士擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣賞迦囉金剛擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣摩醯首囉擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣那羅延擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣金毘羅擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣婆毘羅擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣婆馱婆擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣迦婁羅擁護觀世音菩薩， 230  
 南無能遣滿喜車鉢擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣真陀羅擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣半祇羅擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣畢婆伽羅王擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣應德毘多擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣薩和羅擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣三鉢羅擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣五部淨居擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣燄羅擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣帝釋王擁護觀世音菩薩， 240  
 南無能遣大辯天擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣功德天擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣婆涅那擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣提頭賴吒天王擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣補丹那擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣大力衆擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣毘婁勒叉天王擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣毘婁博叉天王擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣毘沙門天王擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣金色孔雀王擁護觀世音菩薩。 250  
 南無能遣二十八部大僊眾擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣摩尼王擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣跋陀羅擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣散脂大將擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣弗羅婆擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣難陀龍王擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣跋難陀龍王擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣婆伽羅龍王擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣伊鉢羅龍王擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣阿修羅擁護觀世音菩薩， 260  
 南無能遣乾闥婆擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣緊那羅擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣摩睺羅擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣水神擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣火神擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣風神擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣地神擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣雷神擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣電神擁護觀世音菩薩，  
 南無能遣鳩槃荼擁護觀世音菩薩， 270  
 南無能遣毘舍闍擁護觀世音菩薩，  
 南無速令滿足六度行觀世音菩薩，  
 南無速令聲聞證果觀世音菩薩，  
 南無速令得大乘信根觀世音菩薩，  
 南無速令得十住地觀世音菩薩，  
 南無速令到佛地觀世音菩薩，  
 南無速令成就三十二相觀世音菩薩，  
 南無速令成就八十種好觀世音菩薩，  
 南無能令地獄門開罪人解脫觀世音菩薩，  
 南無能令眾生得大勝樂觀世音菩薩， 280  
 南無能令眾生得大勝益觀世音菩薩，  
 南無咒力能令惡業障破壞觀世音菩薩，  
 南無咒力應墮地獄即得解脫觀世音菩薩，



南無於所求物如風疾至觀世音菩薩，  
 南無心所願事悉能與之觀世音菩薩，  
 南無若欲見佛當與見佛觀世音菩薩，  
 南無觀世音心秘密與願觀世音菩薩，  
 南無兩大寶雨觀世音菩薩，  
 南無如大劫樹觀世音菩薩，  
 南無如如意珠觀世音菩薩， 290  
 南無一切所願悉皆滿足觀世音菩薩，  
 南無一切所求無能障礙觀世音菩薩，  
 南無不須擇日讀即成就觀世音菩薩，  
 南無不須持齋讀即應驗觀世音菩薩，  
 南無無有餘咒與如意輪等者觀世音菩薩，  
 南無五無間罪消滅無餘觀世音菩薩，  
 南無若有諸患但讀皆除觀世音菩薩，  
 南無戰伐鬪爭無有不勝觀世音菩薩，  
 南無一切妙具皆自莊嚴觀世音菩薩，  
 南無直至菩提永離惡獸觀世音菩薩，  
 我今稽首禮願共諸眾生所求皆滿足

（三百竟）

南無罪惡消滅究竟成佛觀世音菩薩，  
 南無能令貨食增長觀世音菩薩，  
 南無富貴資生無不豐足觀世音菩薩，  
 南無常念觀音永作依怙觀世音菩薩，  
 南無於無量劫成就大悲觀世音菩薩，  
 南無滿足諸希求觀世音菩薩，  
 南無增長諸白法觀世音菩薩，  
 南無成就一切善根觀世音菩薩，  
 南無遠離一切諸畏觀世音菩薩，  
 南無佛敕善神常當擁護觀世音菩薩， 310  
 南無現作菩薩成就眾生觀世音菩薩，  
 南無退散害苗菓子觀世音菩薩，  
 南無如意珠手觀世音菩薩，  
 南無繡索手觀世音菩薩，

南無寶鉢手觀世音菩薩，  
 南無寶劍手觀世音菩薩，  
 南無跋折囉手觀世音菩薩，  
 南無金剛杵手觀世音菩薩，  
 南無施無畏手觀世音菩薩，  
 南無日精摩尼手觀世音菩薩， 320  
 南無月精摩尼手觀世音菩薩，  
 南無寶弓手觀世音菩薩，  
 南無寶箭手觀世音菩薩，  
 南無楊枝手觀世音菩薩，  
 南無白拂手觀世音菩薩，  
 南無胡瓶手觀世音菩薩，  
 南無旁排手觀世音菩薩，  
 南無鉞斧手觀世音菩薩，  
 南無玉環手觀世音菩薩，  
 南無紅蓮花手觀世音菩薩， 330  
 南無白蓮花手觀世音菩薩，  
 南無青蓮花手觀世音菩薩，  
 南無紫蓮花手觀世音菩薩，  
 南無五色雲手觀世音菩薩，  
 南無軍持手觀世音菩薩，  
 南無寶鏡手觀世音菩薩，  
 南無寶戟手觀世音菩薩，  
 南無寶螺手觀世音菩薩，  
 南無髑髏杖手觀世音菩薩，  
 南無數珠手觀世音菩薩， 340  
 南無寶鉞手觀世音菩薩，  
 南無寶印手觀世音菩薩，  
 南無俱屍鐵鉤手觀世音菩薩，  
 南無錫杖手觀世音菩薩，  
 南無合掌手觀世音菩薩，  
 南無化佛手觀世音菩薩，  
 南無化宮殿手觀世音菩薩，

南無寶經手觀世音菩薩，  
 南無不退金剛手觀世音菩薩，  
 南無頂上化佛手觀世音菩薩， 350  
 南無蒲萄手觀世音菩薩，  
 南無具四十二臂觀世音菩薩，  
 南無具神通眼觀世音菩薩，  
 南無具神通耳觀世音菩薩，  
 南無具神通鼻觀世音菩薩，  
 南無具神通舌觀世音菩薩，  
 南無具神通身觀世音菩薩，  
 南無具神通意觀世音菩薩，  
 南無得天眼通觀世音菩薩，  
 南無得天耳通觀世音菩薩， 360  
 南無得天鼻通觀世音菩薩，  
 南無得天舌通觀世音菩薩，  
 南無得天身通觀世音菩薩，  
 南無得天意通觀世音菩薩，  
 南無得千手觀世音菩薩，  
 南無得千眼觀世音菩薩，  
 南無得大悲心陀羅尼觀世音菩薩，  
 南無得普門示現觀世音菩薩，  
 南無得度生觀世音菩薩，  
 南無得與願觀世音菩薩， 370  
 南無能說大悲心陀羅尼觀世音菩薩，  
 南無令十地得果觀世音菩薩，  
 南無令四果得果觀世音菩薩，  
 南無不忘失大陀羅尼觀世音菩薩，  
 南無令常讀此咒無令斷絕觀世音菩薩，  
 南無制心一處觀世音菩薩，  
 南無千眼照見觀世音菩薩，  
 南無千手護持觀世音菩薩，  
 南無出口言音觀世音菩薩，  
 南無得九十九億恆沙諸佛愛念觀世音

菩薩. 380  
 南無以實觀眾生觀世音菩薩，  
 南無得一切如來光明普照觀世音菩薩，  
 南無恆以陀羅救眾生觀世音菩薩，  
 南無常得百千三昧現前觀世音菩薩，  
 南無能遣天龍八部擁護觀世音菩薩，  
 南無三災劫不能壞觀世音菩薩，  
 南無常以陀羅尼療眾生病觀世音菩薩，  
 南無遊諸佛國得自在觀世音菩薩，  
 南無誦此咒聲聲不絕觀世音菩薩，  
 南無所在處令人民安樂觀世音菩薩. 390  
 南無具不可思議威神觀世音菩薩，  
 南無顯功德六字陀羅尼觀世音菩薩，  
 南無具種種法樂利樂眾生觀世音菩薩，  
 南無得化身說法觀世音菩薩，  
 南無現佛身說法觀世音菩薩，  
 南無現辟支佛身說法觀世音菩薩，  
 南無現聲聞身說法觀世音菩薩，  
 南無現梵王身說法觀世音菩薩，  
 南無現帝釋身說法觀世音菩薩，  
 南無現自在天身說法觀世音菩薩，  
 我今稽首禮願共諸眾生所求皆滿足  
 (四百竟)  
 南無現大自在天身說法觀世音菩薩，  
 南無現天大將軍身說法觀世音菩薩，  
 南無現毘沙門身說法觀世音菩薩，  
 南無現小王身說法觀世音菩薩，  
 南無現長者身說法觀世音菩薩，  
 南無現居士身說法觀世音菩薩，  
 南無現宰官身說法觀世音菩薩，  
 南無現婆羅門身說法觀世音菩薩，  
 南無現比丘身說法觀世音菩薩，  
 南無現比丘尼身說法觀世音菩薩. 410



南無現優婆塞身說法觀世音菩薩，  
 南無現優婆夷身說法觀世音菩薩，  
 南無現婦女身說法觀世音菩薩，  
 南無現童男身說法觀世音菩薩，  
 南無現童女身說法觀世音菩薩，  
 南無現天身說法觀世音菩薩，  
 南無現龍身說法觀世音菩薩，  
 南無現夜叉身說法觀世音菩薩，  
 南無現乾闥婆身說法觀世音菩薩，  
 南無現阿修羅身說法觀世音菩薩， 420  
 南無現迦樓羅身說法觀世音菩薩，  
 南無現緊那羅身說法觀世音菩薩，  
 南無現摩睺羅伽身說法觀世音菩薩，  
 南無現人身說法觀世音菩薩，  
 南無現非人身說法觀世音菩薩，  
 南無現執金剛身神說法觀世音菩薩，  
 南無施無畏觀世音菩薩，  
 南無自在觀世音菩薩，  
 南無應感觀世音菩薩，  
 南無得如是眼觀世音菩薩， 430  
 南無得如是耳觀世音菩薩，  
 南無得如是鼻觀世音菩薩，  
 南無得如是舌觀世音菩薩，  
 南無得如是身觀世音菩薩，  
 南無得如是意觀世音菩薩，  
 南無得如是見觀世音菩薩，  
 南無得如是聞觀世音菩薩，  
 南無得如是用觀世音菩薩，  
 南無得如是行觀世音菩薩，  
 南無得如是愛觀世音菩薩， 440  
 南無得如是敬觀世音菩薩，  
 南無禮我如禮觀世音菩薩，  
 南無近我如近觀世音菩薩，

南無得我如得觀世音菩薩，  
 南無憶我如憶觀世音菩薩，  
 南無事我如事觀世音菩薩，  
 南無供養我如供養觀世音菩薩，  
 南無淨三業觀世音菩薩，  
 南無得觀音妙號觀世音菩薩，  
 南無除三途苦惱觀世音菩薩， 450  
 南無法界得清涼觀世音菩薩，  
 南無易脫眾生諸苦觀世音菩薩，  
 南無觀其音聲令得解脫觀世音菩薩，  
 南無使毒藥變成甘露漿觀世音菩薩，  
 南無令人離欲觀世音菩薩，  
 南無令人離嗔觀世音菩薩，  
 南無令人離癡觀世音菩薩，  
 南無與人得男女觀世音菩薩，  
 南無受人禮拜福不唐捐觀世音菩薩，  
 南無受人供養福不窮盡觀世音菩薩， 460  
 南無以種種形遊諸國土觀世音菩薩，  
 南無遊諸國土度脫眾生觀世音菩薩，  
 南無善應諸方所觀世音菩薩，  
 南無弘誓深如海觀世音菩薩，  
 南無歷劫不思議觀世音菩薩，  
 南無侍多千億佛觀世音菩薩，  
 南無發大清淨願觀世音菩薩，  
 南無聞名不空過觀世音菩薩，  
 南無見身不空過觀世音菩薩，  
 南無心念不空過觀世音菩薩， 470  
 南無滅諸有苦觀世音菩薩，  
 南無將加害必起慈心觀世音菩薩，  
 南無具足神通力觀世音菩薩，  
 南無廣修智方便觀世音菩薩，  
 南無無刹不現身觀世音菩薩，  
 南無生老病死苦息滅觀世音菩薩，

南無得真觀觀世音菩薩，  
南無得清淨觀觀世音菩薩，  
南無廣大智慧觀觀世音菩薩，  
南無得悲觀觀世音菩薩， 480  
南無得慈觀觀世音菩薩，  
南無願願常瞻仰觀世音菩薩，  
南無無垢清淨光觀世音菩薩，  
南無慧日破諸暗觀世音菩薩，  
南無普明照世間觀世音菩薩，  
南無悲體戒雷震觀世音菩薩，  
南無慈意妙大雲觀世音菩薩，  
南無澍甘露法雨觀世音菩薩，  
南無滅除煩惱焰觀世音菩薩，  
南無衆怨悉退散觀世音菩薩， 490  
南無妙音觀世音菩薩，  
南無梵音觀世音菩薩，  
南無海潮音觀世音菩薩，  
南無淨聖觀世音菩薩，  
南無慈眼觀眾生觀世音菩薩，  
南無福聚海無量觀世音菩薩，  
南無於苦惱死厄能為作依怙觀世音菩薩，  
南無擁護佛法使長存觀世音菩薩，  
南無日夜自身依法住觀世音菩薩，  
南無隨所住處常安樂觀世音菩薩，  
我今稽首禮願共諸眾生所求皆滿足  
(五百竟)

願多生父母，累劫冤親，八難三途，孤魂滯魄，超生安樂國，無量劫來罪消滅。  
誦觀世音菩薩隨心咒

唵，多唎多唎，都多唎，都都多唎，都唎，娑婆訶。

### 普懺白

仰啟：觀世音菩薩，慈悲軫念，利濟銘心，示投誠起敬之方，闡改過自新之路，哀矜我等，普及有情，今世今生故為罪垢，夙緣夙業必有冤愆，庸伸懺悔之儀，尚覬含容之德，六趣蕩除資法水，三途扇去賴慈風，罪根翻作福根，惡果化為善果，伏望慈尊俯容懺悔，普為四恩三有法界眾生，悉願斷除諸障，皈命禮懺悔。

### 志心懺

一自身居浮世上，多般作罪向樊籠，四大隻將財色牽，一生常把酒肉噉，養女種男傷物命，育蠶煮繭殺生頭，迎賓醞釀撒拋多，接客烹魚無有數，或富遽將升鬥弄，或貧遂肆竊盜心，不然毀佛百般言，盡是謗僧多種說，負債辜恩多少苦，加諸枉濫作冤憎，或瞞常住取資財，或向私存侵貨物，業鏡臺前親顯現，灰河浪裏自漂沉，人間百歲易消磨，地獄片時難得過，城上鐵圍千丈廣，鑊湯人骨萬條橫，夜來床上臥長釘，日裏刀山懸劍樹，聞說獄中多少苦，哪堪經歷受波吒，常聞慧日有光明，爍破罪愆消黑暗，欲將人身無失落，須憑佛力作良緣，免教鱗甲換人皮，不使羽毛包骨肉，萬苦千辛投聖主，再三誠懇告觀音，從前所作衆罪愆，願佛慈悲通懺悔。

懺悔已，志心皈命禮三寶。

### 志心發願

我生不善諸煩惱，願永消除罪障因，未悟迷邪十惡纏，願不與心相續起，欲界色界無色界，早斷纏綿有漏因，染因染果染塵緣，願向生生不相續，順現順前順後業，三世怨尤永滅除，破齋破戒破威儀，一切志心皆懺悔，業障報障煩惱障，觀身實相性俱空，敬佛敬法經真僧，清淨法身早勳顯。

發願已，志心皈命禮常住三寶（一拜）。

**讚云：**觀音大士，昔號圓通，十二大願誓弘深，苦海度迷津，救苦尋聲，無刹不現身。

南無靈感觀世音菩薩、摩訶薩。

觀音德相，難盡讚揚，具有疏表章，謹當宣讀，上來禮五百觀音經文，及宣表已完，用憑火化。

誦般若補訣。

南無觀自在菩薩、摩訶薩。（禮謝，誦迴向）

吾今為汝解金吒，終不與汝結金吒，唵彊中彊吉中吉，摩訶會裡有殊律，一切冤家離我身，摩訶般若波羅蜜。

南無解冤結菩薩、摩訶薩。（三遍）百千萬劫解冤讐，無量無邊得解脫，解了部臨滅，金吒金吒僧金吒，解結解結解冤結，解了前生冤和業，洗心滌慮發虔誠，今對佛前求解結，解結解結解冤結，解了前生冤和業。

誦經功德殊勝行，無邊勝福皆迴向，普願沉溺諸眾生，速往無量光佛刹。

十方三世一切佛，諸尊菩薩摩訶薩，摩訶般若波羅蜜。

四生九有，同登華藏玄門；八難三途，共入毘盧性海。

南無娑婆世界三界大師、四生慈父、人天教主、千百億化身、本師釋迦牟尼佛。

自皈依佛，當願眾生體解大道，發無上心；

自皈依法，當願眾生深入經藏，智慧如海；

自皈依僧，當願眾生統理大眾，一切無礙，和南聖眾。

願以此功德，普及於一切，我等與眾生，皆共成佛道。

**終畢。**

Source (Nguồn):

<http://www.nomfoundation.org/>

<https://zh.m.wikisource.org/zh-hans/%E4%BA%94%E7%99%BE%E5%90%8D%E8%A7%80%E4%B8%96%E9%9F%B3%E7%B6%93>



*The Buddha Accomplished His Teachings*

**PART III**  
**LINH ỨNG**





## Linh Ứng Bồ Tát Quán Thế Âm

*(Sáu mẩu chuyện đầu tiên trích từ Nghiên Cứu Về Thiền Uyển Tập Anh cho thấy: chư Tôn Thiền Đức Việt Nam có nhiều bậc Đạo Cao Đức Trọng Quý Thần Kinh, không khác gì chư Tôn Đức Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ, Tây Tạng)*

### Thiền Sư Ma Ha

Chùa Quan Âm, làng Đào Gia, xã Cổ Miệt, Hải Dương. Tổ Tiên là người Chiêm Thành, sau mạo tánh họ Dương. Cha tên Bối Đà, rành về sách bói, làm quan dưới triều Lê coi về lễ nhạc Phật Giáo. Lớn lên, Sư là người có hiểu biết thấu đáo mọi việc, học thông cả hai ngôn ngữ Hán và Phạn. Năm 24 tuổi, Sư nối nghiệp cha, tiếp tục trụ trì ngôi chùa cũ. Thường vào những lúc diễn tập lễ nhạc, Sư thấy Hộ Pháp, Thiện Thần quờ rờ rằng: “Sao dùng cái học bên ngoài đó, chắc chắn không hiểu được nghĩa lý”. Sư do đó bị mù, rất tự hồi lỗi. Khi sắp gieo mình xuống vực sâu mà chết thì gặp Viễn Biệt chùa Đông Lâm ngăn rằng: “Đừng! Đừng!”. Sư nghe lời đó liền tỉnh ngộ.

Về sau, Sư đến chùa Cổ Sơn thọ giáo với Pháp sư Đỗ Pháp Thuận. Sư chuyên việc sám hối và trì tụng Đại Bi Tâm Chú, trải ba năm chưa từng một chút biếng trễ. Sư được Bồ Tát Quán Thế Âm lấy nước sạch cành dương rưới lên đầu mặt, mắt bỗng nhiên sáng lại và lòng càng thêm thanh tịnh. Năm Thuận Thiên thứ 5 (1014), Sư dời về ở núi Đạc Vân tại Trường An, ngày ngày siêng năng tu tập, đạt được Tổng Trì tam muội và các ảo thuật, người đời không lường nổi.

Hoàng Đế Lê Đại Hành ba lần mời Sư vào cung thưa hỏi, Sư chỉ chấp tay cúi đầu mà thôi. Bất đến lần thứ ba, Sư mới đáp: “Cuồng Tăng ở chùa Quan Âm”. Vua cả giận, sai giam Sư ở chùa Vạn Tuế trong đại nội, cho người khóa cửa canh gác. Đến sáng thì đã thấy Sư ở ngoài phòng Tăng mà cửa vẫn khóa kín như cũ. Vua rất ngạc nhiên, bèn cho phép Sư đi đâu thì đi. Sư đi về phía Nam đến Ái Châu, ở

trần Sa Đẳng. Phong tục trần ấy ưa thờ cúng quỷ thần, lại chuyên nghề sát sinh. Sư khuyên họ ăn chay, họ đều nói: “Thiên thần của chúng tôi, họa phước không dám trái”. Sư bảo: “Các người nếu có thể bỏ ác làm lành, giả như có quỷ thần gây hại, lão Tăng sẽ tự chịu thế cho”. Dân làng thưa: “Gần đây có người bệnh lâu sắp chết, thầy thuốc, đồng bóng đều bó tay. Nếu ông chữa được bệnh này, chúng tôi sẽ theo lời khuyên”. Sư bèn lấy nước đọc chú rồi phun vào, người bệnh tức khắc bớt ngay. Họ tuy cảm phục nhưng thói cũ ăn sâu, chưa thể chóng đổi.

Có hương hào họ Ngô, nhân uống rượu say, đem rượu thịt đến trước mặt ép Sư: “Hoà Thượng có thể theo được cuộc vui này thì chúng tôi sẽ tuân theo lời ngài dạy”. Sư bảo: “Đã mời thì chẳng dám từ, chỉ sợ đau bụng đấy thôi”. Họ Ngô mừng thưa: “Có đau thì Ngô tôi tự thay cho”. Sư nhận lời làm theo, rồi bỗng giả bộ làm bụng sinh to, trong bụng tiếng sôi như sấm, hơi thở hào hển, van to: “Ông Ngô đâu chịu thay cho ta”. Họ Ngô xanh mặt, chẳng biết làm gì. Sư tự chấp tay niệm: “*Nam Mô Phật, Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng, cứu con với*”. Giây lát, bèn mưa ra thịt thì biến thành thú chạy, cá thì thành cá nhảy, rượu thì hóa ra nước đồng. Mọi người rất kinh hãi. Sư bảo: “Thân các người bị bệnh, theo ta thì lành ngay. Đến khi ta đau bụng, các người không thay thế ta được. Các người nay chịu theo lời dạy của ta chưa?” Tất cả dân làng đều bái tạ xin vâng.

Năm Thiên Thành thứ 2 (1029), Đô Úy Nguyễn Quang Ly thỉnh Sư trụ trì chùa Khai Thiên ở phủ Thái Bình. Được sáu năm, Sư lại từ chức lui về Hoan Châu. Sau không biết Sư mất ở đâu.

### Thiền Sư Vạn Hạnh (?-1025)

Chùa Lục Tổ, làng Dịch Bảng, phủ Thiên Đức. Người Cổ Pháp, họ Nguyễn. Gia đình đời đời thờ Phật. Thuở nhỏ Sư đã khác thường, gồm thông ba học, nghiên cứu trăm luận, xem thường công danh. Năm 21 tuổi xuất gia, cùng với Định Huệ thờ Thiền Ông chùa Lục Tổ làm Thầy. Ngoài lúc hầu hạ, Sư học tập quên cả mệt mỏi. Sau khi Thiền Ông viên tịch, Sư chuyên tập Pháp môn Tổng Trì tam ma địa, lấy đó làm việc riêng mình. Bấy giờ Sư nói ra lời nào thiên hạ đều cho là phù sấm. Hoàng đế Lê Đại Hành hết lòng tôn kính Sư.

Năm Thiên Phúc thứ nhất (980) tướng Tống là Hầu Nhân Bảo kéo quân sang cướp nước ta, đóng quân tại Cương Giáp, Lãng Sơn. Vua mời Sư đến, đem

chuyện thắng bại ra hỏi, Sư đáp: “*Trong vòng 3, 7 ngày giặc phải lui*”. Sau quả nhiên như thế. Đến khi vua muốn đánh Chiêm Thành, việc bàn định chưa dứt khoát, Sư tâu: “*Xin mau cất binh, nếu không, ắt mất cơ hội*”. Sau đánh quả nhiên thắng trận.

Bấy giờ Ngọa Triều bạo ngược, trời người oán ghét. Lý Thái Tổ khi ấy giữ chức Thân Vệ. Trong khoảng thời gian này, những điều tốt xấu đều xuất hiện lẫn lộn nhau. Những việc mà tùy theo chỗ tai nghe mắt thấy, Sư đã xét bàn thì mỗi mỗi phù hợp với điềm Lê diệt, Lý hưng. Vì vậy, ngày Lý Thái Tổ lên ngôi, Sư ở tại chùa Lục Tổ đã biết trước. Đến ngày 15 tháng 5 năm Thuận Thiên thứ 16 (1025), Sư không bệnh, nói bài kệ:

*“Thân như bóng chớp có rồi không  
Cây cỏ xuân tươi thu héo hon  
Tùy vận thịnh suy không hãi sợ  
Thịnh suy đầu cỏ có phơi sương”.*

Nói xong giấy lát thì tịch. Vua Lý Nhân Tông có bài kệ truy tặng rằng:

*“Vạn Hạnh dung ba cõi  
Thật hiệp lời sám xửa  
Quê hương tên Cổ Pháp  
Chống gậy trấn kinh đô”.*

### **Thiền Sư Đạo Hạnh (? – 1117)**

Chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích, họ Từ, tên Lộ. Cha là Vinh, làm quan tới chức Tăng Quan Đô Án. Mẹ họ Tăng, quê tại làng An Lăng. Lớn lên, Sư thi đậu Tăng Quan khoa Bạch Liên. Chẳng bao lâu cha Sư là Vinh dùng tà thuật làm mất lòng Diên Thành Hầu. Hầu nhờ pháp sư Đại Diên dùng phép đánh chết, ném xác xuống sông Tô Lịch. Xác trôi đến cầu Quyết là chỗ nhà Hầu, bỗng đứng thẳng lên mà chỉ tay vào nhà, suốt ngày không đi. Hầu sợ, đi báo cho Đại Diên. Đại Diên đến nơi, đọc một câu kệ: “*Tăng giận không cách đêm*”. Đọc xong, xác nằm xuống, trôi đi.

Sư nghĩ cách phục thù cho cha, nhưng tìm kế không ra. Một hôm, Sư rình Diên đi khỏi nhà, muốn đánh lén, chợt nghe trên không có tiếng la: “*Đừng! Đừng!*”. Sư sợ hãi vứt cây mà chạy. Sư muốn sang Ấn Độ, tìm học phép linh dị để chống lại



Đại Điền. Đi đến xứ Mọi răng vàng, đường xá hiểm trở, Sư bèn trở về ẩn tại núi ấy. Hằng ngày chuyên tụng Đại Bi Tâm Đà La Ni đủ 10 vạn 8 ngàn biến.

Một hôm Sư thấy thần nhân đến trước mặt mình nói: “*Đệ tử là Tứ Trấn Thiên Vương, cảm công đức trì chú của Sư, nên đến đây xin hầu để Sư sai bảo*”. Sư biết pháp của mình đã thành, có thể trả thù cha nên mới đến bến Quyết, cầm gậy, thử ném xuống dòng nước chảy xiết, gậy trôi ngược dòng như con rồng, đến cầu Tây Dương dừng lại. Sư mừng nói: “*Pháp ta thắng rồi*”. Bèn đến thẳng chỗ Đại Điền. Điền thấy nói: “*Người không nhớ việc ngày trước sao?*”? Sư ngửa mặt lên nhìn trời, lặng lẽ không thấy gì, nhân đó đánh mạnh, Đại Điền phát bệnh chết. Từ đấy oán xưa rửa sạch, niệm tụng tiêu tan.

Sư dạo khắp từng lâm, hỏi xin ấn chứng. Sư đến Pháp hội của Sùng Phạm chùa Pháp Vân hỏi: “*Thế nào là chân tâm?*”. Phạm hỏi lại: “*Cái gì chẳng phải là chân tâm?*”. Sư tỉnh ngộ, nói: “*Làm thế nào bảo đảm?*”. Phạm đáp: “*Đói ăn, khát uống*”. Sư lễ tạ, từ giã ra đi. Từ đấy pháp lực có thêm, duyên thiện càng thực, có thể sai rấn núi, thú rừng, họp nhau đến chịu thần phục. Sư đốt ngón tay cầu mưa, đọc chú dùng nước chữa bệnh, không gì là không tức khắc ứng nghiệm. Có vị Tăng hỏi: “*Đi, đứng, nằm, ngồi đều là tâm Phật, thế nào là tâm Phật?*”. Sư dạy bài kệ:

*“Tạo có, mây may có  
Làm không, tất cả không,  
Có không như trăng nước,  
Chớ vướng có không không”.*

### **Thiền Sư Không Lộ ( ? – 1119)**

Người Nghiêm Quang, Hải Thanh, họ Dương. Dòng dõi làm nghề chài, sau bỏ nghề chài, hướng lòng theo Phật, thường trì tụng Đà La Ni môn. Trong khoảng Chương Thánh Gia Khánh (1059 – 1065) cùng bạn đạo là Giác Hải cất bước vân du, tạm đến chùa Hà Trạch nương thân, mặc áo cỏ, ăn lá cây, đến nỗi quên chính thân mình. Ngoài dứt ruỗi dong, trong tu thiền định, tâm thần tai mắt ngày một nhẹ nhàng, bèn bay lên không, đi trên nước, làm cộp nép, kêu rồng xuống, muôn quái nghìn kỳ, người không lường nổi. Sau Sư về quận mình lập chùa. Sư thường nói kệ rằng:

*“Chọn chỗ đáng nương, đất rắn rờng,  
 Tình quê suốt buổi mãi vui rong  
 Có khi lên thẳng đầu non quạnh  
 Huýt một hơi dài lạnh cõi không”.*

### **Thiền Sư Nguyễn Học (?- 1181)**

Chùa Quảng Báo, làng Chân Hộ, Như Nguyệt. Người Phù Cầm, họ Nguyễn. Thuở nhỏ Sư thọ pháp với Viên Trí chùa Mật Nghiêm. Khi được yếu chỉ, Sư đến ẩn ở núi Vệ Linh chuyên tu phạm hạnh trải 12 năm. Mỗi khi nhập thiền quán đến 3 ngày mới dậy. Sư thường trị Hương Hải Đại Bi Đà La Ni, nên việc cầu mưa, trị bệnh, không việc gì là không hiệu nghiệm tức khắc. Vua Lý Anh Tông thấy các điều thần hiệu của Sư, ban chiếu cho vào ra cung cấm, để dùng chú chữa bệnh. Sau Sư cáo lão về trụ trì chùa Quảng Báo. Môn đồ không dưới 100 người.

### **Thiền Sư Tịnh Giới (?- 1207)**

Chùa Quốc Thanh, núi Bí Linh, phủ Nghệ An. Người Mão hương, Ngưng Giang, Lô Hải, họ Chu, tên Hải Ngung. Xuất thân hàn vi, nhưng tính tình thuần hậu. Lúc nhỏ theo học chữ Nho. Đến năm 26 tuổi Sư mang bệnh, mộng thấy thiên thần cho thuốc, tỉnh giấc bệnh lành ngay. Sư bèn quyết chí xuất gia. Năm 1173, Sư được Thiền sư Bảo Giác truyền Pháp cụ. Từ đấy, Sư tùy phương giáo hóa, dần dần đến chùa Quốc Thanh, dừng lại ở đó cấm túc 6 năm, tu hạnh đầu đà, nên hàng long phục hổ, cảm hóa như thần.

Mùa hè năm Trinh Phù thứ 2, gặp hạn, vua ban chiếu cho danh Tăng khắp thiên hạ cầu mưa, nhưng không ứng nghiệm. Vua Lý Cao Tôn, lâu nghe danh Sư, sai sứ đón về chùa Báo Thiên ở kinh đô. Nửa đêm, Sư đứng giữa sân đốt hương, trời bèn mưa xuống. Vua rất khen sùng, thường gọi là Thầy Mưa. Nhân đó triệu vào điện, hỏi các Pháp yếu, ban thưởng rất hậu. Năm Trinh Phù thứ 4 (1174), chùa Chân Giáo, núi Vạn Bảo hoàn thành. Vua cho mời các bậc kỳ túc đến làm lễ khánh thành. Sư vâng chiếu vào triều, ngụ tại gác Lâm Tiêu. Bấy giờ trời bắt đầu mưa rờng rã, đường sá lầy lội, phương hại đến việc lễ hội, Sư khẩn, liền tạnh. Hội xong 7 ngày thì trời lại mưa như xưa.

Sư trở về làng cũ trùng tu chùa Quảng Thánh và quyên tiền đúc chuông. Trong khi đốt lò thì mây kéo đến muốn mưa, Sư đứng giữa sân, động gậy trừng mắt giấy lát, trời lại quang tạnh. Sau này, trải bao binh lửa, nhưng chuông Sư đúc đến nay vẫn còn. Rồi Sư trở về chùa cũ dạy dỗ học trò.

## Chùa Diên Hựu (Chùa Một Cột)



Vua Lý Thái Tông (1000-1054) húy Phật Mã, là bậc minh quân thứ hai triều nhà Lý, cũng là người kính mộ đạo Phật. Vua nhân từ, thông hiểu đại lược văn võ, xông pha chiến trường nhiều phen, giữ yên bờ cõi. Vua xây dựng kinh thành, ấn định phẩm phục triều đình, ban hành luật lệ trong nước, cho đào kênh Đản Nãi dẫn nước vào ruộng, xây

dựng nhiều chùa, quán ở các làng ấp, đúc chuông và tượng Phật, đại xá thiên hạ nhiều lần. Lại cho xây Phòng Lưu Trữ Kinh tại chùa Trùng Khánh, núi Tiên Du (Hà Bắc), thỉnh Kinh Đại Tạng từ Trung Quốc về, xuống chiếu sao chép kinh Đại Tạng.

Dưới triều đại Vua, năm 1034, hai Thiền sư Nghiêm Bảo Tính và Phạm Minh Tâm, sau khi giảng Kinh Pháp Hoa tại kinh đô, đã dùng Hỏa Quang Định khiến cho thân thể bốc lửa, thiêu thân cúng dường Phật Pháp, cháy kết thành ra thất bảo. Vua xuống chiếu đem thất bảo ấy thờ ở chùa Trường Thánh. Vua cho là việc linh diệu nên đổi niên hiệu làm Thông Thụy. Cùng năm ấy Sư Hựu ở chùa Pháp Vân, châu Cổ Pháp, râu rồng trong chùa phát ra mấy tia sáng. Theo chỗ ánh sáng đào xuống thấy một cái hộp bằng đá, bên trong có hộp bằng bạc, trong hộp bằng bạc có hộp bằng vàng, trong hộp vàng có bình lưu ly, trong bình có xá lợi. Vua sai rước vào cấm điện, xem xong rồi trả lại chùa.

Tháng 10 năm Kỷ Sửu (1049), vua cho xây chùa Diên Hựu tại kinh đô Thăng

Long. Trước đây, vua chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên tòa sen, dắt vua lên tòa. Khi tỉnh dậy, vua đem việc ấy nói với quần thần, có người cho là điềm không lành. Sư Thiên Tuệ khuyên vua làm chùa dựng cột đá ở giữa ao làm tòa sen của Phật Quan Âm ở trên cột, giống như đã trông thấy trong mộng, thỉnh các nhà Sư đi chung quanh tụng kinh cầu cho vua sống lâu. Vì thế gọi là chùa Diên Hựu.

(Ngô Sĩ Liên, Lê, Phan, Vũ, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Tập 1, trang 283-324*)

### Tiêu Diện Đại Sĩ



Các chùa Việt Nam và Trung Quốc thường thờ tượng Tiêu Diện Đại Sĩ tại các bàn thờ Cô Hồn. Gương mặt Tiêu Diện Đại Sĩ thật dữ tợn, mắt trợn trừng, lưỡi đỏ lòm thè dài ra, miệng phun lửa (gọi là tiêu diện). Người yếu bóng vía nhìn tượng không khỏi lạnh mình. Hình tượng này để điều phục các hạng chúng sanh can cường, khó dạy bảo, nhất là trong giới “cô hồn”.

Chuyện kể rằng một đêm Ngài A Nan thiền định ở một nơi thanh vắng, có một quỷ dữ hình tượng như trên đây đến cho biết trong ba hôm nữa Ngài sẽ chết. Nếu muốn kéo dài mạng sống phải bỏ thí thức ăn cho các cô hồn đói khát. Sáng hôm sau, Ngài A

Nan trình giấc mộng lên Đức Phật Thích Ca, cầu xin cứu giúp. Đức Phật biết quỷ dữ đó chính là Bồ Tát Quán Thế Âm ứng hiện để cầu phương tiện hóa độ. Nhân đó, Đức Phật dạy phép bỏ thí thức ăn cho pháp giới tam thập lục bộ, hà sa nam nữ vô tự âm linh cô hồn. Đó là ý nghĩa bài tán trạo:

*“Lễ cúng trai diên  
A Nan nhân duyên khởi  
Cứu khổ Quán Âm  
Thị hiện Tiêu Diện tướng*

*Niệm Phật tuyên dương*

*Bí mật công đức lực*

*Cứu giúp Cô Hồn*

*Về nhận cam lồ vị”.*

Cô Hồn là vong thức những kẻ tham chấp vào thân mạng đời trước nên không siêu thoát được, vì thế mà lưu lạc, đói khát, khổ sở mãi. Nghi thức cúng thí thực có hai mục đích chính. Thứ nhất là nhắc nhở các vong thức nhận ra nhầm lẫn vì cố chấp vào thân giả hợp của mình, ngay khi biết liền thoát khổ nạn quý. Thứ hai là dùng Phật Pháp chuyển hóa lòng tham lam, bòn xén, nhờ vậy mà thức ăn, thức uống ít thành nhiều, ai cũng được ăn, uống, cảm thọ đầy đủ. Nghi lễ cúng Cô Hồn dạy:

*“Gia trì chú thực diệu đà đà*

*Biến thiểu thành đa giai bảo mãn.*

*Nam Mô Xả Xan Tham Bồ Tát Ma Ha Tát”.*

(Trì Chú linh thiêng vào lễ cúng, Biến ít thành nhiều đều no đủ. Xả xan tham là bỏ tâm ý tham lam, bòn xén. Hết lòng tham thì đầy đủ, an vui, hạnh phúc ngay tức khắc)!

Cúng Cô Hồn là một Pháp làm phước bố thí cho kẻ âm. Cụ bà Lê Thị Thà, Pháp danh Nguyên Chí, thường cúng thí thực hằng tháng vào mỗi tối 14 và 30 âm lịch. Có lần nhiều việc quá bà quên cúng, vậy mà tối đó nằm ngủ, bà thấy lối nhỏ nhiều người cao bằng trẻ 7, 8 tuổi, đến đứng chờ thức ăn. Bà nguyện kỳ sau sẽ cúng mới yên. Rất mong quý đạo hữu cảm thương chư vị Cô Hồn, trong đó có thể có bà con đời trước của mình mà phát tâm cúng thí thực. Cúng lớn thì có khoa nghi Trai Đàn Chấn Tế, cúng nhỏ thì một bát cháo thánh hay nắm gạo, muối, ly nước trong. Điều thiết yếu là lòng thành thì có cảm ứng. Mong lắm thay!

**Nguyễn Thành, 2002**

## **Sống Giữa Bầy Rắn Độc**

Cổ Hòa thượng Thích Thiên Tâm là một bậc Cao Tăng đương đại hoàng dương Pháp môn Tịnh Độ, nhưng Ngài vẫn áp dụng Thiền Tịnh Mật đồng tu. Ngoài việc góp phần chấn hưng Phật giáo, đào tạo Tăng tài, nhiếp chúng độ sanh, tâm từ

của Ngài còn lân mẫn đến các giới vô hình, đặc biệt là cảm hóa các loài rắn như câu chuyện dưới đây, do Ngài kể lại cho đệ tử là Ni Sư Thanh Nguyệt và cháu là Đại Đức Thích Hải Quang.

Năm 1968, Hòa thượng về ẩn tu tại thôn Phú An, tỉnh Lâm Đồng. Ngài gặp nhiều thứ rắn độc khác nhau, to thì cỡ bằng cột nhà, trung bình thì bằng bắp vế, nhỏ thì bằng bắp chân, cườm tay trở xuống. Đôi lúc làm vườn xong, đến khi trở vào thất thì thấy rắn quấn đuôi trên ngạch cửa thông mình xuống, hả miệng, le lưỡi thở khè khè. Ban đầu thì Ngài cũng sợ, chần chừ không dám bước qua, nhưng rồi nghĩ không lẽ đứng ở ngoài sân hoài, hay là dùng cây đập đuổi thì gây thù oán. Thôi thì cứ niệm Phật mà bước ngang qua, rủi có bị nó cắn chết thì mình cũng quy Tây. Rồi Ngài nhiếp tâm niệm Phật và nghĩ đến phép “*từ bi quán*”, đoạn nhắm mắt, đi ngang qua cửa. Con rắn “đánh đu mình” qua bên này, bên kia phạm vào mắt, vào cổ lạnh ngắt, mà Ngài vẫn cứ làm tỉnh bước đi. Đến khi vào trong thất xong rồi, mới mở mắt nhìn lại thì nó cũng vừa buông mình ra, rớt xuống đất nghe một cái đui rồi bò đi mất.

Lại có lần khác, sáng sớm thức dậy, vừa bước chân xuống đất thì Ngài có cảm giác như là đạp trúng phải vật gì tròn tròn và mềm mềm. Ngó xuống, té ra đó là một con rắn hổ đen thui, to bằng bắp chân, đang nằm khoanh một đống ở dưới chân giường! Ngài liền niệm A Di Đà Phật năm bảy câu rồi đứng chết trân tại chỗ chớ không dám nhúc nhích. Còn con rắn kia cũng không có phản ứng gì hung hăng. Y từ từ cất đầu lên, nhìn Ngài một hồi rồi le cái lưỡi đỏ lòm ra khè khè mấy cái, đoạn nằm im trở lại. Lúc đó Ngài mới dám bước đi, vừa mở cửa vừa niệm Phật mà bảo: Thôi sáng rồi, đạo hữu cũng nên về đi để cho Thầy còn niệm Phật nữa. Không dè y từ từ bung mình ra dài cả mấy thước, chầm chậm bò đến cửa một cách êm ái hòa bình, rồi ra ngoài rừng mất dạng.

Biết vùng này có nhiều loại rắn linh mẫn mộ tu hành, nên Ngài mới làm pháp “*Du già thí thực*”, hồi hướng công đức tu niệm của mình để bố thí đến cho loài rắn và nói: Vì khác loài nhau, nên từ nay nếu như quý vị muốn nghe Kinh Chú và niệm Phật để tu theo thì cứ ở ngoài sân chớ đừng vào trong thất của Thầy. Từ đó thì rắn không vào trong thất nữa. Có lần, Hòa thượng đang ngồi làm cỏ tranh bên cạnh một gò mồi lớn phía sau thất, lúc quơ tay ra sau lưng để cầm cuốc thì Ngài lấy làm lạ mà nói trong bụng rằng: Ủa, sao bữa nay cái cán cuốc có vẻ là lạ và bự



quá vậy? Ngài quay đầu ngó lại, thì té ra là mình đang nắm nhầm cần cổ của một con rắn to bằng bắp chân người lớn, màu đen có sọc vàng. Rắn ta bị nắm cổ nên hả miệng, le lưỡi ra khè khè năm sáu tiếng làm cho Ngài hết hồn vội vã buông tay ra và bước lùi lại phía sau, niệm Phật cả mấy chục câu rồi mới định thần được. Xong rồi, Ngài đứng ngó y ta một lúc và nói: Ủa nhà người nằm sau lưng ta hồi nào vậy? Thôi hãy đi đi. Rắn ta cũng ngó Ngài một hồi, gật đầu mấy cái rồi bò ra phía sau gò mối.

Khuya lại, sau thời khóa trì niệm, Hòa thượng đang ngồi trên ghế nghỉ mệt, thì nghe bên ngoài có tiếng gõ cửa. Ngài đi ra mở cửa thì thấy trước thất của Ngài là hai người Thượng một nam, một nữ, tuổi chừng 50, dung mạo rất đơn sơ, mặt mũi sần sùi, da dẻ đen đúa, cả hai đều mặc quần áo màu chàm trông cũng rất sơ sài, đầu hơi nhọn, đi chân đất, bàn tay nhám nhúa giống như có vảy, đang chấp tay cúi đầu chào Ngài, miệng niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Người đàn ông nói: Bạch Hòa thượng, hai vợ chồng con đến đây để xin lỗi Hòa thượng về chuyện đáng tiếc ban trưa, có đứa cháu nội đã làm cho Ngài giật mình. Xin Hòa thượng từ bi tha lỗi và cho vợ chồng con sám hối. Ngài lấy làm kỳ, mới hỏi: Cháu nội của hai vị hả, hồi nào? Nó bao nhiêu tuổi? Người đàn bà đáp: Kính bạch Hòa thượng, cháu trai của con là đứa bé hôm qua mặc áo quần đen, có sọc vàng, nằm hầu phía sau lưng của Ngài lúc Ngài làm vườn đó, cháu được 95 tuổi. Cố Hòa thượng giật mình, sửng sốt hỏi tiếp: Ủa, cháu nội mà được 95 tuổi thì hai vị đây bao nhiêu tuổi? Người đàn ông đáp: Dạ con được 842 tuổi và vợ của con 760.

Đến đây thì Hòa thượng đã biết họ là ai rồi, nên Ngài mới hỏi tiếp: Hai vị ở đâu tới đây? Người đàn ông thưa: Bạch Hòa thượng, chúng con ở Huỳnh Xà thôn nằm về phía Đông của thôn Phú An này, cách nơi đây khoảng 9 cây số, gia đình con có khoảng một ngàn người. Cố Hòa thượng gật đầu nói: Thôi hai vị yên lòng về đi, không sao đâu. Nghe Ngài bảo như vậy thì hai vợ chồng này đồng chấp tay cúi chào rồi quay lưng đi vòng ra sau thất. Ngài thấy khi họ ra đến phía sau rồi, cả hai người đồng hóa ra hai luồng ánh sáng màu vàng nhạt lớn bằng cườm tay, bay bổng lên không về hướng Đông đi mất.

Do đó nên Ngài biết rằng: Đứa bé 95 tuổi là con rắn ngày hôm qua đã làm cho mình hết hồn! Hai vợ chồng này là rắn Chúa. Hang ổ chính của chúng nằm về hướng Đông của thôn Phú An, cách đây 9 cây số. Có lẽ họ mới biết biến hình nên



dung mạo còn thô sơ chớ chưa đẹp người. Và hơn nữa, chắc mỗi đêm họ ít nhiều cũng có đến đây nghe Kinh và tu theo nên mới có vẻ kính trọng mình và biết chấp tay niệm Phật như vậy.

*Trích Vô Nhất Đại Sư, [www.dharmasite.net/vonhatdaisu.htm](http://www.dharmasite.net/vonhatdaisu.htm)*

## **Khỏi Bị Trôi Giạt Ngoài Biển**

Ở bờ biển Nha Trang, gần hòn đá chồng, có một hòn đảo bằng đá, trên có đất bằng độ ba sào. Đảo cách bờ biển khoảng 500 mét. Khi nước xuống thì lội nước đến ngực. Nhưng khi nước lên thì nước cao ngập đầu, phải đi ghe. Người ta gọi hòn đảo đó là Hòn Đỏ. Hòn Đỏ có một vị thầy về đày lập thất tu. Lâu năm đã trở thành một ngôi chùa nhỏ. Thầy Trụ Trì ngôi chùa đó, hiệu là Thiện Ngộ. Thầy khoảng trên 50 tuổi, người ốm yếu mảnh khảnh, thường vô đất liền để làm Phật sự. Thầy có nuôi một chú Sa di, nhưng cho vào đất liền để đi học. Còn chùa có một mình thầy, rất đơn chiếc.

Một hôm vào mùa đông, thầy vào đất liền để mua sắm một vài thứ cần thiết, định chiều ngày mai sẽ trở về chùa. Nhưng đêm đó, trời đổ mưa lớn, nước nguồn về nhiều, nước biển dâng cao, sóng gió mạnh. Thuyền đánh cá của ngư dân, họ kéo lên bờ hết. Thầy nóng lòng muốn về chùa, nhưng không có thuyền ghe, sợ đi lâu có người lên đảo ăn trộm. Vì thế, thầy mạo hiểm, xin một miếng xốp cứng, lớn độ hai chiếc chiếu. Thầy thả trên đầu nước, dự định nước sẽ đưa miếng xốp tấp vào đảo. Nhưng không ngờ, miếng xốp đã trôi thẳng ra biển khơi, mỗi lúc mỗi xa, và mỗi lúc lại gần đến tử thần.

Gió lạnh, trời tối đen như mực. Bây giờ thì hết hy vọng. Thầy mới suy nghĩ, *“Chỉ có cách niệm danh hiệu Đức Bồ Tát Quán Thế Âm, cầu mong sự cứu khổ cứu nạn của Ngài”*. Thế rồi thầy niệm danh hiệu Bồ Tát một cách chí thành, tha thiết. Ngày thứ hai, sáng ra, thầy tiếp tục bênh bồng trên mặt nước. Quần áo đã bị sóng đánh ướt hết. Phần đói khát, phần gió rét lạnh cóng. Nhưng thầy vẫn một lòng, niệm danh hiệu Bồ Tát một cách tha thiết. Rồi màn đêm phủ xuống. Miếng xốp lại trôi càng xa hơn ra ngoài khơi. Hình như có đèn của thủy quân. Thầy cất tiếng kêu to, nhưng không ai nghe. Thôi thì đành phó mặc cho số phận.

Bỗng miếng xốp đưng cái gì nghe một tiếng cộp. Rồi có nhiều ánh đèn bin rọi xuống. Họ thấy thầy, họ nói, “Vi Xi” (Việt Cộng). Thầy nói, “Không phải, tôi là người tu gặp nạn. Xin các ông cứu hộ dùm tôi”. Một lần nữa, họ nhìn kỹ và đưa thang dây xuống cho thầy leo vào, vịn chặt. Họ kéo thầy lên tàu thủy. Họ lấy quần áo, bảo thầy thay, và liệng quần áo ướt đã lên nhớt xuống biển. Họ nấu xúp cho thầy ăn. Qua hai ngày sau, họ chở vào và giao cho Hải Quân Việt Nam. Thầy được đưa lên bờ và trở lại chùa.

Thầy đến bàn thờ Quán Thế Âm quỳ lạy: “*Bồ Tát đã cứu độ con. Từ nay con càng tinh tấn tu tập hơn lên để tạ ơn Bồ Tát*”. Chuyện này tôi được nghe kể trực tiếp từ Thầy Thiện Ngộ, Trụ Trì chùa Hòn Đò. Thầy cho biết thuyền vớt thầy chính là Hải Quân Mỹ. Đức Bồ Tát Quán Thế Âm linh thiêng, nhiệm màu. Nếu khi gặp nạn, chí thành niệm danh hiệu Ngài thì sẽ được cảm ứng, cứu độ. Cổ đức làm bài tán:

*Quán Âm Bồ Tát rất nhiệm màu  
Thanh tịnh trang nghiêm nhiều kiếp tu  
Ngàn xứ kêu cầu đều cảm ứng  
Là thuyền tế độ chốn khổ đau.*

**HT. Thích Tịnh Nghiêm** (Góp Nhật Lá Bồ Đề)

## **15 Người Bị Lật Xe**

Ngày 30/12/2006 tại Nam California, trời mưa gió tầm tã, đài khí tượng cho hay thời tiết xấu, mây đen bao phủ bầu trời, có mưa rào và gió thổi mạnh từ 200 đến 300 miles / giờ. Chúng tôi 15 người gồm 5 nam, 4 nữ và 6 em bé từ 3 đến 16 tuổi, ngồi chung trên chiếc xe van 14 chỗ, tính luôn cả Nhật Huệ tôi làm tài xế. Trong số đó có 3 gia đình theo đức tin Tin Lành và Công giáo. Tất cả là những người tị nạn đến định cư tại Hoa Kỳ, mà Nhật Huệ là một nhân viên và hướng dẫn tinh thần tại Bắc California. Vì vậy Nhật Huệ phải thân hành lái xe từ thành phố San Jose đến Los Angeles, Nam California, để chở một số gia đình đến San Jose do chúng tôi sắp xếp và chỉ dẫn.

Đúng 6 giờ 15 sáng thì khởi hành, mọi người mang hành lý và lên xe đầy đủ. Trước khi cho nổ máy, Nhật Huệ tế nhị nhắc nhở mọi người rằng: “*Thưa quý vị,*

*tôi xin đề nghị là khi xe chạy, mọi người nên nghỉ ngơi hoặc ngủ, hoặc ngồi thật yên lặng để theo dõi hơi thở ra, vào với nụ cười thật vui, tươi, thoải mái, tràn đầy tình thức và tin tưởng nơi đáng thiêng liêng mà mình hằng tưởng niệm tới. Người tin Chúa Ba Ngôi thì chúng ta niệm Chúa Cha, Chúa Con, và Chúa Thánh Thần. Người tin Phật thì niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát để được các Ngài che chở cho chúng ta đi đến nơi, về đến chốn, tránh thoát được mọi hiểm nạn. Đức Quán Thế Âm là vị Bồ Tát có lòng thương lớn và có thần lực mầu nhiệm che chở cho chúng ta gặp mọi sự may mắn, an lành”.*

Nói dứt lời, Nhật Huệ bấm nút mở máy cassette phát lời niệm Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Tiếng niệm phát ra từ băng cassette, cộng thêm tiếng niệm của hầu hết mọi người trong xe, tạo ra một âm thanh hùng lực, có một năng lực kỳ diệu. Tiếng niệm đều đều, có đệm tiếng nhạc, nên nghe rất thoải mái và ai cũng vui thích niệm theo. Cũng chính nhờ âm điệu niệm Đức Quán Thế Âm trầm bổng, thanh thoát này nên mọi người trên xe đều đi vào giấc ngủ ngon lành.

Là người có trách nhiệm cầm tay lái nên Nhật Huệ niệm lớn danh hiệu Ngài để khỏi buồn ngủ và để được tỉnh thức mà chạy xe. Khoảng 2 tiếng thì xe đã qua khỏi vùng các nông trại nuôi bò, trên Freeway 5 hướng về phía Bắc. Chiếc xe van màu trắng, hiệu Ford đời 2001 mà chúng tôi đang lái, vận tốc 75 miles / giờ, đột nhiên bị nổ một bánh trước, khiến xe lật quay đảo, chắn ngang Freeway 5, rồi chiếc xe quay một vòng nữa trước khi lật ngửa và tấp vào lề đường.

Trong giây phút chiếc xe bị tai nạn, tâm thức Nhật Huệ nghe một âm thanh rất dịu hiền, trong lành, đầy sức che chở: *“Thầy hãy yên tâm, duy trì chánh niệm và theo dõi hơi thở. Thầy nên mỉm cười và tuyệt đối đừng để bất cứ một khởi niệm lo toan, tiêu cực nào chi phối. Chúng tôi, năng lượng của yêu thương, vô hình, đang che chở, bảo hộ Thầy và mọi người trên xe an toàn, thân tâm không bị thương tổn”*. Trong giây phút phát ra âm thanh mầu nhiệm, ấm áp, an bình đó, Nhật Huệ cảm thấy thân hình mình như một đám mây nhẹ trôi trên bầu trời. Rồi ngay lúc ấy Nhật Huệ nhận thấy có mãnh lực một bàn tay vô hình, bung ra một tấm lụa trắng, rộng như tơ trời bao trùm lên toàn thân chúng tôi, và Nhật Huệ cảm thấy rất thoải mái, rồi thiếp vào giấc ngủ...

Sau khi tỉnh dậy thì Nhật Huệ mới biết là mình và những người cùng đi trên xe đang được điều dưỡng tại một bệnh viện trong thành phố Fresno, cách Freeway

5 chừng 15 phút lái xe. Bác sĩ và các y tá cho hay là tất cả chúng tôi đều bình yên vô sự, không một ai bị thương tích. Chiếc xe van thì bị hư hại 100%, nhưng được hãng bảo hiểm “tậu” cho chừa một chiếc xe van khác đời mới hơn. Hôm sau, nhân viên cảnh sát công lộ đưa chúng tôi về tận chùa Duyên Giác ở San Jose. Sư Ông Tịnh Từ và quý Thầy, Phật tử trong vùng đến thăm, đón tiếp long trọng phái đoàn từ “*Cửa Từ Hồi Sinh*”. Ôi! thật là một tai nạn lưu thông khủng khiếp đối với 15 sanh mạng chúng tôi trên đường lang bạt tha phương.

Khi kể lại câu chuyện tai nạn lưu thông đến chỗ cực kỳ nguy hiểm thì Thầy Nhật Huệ rung mình, xuống giọng và rơi những giọt lệ xúc động. Vì Thầy quá hạnh phúc, quá cảm khái trong cái uyên áo, màu nhiệm thiêng liêng vô vàn về sự linh ứng, cứu khổ của Đức Bồ Tát Quán Thế Âm.

**HT. Nhật Huệ kể, Nguyên Quang ghi**

*(Thích Tịnh Từ, Linh Ứng Quán Thế Âm, Q. 3, Bàn Tay Cứu Khổ Nhiệm Mầu)*

## Giải Trừ Vong Nghiệp

Bà Trần Thị Tuyết Hạnh, 57 tuổi, bị lâm bệnh ngay khi vừa đến Phi Luật Tân. Bác sĩ chiếu khám cho bà nhiều lần và đưa bà ra khỏi trại để chụp hình nữa mà vẫn không tìm ra căn nguyên bệnh lý. Bà Hạnh đau rất kỳ cục, bà không chịu ăn uống và không ngủ trên cả tháng mà sức vóc không hề hấn gì. Mặt bà đỏ gay, con mắt láo liên và về chiều thì mí mắt sụp xuống, buồn rầu khóc thảm, làm nhảm kể lể những chuyện đau buồn. Vì lý do mắc bệnh kỳ dị nên ban điều hành trại thương lượng cơ quan lo hồ sơ định cư cấp tốc cho gia đình bà Hạnh nhập cảnh Hoa Kỳ sớm để có thể đủ điều kiện thuốc thang trị liệu. Khi đến vùng San Francisco, người nhà cấp đưa bà Hạnh đến nhà thương trị liệu, song các bác sĩ giỏi đều bó tay chứng bệnh “không chịu ăn, không chịu uống” mà vẫn sống như thường của bà Hạnh. Hai tháng trôi qua, bệnh tình không thuyên giảm, người nhà vẫn tiếp tục đưa bà Hạnh đi khám bác sĩ cho có lệ và để ai nấy yên lòng.

Một hôm có cụ Lành đưa đường, chồng bà Hạnh đem vợ đến chùa Từ Quang gặp tôi để nhờ giúp đỡ. Mới nhìn qua nét mặt, khí sắc của bà Hạnh là tôi biết ngay bà bị âm khí ám nhập. Tôi dẫn bà lên chánh điện để “*tra vấn*” cái vong linh đang

nhập trong người bà. Bà Hạnh nhìn tôi với vẻ sợ hãi và run cầm cập như đang ở giữa băng tuyết. Bà cúi đầu khóc thút thít, nghẹn ngào và biểu lộ sự tức tối, uất ức. Tôi gạn hỏi hoài mà vong nhập kia không chịu “khai báo” một chút tung tích gì. Tôi bèn gọi các Chú trong chùa trợ niệm và lấy chiếc mõ nhỏ đặt ngay trên đầu bà Hạnh tụng Chú Đại Bi thì bà Hạnh nhắm nghiền hai mắt, tóc trên đầu bà bay ngược như một cơn bão thổi mạnh, hai tay bà chấp lại như một búp sen và miệng the thé nói một giọng con gái độ mười chín, hai mươi tuổi.

Tiếng người con gái này nói mình đã chết trên biển cùng mẹ ruột và nhiều người vì gặp bão, nên tàu chìm. Tôi hỏi các chi tiết khác thì vong linh nói mà phát âm không rõ, chỉ thốt lên the thé kêu đói, than lạnh rồi vật lăn giữa điện Phật bất tỉnh. Tôi và những người có mặt thấy thế xúc động quá, liền khai Kinh Phổ Môn tụng cầu an cho bà Hạnh và liên tục niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát; đồng lúc tụng niệm tôi lấy nước thờ trên bàn Phật và đọc thần Chú Quán Âm, Tâm Kinh Bát Nhã rồi đem cho bà Hạnh uống. Khi bà Hạnh vừa uống xong ly nước thì liền tỉnh dậy và bà vội vàng nhảy tới bàn thờ vong, đưa tay bốc thức ăn bỏ vào miệng ngồm ngoàm như kẻ bị đói lâu ngày. Ăn đã đời, bà quơ tất cả đồ cúng nào là chuối, bánh, trái cây, khoai, bắp... trên bàn thờ Cô Hồn bỏ vào trong túi áo, lặn trong lưng quần và trải tà áo tràng mà bà đang mặc gói tất cả thức ăn, chui vào trong góc bàn thờ Linh và tiếp tục ăn như ma quỷ. Bà còn khóc và la lên là có nhiều người đang giành ăn và đánh tháo bà.

Thấy hình ảnh kỳ quái của bà Hạnh, ai cũng sợ và nhiều người bỏ chạy xuống lầu. Tôi bình tĩnh niệm Chú Chuẩn Đề và dùng lời nhỏ nhẹ, ngọt ngào kêu bà Hạnh ra ngoài quỳ giữa chánh điện. Tôi lại tiếp tục “*vấn cung*” vong linh đang nhập vào trong bà Hạnh một lần nữa. Lúc này, vong linh mới nói rõ tên tuổi, ngày chết, và nhu cầu muốn được nghe Kinh siêu độ. Tôi liền viết bài vị thờ ngay lúc ấy, kêu các vị dưới bếp nấu cơm chay cúng vong và tôi cùng Đại Chúng khai Kinh Di Đà cầu siêu. Hôm đó có gần 100 Tăng Ni và Phật tử vì nhằm lễ sám hối Bồ Tát gần đến mùa Vu Lan Rằm tháng Bảy.

Sau khi tụng Kinh Di Đà, niệm danh hiệu Phật, đến chỗ quy y linh ký tự thì bà Hạnh ngã xuống đất bất tỉnh. Độ chừng mười phút sau, bà Hạnh tỉnh dậy và trở lại người bình thường như mình đã ngủ một giấc thật dài. Gia đình bà Hạnh và mọi người hôm đó đều cảm kích và vô cùng mừng rỡ khi thấy bà Hạnh bình phục. Tôi

bảo cụ Đức Hạnh, cô Thanh Tịnh nấu cháo trắng để bà Hạnh ăn kéo nhịn đói lâu ngày ăn cơm vào nặng bao tử, và đưa bà vào phòng nghỉ. Ngay tối hôm đó, bà Hạnh đòi về nhà vì thấy đã khỏe hoàn toàn. Sáng hôm sau, tự bà Hạnh và cả nhà đến chùa lễ tạ và xin quy y.

**HT. Thích Tịnh Từ**

*(<https://quangduc.com/p157a18647/giai-tru-vong-nghiep>)*

## **Mỗi Biện Kinh Cúng Dường 1 Đồng Bạc**

Năm 1982, ngôi chùa nhỏ làng chúng con tại Phước Linh, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, mong cầu thỉnh tôn tượng Bồ Tát Quán Thế Âm về an vị. Bức tranh thờ Ngài trước đó từ tờ lịch treo tường, qua thời gian mưa gió ẩm ướt, hư rách đã lâu. Bấy giờ đạo hữu cực khổ quá, cơm còn chưa đủ ăn, nói gì đến chuyện quyên góp 200 đồng, mỗi đồng trị giá 1/2 lon gạo, để thỉnh lại pho tượng Bồ Tát trong một tư gia.

Nhớ hạnh Ngài là thiên thủ thiên nhãn, chúng con cùng bàn bạc với nhau và đồng phát nguyện trì tụng 1.000 biến Kinh Phổ Môn tại chùa. Ngày tụng kinh ăn chay và cúng dường 1 đồng bạc vào thùng Phước Sương. Ai tụng thì ghi tên vào cuốn sổ, thỉnh thoảng đọc lên để sách tấn lẫn nhau. Vào ngày Vía Bồ Tát Quán Thế Âm Đản Sanh 19 tháng 2 năm Nhâm Tuất (1982), đạo hữu và bà con trong làng đến chùa làm lễ Phát Nguyện và Khai Kinh. Buổi lễ đơn sơ mà thiết tha, có Sư Cô Thích Nữ Như Minh từ chùa Tây Linh, Thành Nội Huế, về chủ lễ.

Sau thời kinh Phổ Môn đầu tiên, Sư Cô Như Minh cho biết quý đạo hữu chùa Tây Linh rất tán thán tâm nguyện của quý đạo hữu chùa Phước Linh, nguyện tùy hỷ công đức ăn chay để tụng 108 biến kinh Phổ Môn, nhưng xin tụng tại chùa Tây Linh vì ở xa quá, và xin ứng trước 108 đồng! Quý đạo hữu hôm đó cũng cúng dường được 75 đồng, cộng lại là 183 đồng, tương đương 91 lon gạo trong hoàn cảnh khốn khó. Thật vô cùng cảm động và tròn đầy tin tưởng. Hôm ấy trời se lạnh, nhưng trong lòng ai cũng ấm áp đạo tình.

Không ngờ Pháp môn này lại linh nghiệm. Bà con trong làng, trong xã và nhiều nơi xa nghe tin cũng đến hộ niệm, trong đó có Nhóm Từ Thiện Bác Siêu, làm cho sinh hoạt buồn tẻ của ngôi chùa quê trở nên sinh động, đông vui. Nhiều cụ bà

ngưng việc dầm mình dưới sông bắt cá vào ngày rằm và mồng một để vào chùa lễ Phật, không đọc được chữ mà thành kính nghe kinh cũng kể là thọ trì một biến Phổ Môn.

Rồi nhiều người hoan hỷ ủng hộ tịnh tài. Sư Cô Thích Nữ Như Đạt chùa An Hòa giới thiệu bồn đạo cúng dường hai pho tượng Quán Thế Âm và Địa Tạng cao 0,8 mét. **Vậy là Kinh tụng chưa xong mà tượng Bồ Tát đã về Chùa!** Hai pho tượng được an vị trên án thờ để trống từ lâu, phía hai bên tôn tượng đức Bồ Sư bằng đồng, trông thật hài hòa trang nghiêm. Biết bao giọt nước mắt xúc cảm trước sự cảm ứng nhiệm màu này! Từ loay hoay với con số 200 đồng, nay tịnh tài thập phương tùy hỷ lên đến 4.500 đồng trong vòng 6 tháng, chỉ nhờ chí thành tụng 1.000 biến Kinh Phổ Môn! Hai tôn tượng cũng đã an trí trong 2 chậu kính thật trang trọng. Buổi lễ An Vị Hai Tôn Tượng do TT. Thích Thanh Trí, chùa Bảo Quốc, và chư Tôn Đức Tỉnh Giáo Hội về chứng minh hộ niệm, cùng quý đạo hữu nhiều nơi đến tham dự đông vui. Có đạo hữu Tâm Thành tại Vỹ Dạ phát tâm cúng lễ Trai Tăng. Nghĩ lại hoàn cảnh nửa năm trước, không ai có thể tưởng tượng được thành tựu bất khả tư nghì như vậy.

Quan trọng hơn nữa là nếp sống tâm linh chuyển hóa rõ rệt, không những cho người dân địa phương mà còn lan tỏa đến nhiều vùng lân cận. Các Phật sự khởi sắc của chùa Phước Linh và Gia Đình Phật Tử Phước Linh nhiều năm sau đó cũng chính là hoa trái của hạt giống thọ trì 1.000 biến Kinh Phổ Môn. Phật sự hoàn mãn trước hết là nhờ sự đồng tâm tin tưởng và tha thiết chí thành của người dân lành. Nhưng cũng là sự cảm ứng màu nhiệm như lời dân gian ca ngợi Bồ Tát Quán Thế Âm: *“Có cầu tức có ứng, có cảm thì có thông, không nguyện nào chẳng thành”*.

**Nguyễn Thành, 2009**

## Tu Tập Với Con

Tháng 10/1995, con gái đầu lòng của chúng tôi là Trần Thị An Như phải vào bệnh viện Nhi Đồng II tại Tp. Hồ Chí Minh cấp cứu. Cháu bị lên sởi, nốt đỏ mọc đầy người, đồng thời còn bị viêm da, toàn thân bị phồng lên những đốm nước bằng ngón tay khắp mặt, thân hình, tay chân. Nguy hiểm nhất là cháu bị bội nhiễm



phổi rất nhanh, gây viêm phổi, khó thở, đờm vàng đặc sệt, phim chụp X quang phổi có rất nhiều vết lõm đốm. Ngoài ra, do phải nằm chung tại một phòng cấp cứu lúc nào cũng đông người, cháu còn bị nhiễm trùng máu bởi một loại vi trùng đã lờn kháng sinh tại bệnh viện. Bác Sĩ Hưng, trưởng phòng cấp cứu trực tiếp điều trị báo động cháu rất dễ bị nguy biến. Cứ vài ngày trong phòng lại có một em bé tử vong, càng tăng thêm sự âu lo cho chúng tôi.

Chính cơn bệnh của An Như đã giúp tôi có niềm tin vào Phật Pháp, vào Bồ Tát Quán Thế Âm mà trước đó tôi không chú ý lắm. Vợ chồng tôi ngày đêm thay nhau ngồi bên giường bệnh suốt một tháng trời, lòng dạ rối bời. Nhìn thân hình gầy gò của cháu mà thấy đau lòng, chỉ biết khẩn thiết niệm Nam Mô Tầm Thanh Cứu Khổ Cứu Nạn Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát hằng ngày, hằng giờ. Sau ba tuần tận tụy chiến đấu với cơn bệnh, các y bác sĩ đã thấy những dấu hiệu tốt. Một tuần sau nữa thì cháu được về nhà, nhưng một cô y tá chăm sóc cho cháu bị lây nhiễm sỏi.

Nửa năm sau, gia đình chúng tôi đến định cư tại Hoa Kỳ theo diện HO. An Như được hưởng chương trình chăm sóc đặc biệt về y tế, giáo dục, và mọi ưu tiên sinh hoạt khác. Cảm niệm ân đức của Bồ Tát, tôi thường xuyên lễ bái Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm, niệm danh hiệu Ngài, tụng chú Quán Âm Linh Cảm Chơn Ngôn. An Như thường ngồi bên cạnh lắng nghe, đánh chuông, và nhờ nghe mà thuộc lòng bài chú này.

Nhờ Phật Pháp nhiệm màu, tuy An Như sức khỏe rất yếu kém, mắc nhiều bệnh dữ, nhưng lúc nào cháu cũng vui vẻ, không bao giờ than vãn về bệnh tật của mình. Cháu rất thích đi học, về nhà là tập đạp xe, và đan khăn quàng len biểu Hội Từ Bi Quán Thế Âm bán đấu giá gây quỹ, tặng các bạn đồng cảnh ngộ khuyết tật tại Việt Nam và nhiều nơi trên thế giới. An Như đan được 35 cái khăn quàng len, bán đấu giá được 9.140 dollars, trong đó có mấy cái 500 dollars, có cái 1.000 dollars. Chiếc khăn cuối cùng đã được mua ủng hộ đến 1.760 dollars! Đây chính là niềm khích lệ lớn lao nhất cho An Như, hơn tất cả mọi loại thuốc bổ và y dược, giúp cháu vui sống và dâng tặng niềm vui cho đời.

An Như đã nhẹ nhàng từ giã cõi đời 5 năm qua, lúc lên 27 tuổi. Tôi tin rằng cháu đã được về cõi Tịnh nhờ suốt đời không tạo ra bất cứ việc xấu nào, hơn nữa còn biết làm việc thiện, nhất là chí thành niệm danh hiệu Phật A Di Đà và Bồ Tát

Quán Thế Âm. Là người mẹ nhưng lúc nào tôi cũng cảm ơn An Như vì An Như đã tạo duyên lành cho tôi có niềm tin sâu vào Phật Pháp. Mỗi khi đảnh lễ 500 Danh Hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, hoặc niệm danh hiệu Ngài, tôi cũng cảm như đang cùng An Như tu tập. Vậy là dù ở phương trời nào, mẹ con tôi vẫn có một mảnh đất chung là niềm tin vào Bồ Tát Quán Thế Âm.

**Ngô Thị Hạnh, 2016**

## Nhiệm Màu

Tôi bị đau bụng liên tục một thời gian dài, bác sĩ nghĩ là bị đau ruột già phải đi soi ruột. Bác sĩ chuyên khoa cho một cái list căn dặn những điều cần chuẩn bị cho việc soi ruột. Cả ngày tôi uống white grape và nước gà lọc kỹ, trưa một chén, chiều một chén, đến 5 giờ 30 chiều tôi bắt đầu uống nước Magnesium citrate. Đến khoảng 8 giờ tối là tôi uống xong 4 chai, rồi cứ 5-10 phút đi cầu một lần với giác ngủ chập chờn suốt đêm như vậy cho đến gần sáng.

Đến 4 giờ sáng tôi thấy đuối sức, lúc đó tôi không thể ra khỏi bồn cầu nữa rồi vì tôi đã bị biến chứng qua bệnh thổ tả, nước trong người tôi liên tục chảy ra không ngừng. Bụng tôi nóng ran, mồ hôi toát ra như tắm, toàn thân như bị kim châm, mắt tôi lòa không còn nhìn rõ mọi vật, tôi bủn rủn cả tay chân. Tôi chợt nghĩ những người sắp chết “xuất hạn” trước khi chết, tôi càng hoảng, có lẽ mình sắp chết mất rồi, có nên gọi 911 không? Tôi ngại phải đến bệnh viện, và mỗi lần gọi cấp cứu là 2, 3 chiếc xe đến rầm rộ. Tôi sẽ chết ư? Không được, chết kiểu ni tôi không muốn chút nào. Tôi hoảng hốt tìm cách.

Đột nhiên, câu A Di Đà Phật xuất hiện trong đầu. Tôi chộp lấy và niệm ngay Nam Mô A Di Đà Phật liên tục vài lần. Rồi tôi chợt nghĩ: Không được, trường hợp ni phải cầu cứu tới Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Tôi bèn cấp tập niệm: *“Nam Mô Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát cứu con với! cứu con với!”*... Tôi cứ niệm như thế liên tục khoảng 5-10 phút gì đó, tôi thấy không còn bị đi ra nước nữa. Tôi đứng lên vào giường nằm và niệm màu làm sao, một luồng hơi mát từ trong bụng tôi mát ra, khắp toàn thân khỏe khoắn êm mát. Cảm giác êm mát khỏe khoắn này tôi chưa bao giờ thấy được trong đời. Tôi nhìn đồng hồ là hơn 5 giờ sáng.

Lúc đó ông xã tôi từ phòng bên chạy qua. Ông nhìn mặt tôi la lên: “Mặt em

sao dễ sợ vậy? Mới khi hôm đó mà sao bây giờ hai mắt thì sâu hoắm, quầng đen, hai má hóp một cách khủng khiếp, bạc nhợt, như người sắp chết vậy”? Tôi thều thào: “Em vừa trở lại từ Quỷ Môn Quan, may nhờ có Đức Quán Thế Âm Bồ Tát cứu không thôi em đi rồi”. Nghe tôi nói ông cũng hoảng, ông nói tại sao em không uống nước? Tôi nói em đọc thấy: “Do not drink or eat anything after midnight, nên không uống”. “Em đi cầu đến bị mất hết nước trong cơ thể rồi, không được, phải uống nước không thôi em sẽ chết đó”. Ông đưa ly nước và bắt tôi uống, khi đó tôi mới uống nước và bình thường trở lại.

Tôi vô cùng tri ân Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã nghe tiếng kêu cứu của tôi. Ngài đã cứu tôi thoát khỏi một tai nạn khủng khiếp. Bây giờ nghĩ lại tôi thấy mọi việc đã xảy đến như trong mơ, thật là nhiệm màu. Sự việc đó đã làm tăng trưởng tín tâm của tôi đối với hạnh nguyện cứu chúng sanh thoát tai nạn của Bồ Tát Quán Thế Âm.

**Diệu Hằng**

## **Mẹ Về**

Từ thuở còn là đứa bé tiểu học, có lần gặp điều sợ hãi, tôi được cô bạn nhỏ dạy cho câu niệm “Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát”. Lớn lên, tôi thờ kính Phật Thích Ca và Bồ Tát Quán Thế Âm. Lớn hơn nữa, khi chọn tu học theo con đường tâm linh Phật giáo, tôi luôn thành tâm trì niệm danh hiệu Phật và Bồ tát Quán Thế Âm. Trong đời sống, khi đối mặt với những bất an, tôi thành tâm niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm.

Năm 2005, có lần bị bệnh phải nhập viện, tôi đã thành tâm trì niệm danh hiệu Ngài. Đêm ấy, trước ngày vào bệnh viện, tôi ngủ nằm mơ thấy Bồ Tát Quán Thế Âm hiện về... Một giấc mơ kỳ lạ duy nhất trong đời tôi! Nửa mơ nửa thật chẳng? Một hiện tượng kỳ diệu và nhiệm màu chẳng? Hay chỉ là ảo giác? Nhưng đó là giấc mơ có thật. Tôi thấy rõ ràng Ngài về với tôi, đẹp đẽ, lung linh, sáng loà ... Tôi đã thức, rất tỉnh táo và đã đứng dậy chạy đến bên Ngài, mong được ôm lấy Ngài ... Nhưng “Thanh thân Mẹ cười, Mẹ đi ngay”! Tôi bàng hoàng nhận ra chỉ là một giấc mơ. Trong giấc mơ ấy và sau khi đã tỉnh, thân tâm tôi an lạc, dễ chịu vô cùng. Sáng hôm sau và mấy ngày kế tiếp, tôi đã trải qua những ngày chữa bệnh nhẹ nhàng và rất bình an. Thân tâm tôi bình an.

Từ cuối năm 2007 cho đến nay, tôi theo Thiên Phật giáo. Mười ba năm đi qua, càng tu học, càng thấm sâu, tôi theo lời Phật dạy: “*Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn*”.

“*Mẹ Về*” là đầu ấn kỳ diệu được giữ mãi trong đời con (Bài thơ sau đây).

Con Xin Cung Kính Tạ Ơn Ngài.

**Nguyễn Thị Yến**, Sacramento, Cuối năm 2020

## **Mẹ Về**

*Buổi sáng vừa hay tin ngã bệnh  
Kiếp hoa sợi tóc chỉ mảnh  
Nửa đêm Mẹ trên đầu luân vũ  
Mẹ từ đỉnh ngự chênh vênh  
Bàn tay Mẹ nhẹ nâng cành liễu  
Con bừng tỉnh - Mẹ hiện thân?  
Mẹ!*

*Con tỉnh dậy khẽ lần đến Mẹ  
Từng vòng quay đẹp muôn vàn  
Tạ lòng Mẹ đến hôm nay  
Hai tay con níu về phía Mẹ  
Con dụi mắt, con bàng hoàng  
Quay đầu nhìn lại phía sau  
Mẹ về giọt phước cho con*

*Tơ trời óng ánh hóa u minh  
Đất trời thông ruộng cao xanh nguyệt cầu  
Chợt hiện về ngũ sắc lưu linh  
Mẹ về rạng rỡ tim con vỡ oà  
Dáng Mẹ về là lẽ phiêu phiêu  
Ngời ngời suốt ngọc ảnh hình như như*

*Sóng sánh vàng tỏa nhẹ hào quang  
Hồng xanh tím đỏ hương ngàn ngáy ngáy  
Mẹ ơi chỉ một phút giây lúc này  
Thanh thân Mẹ cười, Mẹ đi ngay!  
Con vừa thấy Mẹ rõ ràng, Mẹ đâu?  
Mười ba tháng tám trăng thu tròn vành  
Mẹ đi gọi lại tâm con lời vàng!*

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát  
Giấc mơ thật. Đêm Trung Thu 2005

## **Quán Thế Âm Linh Ứng**

Thời gian vào khoảng 1980 - 1982, đạo hữu chùa Kim Quang là bà Báu có đứa con gái mới có 10 tuổi bị khối u sau tròng mắt. Các bác sĩ mổ đã khuyến cáo trước là cháu có thể sẽ bị mù. Bà ấy vừa lo vừa thương con nên hết lòng niệm Phật và Bồ Tát Quán Thế Âm liên tục. Tới ngày mổ, cháu phải vô nhà thương ngày hôm

trước. Bà túc trực ở với cháu trong phòng, lúc gần về chiều bà đang niệm Bồ Tát thì bỗng nhiên bà thấy trong phòng sáng rực và đẹp lạ thường. Hôm sau cháu mổ không gặp trở ngại và sau nhiều tháng dùng hóa trị, mắt cháu trở lại bình thường.

Tôi thường nhớ tới linh ứng này nên khi gặp trở ngại gì là tôi niệm “Án Ma Ni Bát Mi Hồng” và mọi việc kết thúc tốt đẹp. Tôi bị mổ ung thư ruột già năm 1995. Trong phòng tôi làm việc cũng có một người bị ung thư như tôi nhưng sau khi giải phẫu ít năm là bị mổ lại nên tôi thấy không thể coi thường được. Do đó, trong mấy tháng được nghỉ làm để điều trị, tôi không ngớt niệm Phật sáng chiều. Không biết có phải vậy không mà tôi gặp được ông lang hốt thuốc có hiệu quả nên khi khám lại bác sĩ khen là chỗ mổ đã lành, không có lan thêm trong ruột. Và sau này tôi lại gặp được sách dạy ăn uống để trị bệnh nên mỗi 5 năm đi khám lại một lần và bác sĩ đều bảo không có dấu hiệu bị lại. Rõ ràng có niệm Ngài là có cảm ứng. Nhất là khi tôi đụng xe, xe gãy bánh, móp đầu xe, mà tôi không thương tích, chỉ bị đau chân ít ngày, nếu không có linh ứng thì là gì!

Đầu năm 2020, tôi học được một nghề mới là làm thị thực chữ ký. Vì mới hành nghề nên còn loạng choạng, nhớ trước quên sau nên sót các chữ ký. Về tới nhà kiểm soát lại mới thấy hai hồ sơ chưa có chữ ký. Vì sau 10 giờ đêm rồi nên tôi phải chờ tới sáng mới gọi lại người chủ để họ ký lại cho tôi. Tôi gọi họ và nhấn vào máy rất nhiều lần mà không thấy trả lời. Nếu tôi không làm đúng thủ tục, không gửi hồ sơ đến văn phòng trước khi FedEx đóng cửa lúc 5 giờ chiều, trễ thời gian thì đã không nhận được tiền công mà còn bị ghi điểm xấu, có thể bị thưa kiện vì làm trễ nải công việc của chủ hồ sơ. Do đó mà tinh thần tôi rất căng thẳng. Tôi lo lắng và niệm Bạch Y Thần Chú liên hồi, nhưng thật buồn.

Đến 2 giờ chiều, tôi tính là đến nhà người chủ này xem may ra có gặp không nên tôi quyết ra xe đi. Trên đường đi tôi nhớ là cần phải mua phong bì lớn và paper clip lớn dùng cho 150 trang giấy. Tiện đường tôi ghé vào Dollar Tree để mua cho rẻ. Khi vào đến trong tiệm Dollar Tree, tôi đi thẳng tới chỗ bày các giấy bút để mua phong bì. Vừa đi ít bước thì trước mặt tôi có hai người đàn bà nhìn tôi chăm chăm. Tôi thấy một người trông quen quá. Tôi nhìn bà ta rồi chào thì bà ta hỏi có phải tôi là người tới nhà tôi qua để thị thực chữ ký? Lúc bấy giờ thì tôi nhận ra liền và chạy tới bắt tay, mặt mừng như bắt được vàng. Tôi mừng chảy nước mắt và nói là tôi chờ bà ta từ sáng và đang trên đường đến nhà xem bà có ở nhà không. Tôi cũng

giải thích là tôi phải có chữ ký ngay lập tức thì mới kịp giờ đi ra FedEx. Bà ta và người bạn phải bỏ dở việc mua hàng và về nhà ngay với tôi để ký hai hồ sơ. Tôi còn cần chữ ký của chồng bà ta nữa nên phải lại nhà.

Sau khi đã kịp đem hồ sơ ra gửi FedEx, tôi thấy mình như đi trên mây. Tuy mệt nhọc vì tinh thần căng thẳng suốt buổi sáng nhưng niềm vui đã làm tan biến hết trong giây lát. Tôi vẫn còn ngỡ ngàng không thể tưởng tượng được là sự việc có thể xảy ra ngẫu nhiên như vậy. Làm sao mà từ nhà ra đi tôi lại đi đúng lại tiệm Dollar Tree này mà không đi tiệm Staples. Và rồi tôi lại bước đúng tới hướng bà chủ hồ sơ đang đi về phía tôi. Tiệm Dollar Tree đâu có phải nhỏ. Tôi có biết bà ta ở đây đâu mà đi tìm. Thật là kỳ diệu!

Hôm ấy, tôi không thấy hào quang và diện mạo Ngài nhưng **cảm nhận Ngài hiện thực thì quá rõ ràng**. Và từ ngày ấy tôi biết Ngài ở bên tôi cũng như với những ai thành tâm cầu khẩn Ngài. Có cầu là có ứng. Tôi xin chia sẻ kinh nghiệm này để khích lệ các hành giả lễ lạy sám hối theo Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm này. Tôi mới chỉ trì Chú Bạch Y thôi mà đã thấy kết quả tức thời, còn nếu quý vị hành trì 500 lạy thì công đức vô lượng, vô biên tới mức nào.

Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

**Nguyệt Diệu Ngọc, 12/2020**

## **Thoát Bão Dữ và Bom Đạn**

Làng Siêu Quần tôi ở xã Phong Bình, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, có chừng 500 căn nhà. Năm tôi 12 tuổi thì có một trận mưa lụt và bão lớn, bay cả nhà cửa, chỉ còn sót lại khoảng 40 cái mà thôi. Nhiều người đến núp mưa và đem theo cả xoong nồi tị nạn tại nhà tôi. Khi thấy gió lớn quá, Mẹ tôi làm lễ cầu an cho căn nhà, vì sau nhà có cây thầu đầu rất lớn, đang đèo lên mái tranh khiến tường bị rạn nứt. Tôi ngồi gần cửa sổ nhìn ra, miệng niệm Phật.

Khi mẹ tôi làm lễ cầu an sắp xong, còn đang hồi hướng, bỗng nhiên tôi nghe cái ào, giống như là cái nhà bị búng bay đi. Tôi nhìn ra, thấy cái cây to bự đó, giống như bị Tôn Ngộ Không hóa phép, ôm liệng ra xa cả cây liền rễ. Tôi hét to và vỗ tay, miệng hoan hô, ai nấy đều nhìn ra và rất đổi vui mừng. Sau trận bão lụt

lớn có nhiều người chết, trâu bò heo trôi mất hết. Mọi người có niềm tin: Nhờ gia đình bác gái này mở rộng cửa từ bi, nhờ có đức Phật độ trì mà tất cả mọi người ở đây đều được bình yên.

Đến năm tôi 18 tuổi, chiến tranh tàn phá quê tôi, bom đạn liên miên, từ ca nông đến B52 oanh tạc. Tôi ngồi núp dưới hầm, miệng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Có lần tự nhiên tâm động, tôi chạy ra tránh đi nơi khác. Chừng 10 phút sau đó thì một quả đạn ca nông trúng nổ sập hầm. Hú hồn! Tôi cảm nhận được ngay là Bồ Tát đã cứu tôi thoát chết.

Tôi tin Ngài đã cứu tôi nhiều lần lắm. Vì lẽ đó nên lúc nào tôi cũng tin rằng có Đức Quán Thế Âm trước mắt tôi và dạy tôi tu, cố gắng sửa đổi tâm tánh, làm lành lánh dữ và không sát sanh hại vật.

**Đồng Đức** kể chuyện, **Tâm Hoán** viết, 2006

## Bị Lật Xe Vẫn Bình Yên

*“Quán Âm là Tịnh Thánh  
Là nơi cần nương tựa  
Trong ách nạn khổ đau”.*

Câu kinh trên đây thật là linh ứng! Mẹ tôi qua đời cách đây ba năm, vào lúc đó tôi cũng đã có duyên học Phật. Nhân lễ 49 ngày cầu siêu cho Hương Linh mẹ tôi, tôi đã phát tâm thỉnh tượng Quán Thế Âm tại tu viện Kim Sơn để cúng dường.

Ba ngày sau khi thỉnh tượng Ngài, trên đường đưa con đi học tại thành phố Sacramento, California, chúng tôi bị một tai nạn xe rất là nguy hiểm. Xe bị đụng lấn đi mấy vòng. Cuối cùng chiếc xe lật ngửa bốn bánh lên trời. Người chứng kiến đều nghĩ là những ai ở trong xe đều không thể tránh khỏi cái chết. Nhân viên cứu hộ phải cưa cả cái trần của xe mới lôi chúng tôi ra được. Trong lúc nguy kịch đó tôi vẫn một lòng khẩn nguyện Đức Bồ Tát Quán Thế Âm và nhìn sang con, tôi nhắc con cùng niệm danh hiệu của Ngài. Tai nạn xảy ra như thế mà chúng tôi không bị một thương tích nhỏ nào cả.

Thật linh ứng thay khi lâm vào bất cứ tình huống nguy hiểm nào, chúng ta đều



luôn luôn nhất tâm niệm danh hiệu của Ngài thì tất cả tai nạn đều được Ngài từ bi gia hộ và che chở. Đây chỉ là một trong những lần chúng tôi được thoát nạn nhờ luôn nhất tâm niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn Linh Cảm Quán Thế Âm Bồ Tát.

Tịnh Nguyên, 2006

## **Đức Quán Thế Âm Đã Cứu Con Chúng Tôi**

Vợ chồng chúng tôi có người con gái 12 tuổi bị bệnh severe aplastic anemia, một chứng bệnh về máu gần như thuộc dạng ung thư cực kỳ nguy hiểm. Muốn chữa trị cần phải thay tủy, nhưng tìm được người hiến tủy và có tủy phù hợp rất mong manh, nhất là người Á Đông. Chưa đến 10% người Á Đông tham gia tình nguyện hiến tủy.

Trong khi chờ đợi tìm người hiến tủy qua nhiều thủ tục phức tạp và cần thời gian, các bác sĩ bệnh viện Kasier đã thử dùng nhiều loại thuốc để trị bệnh cho con chúng tôi, nhưng bệnh tình càng ngày càng nặng thêm. Mỗi tuần cháu phải chuyễn thêm máu và các loại thuốc khác, gây ra nhiều phản ứng phụ như sạn thận, ngứa toàn thân, tê cứng tay chân, lở trong miệng không ăn uống được. Sức khỏe cháu xuống cấp trầm trọng. Giữa lúc nguy khốn đó, quý đạo hữu Hội Từ Bi Quán Thế Âm (HTBQTA) đã đến bệnh viện thăm viếng, khuyến khích cháu và vợ chồng chúng tôi cùng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm và tụng trì Chú Đại Bi cầu gia hộ.

Từ đó, chúng tôi rất vững lòng tin sự mầu nhiệm của Đức Phật Bà Quán Thế Âm. Mỗi lần con chúng tôi bị nguy hiểm gì, chúng tôi lập tức niệm Phật Bà Quán Thế Âm là một vài phút sau, sự đau đớn hay nguy hiểm bỗng nhiên tiêu tan ngay! Cũng từ đó, mỗi tối thứ Sáu đến Hội Quán HTBQTA tụng kinh niệm Phật, chúng tôi luôn quỳ trước tượng Quán Thế Âm lộ thiên để cầu xin Phật Bà cứu con gái chúng tôi. Trong khi quỳ trước tượng Phật Bà cầu nguyện, vợ tôi thấy một luồng điện màu xanh như một viên ngọc xanh tròn, lớn bằng viên bi, hiện ra từ hai mắt của tượng Quán Thế Âm, rồi một tia sáng từ viên ngọc đó chiếu thẳng vào mắt của vợ tôi. lạ thay, chỉ có vợ tôi nhìn thấy, còn tôi và con gái tôi không thấy. Linh ứng đó không phải một lần mà đến ba lần! Sự mầu nhiệm đó càng cho chúng tôi

vững niềm tin hơn là con chúng tôi sẽ được cứu.

Khoảng 9 tháng kể từ ngày con chúng tôi mắc bệnh, chúng tôi nhận được tin từ bệnh viện cho biết, họ đã tìm được một thanh niên 19 tuổi gốc Á Đông có cùng tủy với con tôi, đã đồng ý hiến tủy để cứu con tôi! Gia đình chúng tôi rơi lệ mừng vui không thể diễn tả nên lời. Tháng 4 năm 2016, con chúng tôi về bệnh viện UC San Francisco để thay tủy. Quá trình điều trị qua nhiều giai đoạn cực kỳ nguy hiểm, nhưng mà lạ thật, mỗi lần nguy hiểm là chúng tôi chấp tay kêu lớn Lạy Phật Quán Thế Âm cứu con con, thì chỉ vài ba phút sau là sự nguy hiểm tiêu tan không còn nữa! Đến nay con chúng tôi thay tủy đã được 5 tháng, mọi sự tuy chưa được hoàn hảo, nhưng sự tiến triển nằm trong mong đợi của bác sĩ. Sức khỏe của cháu cũng rất tốt.

Chúng tôi thành tâm xin kể lại câu chuyện này, trước hết để bày tỏ lòng Tri Ân Tôn Kính Phật Bà. Thứ hai là kêu gọi những người dưới 40 tuổi tham gia hiến tủy. Hiện đang còn hơn 11.000 người gốc Á Đông trên thế giới đang chờ đợi các ân nhân hiến tủy để cho họ sự sống. Xin cảm ơn quý đạo hữu HTBQTA đã cầu nguyện cho con chúng tôi, đồng thời khuyến khích chúng tôi cùng hướng về tu tập tâm linh, cùng nhau làm việc thiện để giúp các cháu bé bất hạnh tại quê nhà và nhiều nơi trên thế giới.

**Trần Dzũng, 31/08/2016**

## **Cảm Tưởng Của Cháu Trish**

Năm 2015, con được bác sĩ chẩn đoán bị bệnh severe aplastic anemia (thiếu máu vì cơ thể không tái tạo tế bào máu được). Cách chữa trị duy nhất là thay tủy xương. Những mũi kim chích, những buổi chuyển máu, và những đêm dài trần trọc không ngủ được tại bệnh viện đã chiếm trọn cuộc sống 12 tuổi của con. Khi bác sĩ cho biết cơn bệnh đang đe dọa tính mạng con, con cảm thấy tuyệt vọng và không thể vượt qua được dù con có bao nhiêu dũng khí và năng lực.

Trong khi con đã bỏ cuộc, cha mẹ con đã nhờ Quý Tăng Ni tại các chùa quanh thành phố Sacramento, California để cầu an. Với hy vọng cứu con, cha mẹ con đã chuyển sang ăn chay và nhiều ngày đêm tụng kinh với con tại bệnh viện. Con

đã chứng kiến nhiều phương pháp điều trị không thành công và mỗi lần như vậy con mất thêm một niềm hy vọng nữa. Con không tìm thấy động lực nào để tiếp tục sống, và mỗi ngày con đều tự hỏi tại sao phải là con.

Khi con được xuất viện, cha mẹ con đã dẫn con đến một buổi tụng kinh tối thứ Sáu tại Hội Quán Hội Từ Bi Quán Thế Âm tại Sacramento, California. Cô Kim Phương tặng con một chiếc áo tràng, và tâm tư con đã thay đổi từ buổi tối đó. Qua các buổi tụng kinh hằng tuần, con đã được các Cô Bác giảng giải về nghiệp báo và phương pháp duy nhất để giải thoát là giác ngộ. Đạo Phật đã khai ngộ cho con về cuộc sống. Đạo Phật giải thích hợp lý nhiều câu hỏi của con về cuộc sống như người giàu, người nghèo, cơn trùng đáng sợ và cơn trùng không đáng sợ v.v... Khi con nhận thức rằng nghiệp báo đang làm con đau khổ, con đã tìm được động lực tu tập, tiếp tục điều trị căn bệnh để chuyển nghiệp, để giải thoát.

Trong quá trình điều trị, con đã có nhiều trải nghiệm mâu nhiệm vượt quá giới hạn của suy nghĩ và lý trí. Có nhiều lần con bị sỏi thận, mang đến những cơn đau không thể chịu đựng được. Do tình trạng sức khỏe yếu của con, bác sĩ không thể nào phẫu thuật để lấy các viên sỏi. Con phải cố gắng chịu đau để các viên sỏi tự di chuyển ra khỏi cơ thể mình. Con đã cầu nguyện suốt đêm và đặt niềm tin vào bàn tay của Bồ Tát Quán Thế Âm. Nỗi đau không thể chịu được khiến con la hét trong đau đớn được chuyển thành một giấc ngủ an lành. Vượt quá lý luận và kinh ngạc của các bác sĩ, hôm sau những viên sỏi đã tự tan thành những mảnh nhỏ có thể đào thải ra khỏi cơ thể con. Và cũng trong quá trình trị liệu, các mũi kim chích không còn gây đau đớn, cảm giác mệt mỏi dụi lại và có thể chịu đựng được, mặc dù tác dụng của phương pháp trị liệu rất ít.

Phương pháp chữa trị cuối cùng và duy nhất là thay tủy xương. Để tìm một người xa lạ sẵn sàng hiến tủy là một quá trình gian nan và tẻ nhạt. Hầu hết các bệnh nhân đều cần trên hai hay ba năm để tìm người hiến tủy. Mặc dù thời gian hai hay ba năm là khoảng thời gian dài, nó không thể lay động được niềm tin vững chãi của con vào Đức Bồ Tát Quán Thế Âm. Thật hy hữu và mâu nhiệm, con đã tìm được người hiến tủy sau năm tháng tìm kiếm. Người hiến tủy của con rất hiếm khi nghe điện thoại nhưng đã trả lời cuộc điện thoại để cứu mạng con.

Thời gian dự kiến hồi phục sau phẫu thuật thay tủy là ba tháng trong bệnh viện và đó có thể là quá trình khó khăn nhất trong hành trình của con. Mỗi ngày



### **Đêm An Lành**

***Hội Quán Hội Từ Bi Quán Thế Âm***

Sacramento, California, USA.

*(Ảnh: Đặng Đức Cường)*

trong bệnh viện, gia đình con đều cầu nguyện Đức Phật Dược Sư và Bồ Tát Quán Thế Âm để gia hộ cho con mau chóng hồi phục. Một lần nữa các bác sĩ đều ngạc nhiên khi xem xét kết quả thử máu của con; lượng máu trong con đang ổn định như người bình thường. Và con đã được về nhà một tháng sau phẫu thuật thay tử. Quan trọng nhất, con may mắn không trải qua các biến chứng thông thường như buồn nôn, đau bụng, và tệ nhất là trường hợp tế bào mới bị cơ thể từ chối.

Giai đoạn khó khăn này trong cuộc sống là một bài học để gia đình con vượt qua. Nó đã dạy cho con và cha mẹ con về sức mạnh của niềm tin vào một điều gì đó ngoài suy nghĩ lý trí. Có một vị Phật, Bồ Tát, hay là Chúa để chúng ta hằng ngày tu tập và tôn thờ sẽ mang lại nhiều điều tốt lành và tích cực. Bây giờ con đã vượt qua cơn bệnh nguy hiểm tính mạng này. Con hy vọng sẽ trở thành một bác sĩ trong tương lai để đền đáp ân nghĩa.

**Trần Trish** (*Trần Duy Quang dịch*)

## Ngôi Chùa Cổ Linh Thiêng Ở Quảng Bình



*Chùa Quan Âm năm 1995*



*Chùa Quan Âm hiện nay*

Để có những hình ảnh và tư liệu về ngôi chùa Việt Nam, chúng tôi đã thực hiện nhiều chuyến đi bằng xe Honda viếng chùa ở khắp mọi miền đất nước từ những năm 1980, trong đó có những chuyến đi đáng nhớ như chuyến xuyên Việt trên chiếc xe gắn máy Honda 81 - 90cc từ ngày 05/4/1995 đến ngày 23/4/1995. Sau những ngày rong ruổi viếng chùa ở 12 tỉnh miền Bắc, chúng tôi về miền Trung. Ngày 16/4/1995, chúng tôi đến chùa Hương Tích (Hà Tĩnh). Hôm sau 17/4/1995, xe chúng tôi vượt núi Hoành Sơn, qua đèo Ngang để vào Quảng Bình. Sau khi qua phà sông Gianh, đến huyện Bố Trạch, chúng tôi vừa chạy xe vừa cố tìm một ngôi chùa ở Quảng Bình để chiêm bái, khảo sát, chụp ảnh đưa vào tác phẩm CD-Rom (sách điện tử) Những Ngôi Chùa Nổi Tiếng Việt Nam.

Xe chạy đến xã Thanh Trạch thì bỗng dừng xếp lốp ngay trước cửa một quán nước và tiệm sửa xe gắn máy ven đường. Chúng tôi mừng quá vì nếu không có tiệm sửa xe, phải dắt bộ đi mấy chục cây số giữa nắng nóng thì đuối người và tan nát vỏ ruột xe! Anh thợ sửa xe tháo ruột xe bơm lên ngâm vào thau nước tìm chỗ xì để vá. Anh ngâm ruột xe vào nước đến ba lần mà không tìm ra chỗ xì nên bơm bánh xe, giao lại cho tôi và nói chuyện lạ quá, thật khó hiểu? Trong thời gian anh sửa xe, chúng tôi ngồi nghỉ ngơi, uống nước trong quán và nói chuyện với chị chủ quán là chúng tôi muốn đến viếng một ngôi chùa cổ ở Quảng Bình mà không tìm thấy! Chị chủ quán mừng rỡ cho tôi biết có ngôi chùa cổ Quan Âm ở ngay sau



quán chừng mười mét.

Thật nhiệm màu! Nếu xe chúng tôi không bị xẹp lốp ngay đường vào chùa thì chúng tôi không thể nào biết được ở thôn Quyết Thắng, xã Thanh Trạch này có một ngôi chùa mang tên Bồ Tát Quán Thế Âm được dựng vào thời vua Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức thứ ba (1472). Trải qua thời gian dài không có người chăm sóc, chùa bị hỏng hoàn toàn vào năm 1968. Ngôi chùa được dân làng và các nhà hảo tâm dựng lại sơ sài vào năm 1993 thì hai năm sau, chúng tôi có duyên lành đến viếng. Chúng tôi thật sự xúc động, kính lễ tượng chư Phật, chư Bồ Tát, tâm hoan hỷ vô cùng!

Ngôi chùa ngày nay đã được dân làng xây dựng khang trang, xinh đẹp. Có thầy Thích Nguyên Tâm về trụ trì, hướng dẫn Phật tử, đạo tràng tu tập, sinh hoạt theo Chánh Pháp. Chúng tôi đã đưa bài viết và hình ảnh chùa Quan Âm vào một số tác phẩm đã xuất bản. Xin cảm ơn người dân vùng quê Thanh Trạch đã giữ mái nhà tâm linh của mình suốt 550 năm qua. Bồ Tát thật hiển linh!

**Võ Văn Tường & Trần Thị Minh Nguyệt**

*California, ngày 21/8/2020*

## **Màu Nhiệm Ngôi Chùa Không Cháy Giữa Rừng Lửa!**

Trong hơn một tuần qua, theo “tintuc60giay.com” ngày 24/8/2020, đã có hơn 100.000 cư dân được sơ tán và lửa đã đốt cháy hơn 991.000 acres. Đây là trận cháy rừng lớn nhất tại California, Hoa Kỳ. Có hơn 13.700 lính cứu hỏa đang đấu tranh để cứu những người dân và nhà của họ. Thành phố Vacaville là nơi bị thiệt hại rất nặng!

Thật màu nhiệm! Trung tâm tu học Phổ Trí, một ngôi chùa Việt tọa lạc tại số 7233 Pleasants Valley Road, thành phố Vacaville, có diện tích 5 acres, được Thượng Tọa Thích Từ Lực sáng lập vào năm 2012 làm nơi tu học cho Tăng thân Việt Mỹ còn nguyên vẹn.

Bão lửa dữ dội đã thiêu cháy các nhà chung quanh, chuồng ngựa phía trước chùa, rừng cây sau chùa, hàng rào chùa ... và dừng lại dưới chân tượng Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Địa Tạng ở sân chùa. Ngôi chánh điện, trai đường, Tăng

xá và vườn tượng A La Hán vẫn còn nguyên; hoa trái vẫn nở đẹp trong vườn chùa! Thượng tọa Viện chủ Thích Từ Lực đã viết trên trang facebook ngày 20/8/2020:

***“Và hôm nay, qua sự kiện có thật, ngọn lửa dừng lại sát bên hông nhà, không bốc cháy, hay ngay trước pho tượng Quán Âm Chuẩn Đề, Địa Tạng Bồ Tát, để chúng ta tiếp tục có được nơi chốn Tu học chánh niệm cho tứ chúng. Có hay không, phép lạ giữa cuộc đời? Ơn Tam Bảo nhiệm mầu! Tình Tăng thân thấm thiết”!***

Nam Mô Tầm Thanh Cứu Khổ Cứu Nạn Đại Từ Đại Bi Linh Cảm Ứng Quán Thế Âm Bồ Tát.

*Bài & ảnh:*  
**Võ Văn Tường**





## ***Nghe Tiếng Trần Gian Quán Thế Âm***

Bồ Tát Quán Thế Âm (Nghe Tiếng Trần Gian) là suối nguồn luân lưu, hiển linh vô tận để cho con người yếu đuối đang sống giữa trần gian nhiều biến cố, phải đối diện với nhiều tang thương, gian khó, khổ đau nguyện cầu cứu khổ và nương tựa. Biểu tượng Quán Thế Âm Bồ Tát là Suối Nguồn Năng Lượng Lành tùy duyên nhưng bất biến. Đức Quán Thế Âm là Mẹ thiêng liêng, là nguồn năng lượng bao trùm vạn pháp.

Trong mùa đại dịch Covid-19 năm nay, tôi có thiện duyên được Sa di Thông Đạo gửi tặng một món quà đạo hạnh đáng quý: Đó là Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm gồm cả ba thứ tiếng: Việt, Anh và Hán. Ngũ Bách Danh là Năm Trăm Hồng Danh biến ứng của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát; là nghi thức xưng tán danh hiệu và công hạnh của Bồ Tát Quán Thế Âm qua tinh thần quán niệm, lễ bái và thực tập chuyển hóa. Có thể nói đây là một “tâm nguyện viên thành” mà người thực hiện suốt đời mong cầu.

Khi còn ở quê nhà, đạo hữu Trần Duy Phô là thành viên nhiệt thành trong Liên Đoàn Học Sinh Phật Tử Thừa Thiên và nhóm Bác Siêu – Một hoạt động từ thiện “hàng tâm hàng sản” của các Phật tử trong nếp sống thanh bạch của Huế. Tiếp nối truyền thống “*mắt thương nhìn đời*” đó, đạo hữu thành lập, sinh hoạt với Nhóm Học Phật Lộc Uyển và Hội Từ Bi Quán Thế Âm tại Sacramento để vừa tu học vừa làm việc thiện.

Trong mọi hoàn cảnh và điều kiện khác nhau, dẫu gian nan và khắc nghiệt tới đâu thì cái tâm Phật tử tìm cầu và cúng dường Chánh Pháp của đạo hữu vẫn không bao giờ thối chuyển. Đạo hữu đã vươn lên từ quê nghèo để được đi học ở thành phố Huế. Mới học xong Cao đẳng Triết học thì vào lính (Sĩ quan Thủ Đức khóa 3/72), vào trại Cải tạo sau 1975, định cư Hoa Kỳ theo diện HO năm 1996. Qua 9 năm dài vừa học vừa làm trên đất Mỹ, đạo hữu đã tốt nghiệp Cử nhân Xã hội, Thạc sĩ Xã hội. Tôi có được niềm vui là đã từng làm Field Instructor cho đạo hữu trong cả hai chương trình Cử nhân và Thạc sĩ tại Đại học California State University – Sacramento.

Đạo hữu Phô đã thế phát xuất gia thành Sa di Thông Đạo vào năm 2017. Tín tâm của người Phật tử khi đã chuyển hóa theo hướng Tâm Bồ Đề thường được nâng lên tầm cao của thiện hạnh. Cuốn Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm do Sa

di Thông Đạo chăm lo sưu tập, chuyển ngữ, chú thích thành một ấn phẩm trân quý như hôm nay là một tâm nguyện góp phần hoằng Pháp, lợi sanh rất đáng khích lệ.

Xin cầu nguyện Hồng Ân Tam Bảo và Năng Lượng Ngũ Bách Danh Linh Ứng tỏa chiếu mười phương để hộ trì, hóa giải kiếp nạn tai ương thành an lạc.

**Nguyễn Thọ Trần Kiên Đoàn** (*Mother's Day 2021*)

## Lời Bạt

***Kính Lạy Mẹ Hiền Quán Thế Âm!***

*Con chưa bao giờ mơ thấy Mẹ  
Nhưng cảm như Mẹ vẫn quanh đây  
Gia hộ cho con bền nguyện lực  
Giữa cõi phong trần vững bước chân.*

Từ thuở ấu thơ, con đã được trông thấy hình ảnh hiền hậu của Ngài trên bàn thờ Phật, thỉnh thoảng được lau bàn, quét bụi, thay nước, hoặc rót dầu, thắp đèn, thắp hương mỗi tối. Nhờ Hồng Ân của Ngài gia hộ nên mỗi khi có việc khó khăn, con chí thành trì tụng Chú Đại Bi, Kinh Phổ Môn, niệm và lễ lạy 500 Danh Hiệu Ngài thì mọi việc trở nên yên ổn, lại có nhiều cảm ứng khó nghĩ bàn!

Là người lính trên chiến trường, con đã ba lần thoát nạn mìn bẫy chỉ trong nửa bước chân! Nhiều năm dài sinh hoạt với bạn trẻ như Học Sinh Phật Tử Thừa Thiên, Gia Đình Phật Tử Phước Linh, Thanh Thiếu Niên Phật Tử Diệu Quang dưới sự hướng dẫn của ĐĐ. Chơn Thức, ĐĐ. Thanh Huyền, NS. Diệu Từ, và làm việc thiện dưới sự hướng dẫn của Bác Siêu, Sư Bà Thẻ Quán, NS. Cát Tường, Sư Cô Như Minh, Sư Cô Minh Tú, Chú Lê Quý Quang tại Việt Nam, rồi Hội Từ Bi Quán Thế Âm tại Hoa Kỳ, con vẫn giữ được niềm vui tinh khôi, lòng chân thành và niềm tin bất động vào Tam Bảo dù bao đổi thay của lòng người và thế sự! Đó chính là nhờ những hạt mầm Phật Pháp đã được huân tập từ khi còn nhỏ.

Khi mạo muội cố gắng chuyển ngữ bản Kinh sang tiếng Anh để báo đáp Ân Đức, con thường xuyên quán chiếu và dâng lễ Danh Hiệu Ngài, xin được soi sáng để không sai lạc Ý Phật, Ý Tổ. Con nhận ra vai trò chính của Ngài là **Pháp thí**: hướng dẫn người đời tu học Phật Pháp và các cách áp dụng đúng để lợi mình, lợi

người, tự giác, giác tha; còn **tha lực** của Ngài là những trường hợp “**cấp cứu**”. Qua cơn khổ nạn, mỗi người nên “*Tự mình thấp đuối lên mà đi, thấp lên với Chánh Pháp*”. Như cha mẹ lúc nào cũng thương yêu chăm sóc, hết sức tạo điều kiện cho các con ăn học, nhưng học giỏi hay không là do cố gắng của con chứ cha mẹ không thể học thế. Cũng vậy, chư Phật, chư Bồ Tát, Bồ Tát Quán Thế Âm luôn luôn thương nghĩ cứu giúp chúng sanh, nhưng kết quả ra sao, cảm ứng đến mức nào là do nỗ lực của mỗi cá nhân.

Trong khi dõi theo từng dấu chân Ngài, con được nhiều an vui, học được lời Phật dạy qua Kinh Nguyên Thủy và Đại Thừa. Con lạy Ngũ Bách Danh mà không hiểu rõ, cho đến ngày đạo hữu Quảng Hữu dẫn đến chùa Đức Viên thỉnh **Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni** về đọc thì mới sáng ra! Khi ghép từng câu, từng chữ Hán, con không khỏi bị nhức đầu và hoa mắt. Sau 3 tháng, con chợt khởi ý là ghép 3 chữ 五百名 đưa vào Google thì tìm thấy toàn bộ Kinh Ngũ Bách Danh chữ Hán do Nôm Foundation dày công chuyển dịch bằng kỹ thuật số và cho phép sử dụng! Cũng như năm 2002 nhờ các em Lê Tuấn, Trần Tuấn, Thái Hiền dùng photoshop tẩy các vết đen copy từng tấm hình Ngài đưa vào Phẩm Phổ Môn song ngữ Việt Anh, qua ngày thứ ba thì Lê Tuấn tải xuống được bộ hình màu sắc tươi sáng, trang nghiêm của Ngài từ trang Web [www.vnet.org/phatgiaio/gallery/phomon](http://www.vnet.org/phatgiaio/gallery/phomon) (một tháng sau thì không còn nữa)! Ôi! Những lần như vậy, nước mắt con tuôn tràn trên má! Phải chăng là “*Có cầu tức có ứng, có cảm thì có thông, không nguyện nào chẳng thành*”?!

Với tấm lòng Thành Kính Tri Ân Ngài, nhân ngày Vía Bồ Tát Quán Thế Âm Đản Sanh, con xin được thay mặt Vô Lượng Ân Đức trợ duyên, Kính Cúng Dường bản **Chuyển Ngữ và Chú Thích Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm** này lên Tam Bảo. Đồng thời tiếp tục lễ bái 500 Danh Hiệu Ngài, **mỗi chữ một lạy**. Thành Tâm Cầu Nguyện đại dịch Virus Corona 19 mau có thuốc chữa bệnh và vaccine phòng ngừa cho nhân loại bớt tang tóc, khổ đau. Lại Nguyện Phật Pháp nhuần khắp, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc, Chư Hương Linh Siêu Sanh Lạc Quốc.

Nam Mô **Tùy Sở Trụ Xứ Thường An Lạc** Quán Thế Âm Bồ Tát.

Cẩn Bạch,

Ngày 19 tháng 2 năm Tân Sửu, PL 2565 (2021)

**Đệ tử Trần Duy Phô, Pháp danh Nguyên Thành, Pháp tự Thông Đạo**



## Tóm Tắt 500 Câu Danh Hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm

(Bản Phiên Âm Hán Việt)

- |                                    |                                |   |
|------------------------------------|--------------------------------|---|
| 1. Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật     | 37. Chủng Chủng Sắc Tướng      | 75. Độ Nhất Thiết Chúng                 |
| 2. Thuyết Tích Nhân Trình          | 38. Chủng Chủng Lợi Lạc        | 76. Thiên Nhân Chiếu Kiến               |
| 3. Cổ Phật Thị Hiện                | 39. Chủng Chủng Cứu Khổ        | 77. Thiên Thủ Hộ Trì                    |
| 4. Bồ Xứ A Di Đà Phật              | 40. Chủng Chủng Thần Thông     | 78. 84,000 Chủng Bệnh                   |
| 5. Thiên Quang Vương Tinh Trụ Phật | 41. Mãn Chủng Chủng Nguyện     | 79. Năng Phục Ác Quỷ Thần               |
| 6. Dũng Xuất Thiên Thủ Nhân        | 42. Thoát Ngũ Nghịch Trọng Tội | 80. Hàng Chư Thiên Ma                   |
| 7. Chánh Pháp Minh Vương           | 43. Trừ Cổ Độc Trú Trớ         | 81. Chế Chư Ngoại Đạo                   |
| 8. 84,000 Mẫu Đà La Tỷ             | 44. Trừ Đầu Não Hung Bệnh      | 82. Năng Trừ Sơn Tinh Tạt Mỵ Vỡng Lượng |
| 9. Thiên Thủ Thiên Nhân            | 45. Trừ Yết Hầu Chư Bệnh       | 83. Trừ Tà Tâm                          |
| 10. Tứ Thập Nhị Tỷ                 | 46. Trừ Khẩu Phúc Yêu Bệnh     | 84. Trừ Tham Nhiễm Tâm                  |
| 11. Thập Bát Tỷ                    | 47. Nhân Nhĩ Thần Thiết Bệnh   | 85. Chúng Sanh Đắc Thiện Quả            |
| 12. Thập Nhị Tỷ                    | 48. Trừ Nha Xỉ Tỷ Thân Bệnh    | 86. Cụ Phật Thân Tạng                   |
| 13. Bát Tỷ                         | 49. Trừ Thủ Cước Chư Bệnh      | 87. Quang Minh Thân Tạng                |
| 14. Tứ Tỷ                          | 50. Trừ Phong Cuồng Điên       | 88. Từ Bi Tạng                          |
| 15. Thiên Chuyển                   | 51. Trừ Ác Quỷ Thần Não Nhân   | 89. Diệu Pháp Tạng                      |
| 16. Thập Nhị Diện                  | 52. Trừ Dao Binh Thủy Hỏa      | 90. Thiên Định Tạng                     |
| 17. Thập Nhất Diện                 | 53. Trừ Lôi Điện Chấn Bồ       | 91. Hư Không Tạng                       |
| 18. Chánh Thú                      | 54. Trừ Oan Gia Kiếp Đạo       | 92. Vô Úy Tạng                          |
| 19. Tỳ Câu Chi                     | 55. Trừ Ác Quân Ác Tặc         | 93. Thường Trụ Tạng                     |
| 20. Mã Đầu                         | 56. Trừ Tam Tai Cửu Hoạn       | 94. Giải Thoát Tạng                     |
| 21. A Gia Yết Lị Bà                | 57. Trừ Ác Mộng Biến Quái      | 95. Dược Vương Tạng                     |
| 22. Pháp Tịnh                      | 58. Trừ Ngoan Xà Phúc Yết      | 96. Thần Thông Tạng                     |
| 23. Diệp Y                         | 59. Trừ Chư Ác Độc Thú         | 97. Quảng Đại Tự Tại                    |
| 24. Tiêu Phục Độc Hại              | 60. Trừ Quan Sự Tranh Tụng     | 98. Quán Thế Âm Tự Tại                  |
| 25. Như ý Bảo Luân                 | 61. Hiện Cực Lạc Thế Giới      | 99. Nhiên Sách                          |
| 26. Vô Ngại Đại Bi Tâm             | 62. Chúng Nhân Ái Kính         | 100. Thiên Quang Nhãn                   |
| 27. Phá Nhất Thiết Nghiệp          | 63. Nhân Cụ Thế Gian Tài       | 101. An Lạc Thành Tự                    |
| 28. Ma Ha Ba Đầu Ma                | 64. Tăng Nhất Thiết Lạc Cụ     | 102. Cụ Đại Bi Nguyện Lực               |
| 29. Diệt Ác Thú                    | 65. Tăng Nhất Thiết Thế Lực    | 103. Hiện Tác Bồ Tát                    |
| 30. Nhiều Ích Chúng Sanh           | 66. Dữ Trường Mệnh             | 104. Bất Không Quyền Sách               |
| 31. Mãn Nhất Thiết Nguyện          | 67. Phú Quý Trường Thọ         | 105. Trừ Nhân Thống                     |
| 32. Cứu Sản Nạn Khổ                | 68. Vô Vi Tâm                  | 106. Trừ Nhĩ Thống                      |
| 33. Cụ Đại Bi Tâm                  | 69. Vô Nhiễm Tâm               | 107. Trừ Tỷ Thống                       |
| 34. Cụ Đại Từ Tâm                  | 70. Không Quán Tâm             | 108. Trừ Thiết Thống                    |
| 35. Địa Ngục Môn Khai              | 71. Cung Kính Tâm              | 109. Trừ Xỉ Thống                       |
| 36. Chủng Chủng Âm Thanh           | 72. Ty Hạ Tâm                  | 110. Trừ Nha Thống                      |
|                                    | 73. Vô Tạt Loạn Tâm            |   |
|                                    | 74. Đà La Ni Niệm              |   |

111. Trừ Thần Thống  
 112. Trừ Tâm Hung Thống  
 113. Trừ Tể Thống  
 114. Trừ Yêu Tích Thống  
 115. Trừ Hiếp Dịch Thống  
 116. Trừ Đoạn Ngạc Thống  
 117. Trừ Khoan Thống  
 118. Trừ Tòa Tất Thống  
 119. Trừ Chi Tiết Thống  
 120. Trừ Thủ Túc Thống  
 121. Trừ Đầu Diện Thống  
 122. Trừ Yết Hầu Thống  
 123. Trừ Kiên Thuần Thống  
 124. Trừ Phong Bệnh  
 125. Trừ Khí Bệnh  
 126. Trừ Trí Bệnh  
 127. Trừ Lý Bệnh  
 128. Trừ Lâm Bệnh  
 129. Trừ Luyến Tích Bệnh  
 130. Trừ Bạch Lại Bệnh  
 131. Trừ Trọng Lại Bệnh  
 132. Trừ Giới Tiền Bệnh  
 133. Trừ Bào Sang  
 134. Trừ Cam Sang  
 135. Trừ Hoa Sang  
 136. Trừ Lậu Sang  
 137. Trừ Độc Sang  
 138. Trừ Ung Thũng  
 139. Trừ Du Thũng  
 140. Trừ Đính Thũng  
 141. Trừ Tiết Thũng  
 142. Trừ Độc Thũng  
 143. Trừ Hoạn Lại Giảm  
 144. Trừ Hoạn Cam Nhuận  
 145. Trừ Tù Cẩm Già Tỏa  
 146. Trừ Đả Mạ Phỉ Báng  
 147. Trừ Mưu Hại Khủng Bố  
 148. Trừ Bất Nhiều Ích Sự  
 149. Trừ Chú Lợi Tha  
 150. Trừ Chú Dục Thủy  
 151. Nhân Thân Đắc Lợi  
 152. Xuất Ngôn Hoan Hỷ  
 153. Trừ Chú Phong Xuy  
 154. Long Thiên Thường Hộ  
 155. Trừ Quốc Độ Tai Nạn  
 156. Trừ Tha Quốc Oán Dịch  
 157. Quốc Độ Phong Nhiêu  
 158. Trừ Dịch Khí Lưu Hành  
 159. Trừ Thủy Hạn Bất Điều  
 160. Trừ Nhật Nguyệt Thất Độ  
 161. Năng Nhị Bạt Thần Mưu  
 Nghịch  
 162. Oán Dịch Tự Hàng  
 163. Quốc Hoàn Chính Trị  
 164. Vũ Trạch Thuận Thời  
 165. Quả Thực Phong Nhiêu  
 166. Nhân Dân An Lạc  
 167. Ác Sự Tiêu Diệt  
 168. Quốc Độ An Ổn  
 169. Nhật Quang Bồ Tát  
 170. Nguyệt Quang Bồ Tát  
 171. Đại Thừa Pháp Nha  
 172. Sở Tu Thành Biện  
 173. Trừ 15 Chủng Ác Tử  
 174. Bất Linh Cơ Ngã Khổ Tử  
 175. Cấm Trượng Sở Tử  
 176. Oán Thủ Đối Tử  
 177. Quân Trận Tương Sát Tử  
 178. Ác Dục Oán Khổ Tử  
 179. Độc Xà Sở Trúng Tử  
 180. Thủy Hỏa Phiêu Phần Tử  
 181. Độc Dược Sở Trúng Tử  
 182. Cổ Độc Sở Hại Tử  
 183. Cuồng Loạn Thất Niệm Tử  
 184. Thụ Ngạn Trụ Lạc Tử  
 185. Ác Nhân Yểm Mị Tử  
 186. Tà Thần Ác Quỷ Tử  
 187. Ác Bệnh Triền Thân Tử  
 188. Phi Phận Tự Hại Tử  
 189. 15 Chủng Thiện Sanh  
 190. Phùng Thiện Vương  
 191. Thường Sanh Thiện Quốc  
 192. Thường Sanh Hảo Thời  
 193. Thường Phùng Thiện Hữu  
 194. Thân Căn Cụ Túc  
 195. Đạo Tâm Thuần Thực  
 196. Bất Phạm Cấm Giới  
 197. Quyển Thuộc Hòa Thuận  
 198. Đắc Nhân Cung  
 199. Sở Hữu Vô Tha Kiếp  
 Đoạt  
 200. Sở Cầu Giai Xứng  
 201. Long Thiên Thiện Thần  
 202. Sở Sanh Kiến Phật  
 203. Ngộ Thâm Thâm Nghĩa  
 204. Tốc Trì Nhất Thiết Pháp  
 205. Tảo Đắc Trí Tuệ Nhãn  
 206. Tốc Độ Nhất Thiết Chúng  
 207. Đắc Thiện Phương Tiện  
 208. Thừa Bát Nhã Thuyền  
 209. Tảo Đắc Việt Khổ Hải  
 210. Tốc Đắc Giới Định Đạo  
 211. Tảo Đẳng Niết Bàn Sơn  
 212. Tốc Hội Vô Vi Xá  
 213. Đồng Pháp Tánh Thân  
 214. Kiến Thập Phương Phật  
 215. Nhất Thiết Thiện Pháp  
 216. Thiên Thủ Thiên Nhân  
 217. Tại Phổ Đà Lạc Sơn  
 218. Diễn Thuyết Đại Bi Tâm  
 219. Mật Tích Kim Cương  
 220. Ô Sô Kim Cương  
 221. Quân Trà Lợi Kim Cương  
 222. Uyên Câu Thi Kim  
 223. Bát Bộ Lực Sĩ Ứng Hộ  
 224. Thường Ca La Kim  
 225. Ma Hê Thủ La Ứng Hộ  
 226. Na La Diên Ứng Hộ  
 227. Kim Tỳ La Ứng Hộ  
 228. Bà Tỳ La Ứng Hộ  
 229. Bà Cấp Bà Ứng Hộ  
 230. Ca Lâu La Ứng Hộ  
 231. Mãn Hỷ Xa Bát Ứng Hộ  
 232. Chân Đà La Ứng Hộ  
 233. Bán Đề La Ứng Hộ  
 234. Tát Bà Già La Vương  
 235. Ứng Đức Tỳ Đa Ứng Hộ  
 236. Tát Hòa La Ứng Hộ  
 237. Tam Bát La Ứng Hộ  
 238. Ngũ Bộ Tịnh Cư Ứng Hộ  
 239. Diễm La Ứng Hộ  
 240. Đế Thích Vương Ứng Hộ

241. Đại Biện Thiên Ứng Hộ  
 242. Công Đức Thiên Ứng Hộ  
 243. Bà Niết Na Ứng Hộ  
 244. Đề Đầu Lại Tra Ứng Hộ  
 245. Bồ Đan Na Ứng Hộ  
 246. Đại Lực Chúng Ứng Hộ  
 247. Tỳ Lô Lặc Xoa Ứng Hộ  
 248. Tỳ Lô Bác Xoa Ứng Hộ  
 249. Tỳ Sa Môn Ứng Hộ  
 250. Kim Sắc Khổng Tước  
 251. 28 Bộ Đại Tiên Chúng  
 252. Ma Ni Vương Ứng Hộ  
 253. Bạt Đà La Ứng Hộ  
 254. Tán Chi Đại Tướng  
 255. Phất La Bà Ứng Hộ  
 256. Nan Đà Long Vương  
 257. Bạt Nan Đà Long Vương  
 258. Bà Già La Long Vương  
 259. Y Bát La Long Vương  
 260. A Tu La Ứng Hộ  
 261. Càn Thát Bà Ứng Hộ  
 262. Khẩn Na La Ứng Hộ  
 263. Ma Hầu La Ứng Hộ  
 264. Thủy Thần Ứng Hộ  
 265. Hỏa Thần Ứng Hộ  
 266. Phong Thần Ứng Hộ  
 267. Địa Thần Ứng Hộ  
 268. Lôi Thần Ứng Hộ  
 269. Điện Thần Ứng Hộ  
 270. Cưu Bàn Trà Ứng Hộ  
 271. Tỳ Xá Xà Ứng Hộ  
 272. Mãn Túc Lục Độ Hạnh  
 273. Thanh Văn Chứng Quả  
 274. Đắc Đại Thừa Tín Căn  
 275. Đắc Thập Trụ Địa  
 276. Đáo Phật Địa  
 277. Thành Tựu 32 Tướng  
 278. Thành Tựu 80 Tướng  
 279. Địa Ngục Môn Khai  
 280. Đắc Đại Thắng Lạc  
 281. Đắc Đại Thắng Ích  
 282. Trừ Ác Nghiệp Chướng  
 283. Địa Ngục Đắc Giải Thoát  
 284. Ư Sở Cầu Vật  
 285. Tâm Sở Nguyện Sự  
 286. Đương Dữ Kiến Phật  
 287. Bí Mật Dữ Nguyện  
 288. Vũ Đại Bảo Vũ  
 289. Như Đại Kiếp Thụ  
 290. Như Như Ý Châu  
 291. Nhất Thiết Sở Nguyện  
 292. Nhất Thiết Sở Cầu  
 293. Bất Tu Trạch Nhật Độc  
 294. Bất Tu Trì Trai Độc  
 295. Vô Hữu Dư Chú Dữ Như  
 296. Ngũ Vô Gián Tội Tiêu Diệt  
 297. Đản Độc Giai Trừ  
 298. Vô Hữu Bất Thắng  
 299. Giai Tự Trang Nghiêm  
 300. Trục Chí Bồ Đề  
 301. Tội Ác Tiêu Diệt  
 302. Hóa Thực Tăng Trưởng  
 303. Phú Quý Tự Sinh  
 304. Vĩnh Tác Y Hồ  
 305. Ư Vô Lượng Kiếp  
 306. Mãn Túc Chư Hy Cầu  
 307. Tăng Chư Bạch Pháp  
 308. Tựu Nhất Thiết Thiện Căn  
 309. Ly Nhất Thiết Chư Úy  
 310. Phật Sắc Thiện Thần  
 311. Bồ Tát Thành Tựu  
 312. Thối Tán Hại Miêu Quả Tử  
 313. Như Ý Châu Thủ  
 314. Quyển Sách Thủ  
 315. Bảo Bát Thủ  
 316. Bảo Kiếm Thủ  
 317. Bạt Triết La Thủ  
 318. Kim Cương Xử Thủ  
 319. Thí Vô Úy Thủ  
 320. Nhật Tinh Ma Ni Thủ  
 321. Nguyệt Tinh Ma Ni Thủ  
 322. Bảo Cung Thủ  
 323. Bảo Tiền Thủ  
 324. Dương Chi Thủ  
 325. Bạch Phát Thủ  
 326. Hồ Bình Thủ  
 327. Bànng Bài Thủ  
 328. Phủ Việt Thủ  
 329. Ngọc Hoàn Thủ  
 330. Bạch Liên Hoa Thủ  
 331. Thanh Liên Hoa Thủ  
 332. Bảo Kính Thủ  
 333. Tử Liên Hoa Thủ  
 334. Ngũ Sắc Vân Thủ  
 335. Quân Trì Thủ  
 336. Hồng Liên Hoa Thủ  
 337. Bảo Kích Thủ  
 338. Bảo Loa Thủ  
 339. Độc Lâu Trượng Thủ  
 340. Sở Châu Thủ  
 341. Bảo Đạc Thủ  
 342. Bảo Ấn Thủ  
 343. Câu Thi Thiết Câu Thủ  
 344. Tích Trượng Thủ  
 345. Hiệp Chương Thủ  
 346. Hóa Phật Thủ  
 347. Hóa Cung Điện Thủ  
 348. Bảo Kính Thủ  
 349. Bất Thối Kim Luân Thủ  
 350. Đỉnh Thượng Hóa Phật  
 351. Bồ Đào Thủ  
 352. Cự Tứ Thập Nhị Tỷ  
 353. Cự Thần Thông Nhân  
 354. Cự Thần Thông Nhĩ  
 355. Cự Thần Thông Tỷ  
 356. Cự Thần Thông Thiệt  
 357. Cự Thần Thông Thân  
 358. Cự Thần Thông Ý  
 359. Đắc Thiên Nhân Thông  
 360. Đắc Thiên Nhĩ Thông  
 361. Đắc Thiên Tỷ Thông  
 362. Đắc Thiên Thiệt Thông  
 363. Đắc Thiên Thân Thông  
 364. Đắc Thiên Ý Thông  
 365. Đắc Thiên Thủ  
 366. Đắc Thiên Nhân  
 367. Đắc Đại Bi Tâm Đà La Ni  
 368. Đắc Phổ Môn Thị Hiện  
 369. Đắc Độ Sinh  
 370. Đắc Dữ Nguyện  
 371. Thuyết Đại Bi Tâm Chú

372. Thập Địa Đắc Quả  
 373. Tứ Quả Đắc Quả  
 374. Bất Vong Thất Đà La Ni  
 375. Linh Độc Thủ Chú  
 376. Ché Tâm Nhất Xứ  
 377. Thiên Nhân Chiếu Kiến  
 378. Thiên Thủ Hộ Trì  
 379. Xuất Khẩu Ngôn Âm  
 380. 99 Ưc Hàng Sa Chư Phật  
 381. Dĩ Thất Quán Chúng Sanh  
 382. Nhất Thiết Như Lai  
 383. Hàng Dĩ Đà La Cứu  
 384. Bách Thiên Tam Muội  
 385. Long Thiên Bát Bộ  
 386. Tam Tai Kiếp Bất Năng Hoại  
 387. Liệu Chúng Sanh Bệnh  
 388. Du Chư Phật Quốc  
 389. Thanh Thanh Bất Tuyệt  
 390. Linh Nhân Dân An Lạc  
 391. Cụ Bất Khả Tư Nghi  
 392. Lục Tự Đà La Ni  
 393. Cụ Chúng Chúng Pháp  
 394. Đắc Hóa Thân TP  
 395. Đắc Phật Thân TP  
 396. Bích Chi Phật Thân TP  
 397. Đắc Thanh Văn Thân TP  
 398. Phạm Vương Thân TP  
 399. Đắc Đế Thích Thân TP  
 400. Tự Tại Thiên Thân TP  
 401. Đại Tự Tại Thiên Thân TP  
 402. Thiên Đại Tướng Quân TP  
 403. Đắc Tỳ Sa Môn Thân TP  
 404. Đắc Tiểu Vương Thân TP  
 405. Trường Giả Thân TP  
 406. Đắc Cư Sĩ Thân TP  
 407. Đắc Tể Quan Thân TP  
 408. Đắc Bà La Môn Thân TP  
 409. Đắc Tỳ Kheo Thân TP  
 410. Đắc Tỳ Kheo Ni Thân TP  
 411. Đắc Ưu Bà Tắc Thân TP  
 412. Đắc Ưu Bà Di Thân TP  
 413. Đắc Phụ Nữ Thân TP  
 414. Đắc Đồng Nam Thân TP  
 415. Đắc Đồng Nữ Thân TP  
 416. Đắc Thiên Thân TP  
 417. Đắc Long Thân TP  
 418. Đắc Dạ Xoa Thân TP  
 419. Càn Thát Bà Thân TP  
 420. Đắc Tu La Thân TP  
 421. Đắc Ca Lô La Thân TP  
 422. Khẩn Na La Thân TP  
 423. Ma Hầu La Già Thân TP  
 424. Đắc Nhân Thân TP  
 425. Đắc Phi Nhân Thân TP  
 426. Cháp Kim Cương Thân  
 427. Thí Vô Úy  
 428. Tự Tại Quán Thế Âm  
 429. Ứng Cầm Quán Thế Âm  
 430. Đắc Như Thị Thân  
 431. Đắc Như Thị Nhân  
 432. Đắc Như Thị Nhĩ  
 433. Đắc Như Thị Tỷ  
 434. Đắc Như Thị Thiệt  
 435. Đắc Như Thị Ý  
 436. Đắc Như Thị Kiến  
 437. Đắc Như Thị Văn  
 438. Đắc Như Thị Dụng  
 439. Đắc Như Thị Hành  
 440. Đắc Như Thị Ái  
 441. Đắc Như Thị Kính  
 442. Lễ Ngã Như Lễ QTA  
 443. Cận Ngã Như Cận QTA  
 444. Đắc Ngã Như Đắc QTA  
 445. Ưc Ngã Như Ưc QTA  
 446. Sự Ngã Như Sự QTA  
 447. Cúng Dường Ngã Như  
 448. Tịnh Tam Nghiệp  
 449. Quán Âm Diệu Hiệu  
 450. Trừ Tam Đồ Khổ Nã  
 451. Đắc Thanh Lương  
 452. Dịch Thoát Chúng Sanh  
 453. Quán Kỳ Âm Thanh  
 454. Độc Dược Biến Cam Lộ  
 455. Linh Nhân Ly Dục  
 456. Linh Nhân Ly Sân  
 457. Linh Nhân Ly Si  
 458. Dữ Nhân Đắc Nam Nữ  
 459. Thụ Nhân Lễ Bái  
 460. Thụ Nhân Cúng Dường  
 461. Dĩ Chúng Chúng Hình  
 462. Độ Thoát Chúng Sanh  
 463. Ứng Chư Phương Sở  
 464. Hoằng Thệ Thâm Như Hải  
 465. Lịch Kiếp Bất Tư Nghi  
 466. Thị Đa Thiên Ưc Phật  
 467. Đại Thanh Tịnh Nguyên  
 468. Văn Danh Bất Không Quá  
 469. Kiến Thân Bất Không Quá  
 470. Tâm Niệm Bất Không Quá  
 471. Diệt Chư Hữu Khổ  
 472. Gia Hại Tắt Khởi Từ Tâm  
 473. Cụ Túc Thần Thông Lục  
 474. Quảng Tu Trí Phương Tiện  
 475. Vô Sát Bất Hiện Thân  
 476. Diệt Sanh Lão Bệnh Tử  
 477. Đắc Chân Quán  
 478. Đắc Thanh Tịnh Quán  
 479. Quảng Đại Trí Tuệ Quán  
 480. Đắc Bi Quán  
 481. Đắc Từ Quán  
 482. Thường Chiêm Ngưỡng  
 483. Thanh Tịnh Quang  
 484. Tuệ Nhật Phá Chư Âm  
 485. Phổ Minh Chiếu Thế Gian  
 486. Bi Thế Giới Lôi Chấn  
 487. Từ Ý Diệu Đại Vân  
 488. Chú Cam Lộ Pháp Vũ  
 489. Trừ Phiền Nã Diệm  
 490. Chúng Oán Tắt Thối Tán  
 491. Diệu Âm  
 492. Phạm Âm  
 493. Hải Triều Âm  
 494. Tịnh Thánh  
 495. Từ Nhân Quán Chúng  
 496. Phước Khẩn Hải Vô Lượng  
 497. Ư Khổ Năng Vi Tác Y Hồ  
 498. Phật Pháp Sử Trường Tồn  
 499. Nhật Dạ Tự Thân Y Pháp  
 500. Tùy Sở Trụ Xứ An Lạc.



## Bibliography

### English

- 4th Dalai Lama. (n.d.). [https://en.wikipedia.org/wiki/4th\\_Dalai\\_Lama](https://en.wikipedia.org/wiki/4th_Dalai_Lama)
- Abeysekera, Radhika. *Great Female Disciples of the Buddha*. <https://www.buddhivihara.org/great-female-disciples/>
- Amitabha's forty-eight vows*. (2011). [https://en.wikisource.org/wiki/Amitabha%27s\\_forty-eight\\_vows](https://en.wikisource.org/wiki/Amitabha%27s_forty-eight_vows)
- Annan, K. (2003). *Message on the occasion of the day of Vesak*. Retrieved April 11, 2005 from [http://www.unescap.org/unis/press/203/may/1\\_11\\_03.asp](http://www.unescap.org/unis/press/203/may/1_11_03.asp)
- Bhutan*. (2020). <https://en.wikipedia.org/wiki/Bhutan>
- Blofeld, John. (1988). *Bodhisattva of compassion: The mystical tradition of Kuan Yin*. Boston: Shambhala Press.
- Bodhi, Bhikkhu. (1998). *A look at the Kalama Sutra*. Access to insight (BCBS Ed.), 5 June 2010.
- Bodhi, Bhikkhu. (2005). In the Buddha's words: An anthology of discourses from the Pali canon. Somerville, MA: Wisdom Publications.
- Brooks, Margaret. (2011). *Q: Skills for success: Listening and speaking*. New York: Oxford University Press.
- Collected famous quotes from Albert Einstein*. [http://rescomp.stanford.edu/~cheshire/Einstein\\_quotes.htm](http://rescomp.stanford.edu/~cheshire/Einstein_quotes.htm)
- Conservation of energy*. (n.d.). [https://en.wikipedia.org/wiki/Conservation\\_of\\_energy](https://en.wikipedia.org/wiki/Conservation_of_energy)
- Cunda Sutra: About Cunda. (1998). (Thanissaro Bhikkhu, Trans). <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/sn/sn47/sn47.013.than.html>
- Dhammanada, K. Sri. (2002). *What Buddhists believe*. (4th ed.). Malaysia, Kuala Lumpur: Buddha Dharma Education Association.
- Digha Nikaya. (1996). (Maurice Walshe, Trans.). Somerville, MA: Wisdom Press.
- Đại Thừa Phật giáo tư tưởng luận [Commentaries of Mahayana Buddhist Thought]. (1986). (Thích Quảng Độ, Trans.). Sepulveda, CA: Phật Học Quốc Tế Press.
- Đặc San Hiểu Và Thương* [Understanding and Love Magazine]. (2009). Elk Grove, CA: The Heart of Compassion Association.
- Emoto, Masaru. (2005). *The hidden messages in water*. (David Thayne, Trans.). New York: Atria Books.
- Ewell, Miranda. (1995, September 30). *Feminist spurs S.F. forum clash conference: Participants take on global problems*. San Jose Mercury News, p.3b.
- Go wild: Coming together for conservation*. (2012). [https://photos.state.gov/libraries/amgov/30145/publications-english/eJournal\\_Go\\_Wild\\_Coming\\_Together\\_for\\_Conservation.pdf](https://photos.state.gov/libraries/amgov/30145/publications-english/eJournal_Go_Wild_Coming_Together_for_Conservation.pdf)
- Great Compassion Dharani Sutra. (2009). (Silfong Tsun, Trans.). <https://huntingtonarchive.org/resources/downloads/sutras/05bodhisattvaYana/Great%20Compassion%20Dharani%20Sutra.doc.pdf>
- Hado, the energy of life*. <https://thespiritofwater.com/pages/hado-the-energy-of-life>
- Hoàng, Tổ Niệm. (2014). *Chú giải Phật thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh* [The Buddha Speaks of Mahayana Infinite Life, Adornment, Purity, And Universal Enlightenment Sutra]. (Như Hòa, Trans.). Hà Nội: Hồng Đức Press.
- Hsuan, Hua. (1974). *The Diamond Sutra: A general explanation*. San Francisco: Buddha Dharma Education Association.
- Hsuan, Hua. (1998). *The universal door of Guanshiyin Bodhisattva: A simple explanation*. Burlingame, CA: Dharma Realm Buddhist Association.
- Hsuan, Hua. (n.d.). *Great Kindness and Compassion Parents*. [Cha Đại Từ Bi - Mẹ Đại Từ Bi]. <https://www.dharmasite.net/bdh66/ChaDaiTuBi-MeDaiTuBi.html>
- Khải Thiên. (2007). *Hành trình tâm linh* [Spiritual Journey]. Mims, FL: White Sands Buddhist Center.
- Kinh Vu Lan và Báo Ân Cha Mẹ [The Filial Piety Sutra]. (2007). (Thích Trí Quang, Trans.). Tp. HCM: Thành Hội Phật Giáo Tp. HCM Press.

- Ksitigarbha Bodhisattva Sutra. (n.d.). (Pitt Chin Hui, Trans.). Buddha Dharma Education Association.  
[http://www.buddhanet.net/pdf\\_file/ksitigarbha.pdf](http://www.buddhanet.net/pdf_file/ksitigarbha.pdf)
- Lama, Dalai. (1997). *My land and my people: The original autobiography of His Holiness the Dalai Lama of Tibet*. New York: Grand Central Press.
- Lê, Thác Mạnh. (2005). *Nghiên cứu về thiền uyển tập anh [A Study of Former Vietnamese Zen Masters]*. HCM City: Phương Đông Press.
- Lương Hoàng Sâm [Litany of Liang-Wu-Ti]. (2005). (Thích Trí Quang, Trans.). Taiwan: Corporate Body of the Buddha Education Foundation.
- Lý, Việt Khôi. (1997). *Phật giáo & quốc đạo Việt Nam [Buddhism & The State Religion of Việt Nam]*. Danville, CA: Viện Tư Tưởng Việt Phật Press.
- Mackenzie, Vicki. (1994). *The boy Lama. [Hải Đồng Lạt Ma]*. (Long Khánh, Trans.). Taipei: Đại Thừa Press.
- Mahāmaudgalyāyana visits another planet*. (2005). (Ron Epstein, Trans.). <http://online.sfsu.edu/rone/Buddhism/maudgalyayana.htm>
- Majjihima Nikaya [The Middle Length Discourses of the Buddha]. (1965). (Bhikkhsu Nanamoli and Bhikkhsu Bodhi, Trans.). Boston: MA, Wisdom Press.
- McDermott, James P. (1999). *Buddha in the crown: Avalokiteśvara in the Buddhist traditions of Sri Lanka*. *Journal of the American Oriental Society*.
- Narada. (1988). *The Buddha and his teachings*. Taipei: The Corporate Body of the Buddha Education Foundation.
- Ngô, Lê, Phan, Vũ, et al. (2004). *Đại Việt sử ký toàn thư [General History of Đại Việt]*. (2nd ed.). Hà Nội: Văn Hóa Thông Tin Press.
- Nguyễn, Quốc Gia. (2011). *Hình tượng Bồ Tát Quán Thế Âm tại các nước châu Á [Images of Avalokiteshvara Bodhisattva in Asian Countries]*. <http://www.tangthuphathoc.net/vn/hinhthuongbtquanamtaicacnuocchau.htm>
- "No Mind" is Buddha*. (2016). <http://www.buddhism.org/no-mind-is-buddha/>
- Plum Village chanting and recitation book. (2000). Thích Nhất Hạnh & the Monks and Nuns. Berkeley, CA: Parallax Press.
- Rinpoche, Sogyal, (2003). *The Tibetan book of living and dying [Tạng Thư Sống Chết]*. (Trí Hải, Trans.). New York: Perfectbound Press.
- Sakyadhita international association of Buddhist women*. [https://en.wikipedia.org/wiki/Sakyadhita\\_International\\_Association\\_of\\_Buddhist\\_Women](https://en.wikipedia.org/wiki/Sakyadhita_International_Association_of_Buddhist_Women)
- Soest, Dorothy V. (1998). *The global crisis of violence: Common problems, universal causes, shared solutions*. Washington, DC: NASW Press.
- Shantideva, Acharya. (1979). *A guide to the Bodhisattva's way of life*. (Stephen Batchelor, Trans.). Dharamsala: Library of Tibetan Works & Archives Press.
- Singh, Rana. (2009). *Where the Buddha walked: A companion to the Buddhist places of India*. Varanasi, India: Indica Books.
- Sutra of the Medicine Buddha*. (2001). (Minh Thanh & P. D. Leigh, Trans.). Taipei: The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation.
- The five mindfulness trainings*. (2009). <https://plumvillage.org/mindfulness-practice/the-5-mindfulness-trainings/>
- The Flower Adornment Sutra. [http://www.cttbusa.org/avatamsaka/avatamsaka39\\_30.asp](http://www.cttbusa.org/avatamsaka/avatamsaka39_30.asp)
- The Jataka. (1905). Vol. 5. (H.T. Francis, Trans.). <https://www.sacred-texts.com/bud/j5/index.htm>
- The Lotus Sutra. [http://buddhasutra.com/files/lotus\\_sutra.htm](http://buddhasutra.com/files/lotus_sutra.htm)
- The Mahayana Mahaparinirvana Sutra. (1973). (Kosho Yamamoto, Trans.). [http://www.shabkar.org/download/pdf/Mahaparinirvana\\_Sutra\\_Yamamoto\\_Page\\_2007.pdf](http://www.shabkar.org/download/pdf/Mahaparinirvana_Sutra_Yamamoto_Page_2007.pdf)
- The numerical discourses of the Buddha: A translation of the Anguttara Nikaya. (2012). (Bhikkhsu Bodhi, Trans.). Boston, MA: Wisdom Press.

- The Prajna Heart Sutra. <http://buddhasutra.com/files/prajnaparamita.htm>
- The Shurangama Sutra. [http://buddhasutra.com/files/shurangama\\_sutra.htm](http://buddhasutra.com/files/shurangama_sutra.htm)
- The three Pure Land Sutras. (2003). (Hisao Inagaki and Harold Stewart, Trans.). [www.bdk.or.jp/document/dgtl-dl/dBET\\_ThreePureLandSutras\\_2003.pdf](http://www.bdk.or.jp/document/dgtl-dl/dBET_ThreePureLandSutras_2003.pdf)
- Thích, Chơn Thiện. (1999). Phật học khái luận [Buddhist Conceptualism]. HCM City: HCM Press.
- Thích, Kiên Định. (2010). A Sanskrit-English-Vietnamese dictionary. Huế: Thuận Hóa Press.
- Thích, Nhất Hạnh. (1991). Old path white clouds: Walking in the footsteps of Buddha. Berkeley, CA: Parallax Press.
- Thích, Nhất Hạnh. (2001). Transformation at the base. Berkeley, CA: Parallax Press.
- Thích, Nhất Hạnh. (2003). Opening the heart of the cosmos: Insight on the Lotus Sutra. Berkeley, CA: Parallax Press.
- Thích, Nhật Từ. (2014). Inner freedom. (3rd Ed.). Hà Nội: Hồng Đức Press.
- Thích, Thanh Từ. (2006) Kinh Pháp Hoa giảng giải [Explanation of the Lotus Sutra]. Braintree, MA: Thiền Viện Bồ Đề Press.
- Thích, Thiện Hoa. (2002). Phật học phổ thông [The Universal Buddhist Study]. Hà Nội: Tôn Giáo Press.
- Thích, Thông Triệt. (2017). The Buddha's process of spiritual cultivation realization and Enlightenment. (2nd Ed.). Perris, CA: Sunyata Foundation.
- Thích, Tịnh Từ. (1999). Linh ứng Quán Thế Âm [Efficaciousness of Avalokiteśvara]. Watsonville, CA: Tu Viện Kim Sơn Press.
- Thích, Trí Siêu. (1990). Lời tựa Bồ Tát hạnh [Preface of Bodhicaryavata]. <http://www.daophatngaynay.com/vn/phat-phap/giao-phap/bo-tat-dao/10755-bo-tat-hanh.html>
- Thiện Phúc. (2005). Buddhist dictionary: Phật học từ điển. Santa Ana, CA: Tổ Đình Minh Đăng Quang Press.
- Tonry, Michael & Morris, Norval. (1986). *Age and crime*. Ed. From Crime and Justice, V. 7, P. 189-250.
- Trần, Huyền Trang. (2004). Đại Đường Tây Vực ký [The Great Tang Dynasty Record of the Northwestern India]. (Thích Như Điển, Trans.). Des Plaines, IL: Chùa Phật Bảo Press.
- Trần, Lý Thanh. (2013). Lịch sử Phật giáo qua tem bưu chính [History of Buddhism Through Postage Stamps]. Canada. Author.
- Trần, Phó Duy. (2005). Mindfulness practices as a bridge between Vietnamese parents and their children. Sacramento, CA: California State University Press.
- Trừng Sỹ. (2011). *The specific characteristics of the sea in the Buddha Dharma*. <http://www.chuabuuminh.vn/PrintView.aspx?Language=vi&ID=575640>
- Trương, Đào Mạn. (1976). Nghiên cứu Phật giáo Tây Tạng [Study of Buddhism in Northwestern India]. (Tuệ Khai, Trans.). <http://phaptangpgvn.net/vie/thu-vien-sach/phat-giao-tay-vuc.html>
- Tuladhar-Douglas, Will. (2006). Remaking Buddhism for medieval Nepal: The fifteenth-century reformation of newar Buddhism. New York: Routledge Press.
- United Nation Secretary-General Message on the Day of Vesak 2009*. <https://www.un.org/sg/en/content/sg/statement/2009-05-09/secretary-general-message-day-vesak>
- United Nations Secretary-General*. <https://www.un.org/sg/en/content/sg/statement/2020-05-06/secretary-generals-message-the-day-of-vesak-scroll-down-for-french-version>
- Vietnamese Buddhist Youth Association in the World* [Gia Đình Phật Tử Việt Nam Trên Thế Giới]. (2017). <https://gdptthegioi.net/dac-biet/>
- Viên Trí. (2003). The concept of Avalokiteśvara Bodhisattva [Khái Niệm Về Bồ Tát Quán Thế Âm]. Hà Nội: Tôn Giáo Press.
- Vimalakirti Nirdeśa Sutra. (1976). (Robert A. F. Thurman, Trans.). Pennsylvania State University Press.
- World war II*. (2020). [https://en.wikipedia.org/wiki/World\\_War\\_II](https://en.wikipedia.org/wiki/World_War_II)
- Young Brother - Brother Chân Pháp Đệ*. (2016). <https://deerparkmonastery.org/general/young-brother-brother-phan-phap-de/>

Yun, Xu. (2017). *Empty Cloud: The autobiography of the Chinese Zen Master*. Taiwan: Kaohsiung Society.

### Vietnamese

- A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa*, 1984, Châu Hoàng, (HT. Thích Tịnh Không giảng), Tập 123, <http://www.niemphat.net/Luan/sosaodiennghia/didasosao62.htm>
- Bát Không Quyển Sách Quán Âm*, 2013, Huyền Thanh, [http://www.dongphapkimcang.com/home/images/stories/docs/PhatvaPhapKhi/Quan%20Am/Bat\\_Khong\\_Quyển\\_Sach.pdf](http://www.dongphapkimcang.com/home/images/stories/docs/PhatvaPhapKhi/Quan%20Am/Bat_Khong_Quyển_Sach.pdf)
- Binh Anson, 2019, *Về Bốn Quả Thánh và Mười Kiết Sử*, <https://budsas.blogspot.com/2019/06/tom-luoc-ve-bon-qua-thanh-va-muoi-kiet.html>
- Bộ Sưu Tập Hình Ảnh Bồ Tát Quán Thế Âm*, [www.vnet.org/phatgiao/gallery/phomon](http://www.vnet.org/phatgiao/gallery/phomon)
- Bồ Tát Quán Tự Tại*, <http://truclamchanhthien.net/bo-tat-quan-tu-tai/>
- Cao Huy Thuần, 2000, *Thượng Đế, Thiên Nhiên, Người, Tôi & Ta: Triết Lý Luật và Tư Tưởng Phật Giáo*, NXB Tổng Hợp, Tp. HCM.
- Đoạn Trừ Lậu Hoặc*, 2002, Acharya Buddhakkhita, (Pháp Thông dịch), Như Lai Thiền Viện, San Jose, CA.
- Giải Trừ Vong Nghiệp*, <https://quangduc.com/p157a18647/giai-tru-vong-nghiep>
- Giới Định Chân Hương Là Gì?* [https://www.youtube.com/watch?v=SC2J\\_3CvqXY](https://www.youtube.com/watch?v=SC2J_3CvqXY)
- Hợp Tuyển Lời Phật Dạy Từ Kinh Tạng Pali*, 2015, (Nguyễn Nhật Trần Như Mai dịch), NXB Hồng Đức, Hà Nội.
- HT. Hộ Giác, 2007, *Đại Đế Asoka*, Chùa Pháp Luân, Houston, TX.
- HT. Nhất Hạnh, 2001, *Sen Nở Trời Phương Ngoại*, Lá Bối, San Jose, CA.
- HT. Thích Chơn Trí, 1994, *Tư Tưởng Xã Hội Trong Kinh Điển Phật Giáo Nguyên Thủy*, Phật Học Viện Quốc Tế, North Hills, CA.
- HT. Thích Thái Hòa, *Bát Chánh Đạo Với Tam Vô Lậu Học*, <https://Thuvienhoasen.Org/Images/FileAqz2sj1g0qqalyx/Bat-Chanh-Dao-Voi-Tam-Vo-Lau-Hoc-Thich-Thai-Hoa.Pdf>
- HT. Thích Thắng Hoan, *Khảo Nghiệm Duy Thức Học*, Tác Giả.
- HT. Thích Thanh Từ, *Kinh Kim Cang Giảng Giải*, <http://thuvienhoasen>
- HT. Thích Thanh Từ, 1991, *Quy Sơn Cảnh Sách Giảng Giải*, Suối Trắc Bá, Toronto, Canada.
- HT. Thích Thiện Siêu, 2000, *Vô Ngã Là Niết Bàn*, NXB Tôn Giáo, Hà Nội.
- HT. Thích Thiện Thanh, *Công Hạnh Bồ Tát Quán Thế Âm*, Băng cassette.
- HT. Thích Thông Bửu, *Diễn Giảng Về Kinh Phổ Môn*, Băng cassette.
- HT. Thích Tín Nghĩa, 1999, *Chú Đại Bi Và Lược Giải Chú Đại Bi*, <https://nguoiphattu.com/thu-vien/bai-giang-kinh/622-chu-dai-bi-va-luoc-giai-chu-dai-bi.html>
- HT. Thích Trí Quảng, 1999, *Lược Giải Kinh Duy Ma*, Thành Hội Phật Giáo, Tp. HCM.
- HT. Thích Trí Quảng, *Ý Nghĩa Phẩm Phổ Môn Thứ 25*, <http://www.Chuahuenghiem.Net/Thu-Vien/Sach/Tri-Quang-Toan-Tap-Quyển-Vi/Y-Nghia-Pham-Pho-Mon-Thu-25/>
- HT. Thích Trung Hậu & HT. Thích Hải Ấn, 2011, *Chư Tôn Thiền Đức & Cư Sĩ Hữu Công: Phật Giáo Thuận Hóa*, Tập 1, NXB Tổng Hợp, Tp. HCM.
- HT. Thích Tuyên Hóa, 2003, *Đại Bi Chú: Cú Giải*, Vạn Phật Thánh Thành, San Jose, CA.
- HT. Thông Triệt, 2014, *Tiến Trình Tu Chứng và Thành Đạo của Đức Phật: Luận Giảng Vấn Đáp*, Hội Thiền Tánh Không, Perris, CA.
- HT. Tuệ Sỹ, 2007, *Huyền Thoại Duy Ma Cật*, NXB Phương Đông, Tp. HCM.
- HT. Tuệ Sỹ, 2016, *Du Già Bồ Tát Giới*, NXB Phương Đông, Tp. HCM.
- HT. Tuyên Hóa, *Phổ Môn Phẩm Lược Giảng*, Buddhist Text Translation Society, Burlingame, CA.
- Kinh Bi Hoa*, 1998, (NS. Thích Nữ Tâm Thường dịch), the Corporate Body of the Buddha Education Foundation, Taipei.
- Kinh Bồ Tát Quán Thế Âm Bí Mật Tạng Như Ý Luân Đà La Ni Thần Chú*, 2016, Huyền Thanh dịch, Đại Tạng Kinh Tiếng Việt, [https://www.rongmotamhon.net/xem-kinh\\_Kinh-Bo-Tat-Quan-The-Am-Bi-Mat-Tang-Nhu-Y-Luan-Da-La-Ni-Than-Chu\\_dtkqmqp\\_viet1.html](https://www.rongmotamhon.net/xem-kinh_Kinh-Bo-Tat-Quan-The-Am-Bi-Mat-Tang-Nhu-Y-Luan-Da-La-Ni-Than-Chu_dtkqmqp_viet1.html)

- Kinh Đại Bát Niết Bàn*, 1980, (HT. Thích Trí Tịnh dịch), Phật Học Viện Quốc Tế, North Hill, CA.
- Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni*, 1997, (HT. Thích Thiền Tâm dịch), Chùa Đức Viên, San Jose, CA.
- Kinh Dược Sư Bồ Nguyện Công Đức*, 2009, (HT. Thích Huyền Dung dịch), [http://tuvienphuoctduc.org/kinh/kinh\\_duoc\\_su.pdf](http://tuvienphuoctduc.org/kinh/kinh_duoc_su.pdf)
- Kinh Hoa Nghiêm*, 2003, (HT. Thích Trí Tịnh dịch), NXB Tôn Giáo, Hà Nội.
- Kinh Ngũ Bách Danh: Đối Chiếu*, 1957, HT. Thích Quang Hào, Chùa Bồ Đề, Gia Định.
- Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm*, 2015, (Quảng Minh dịch), <https://thuvienhoasen.org/images/file/XV78vonSOggQAPxh/kinh-ngu-bach-danh-ban-hanh-tri.pdf>
- Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm Bồ Tát*, 2012, (HT. Thích Tâm Châu dịch), Tu Viện Viên Quang, Clover York, SC.
- Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm Bồ Tát*, 2015, (HT. Thích Như Điển chứng nghĩa Việt văn), Chùa Viên Giác, Germany.
- Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm Bồ Tát*, 2015, Minh Triệt, Sacramento, CA.
- Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm Bồ Tát*, 2016, (Nguyễn Thành ghi chép), NXB Tôn Giáo, Hà Nội.
- Kinh Pháp Bảo Đàn Giảng Giải*, 1993, HT. Thích Thanh Từ, Thiền Đường Tuệ Thông, Panorama, CA.
- Kinh Phật Dạy Cách Phát Tâm Bồ Đề*, 2010, (Không Trú dịch), Phật Học Viện Quốc Tế, Northhill, CA.
- Kinh Phổ Môn: Đồ Tượng*, 1993, Huyền Thanh & Ngô Trọng Đức, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, Tp HCM.
- Kinh Tăng Chi Bộ*, 1996, (HT. Thích Minh Châu dịch), Đại Tạng Kinh Việt Nam, Tp HCM.
- Kinh Tạp A Hàm*, 2002, (HT. Thích Thiện Siêu & HT. Thích Thanh Từ dịch), Tập 1, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, NXB Tôn Giáo, Hà Nội.
- Kinh Thủ Lăng Nghiêm*, 1961, (Lê Đình Thám dịch), [http://tuyenphap.com/kinh-thu-lang-nghiem-shuran-gama-sutta-1155#Muc\\_7](http://tuyenphap.com/kinh-thu-lang-nghiem-shuran-gama-sutta-1155#Muc_7)
- Kinh Tiểu Bộ*, 2004, Tập 9, (Trần Phương Lan dịch), NXB Tôn Giáo, Hà Nội.
- Kinh Trung A Hàm*, 1992, (Viện Cao Đẳng Phật Học Nha Trang dịch), Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, Tp. HCM.
- Kinh Trung Bộ*, 2003, (HT. Thích Minh Châu dịch), NXB Tôn Giáo, Hà Nội.
- Kinh Trường A Hàm*, 2015, (HT. Tuệ Sỹ dịch), Quảng Hương Già Lam, Tp. HCM.
- Kinh Trường Bộ*, 1991, (HT. Thích Minh Châu dịch), Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, Tp. HCM.
- Kinh Tương Ưng Bộ*, 1993, (HT. Thích Minh Châu dịch), Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, Tp. HCM.
- Lê Mạnh Thát, 1999, *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam*, Tập 1, NXB Thuận Hóa, Huế.
- Lê Mạnh Thát, 1999, *Toàn Tập Trần Nhân Tông*, NXB Tổng Hợp, Tp. HCM.
- Lê Mạnh Thát, 2002, *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam*, Tập 2, NXB Tp. HCM.
- Lê Mạnh Thát, 2004, *Toàn Tập Trần Thái Tông*, NXB Tổng Hợp, Tp. HCM.
- Lê Mạnh Thát, 2005, *Lục Độ Tập Kinh Và Lịch Sử Khởi Nguyên Của Dân Tộc Ta*, NXB Tổng Hợp, Tp. HCM.
- Lời Khai Thị Của Ấn Quang Đại Sư*, <http://thuvienhoasen.org/a15003/loi-khai-thi-cua-an-quang-dai-su>
- Minh Châu, Thiên Ân, Chơn Trí, Đức Tâm, 1997, *Phật Pháp*, Thành Hội Phật Giáo, Tp. HCM.
- Minh Đức Triều Tâm Ảnh, 2014, *Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt*, Tập 3, NXB Văn Học, Hà Nội.
- Ngài Mục Kiền Liên Viếng Thăm Một Hành Tinh Khác* [Trích Kinh Đại Bảo Tích], <http://online.fsu.edu/rone/Viet%20Name%20Versions/Viet%20Transl%20of%20Maudgalyayana%20Visits.htm>
- Nghi Thức Công Phu Khuya*, 2012, Niệm Phật Đường Fremont, CA.
- Nghi Thức Tụng Niệm*, 2000, Ban Văn Hóa Tỉnh Hội Phật Giáo Tỉnh Thừa Thiên-Huế.
- Nghi Thức Tụng Niệm Đại Toàn*, 1999, Hội Đồng Giáo Thọ Đạo Tràn Mai Thôn, NXB Lá Bối, Walnut, CA.
- Nguyễn Công Việt, 2007, *Sơ Lược Về Nhị Thập Bát Tú Trong Tài Liệu Lịch Pháp Hán Nôm*, Tạp Chí Hán Nôm, số 1, tr. 32-39.
- Nguyễn Lang, 1994, *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Tập II, NXB Văn Học, Hà Nội.
- NS. Thích Nữ Giới Hương, 2006, *Ban Mai Xứ Ấn*, Tập 2, Tủ Sách Đạo Phật Ngày Nay, NXB Văn Hóa Sài Gòn, Tp. HCM.



- NT. Như Đức, 2004, *Duy Ma Hiện Bệnh*, NXB Tổng Hợp, Tp. HCM.
- NT. Thích Nữ Trí Hải, 2004, *Bóng Nguyệt Lòng Sông*, NXB Tôn Giáo, Hà Nội.
- Phả Hệ Làng Mai*, <https://langmai.org/tang-kinh-cac/pha-he-lang-mai/>
- Phạm Công Thiện, *Quán Thế Âm*, [www.lien-hoa.net/TSPH\\_12\\_13\\_All.pdf](http://www.lien-hoa.net/TSPH_12_13_All.pdf)
- Pháp Hoa tán*, <https://langmai.org/tang-kinh-cac/tuyen-tap-tho-nhat-hanh/nen-ngoc/phap-hoa-tan/>
- Phật Điển Phổ Thông: Dẫn Vào Tuệ Giác Phật*, 2019, (Lê Mạnh Thát & HT. Tuệ Sỹ chủ biên dịch), NXB Hồng Đức, Hà Nội.
- Sa Di Giới & Sa Di Ni Giới*, 2011, (HT. Thích Trí Quang dịch), Tp HCM, NXB Phương Đông.
- Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa*, 1982, (HT. Thích Trí Thủ dịch), tái bản kỳ 3, Quảng Hương Tùng Thư, Tâm Thái, 2019, *Niềm Tin Đại Thừa*, <https://thuvienhoasen.org/a31551/niem-tin-dai-thua>
- Thiền Là Gì*, <http://www.daophatngaynay.com/vn/phap-mon/thien-dinh/nguyen-thuy/12191-thien-la-gi.html>
- Thiền Nguyên Thủy & Thiền Phát Triển*, 2005, Nhiều Tác Giả, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, NXB Tôn Giáo, Hà Nội.
- Thiền sư Kim Triệu, 2010, *Vài Làn Hương Pháp*, Như Lai Thiền Viện, San Jose, CA.
- Thơ Ngát Hương Lan*, 2009, Xu Yun, (Kiến Châu, Như Thủy & Hạnh Đoan dịch), NXB Phương Đông,
- Thông Điệp Phật Đản Liên Hiệp Quốc*, 2002, <http://www.buddhismtoday.com/viet/phatdan/thongdiepPhatdanLHQnam2002.htm>
- Trần Thái Tông, 1992, *Khóa Hư Lục*, (HT. Thích Thanh Kiểm dịch), Thành Hội Phật Giáo, Tp. HCM.
- Trần Trọng Kim, 1968, *Việt Nam Sử Lược*, in lần thứ sáu, NXB Tân Việt, Sài Gòn.
- TT. Hằng Trường, *Quán Âm Hạnh*, tài liệu chuyển tay.
- TT. Thích Nguyên Tạng, *Bồ Tát Quan Âm Trong Tín Ngưỡng Của Người Nhật*, <http://www.tuvienquangduc.com.au/BoTat/08bt-nhat.html>
- Từ Điển Phật Học Hán Việt*, 1998, Phân Viện Nghiên Cứu Phật Học, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.
- Từ Điển Phật Học Huệ Quang*, 2003, HT. Thích Minh Cảnh chủ biên, NXB Tổng Hợp, Tp. HCM.
- Tỳ Kheo Hộ Pháp, 2004, *Nền Tảng Phật Giáo*, <https://www.budsas.org/uni/u-nentangpg/q1c0.htm>
- Văn Hóa Phật Giáo*, <https://hoavouu.com/p41a18954/16/dang-me>
- Viên Minh, 2005, *Thực Tại Hiện Tiền*, NXB Tôn Giáo, Hà Nội.

### Chinese

- 五百名觀世音經. (1898). Thư Viện Quốc Gia Việt Nam. <http://hannom.nlv.gov.vn/hannom/cgi-bin/hannom?a=d&d=BNTwEHieafjbn1898&e=-----vi-20--1--txt-txIN%7CtME----->
- 五百名觀世音經 [The Five Hundred Names of Avalokiteśvara Sutra]. (2009). Anonymous. (Việt Nameese Nôm Preservation Foundation, Trans.). (Original work republished 1896. Hà Nội: Xiển Pháp Tự Tàng Bản). <https://zh.wikisource.org/zh-hans/%E4%BA%94%E7%99%BE%E5%90%8D%E8%A7%80%E4%B8%96%E9%9F%B3%E7%B6%93>
- 千手千眼大悲懺法 [Ritual of Repentance of Thousand-Hand Thousand-Eye Great Compassion]. (2004). <http://temple.lcs.org/files/2015/09/The-Great-Compassionate-Repentance-%E5%8D%83-%E6%89%8B-%E5%8D%83-%E7%9C%BC-%E5%A4%A7-%E6%82%B2-%E6%87%BA-%E6%B3%95-English-Ping-Ying.pdf>
- 千手千眼觀世音菩薩廣大圓滿無礙大悲心陀羅尼經 [Thousand-Handed and Thousand-Eyed Avalokiteśvara Bodhisattva's Vast, Perfect, Unimpeded, Great-Compassionate Heart Dharani Sutra]. (n.d.). <https://zh.m.wikisource.org/zh/%E5%8D%83%E6%89%8B%E5%8D%83%E7%9C%BC%E8%A7%80%E4%B8%96%E9%9F%B3%E8%8F%A9%E8%96%A9%E5%BB%A3%E5%A4%A7%E5%9C%93%E6%BB%BF%E7%84%A1%E7%A4%99%E5%A4%A7%E6%82%B2%E5%BF%83%E9%99%80%E7%BE%85%E5%B0%BC%E7%B6%93>

## Index / Sách Dẫn (in nghiêng)

- 3.000 oai nghi, trang 266, 267  
 4 meditation stages 126, 341  
 7 điều kiện cường thịnh của một quốc gia 256  
 10 Đức Hiệu 241  
 10 nghiệp lành 277  
 10 phẩm chất cần có của một nhà lãnh đạo 258  
 28 chòm sao 263, 264
- A**
- Activities as-they-are 140  
 Albert Einstein 27, 240, 335  
 All people are equal 110  
 Amitabha Buddha 29, 150  
 Ananda made His vow 51, 86  
 Angulimala 65, 253  
 Ân Ma Ni Bát Di Hồng 130  
 an trú trong Chánh Pháp 283  
 appointment with life 130  
 Arhat 39, 65, 75, 100, 265  
 arms of the Bodhisattva 124  
 atomic level in all matter 66  
 Avalokitesvara 28  
 A Xà Thế 256  
 Ấn thủ nhãn 268
- B**
- Ba cõi 191, 279  
 Bác Siêu 140, 277, 312, 328  
 Bài thơ Biển 258  
 Bài thơ Dâng Mẹ 245  
 Bài thơ Đau 253  
 Ba la mật 258  
 Ba mươi hai tướng tốt 265  
 Bản Khai Sanh Đức Phật 239  
 Ba Pháp Ấn 260  
 Bardo 150  
 Bát Chánh Đạo 43, 247, 272  
 Bát nhã 249  
 biết như thật 138, 139, 238  
 Birth Certificate of the Buddha 27
- Bodhi 26, 45, 157, 161  
 Bodhimanda 118  
 Bodhisattva 28  
 Bốn quả Thánh 265  
 Bốn tầng thiền định 271  
 Bồ Tát 241  
 Bồ Tát Địa Tạng 266  
 Buddha 28  
 Buddha-land 101  
 Buddha-nature 26, 100, 125  
 Buddhist Youth Association 124, 337  
 Buộc tâm một chỗ 270
- C**
- Cách thờ do Ngài tự tìm thấy 238  
 Cảm đức từ bi 276  
 Cam lộ 194, 277  
 Cánh tay nối dài 270  
 catastrophes 69, 127  
 cause and effect 53  
 chánh niệm 229, 233, 240  
 Chánh Pháp Minh Như Lai 194, 211, 225, 241, 268  
 Chanting the Lotus Sutra 68  
 charity diary 140, 340  
 charter of free inquiry 100  
 Chất liệu lòng từ 281  
 children of wisdom and merit 146  
 Chúng sanh 200, 242  
 Chuyển hóa giận hờn 247  
 Chuyển Luân Thánh Vương 33, 243  
 Chữa bệnh 200, 246, 272  
 Cintamani 46, 57, 103, 105  
 Compassion 38  
 Compassionate substance 153  
 Công đức 209, 267, 280  
 constant well-being 157  
 Contemplation 22, 151
- Content 4, 5, 56  
 core of the Heart Dharani 36  
 Cốt lõi của Tâm Chú Đại Bi 244, 259  
 Cultivators 39
- D**
- Dharani 36  
 Dharma 34  
 Dharma-door 118  
 Diamond Sutra 86, 335  
 dịch bệnh Virus Covid-19 247  
 Difficult childbirth 37  
 dùng Chánh Pháp trị dân 209, 256  
 dứt vọng niệm 260  
 Dwelling happily in the present moment 156  
 Đại Đức Chân Pháp Đệ 274  
 Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc 239  
 Đầy đủ thần thông 268  
 Địa ngục 245  
 Định 85, 244, 261, 271  
 Đức Dalai Lama 241  
 Đương lai bổ xứ 241
- E**
- economic development instead of force 72  
 emergency aid 49  
 Enlightenment 26  
 Environmental pollution 70  
 esoteric practices 104
- F**
- Faith in Mahayana 100  
 Features 47  
 Five eyes 83  
 Five precepts 80  
 Five rebellious sins 39  
 Four-Armed 32  
 Four Noble Truths 27, 75, 82



Four Right Efforts 107

four stages of enlightenment  
100, 123

fulfill their wishes 108, 109

## G

*Gia Đình Phật Tử* 270, 313

*giải thoát* 238

*Giới Định Tuệ* 261

*Giúp người quá cố* 280

*Giúp phương tiện tự vươn lên*  
249

Giving of non-fear 109, 165

Giving of the Dharma 49

Good seeds 53

Great Pacific Garbage Patch  
70

Guarding Dharani-reciters 87

## H

*Hạt giống Đại Thừa* 258

Healing diseases 40, 57

Hearing and Reflecting 121

Heart Dharani as a cure 128

Hell 38

Helping after death 150

helping the country 156, 180

*Hiện Cối Cực Lạc* 248

*Hiện pháp lạc trú* 283

*hóa giải cuộc chiến* 257

*hòn đảo cho chính mình* 251

*hộ trì Phật Pháp* 283

*Huân tập hạt giống* 252

Human beings have so much  
suffering 65

*Hùng Vương* 257

## I, J

I am liberated 26

Inner Freedom 65, 254

internal knots of hostility 156,  
180

Intrinsic vibrations 66

joys in Dharma 130

## K

Karma deed 102

*Khiêm nhượng* 232, 249

*không có nguyên nhân đầu  
tiên* 239

*Không rời Niết Bàn* 241

*không từ đầu đến* 239, 241

*Khương Tăng Hội* 185, 281

kind eyes observe all living  
beings 155

Kind intent 153

kinds of good birth 79

kinds of untimely death 75

King Asoka 27

*Kinh Báo Ân Cha Mẹ* 244

*kinh tế thay vì bạo lực* 258

Ksitigarbha Bodhisattva 102

## L

law of cause and effect 53

*Lâm Tỳ Ni* 236, 239

*Lậu hoặc* 240

*Lạy* 277

*Lễ Vesak* 239

Liberating living beings 47

listens to the cries 156, 180

living beings 31, 26, 174

*lối tu Trung Đạo* 237

*luân hồi* 219, 232, 238

*lục đạo* 226, 242, 280

Lumbini Park 25

*Lý Duyên Khởi* 238, 239

*Lý tưởng Bồ Tát đạo* 252

## M

*Mảng Rác Thái Bình Dương*  
256

Manifest 38

*Mật hạnh* 266

Mental defilements 28

*Mong thấy Phật* 266

Mudra 110, 111, 158

*Mười Tâm Thủ Thắng* 228

*Mười vị Thánh Ni* 275

## N

*Năm giới* 260

*Nam mô* 193, 202, 216

Namo 28

Nectar 144

*Nền chính trị quốc gia* 257

*Ngàn tay ngàn mắt* 249

*nghèo đói của nhân loại* 254

*nghiệp lực* 15, 242, 280

*Ngũ nhãn* 261

*nguyện thứ 11* 250

*Nhân quả* 251

*Nhớ lại kiếp trước* 269

*nhóm Kiều Trần Như* 237

*Niềm tin* 265

*Niềm vui Pháp* 273

*Niết Bàn* 199, 220, 284

Nirvana 28

Noble Eightfold Path 42

not by violence 51

No war 71

## O

Ocean poem 75

Om Mani Padme Hum 32, 35

One thousand hands and  
eyes 49

*Ô nhiễm môi trường* 256

## P

Paramita 99, 151, 258

peaceful refuge of Dharma  
156

*Pháp âm thanh tịnh* 208, 255

*Pháp Hoa tán* 255

*Pháp thân* 141, 243, 262

*Pháp thoại cho 2.000 tù nhân*  
253

*Phật A Di Đà* 29, 200, 242

*Phật dạy Rahula* 247, 278

*Phật Thích Ca* 28, 195, 196

*Phật Thiên Quang Vương*

*Tĩnh Trụ* 29, 198, 242

Phật tánh 52, 125, 141, 277

*Phổ môn* 269



*Phóng sanh* 248, 249  
*Phụ nữ* 274  
*phước huệ song tu* 46, 144  
 Potalaka mountain 86, 87  
 Practices of blessing 46  
 Practices of wisdom 46  
 Preventing enmity 69

**Q**

*Quán Thế Âm* 241, 243  
*quốc giáo* 258

**R**

Realm of Bliss 45  
 Repentance 39, 340  
 River and the Sea 155

**S**

Sakyadhita 275  
 Samadhi 126  
 Samadhi that displays all  
     manners of physical  
     bodies 31  
 samadhi with awareness of  
     breath 26  
*Sám hối* 220  
 Samsara 28  
*sám sét của giới luật* 281  
 sati-samadhi 238  
 Seeing the Buddha 104  
 Shurangama Sutra 138, 165  
 six Buddhas 28  
 Six Paramitas 74, 99  
 Six sense-organs 118  
 snowflakes images 66  
 son symbolizes wisdom 146  
 State religion 73  
 stay still in one place 123  
*Sujata dâng bát sữa* 237  
 Supporting the Buddha  
     Dharma 156, 167

**T**

*Ta đã giải thoát* 238  
*Tam Bảo* 191, 220, 226

*Tam Minh* 238  
*tam tai* 128, 208, 272  
 Tathagata 27, 28, 31, 45  
 Ten directions 86  
 Ten Features 47, 77, 169  
 Tenfold Virtues of the Ruler  
     72  
 Ten Great Female Disciples  
     132  
 Ten stages of the Bodhisattva  
     path 123  
 Ten vows 83  
*Thần Cây* 90, 263  
*Thành Phật* 234, 264  
*Thập Trụ* 101, 265  
*thấy Phật ngay* 103, 266  
*thế giới người khổng lồ* 272  
*Thích Quảng Đức* 156, 162  
*thiền* 54, 204, 208, 225  
*thiền ca Sông Biển* 282  
*Thiện Tài đồng tử* 33, 244  
*Thiếu dục* 252, 273  
 Thirty-two good marks 101  
*Thông điệp Vesak* 246  
 Thousand hands and eyes 86  
 Thousand Rays King Stillness  
     29  
 Three Bodies of a Buddha 85  
 Three hindrances 36  
 Three Jewels 28, 73, 150,  
     173, 174, 183  
 Three realms 149  
 Three small calamities 127  
*Thuần hóa hổ* 247  
 Tiger Temple 42, 247  
*Tịnh Thánh* 282, 317  
*tin thể hình thành trong nước*  
     254  
*Trái Tim Xá Lợi* 283  
 Transforming hostility 43  
*Trần Thái Tông* 156, 185, 251  
 Travelling the Buddha-lands  
     129  
 Tree Deity 87  
*Trong núi vốn không có Phật*  
     251

True Dharma Brightness 31  
 true ears 139  
*Trừ tham, sân, si* 278  
*Tứ Chánh Cần* 107, 108, 109  
*Tứ Diệu Đế* 238, 243, 260  
*Tu huệ* 279, 280  
*Tứ Nhiếp Pháp* 275  
*Tự Tại* 275  
*tu tập nhĩ căn* 269  
*Tu tập thiện căn* 267  
*Tứ Thánh* 262  
*Tư Tưởng Xã Hội* 258  
*Tùy sở trụ xứ thường an lạc*  
     283

**U**

unburnt heart 162  
 Unconditioned 36, 47, 85,  
     169, 170, 177  
 Universal door 121  
 UN Secretary-General's  
     Message 27, 40, 187  
*Ứng cảm* 262

**V**

*Viên thông* 269  
 Virus Covid-19 247  
*Vô Vi* 47, 85, 199, 203, 224  
 vows of repentance 156  
*Vua A Dục* 239  
*Vườn Lộc Uyển* 238

**W**

wealth, nobility, and longevity  
     47  
 Western Land of Ultimate  
     Bliss 29  
 Wheel-Turning Monarch 33  
 Woman 132, 135, 222  
 worship the Buddha-nature  
     143

**Y**

Youth Good Wealth 33  
*Ỡ Lan* 275

## Phương Danh Ấn Tống (Donations)

Đại Bảo Trang Nghiêm	500
Sự Cô Ấn Danh	30
Sự Cô Đạo Hạnh	20
Chơn Linh Sự Cô Thích Nữ Diệu Quang và Cố Phật Tử Thiện Thành	1,100
Sa di Thông Đạo	200
Ấn Danh	1,000
Ấn Danh	100
A Cẩm	100
Ann Natalie PD Huyền Quyên	100
Antoin Võ PD Quang Quốc	50
Bửu Đá PD Quang Bình	50
Chiếu Thành, Chân Hương và Chân Như, Quang Hiếu, Châu T Thành	500
Chúc Lựu	50
Chúc Trác	50
Chúc Tương	100
Cố Phật Tử Hàn Cao Gương PD Liễu Thoát	50
Cố Phật Tử Huỳnh Kim Ấn PD Quảng Minh Giác	50
Cố Phật Tử Lâm Kiến Nghiệp	50
Cố Phật Tử Ngô Viêt Tính PD Quảng Phước và Nguyễn Thị Liễu PD Quảng Thuận	100
Cố Phật Tử Nguyễn Thị Hiém PD Ngự Tâm và Trần Duy Hưng PD Quảng Hưng	50
Cố Phật Tử Nguyễn Thị Nguyệt Anh	200
Cố Phật Tử Nguyễn Thị Nhơn PD Diệu Từ	50
Cố Phật Tử Nguyễn T Thanh Tuyền PD Nghiêm Tâm	100
Cố Phật Tử Nguyễn Văn Bông PD Nguyên Lạc	100
Cố Phật Tử Trần Duy Kết, Trần Duy Luyện và Tôn Nữ Tịnh Nghiê, Trần Thị Nhan	50
Cố Phật Tử Trần Duy Quên PD Nguyên Lợi	50
Cố Phật Tử Trần Duy Uẩn PD Nguyên Tố và Nguyễn Thị Muội, Hồ Thị Chít, Lê Thị Thà	150
Cố Phật Tử Trần Thị Cộng, Trần T Kệ, Trần T Thử và Trần Thị Liễu, Hồ Thị Đì, Lê Thị Như Vân	150
Cố Phật Tử Trần Thị An Như PD Quảng Diệu Minh và Vong Linh Tam Vị Trần Duy Sút Sảo	100

Diana Diễm Trương, N&T REALTY	300
Diệu Quả	50
Diệu Thành	20
Diệu Thảo	100
Đạo Hữu Hương	50
Đạo Hữu Liễu	20
Đạo Hữu Loan PD Nguyễn Hương	100
Đỗ Kim	200
Đồng Thành, Nguyễn Hoa	200
Gia đình Bùi Hồng Phúc	300
Gia đình Cô Sáu Lai	50
Gia đình Đào Ly PD Nghiêm Diệu Lan	100
Gia đình Hoàng Lách	100
Gia đình Huỳnh Rơi	100
Gia đình Minh Châu PD Tịnh Bảo	100
Gia đình Quảng Diệu Huệ	200
Gia đình Võ Thị Mườì	100
Gia đình Võ Thị Thuật	100
Hạnh Thanh	100
Hoàng Xuân Phương	50
Huệ Tâm	50
Huỳnh Thị Cang PD Diệu Kim	50
Huỳnh Tứ	50
Huỳnh Văn Phước PD Minh Hiền	25
Huỳnh Xuân, Nguyễn Nam, Nguyễn Huỳnh Nicholas	200
Kellie H Mai Trần PD Đồng Viên	300
Lại Trọng Thông	50
Lâm Phi Yên	50
Lê Diệu Hạnh PD Tâm Nhân	100
Lê Hà	200
Lê Ngọc Luân PD Đồng Duy	100
Lê Ngọc Trâm PD Quả Trâm	100
Lê Thị Sang PD Viên Lạc	50
Lê Thanh Vân PD Diệu Khai	100
Lê Tuyết	100
Liễu Chi Lê	100
Ngô Thị Hạnh PD Quảng Minh	50
Ngô Thị Kim Phương PD Nguyệt Diệu Ngọc	100
Ngô Việt Thành PD Quảng Chơn	50
Ngọc Scottie	20



Ngọc Tín	300
Nguyễn Cyndy PD Đức Thuận	100
Nguyễn Cynthia PD Đức Lợi	100
Nguyễn Đình Hòa	30
Nguyễn Kim Yến PD Thánh Ý	50
Nguyễn Thị Lại	100
Nguyễn Loan	60
Nguyễn Lục	50
Nguyễn Lung PD Anh Quang	100
Nguyễn Mùi	100
Nguyễn Ngà PD Đức Mỹ	50
Nguyễn Ngọc Trục PD Thân Trục, Thân Chiếu	100
Nguyễn Nỵ Mỹ	50
Nguyễn Quyên, Đoàn Thế Khải	100
Nguyễn Tâm-Hà Liễu	100
Nguyễn Thái PD Diệu Hạnh	100
Nguyễn Thị Bạch PD Diệu Thanh	25
Nguyễn Thị Đồi PD Đồng Đức	20
Nguyễn Thị Huệ PD Quảng Diệu Giác	100
Nguyễn Thị Lê	50
Nguyễn Thị Mừng PD Tín Hoàng	100
Nguyễn Thị Nguyệt PD Tịnh Nguyệt	100
Nguyễn Thị Sự PD Liễu Sanh	50
Nguyễn Thị Ta PD Nghiêm Tú	100
Nguyễn Thị Thành PD Quảng Diệu Tánh	100
Nguyễn Thị Thương PD Diệu An	100
Nguyễn Thị Yến PD Uyển Như, Nguyễn Hữu Đình	100
Nguyễn Thu Nga PD Thân Khai Nhiên	100
Nguyễn Văn Ronald PD Quảng Pháp	100
Nguyễn Xuân Trang	100
Phạm Ánh Tuyết	200
Phạm Anh	100
Phạm Hải PD Huyền Tuyết	100
Phạm Ngọc Nga	100
Phạm Thị Hạnh PD Nghiêm Diệu Nhân	50
Phan N Diệp, Trùng Chi	500
Quảng Đại	20
Quảng Lương	200
Quảng Minh, Chúc Diễm	50
Quảng Tịnh, Tiffany	100

Quảng Trợ	50
Tắc Thu	30
Tâm Hỷ, Diệu Trọng	100
Tâm Minh	20
Thái Kim Hương PD Trang Ngọc, Huỳnh Thế Phong và Huỳnh Thúy Phương PD Quảng Lạc Mỹ	90
Thanh Bạch	50
Thọ Vi	100
Trần Duy Quang PD Tâm Đức Chủng	50
Trần Duy Tý PD Nguyên Yết và Trần Duy Lộc PD Nguyên Lợi, Trần Duy Hiền	100
Trần Dzũng, Trần Trish	100
Trần Minh Lợi	500
Trần Nghi, Phan Như và Trần Nguyễn Thụy Anh PD Diệu Cát Tường	300
Trần Ngọc Sơn	100
Trần Quang Âm PD Tâm Thuận	50
Trần Quang Phong PD Nhật Quang Thanh	30
Trần Qùy PD Tịnh Huệ	100
Trần Thị Huệ, Nguyễn Q Hòa, Nguyễn T Thanh	50
Trần Thị Khánh Hiền PD Quảng Diệu Thảo	50
Trần T Kim Chi, Hoàng Anh Tú, Phạm Hiệp Davidson	50
Trần Thị Mai PD Quảng Xuân	100
Trần T Nhớ, Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn V Nhơn	50
Trần Thị Thí	30
Trần Trang	50
Trần Trọng Khoái PD Trùng Khiết	125
Trần Tự Lực	100
Trương Văn Thịnh PD Minh Trí	50
Vân Hạnh Nguyễn - CPA, Inc.	500
Vĩnh Cầu	100
Võ Hồ PD Quang Điệp	50
Võ Hồng Nhung	100
Võ Hồng Rosy	40
Võ Hồng Sơn PD Quảng Bảo	100
Võ Minh Phi PD Quang Chính Trực	50
Võ Minh Phương	50
Vũ Lành PD Đức Trang	100
<b>Tổng cộng</b>	<b>\$16,955</b>

## **Dedication of Merit**

May the merit and virtue accrued from this work,  
Adorn the Buddhas' Pure Lands,  
Repaying the four kinds of kindness above,  
And aiding those suffering in the paths below.  
May those who see and hear of this,  
All bring forth the resolve for Bodhi.  
And when their retribution body are over,  
Be born together in the Land of Ultimate Bliss.

## **Hồi Hương**

**Nguyện Đem Công Đức Thực Hiện Và Ấn Tống Bản Kinh Này  
Hồi Hương Khắp Tất Cả**

### **Cung Chúc**

Ánh Đạo Vàng Ngày Càng Tỏa Sáng  
Thế Giới Khắp Nơi Không Chiến Tranh, Không Khủng Bố  
Đất Trời Yên Ổn, Biển Lặng Sóng Yên  
Mưa Thuận Gió Hòa, Chúng Sinh An Lạc  
Tất Cả Tai Nạn, Tật Bệnh Tiêu Trừ  
Nhân Loại Mau Có Thuốc Phòng Ngừa Và Chữa Lành  
Bệnh Virus Corona 19, Dứt Sạch Đại Dịch Nguy Hiểm Này.

### **Thành Tâm Cầu Nguyện**

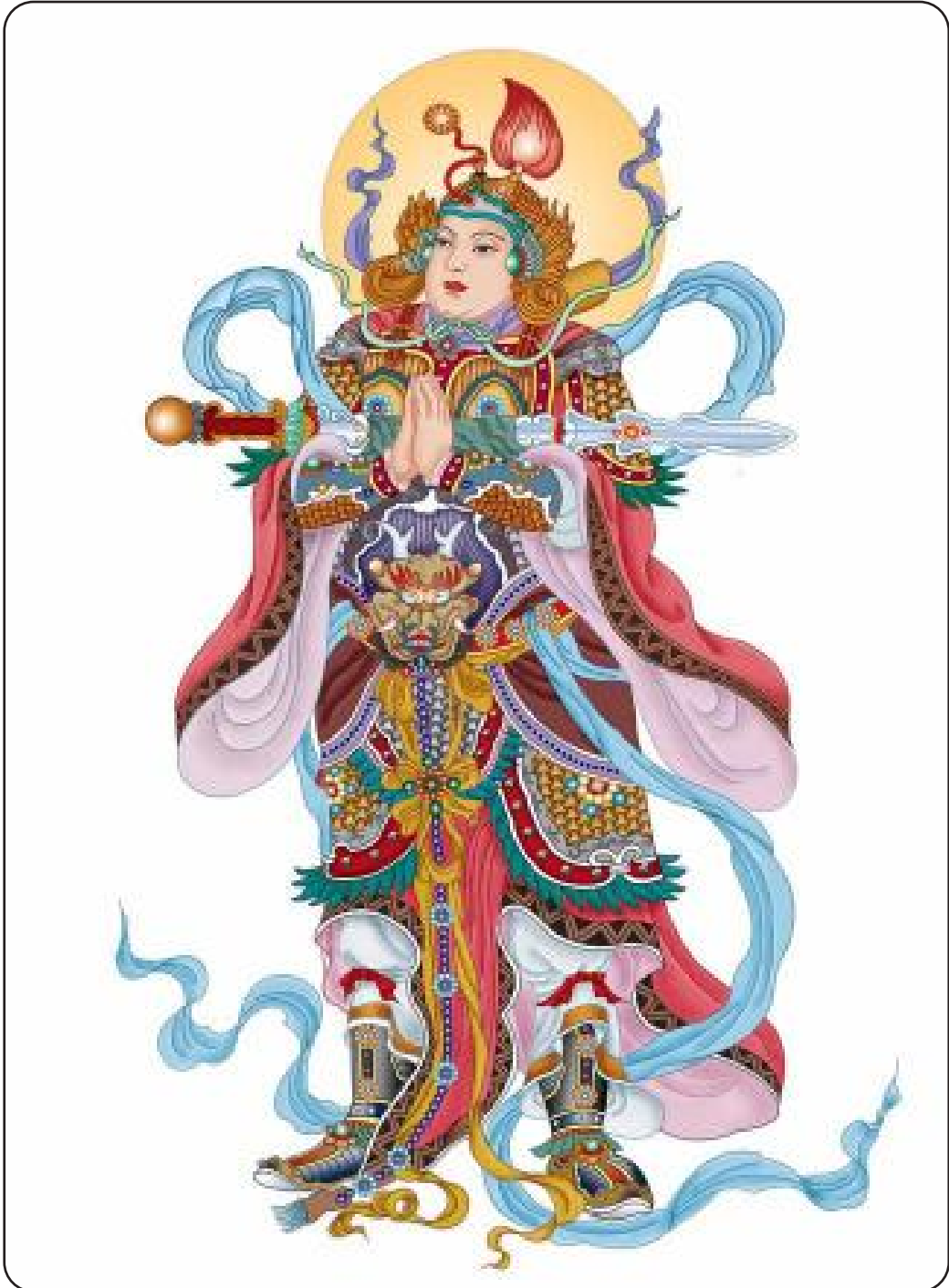
Tất Cả Chư Hương Linh Trong Pháp Giới Siêu Sanh Tịnh Độ.

### **Chí Tâm Phát Nguyện**

Hiện Tại Sống An Vui, Tinh Tấn Tu Tập, Làm Việc Thiện  
Xả Báo Thân Này Vãng Sanh Tây Phương, Đồng Thành Phật Đạo.



**Nam Mô Tam Châu Cảm Ứng  
Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát**



# KINH NGŨ BÁCH DANH QUÁN THỂ ÂM

Chữ Việt - chữ Anh - chữ Hán

---

Chuyển ngữ và chú thích:

## THÔNG ĐẠO

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thị - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 024.37822845 - Fax: 024.37822841

Email: nhaxuatbantongjiao@gmail.com

Sửa bản in:

CHƠN HIỀN TUỆ, PHỔ VÂN, QUẢNG DIỆU TỊNH, NGÔ KIM PHƯƠNG

Biên tập:

VŨ VĂN HIẾU

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc ThS. NGUYỄN HỮU CỐ

Trình bày:

TRẦN DUY QUANG

Bìa:

VIÊN HƯƠNG

Đối tác liên kết:

TỔ KINH SÁCH

380/11 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Võ Thị Sáu, Q. 3, TP. HCM.

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 26 cm

Tại Công ty CP In Khuyến học phía Nam

Địa chỉ: Lô B5-8, đường D4, KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, TP.HCM

Số XNĐKXB: 2079-2021/CXBIPH/04-61/TG

Số QĐXB của NXB: 270/QĐ-NXBTG ngày 14 tháng 6 năm 2021

In xong và nộp lưu chiểu quý II/2021.

**Mã số ISBN: 978-604-61-7834-7**

**K**hi chuyển ngữ Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm sang tiếng Anh, con nhận ra vai trò chính của Ngài là **Pháp thí**: hướng dẫn người đời tu học Phật Pháp và các cách áp dụng đúng để lợi mình, lợi người, tự giác, giác tha; còn **tha lực** của Ngài là những trường hợp “**cấp cứu**”. Qua cơn khổ nạn, mỗi người nên “*Tự mình thấp đước lên mà đi, thấp lên với Chánh Pháp*”. (Niệm Ân).

*Kính Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, chúng con nguyện thực hành lời Phật dạy hiện pháp lạc trú nên ở đâu cũng an vui. (Câu 500).*

*Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who urges sinners to repent their sins and turn evil into goodness, whereupon the hells are immediately dispelled (Sentence 35).*

*Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, who teaches living beings to practice the Noble Eightfold Path to transform their common bad karmas, so that they can avoid disasters of war, tsunami, and fire (Sentence 52).*

*Homage to Avalokiteśvara Bodhisattva, I remember the Buddha-nature Within myself which means I remember Him (Sentence 445).*

**THÀNH KÍNH CÚNG DƯỜNG**

**FREE DISTRIBUTION**

Please email to [dbtn.thongdao7@gmail.com](mailto:dbtn.thongdao7@gmail.com)



ISBN 978-604-61-7834-7



KINH ẤN TỔNG